

**QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT**  
**KINH SỚ SAO DIỄN NGHĨA**  
**QUYỂN 2**

**Chủ giảng: Lão Pháp Sư Thích Tịnh Không**

**Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa**

**Giáo chánh: Minh Tiến, Đức Phong và Huệ Trang**

## TẬP 11

Xin mở Kinh bốn, trang năm mươi sáu.

Phần trước là nói Pháp Thân “thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng nhận lãnh của họ”. Trong đoạn văn này có nói Ứng Thân của A Di Đà Phật ở Tây Phương Cực Lạc Thế Giới cũng là có hạn lượng. Đoạn văn này nằm trong trang năm mươi sáu, nơi dòng thứ ba từ dưới đếm lên, nói về “hữu lượng chi lượng” (số lượng có hạn lượng). Xem từ câu thứ hai:

“Nhu A Di Đà thật hữu kỳ hạn, nhân thiên mặc số, thị hữu lượng chi vô lượng” (Nhu A Di Đà Phật thật sự có kỳ hạn, nhưng Trời người chẳng thể tính toán được, tức là vô lượng trong hữu lượng). Vấn đề này hết sức trọng yếu, vì rất nhiều người thấy Kinh nói A Di Đà Phật là vô lượng thọ, lại thấy trong Kinh Đức Phật có nói A Di Đà Phật trong tương lai sẽ nhập diệt, Quán Âm Bồ Tát nối ngôi thành Phật. Sau khi Quán Âm Bồ Tát thành Phật, hóa độ chúng sanh cũng là vô lượng thọ. Sau khi Ngài nhập diệt, Đại Thế Chí Bồ Tát thành Phật. Điều này xác thực là có nói trong Kinh. Nói như vậy, thọ lượng của A Di Đà Phật là hữu lượng (có hạn lượng), làm sao có thể gọi là vô lượng? Ở đây đã giải thích, giải thích rất hay. Trong Kinh Vô Lượng Thọ đã nói, giả sử mười phương chúng sanh, đây là nói giả sử, chẳng thật, mười phương tất cả hết thảy chúng sanh đều chứng quả Bích Chi Phật, Bích Chi Phật còn cao hơn A La Hán, Thần thông đều giống như Mục Kiền Liên, Mục Kiền Liên Thần thông

bậc nhất, thọ mạng đều là luận bằng nhiều kiếp, người đông như thế, trọn hết tuổi thọ hợp sức cùng nhau tính toán thọ lượng của A Di Đà Phật, đều tính chẳng ra! Kinh sánh ví con số có thể tính được giống như một giọt nước trong biển cả, tính không ra, giống như nước trong biển cả! Chúng ta có thể suy nghĩ: Thọ lượng của A Di Đà Phật là vô lượng hay là có hạn lượng? Do tính không ra, nên là vô lượng. Vì thế, “vô lượng” nói ở đây là “vô lượng trong hữu lượng”. Tuy là hữu lượng, nhưng chẳng ai có thể tính toán ra, nên có thể nói là vô lượng. Chư vị phải biết Kinh nói điều này là nói tới Ứng Thân của A Di Đà Phật, A Di Đà Phật ở Tây Phương Cực Lạc Thế Giới là Ứng Hóa Thân. Đương nhiên, đối với Báo Thân, các Kinh thường có nói là “hữu thi vô chung” (có khởi đầu, nhưng chẳng có kết thúc), sau khi chúng đắc bèn vĩnh viễn chẳng diệt. Báo Thân là thân trí huệ, là vô lượng; đó là vô lượng trong vô lượng. Đối với Pháp Thân, chẳng bàn tới hữu lượng hay vô lượng vì nó chẳng thuộc vào số lượng, nên thấy đều chẳng thể nói được. Có khi sẽ gặp phải câu hỏi này!

Ngoài ra còn có một câu hỏi khác nơi dòng thứ hai trong trang năm mươi tám. Trong Đại Luận, tức là Đại Trí Độ Luận, có một đoạn như thế này: “Đại luận tam thập lục vân” (Đại Luận, quyển ba mươi sáu có chép). Trong quyển ba mươi sáu, chúng ta biết Đại Trí Độ Luận gồm một trăm cuốn; trong quyển ba mươi sáu có một đoạn chép như thế này: “Đương tri Thích Ca cánh hữu thanh tịnh quốc độ” (Hãy nên biết Phật Thích Ca cũng có cõi nước thanh tịnh). “Thích Ca” là Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật cũng có Tịnh Độ, “như A Di Đà Phật quốc”

nghĩa là Tịnh Độ của Thích Ca Mâu Ni Phật giống hệt Thế Giới Cực Lạc của A Di Đà Phật. “A Di Đà Phật diệc hữu bất nghiêm tịnh quốc” (A Di Đà Phật cũng có cõi nước chẳng nghiêm tịnh), ý nói Ngài cũng có cõi nước chẳng phải là Tịnh Độ, cũng có uest độ, “như Thích Ca Văn Phật quốc” (giống như cõi nước của Thích Ca Mâu Ni Phật), tức là giống như Thế Giới Sa Bà của chúng ta trong hiện thời. Đã đọc Đại Trí Độ Luận, người ấy chẳng mong sanh về Tây Phương Tịnh Độ nữa, vì sao? Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật cũng có Tịnh Độ chẳng khác gì Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, có sao lại phải sang bên ấy (cõi Cực Lạc)? Vì sao phải đến nơi xa xôi ngàn ấy, qua khỏi mùi vạ ực cõi Phật, sang bên đó để làm gì? Đại Luận nói không sai, nếu chúng ta hỏi: Tâm địa của Thích Ca Mâu Ni Phật có thanh tịnh hay không? Thanh tịnh thì đương nhiên hiện Tịnh Độ, đó là đạo lý nhất định. Vì thế, chuyện này nói theo Lý sẽ thông suốt, về Sự thì vẫn có thể. Vấn đề hiện thời là chúng ta phải làm như thế nào thì mới có thể sanh về Tịnh Độ của Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật?

**Chuyện này vẫn là điều được nói trong phần trước. Trong phần trước đã có tỷ dụ, học trò theo thầy, nhưng có nghe theo giáo huấn của thầy hay không? Nếu thật sự nghe theo giáo huấn của thầy, thầy dạy chúng ta niệm A Di Đà Phật sanh về Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, sanh về Tây Phương Cực Lạc Thế Giới chính là sanh về Thế Giới Cực Lạc của Thích Ca Mâu Ni Phật! Vì sao? Kinh đã nói rất rõ ràng, sanh về một cõi Phật tức là sanh về Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, chính là sanh trong hết thảy các cõi Phật. “Hết thảy chư Phật”**

đương nhiên bao gồm Thích Ca Mâu Ni Phật. Thấy A Di Đà Phật, thấy một vị Phật là thấy hết thấy chư Phật. Chúng ta biết điều này, có thể khẳng định một mục niệm A Di Đà Phật, bất luận đọc Kinh luận thấy Đức Phật Thuyết pháp như thế nào đều chẳng còn hoài nghi nữa! Vì sao Thích Ca Mâu Ni Phật không dạy chúng ta sanh về Tịnh Độ của Ngài, mà dạy chúng ta sanh về Tịnh Độ của A Di Đà Phật? Thừa cùng chư vị, sanh về Tịnh Độ của A Di Đà Phật dễ dàng! Đó là do bốn nguyện của đức Di Đà đã phát trong lúc tu nhân: Chỉ cần chấp trì danh hiệu, Ngài liền đến tiếp dẫn. Đối với Tịnh Độ của Thích Ca Mâu Ni Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng phát nguyện ấy, chẳng nói quý vị niệm danh hiệu của Ngài, Ngài liền đến tiếp dẫn quý vị sanh về Tịnh Độ. Tìm khắp Đại Tạng Kinh cũng chẳng tìm thấy lời ấy. Điều này nói rõ: Vãng Sanh Tây Phương Tịnh Độ dễ hơn hết thấy các cõi Tịnh Độ khác của chư Phật. Sanh về Tây Phương Tịnh Độ giống như sanh về Tịnh Độ của hết thấy chư Phật, vì sau khi quý vị đã đến Tây Phương Tịnh Độ, muốn đến Tịnh Độ của vị Phật nào bèn đến Tịnh Độ của Đức Phật ấy; đó gọi là “một sanh, hết thấy sanh”.

Trong đoạn lớn này, chúng tôi giới thiệu phần Thích Danh (giải thích tên Kinh) đến đây, lại xem đoạn lớn thứ hai. Đoạn lớn thứ hai là Biện Thể (biện định bản thể của bộ Kinh này) ở trong trang năm mươi chín, xem từ dòng thứ năm. “Tiền văn giải thích năng thuyết, sở thuyết, năng quán, sở quán, giai năng thuyên danh” (Đoạn

văn trên đây đã giải thích người nói, đối tượng được nói, người quán, đối tượng được quán, đều là giải thích về danh xưng của bộ Kinh). Đoạn lớn trên đây nhằm giải thích những diệu nghĩa được bao hàm trong tựa đề Kinh này, còn đoạn này nhằm hiển Thể. Thể là nói đến tánh chất của nó, cũng có nghĩa là căn cứ lý luận mà Đức Phật đã dùng để giảng bộ Kinh này. Đức Phật đã dựa vào đâu để nói Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh? Nhất định phải biết căn cứ lý luận của nó thì tín tâm của chúng ta mới có thể thật sự kiến lập. Nếu không biết căn cứ lý luận của nó mà tin tưởng, chỉ có thể nói là người ấy thiện căn sâu dày. Được lắm! Người ấy có thể thành tựu. Có những người mà nếu quý vị chẳng có căn cứ lý luận, họ sẽ chẳng tin, chẳng thể tiếp nhận, nên phần Biện Thể hết sức trọng yếu.

Trong phần giải thích có câu: “Tâm danh, ý tại vong danh hiển Thể” (Tìm hiểu ý nghĩa của tên gọi với dụng ý quên đi cái tên gọi để hiển lộ cái Thể), câu này rất quan trọng. Nói thật ra, trong Kinh luận thường dạy chúng ta: “Nghe giáo”, cổ nhân nói là “thính giáo”, còn nay chúng ta nói là “nghe Kinh” hoặc “nghe khai thị”, cổ nhân dùng chữ “thính giáo”, thính giáo phải tiêu quy tự tánh. Để tiêu quy tự tánh, nhất định phải lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên thì mới có thể tương ứng với tâm tánh. Nếu chấp trước những thứ ấy, sẽ không tương ứng. Đức Phật nói ra tên Kinh cũng là nói đến Giáo; nếu chúng ta có thể lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên, bèn kiến tánh. Tánh là gì? Tánh là Thể của Kinh. Do vậy, có thể biết: Đức Phật đã

dựa vào đâu để nói Kinh? Dựa trên Chân Như bản tánh. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới được kiến lập trên bản tánh, Đức Phật nói hết thấy các Kinh cũng do từ trong tâm tánh lưu lộ, nên có thể tin tưởng điều này.

Tiếp theo đó, sách giải thích ý nghĩa của việc Biện Thể, phần này nằm trong phần Chánh Văn, trang sáu mươi một, hàng thứ hai: “Thứ Biện Thể giả, Thể thị chủ nghĩa” (Kế đến là Biện Thể, Thể là nghĩa lý chủ yếu). “Thứ” là đoạn thứ hai, “Sơ” (đoạn đầu tiên) là Thích Danh (giải thích tên Kinh), là đoạn lớn thứ nhất. Đây là đoạn lớn thứ hai, tức Biện Thể trong năm tầng Huyền Nghĩa. Biện là biện định, phân biệt, Thể là tánh thể của bốn Kinh. Trước hết giải thích chữ Thể theo cách nào? Thể là “chủ nghĩa” (nghĩa lý chủ yếu), Chủ là “tân chủ” (khách và chủ). Trong phần trước, giảng về Danh (tên Kinh) thì Danh chẳng phải là Chủ. Ví như tôi xuất gia, Sư Phụ đặt cho tôi pháp danh là Tịnh Không, Tịnh Không có phải là tôi hay không? Chẳng phải! Con người này mới là tôi. Danh tự thì ta đổi tên chẳng sao cả; ta có thể đổi tên, chẳng thể đổi cái thân. Thân là một, là chủ, ta thích tên gì cũng đều được cả. Quý vị thấy khi Hoàng Nhất Đại Sư viết văn hay vẽ vôi, con dấu khắc tên của Ngài nói chung có đến tám chín mươi loại, sợ rằng chính Ngài cũng chẳng biết rõ chính mình thật sự có bao nhiêu con dấu! Danh là giả danh, “tâm danh” là phải tìm Chủ của nó thì mới được, Chủ chính là Thể. “Danh bàng thị Tân”, nghĩa là xét theo mối quan hệ giữa chủ và khách, Danh (tên Kinh) là khách. “Thể chánh thị Chủ” (Thể đúng là Chủ), dùng Danh

để hiển Thể. “Danh thị giả danh, Thể thị thực chất, nhất thiết danh hạ, giai hữu kỳ Thể” (Danh là giả danh, Thể là thực chất. Trong hết thầy các tên gọi đều có Thể của chúng). Nếu danh ấy chẳng có Thể, danh cũng chẳng thể tồn tại. Trong Kinh Phật thường dùng tỷ dụ “quy mao, thố giác” (lông rùa, sừng thỏ), đó là có Danh, nhưng chẳng có Thể. Con thỏ chẳng có sừng, nói “sừng thỏ” chính là có Danh nhưng chẳng có Thể, chẳng có ý nghĩa gì! Có Danh, nhất định phải có Thể, phải có thật thể. Đó là nói về ý nghĩa của Thể.

Tiếp đó, chánh thức giải thích chữ “chủ chất”. “Thích Luận vân, trừ chư pháp Thật Tướng, dư giai ma sự” (Thích Luận viết: “Trừ Thật Tướng của các pháp ra, những thứ khác đều là ma sự”), đây là căn cứ trên những điều được giảng trong Kinh Đại Thừa, đó là ý nghĩa được nói trong Kinh Hoa Nghiêm. “Ma sự” là gì? Ma là vui đập, phiền não, đau khổ. Phàm những gì chẳng tương ứng với Thật Tướng đều có khổ. Tư tưởng, kiến giải, và hành vi của lục đạo phàm phu đều trái nghịch Thật Tướng, nên tam giới đều đau khổ. Thanh Văn, Duyên Giác, và Bồ Tát chưa thể hoàn toàn tương ứng với Thật Tướng, chỉ tương ứng một phần, chưa thể hoàn toàn tương ứng, các Ngài vẫn còn có những nỗi khổ nhỏ, ít hơn chúng ta rất nhiều. Chỉ có viên thật Bồ Tát, tức là các vị Bồ Tát chân thật trong Viên Giáo, là những vị Bồ Tát đã chứng đắc Pháp Thân mới thật sự là khổ được vui, vĩnh viễn chẳng có ma sự, có thể tương ứng với Thật Tướng. Chúng ta nên biết sự thật này, biết giống như chính mình có gốc bệnh ấy, biết chính mình mắc loại bệnh gì. Đã biết bệnh, chúng ta sẽ có



thể tìm bác sĩ, tìm thuốc, mới có thể trị khỏi bệnh ấy. Sợ nhất là chính mình mắc bệnh nhưng chẳng biết, chuyện ấy đáng sợ nhất! Vì lẽ đó, người tu hành phải biết những gì? Vì sao phải tu? Trong tương lai, hy vọng sẽ đạt được kết quả như thế nào? Phải hiểu rành rẽ, rõ ràng chuyện này. Quyết định chớ nên hồ đồ, mê muội tu tập, chớ nên như thế, lãng phí thời gian, lãng phí tinh Thần, chẳng đạt được kết quả!

“Đại Thừa Kinh dĩ Thật Tướng vi ấn, vi Kinh chánh thể” (Kinh Đại Thừa lấy Thật Tướng làm ấn, làm chánh thể của Kinh). Hết thầy các Kinh Đại Thừa do Đức Phật đã giảng đều lấy Thật Tướng làm Thể. Thật Tướng là chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Nói cách khác, hết thầy các Kinh đều nhằm nói rõ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, căn cứ trên Thật Tướng của các pháp để nói. Có thể thấy mỗi câu trong Kinh đều là chân thật, chẳng có câu nào là nói hư giả. Những điều Kinh nói dường như mâu thuẫn với kiến thức thông thường của chúng ta, tình hình ấy rất nhiều, đó là vì chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay đã tích lũy kinh nghiệm từ các tư tưởng và kiến giải sai lầm, nên nhận thấy những gì Kinh Điển đã dạy chẳng tương ứng với kinh nghiệm của chúng ta. Thật ra vẫn là do chúng ta sai lầm, chẳng phải là Đức Phật nói sai, mà do chính chúng ta sai quấy. Bản thân chúng ta nghĩ sai, thấy sai. Người biết tu hành nhất định phải nương theo lý luận và phương pháp do Đức Phật đã nói để uốn nắn những sai lầm của chính mình, đó gọi là tu hành. Có rất nhiều đồng tu, mới học cũng như học đã lâu đều có căn bệnh như thế này: Xem Kinh Phật, ta nghĩ như thế này, thế nọ, ta có cách nhìn thế này, thế nọ. Cái

quan điểm “theo cách nghĩ, cách nhìn của ta” ấy chính là kinh nghiệm sai lầm tích lũy từ vô thủy kiếp. Đức Phật giảng cho họ, họ vẫn chẳng tin, vẫn phải đưa ra cách nghĩ, cách nhìn của chính mình, vậy thì khó thể thành tựu được gì! Kinh bảo chuyện ấy là “thiện căn của các chúng sanh đó chưa chín muồi, vẫn chưa thể hoàn toàn tiếp nhận”.

**Thật Tướng của các pháp đến tột cùng là như thế nào? Nếu quý vị hỏi là như thế nào thì tình hình ngay khi ấy chính là nó đó. Những gì quý vị thấy, nghe, tiếp xúc là Thật Tướng của hết thảy các pháp. Đức Phật giảng cho chúng ta những tướng chân thật ấy. Đó là Thật Tướng. Thật Tướng ở ngay trước mặt chúng ta, vì sao chúng ta chẳng thấy? Chúng ta đã xen tạp rất nhiều khái niệm hư vọng vào tướng chân thật, rối loạn tướng chân thật, biến chân tướng thành sai lầm. Nói cách này mọi người vẫn rất khó hiểu, tôi phải dùng một thí dụ để nói. Như trong hội Lăng Nghiêm, Đức Phật đã nêu một thí dụ, Ngài nêu thí dụ mắt thấy sắc. Đoạn Kinh Văn ấy rất dài, tức là phần “mười phen hiển lộ cái Thấy”, chỉ rõ tánh Thấy của chúng ta, thấy Thật Tướng. Thật Tướng là sắc tánh, tánh Thấy thấy sắc tánh, đó là chân thật, là sở kiến của Đức Phật và các vị đại Bồ Tát. Tánh Nghe nghe thanh tánh. Tánh tương ứng với Tánh, Tánh và Tánh dung thông, Năng và Sở là một, chẳng hai, nên Tánh và Tướng như một. Thiên gia nói “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật” là do họ thấy như vậy.**

Đức Phật nói lũ phàm phu chúng ta thấy như thế nào? Nhãn Thức của phàm phu chúng ta thấy Sắc Trần, chẳng thấy Sắc Tánh. Thức là gì? Thức là phân biệt, chấp trước. Quý vị thấy sắc, sắc chẳng phải là tánh, sắc biến thành trần, trần là bụi bặm, bụi bặm có thể nhuốm bản, do như vậy mà bị nhuốm bản. Nhuốm bản do trong tâm của chính mình biến hiện. Vốn chẳng bị nhuốm bản, nay lại biến hiện thành nhuốm bản. Ngay khi chúng ta mở banh mắt, niệm thứ nhất là thấy bằng tánh Thấy, niệm thứ hai liền biến chất, biến thành thấy bằng Nhãn Thức. Niệm thứ nhất có thời gian rất ngắn, ngắn đến mức độ nào? Trong Kinh, Đức Phật thường dùng tỷ dụ để nói: “Một cái khảy ngón tay”. Một cái khảy ngón tay có sáu mươi sát na, một sát na là một phần sáu mươi của thời gian khảy ngón tay. Một sát na có chín trăm lần sanh diệt, nên một niệm là một phần chín trăm của một sát na; một niệm là như vậy đó. Quý vị nói xem: Tốc độ này quá nhanh chóng! Thông thường, đại khái là trong một giây chúng ta khảy ngón tay bốn lần, chẳng có vấn đề gì! Bốn nhân với sáu mươi, lại nhân với chín trăm thành hai mươi vạn tám ngàn; một phần trong hai mươi vạn tám ngàn của một giây là một niệm. Niệm thứ hai liền biến thành Thức, liền phân biệt, chấp trước.

Nếu nói rõ ràng hơn một chút, cái thấy thứ nhất là cái thấy bình đẳng, vì sao? Chẳng có phân biệt, chấp trước, vạn pháp bình đẳng, tâm thanh tịnh. Trong cái thấy thứ hai, do một niệm đã bất bình đẳng, nên trong hết thấy tướng bèn dấy lên phân biệt. Hễ dấy lên phân biệt, sẽ chẳng bình đẳng. Thuận theo phân biệt, lại nổi lên sự ưa ghét trong ấy.

Thuận theo ý nghĩ của chính mình bèn dấy lên tâm tham, trái nghịch ý mình bèn dấy tâm sân khuê, càng nhiễm càng nghiêm trọng hơn, chuyện là như vậy đó. Vì thế, hoàn toàn gìn giữ niệm thứ nhất, vĩnh viễn gìn giữ niệm thứ nhất chẳng để mất thì sẽ thành Phật, cái tâm ấy chẳng biến đổi. Niệm thứ nhất là chân tâm, chẳng thay đổi sẽ thành Phật; hễ biến đổi sẽ biến thành phàm phu, biến đổi quá nhanh, biến đổi quá tự nhiên, biến đến nỗi ngay cả chính mình cũng chẳng biết. Vì thế, Thật Tướng của các pháp xác thực là ở trước mặt chúng ta, nhưng chúng ta chẳng thấy, vì vẫn chưa đến một sát na, bị biến chất trong một phần hai mươi vạn của một sát na, cho nên mê!

Chúng ta xem chú giải nơi trang sáu mươi một, dòng thứ hai từ dưới đếm lên. Trong lời chú giải, câu thứ hai viết: “Vị chư pháp đương xứ bất sanh, bất diệt, phi hữu, phi không, vô năng, vô sở” (Nghĩa là các pháp ở ngay nơi đây, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng có, chẳng không, chẳng có năng, chẳng có sở), câu này nói về Thật Tướng của các pháp. Thật Tướng nào vậy? Thừa cùng chư vị, chúng ta thấy sắc, nghe tiếng, những tướng ấy (sắc tướng, âm thanh v.v...) đều là nó cả. Quý vị đọc đến đoạn văn này bèn cảm thấy kỳ quái, ta thấy rõ ràng con người có sanh, lão, bệnh, tử, có sao nói bất sanh, bất diệt? Thừa thật cùng quý vị, chẳng có sanh diệt! Thừa thật cùng quý vị, chẳng có Không và Hữu. Đạo lý này được nói cặn kẽ và đích xác nhất trong Kinh Lăng Nghiêm. Kinh Lăng Nghiêm dạy: Tất cả hết thảy hiện tượng giống như thế nào? “Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận” (Sanh ra ngay từ nơi đây, sẽ diệt tận ngay tại

nơi đây), sanh diệt đồng thời, trong ấy chẳng có giới hạn. Quý vị hãy suy gẫm, Đức Phật nói “sanh diệt” là bất đắc dĩ nói phương tiện, trên thực tế, chẳng có sanh diệt. Hiện tượng (hình tượng được biến hiện) của hết thảy các pháp chẳng phải là chân thật, nên những hiện tượng ấy là huyền tướng. Chẳng có sanh diệt, nếu chúng ta dùng tỷ dụ thì tỷ dụ cũng chỉ có thể sánh ví phảng phất, chẳng có cách nào sánh ví phù hợp khít khao được!

**Giống như chúng ta xem phim, các hình ảnh trong phim cũng có động tác. Bất sanh bất diệt bèn chẳng có động tác, như vậy thì rốt cuộc nó là động hay bất động? Tôi thưa cùng quý vị, phim ảnh bất động, hình tướng được chiếu ra bởi phim ảnh là bất diệt, nhưng chúng ta nhìn chẳng ra. Vì sao nói là bất sanh, bất diệt? Quý vị thấy phim, tức cuộn phim được đặt trong máy chiếu là bất sanh bất diệt. Sự sanh diệt như quý vị đã thấy chính là xem tấm phim trước được chiếu xong, lại thấy tấm phim thứ hai được chiếu lên màn bạc, thấy có một hình ảnh liên tục biến đổi như vậy, nhưng thật ra mỗi tấm phim đều là độc lập. Phải biết: Tượng được hiện bởi Chân Như bản tánh giống như cuộn phim được chiếu trong điện ảnh, chẳng có sanh diệt. Hết thảy các pháp chẳng sanh, lấy đâu ra diệt? Chúng ta xem phim, hiện thời phim xi-nê được chiếu với tốc độ hai mươi bốn tấm mỗi giây, chúng ta tưởng nó là thật, đã bị nó lừa gạt. Tôi vừa mới nói tâm sanh diệt, đó là sự sanh diệt của thức thứ tám, tức A Lại Da, trong một giây có đến hai mươi vạn tám ngàn lần sanh diệt, giống**

**như những tấm phim được chiếu. Vì thế, rất giống như thật, nên chúng ta chẳng biết nó là giả. Đây là nói cho quý vị biết Thật Tướng của các pháp, chân tướng của hết thảy các pháp là như vậy đó. Giống như xem phim, chân tướng như thế nào? Quý vị thấy cuộn phim mới là thấy chân tướng, những gì quý vị thấy trên màn bạc là giả tướng, thấy cuộn phim đặt trong máy chiếu phim mới là chân tướng.**

Nay Đức Phật dạy chúng ta chân tướng: Hết thảy các pháp chẳng phải có, chẳng phải không. Quý vị nói nó là không thì nó hiện tướng. Quý vị nói nó là có, thì bản thể của chính cái tướng ấy đã tiêu mất. “Sanh từ nơi đâu, bèn diệt mất ngay nơi đó”, giống như máy chiếu phim, hình ảnh được sanh ra ngay từ nơi đó và cũng diệt mất ngay tại đó. Xưa kia, đúng là Đức Phật nói những lời này, chúng tôi nghĩ người xưa nghe xong có thể khai ngộ, quả thật chẳng đơn giản. Hiện thời, khoa học kỹ thuật phát triển, đích xác là có nhiều thứ trong khoa học có thể giúp chúng ta lãnh ngộ, trước kia chẳng có những thứ đó. Không có Năng, không có Sở, nên sanh diệt. Không, Hữu, Năng, Sở, hết thảy tương đối đều chẳng thể được; đó là Thật Tướng.

Tiếp đó, sách dạy chúng ta làm thế nào thì mới có thể thấu hiểu. “Ly ngôn thuyết tướng”: Đức Phật giảng Kinh, thuyết pháp, chúng ta ngàn muôn phần đừng chấp trước ngôn ngữ của Ngài, xem Kinh đừng chấp trước văn tự. Văn tự là phù hiệu ngôn ngữ, lìa tướng ngôn thuyết cũng là lìa tướng văn tự, chớ nên chấp trước văn tự. “Ly tâm duyên

tướng”, quyết định đừng nên tưởng tượng, chớ nên tư duy: “Đức Phật nói lời này có nghĩa là gì?”. Chớ nên suy nghĩ, hễ suy nghĩ liền trật. Nay chúng ta giảng Kinh, giảng hay cách mấy vẫn chẳng bằng Phật, vì sao? Chúng ta giảng Kinh, trước hết bèn suy tưởng Kinh này phải giảng theo cách nào, vậy thì làm sao được nữa! Đức Phật giảng Kinh chẳng thông qua tư duy. Hễ thông qua tư duy bèn rơi vào ý thức. Rơi vào ý thức là tà tri tà kiến, là ma sự. Người ta không qua tư duy. “Ly danh tự tướng”, “danh tự” là danh từ, thuật ngữ. Thí dụ như trong Kinh nói Phật, nói Bồ Tát, nói Lục Độ, nói Tứ Nhiếp, những điều ấy đều là danh từ, thấy đều chẳng chấp trước. “Ly thủ đẳng tướng, danh vi Thật Tướng” (Lìa những tướng giống như vậy, gọi là Thật Tướng), đối với hết thấy những thứ ấy, quý vị đều không chấp trước, Thật Tướng ở ngay trước mắt. Quý vị thấy sắc, nghe tiếng, không gì chẳng phải là Thật Tướng, quý vị đạt được sự thụ dụng chân thật trong Thật Tướng. Sự thụ dụng chân thật được hiển thị trong cuộc sống thì vô lượng trí huệ và vô lượng phước đức mới có thể thật sự hưởng thụ. Vì sao? Vì hết thấy các pháp, chẳng có pháp nào không xứng tánh. Tánh là bất sanh, bất diệt, Tánh là viên mãn, chẳng có khiếm khuyết; chân tánh biến hiện hết thấy các vật cũng giống như chân tánh. Cổ nhân nói: “Dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng đều là vàng”, ví vàng như chân tánh, coi các món vật như Thật Tướng của các pháp.

Từ trong hết thấy các món đồ, đều thụ dụng vàng.

Vì thế, trong hết thấy các pháp, lục căn tiếp xúc lục trần, trong hết thấy các pháp đều đạt được tác dụng của tự tánh, hiểu tất cả đều là vật



được biến hiện bởi tự tánh. Tánh và Tướng như một, Tánh và Tướng bất nhị, Tánh là Tướng, Tướng là Tánh. Giống như sáng sớm hôm nay, tôi đã nêu lên chuyện nằm mộng, mộng là tâm, tâm là mộng. Mộng và tâm là một, chẳng hai. Từ thí dụ gần gũi, rõ rệt này, nếu chúng ta suy luận thêm một bước nữa, cảnh giới trước mắt chúng ta do Chân Như bản tánh biến hiện, tất cả hết thấy cảnh giới là tự tánh, tự tánh đã biến thành cảnh giới, cảnh giới là tự tánh. Vì thế, “toàn vọng tức chân”, “vọng” là nói đến sự tướng, nói tới các pháp. “Chân” là nói đến bản tánh. “Toàn”: Toàn thể vọng cảnh là tâm, là chân tánh. Toàn thể chân tánh là cảnh giới hư vọng, chân và vọng là một, không hai. Vì lẽ đó, kiến tướng là kiến tánh, giống như thấy đồ vật là thấy vàng, vàng và đồ vật là một, chẳng hai!

**Hai câu tiếp đó nói rất hay: “Vô tướng chi tướng dã, thù nhân bất cụ, hà pháp bất nhiên” (Tướng vô tướng có ai là chẳng trọn đủ, có pháp nào chẳng phải là như vậy). Hai câu ấy nói rất hay! Hết thấy chúng sanh trong mười pháp giới, ai nấy đều trọn đủ. Hết thấy vạn pháp, chúng ta nói là khoáng vật, thực vật, hư không, Thế Giới, không pháp nào chẳng phải là như vậy. Chẳng có một pháp nào không do tự tánh biến hiện, pháp nào cũng đều như vậy. Đó là Thật Tướng, là chân tướng, nhưng người biết chân tướng này quá ít. Tiếp đó, sách viết: “Nhược luận chứng tri, duy hữu chư Phật” (Nếu luận về sự chứng biết, chỉ có chư Phật), “chứng” là chứng minh, “tri” là biết. Nếu chúng ta nói người nào chứng thực chuyện này, người nào biết rõ ràng? Chỉ có chư Phật! Vì vậy, Kinh Pháp Hoa có nói: “Duy**



**Phật dữ Phật nãi năng cứu tận chư pháp Thật Tướng” (Chỉ có Phật và Phật thì mới có thể thấu hiểu rốt ráo Thật Tướng của các pháp). “Cứu cánh” là hiểu rõ triệt để. Triệt để hiểu rõ chân tướng sự thật thì chỉ có Phật và Phật. Nói cách khác, hàng Đẳng Giác Bồ Tát đều chẳng thuộc trong số ấy. Vì sao? Đẳng Giác Bồ Tát có một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá. Một phẩm sanh tướng vô minh ấy là ma chướng và ma sự của Đẳng Giác Bồ Tát.**

**Đẳng Giác Bồ Tát còn có ma chướng thì các ma chướng mà chúng ta đang có há thấm vào đâu! Nhất định là có ma chướng, vì sao? Quý vị chưa thành Phật. Tôi vừa mới nói Đẳng Giác Bồ Tát còn có ma chướng, ma chướng nhất định phải có. Tuy có, quý vị chớ sợ nó, phải mong biến ma thành Phật. Nói thật ra, ma và Phật là một, chẳng hai. Quý vị mê, Phật liền biến thành ma; hể giác ngộ, ma liền biến thành Phật. Hiểu rõ đạo lý này, có Phật và ma hay không? Chẳng có! Không Phật, mà cũng không ma. Phật và ma biến hóa tùy thuộc tâm địa của chính chúng ta là mê hay giác. Đã mê bèn thành chướng, chướng ngại là vùi dập, đó là ma. Hể giác ngộ bèn vô ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, bèn gọi là Phật. Ma và Phật xuất hiện như vậy đó! Nói đi, nói lại, nói chung đều quy vào ý niệm của chính mình. Một niệm tà, quần ma quay cuồng loạn xạ; một niệm chánh, ắt chư Phật xuất thế; nhưng chư vị phải hiểu: Chánh niệm là vô niệm. Nói “vô niệm”, cổ nhân sợ quý vị lại hiểu lầm ý nghĩa, ngõ vô niệm là “ý niệm gì cũng chẳng có”, tức là lại biến thành Vô Tướng Định, lại**

**sai mất rồi! Vì thế, còn phải chú giải thêm: Vô tà niệm, “vô niệm” là vô tà niệm; nói cách khác, hãy còn có niệm. Nói thật ra, có niệm là đã có vấn đề to lớn. Vì có niệm bèn có chấp trước, có phân biệt. Trong phần trước, chẳng phải là tôi đã nói quý vị phải lìa hết thấy phân biệt, chấp trước ư? Lìa hết thấy phân biệt, chấp trước, thứ gì cũng hiểu rõ, thứ gì cũng minh bạch, bèn gọi là “chánh niệm”. Nếu lìa hết thấy phân biệt, chấp trước, nhưng thứ gì cũng không biết, bèn gọi là vô minh. Vô minh chẳng phải là chánh niệm. Chánh niệm phân minh, chánh niệm chẳng phải là vô minh. Những chỗ này đều phải phân biệt rõ ràng, rành rẽ.**

Đoạn kế tiếp nói rất hay: “Bẩm viên thuyết giả, sơ tâm tức dụng Phật trí chiếu cảnh, cố năng tín giải chư pháp Thật Tướng. Ký giải Thật Tướng, diệc giải thật tánh, thật thể, nãi chí thật bản mặt cứu cánh đẳng. Thập pháp ký thật, tức thị thật sanh, thật Phật, thật y, thật chánh, nhất sắc, nhất hương, vô phi Trung Đạo, nhất thiết chư pháp giai thị Phật Pháp” (Nếu nói với người có căn tánh Viên Giáo thì sơ tâm bèn dùng Phật trí để chiếu cảnh, nên có thể tin hiểu Thật Tướng của các pháp. Đã hiểu Thật Tướng thì cũng hiểu thật tánh, thật thể, cho đến gốc ngọn rốt ráo thật sự v.v... Mười pháp đã là thật, tức là chúng sanh thật sự, Phật thật sự, y báo thật sự, chánh báo thật sự, mỗi sắc, mỗi hương, không gì chẳng phải là Trung Đạo, hết thấy các pháp đều là Phật Pháp). Đoạn này hay lắm, xác thực là đã giảng rất rõ chân tướng sự thật, ngôn ngữ đơn giản, dễ hiểu. “Viên” là căn tánh Viên Giáo. Căn tánh của hết thấy chúng sanh khác

nhau; tông Thiên Thai chia căn tánh thành bốn loại lớn là Tạng, Thông, Biệt, Viên, tức là nói hết thầy các căn tánh bất đồng được quy nạp lại, chia thành bốn loại lớn. Vì sao mà có căn tánh khác biệt? Cổ nhân nói “do tập quán thành tựu”, nên gọi nó là “tập tánh”, chẳng phải là bản tánh. Trong Luận Ngũ, Khổng lão phu tử cũng nói về vấn đề này rất hay, hết sức chánh xác! Lão nhân gia nói: “Tánh tương cận, tập tương viễn” (Tánh thì gần giống như nhau, do huân tập mà trở thành khác xa nhau). Trong Luận Ngũ, Khổng lão phu tử đã nói như thế hai lượt. Phật Pháp gọi “tánh” là Chân Như bản tánh, tánh và Chân Như bản tánh giống như nhau. Chư Phật Như Lai và hết thầy chúng sanh đều giống nhau, nhưng do tập tánh sai biệt to lớn, mà biến thành mười pháp giới. Thói quen trở thành tự nhiên, tập tánh chẳng phải là một đời, mà là đời đời kiếp kiếp, vô lượng kiếp đến nay dưỡng thành thói quen, rất phiền phức!

Tập tánh của mỗi cá nhân cũng khác nhau. Đức Phật Thuyết pháp chỉ có thể phân loại tổng quát, chẳng thể phân chia tỉ mỉ. Phân chia tỉ mỉ thì đích xác là mỗi người đều khác biệt, phân chia tổng quát sẽ là bốn loại Tạng, Thông, Biệt, Viên. Có kẻ là căn tánh Tiểu Thừa, căn tánh được gọi là Tiểu Thừa vô cùng cố chấp, chuyện gì cũng đều rất chấp trước. Đức Phật Thuyết pháp cho loại chúng sanh này liền nói theo kiểu chấp trước, cũng làm ra vẻ rất chấp trước. Họ thấy Ngài chí đồng đạo hợp nên rất hoan hỷ, như vậy thì mới có thể dạy họ. Nếu tập tánh tương đối cởi mở hơn một chút, chẳng chuộng câu nệ, dè dặt như vậy, thứ gì cũng thích tương đối tự do một chút, tùy tiện một chút, đó là điều khiến cho người

Tiểu Thừa nhìn chẳng thuận mắt nhất. Đối với những người ấy, Đức Phật liền thị hiện tác phong cởi mở, khiến cho những người ấy thấy vậy cũng hoan hỷ.

**Đức Phật xuất hiện tại Ấn Độ, người Ấn Độ thuở đó rất câu nệ, dè dặt, nên khi Đức Phật xuất hiện trên thế gian, giới luật rất nghiêm ngặt, họ thấy vậy rất bội phục, rất hoan hỷ. Nay trong Thế Giới này, có những người trông thấy hàng Tiểu Thừa đều cảm thấy không chịu nổi: “Chúng tôi chẳng có cách nào tiếp nhận”. Vì thế, trong Kinh Pháp Hoa, Đức Phật mới nói: Trong thời kỳ Mạt Pháp, để độ hết thảy chúng sanh, nhất định phải dùng Đại Thừa, vì sao? Thế Giới hiện thời cởi mở, dân chủ, tự do, quý vị cần phải phù hợp với hình thái ý thức của họ thì người ta mới thích tiếp nhận. Nếu còn định ra nhiều quy củ bó buộc con người, cái này cũng chẳng thể động, cái kia cũng chẳng thể động, Phật Pháp sẽ không thể thực hiện trôi chảy được. Phật Pháp tốt đẹp, nhưng người ta chẳng cần quý vị thì quý vị cũng chẳng có cách nào!**

**Vì lẽ đó, ắt là phải trong một thời đại nào đó thì phải có cách giảng và cách làm của thời đại đó, hình thức thiên biến vạn hóa, nhưng nguyên lý và nguyên tắc hoàn toàn bất động. Nguyên lý và nguyên tắc là “khiến cho chúng ta phá mê, khai ngộ, lìa khổ, được vui”, nhưng hình thức thì thiên biến vạn hóa. Nhất định phải thích hợp với con người, tư tưởng, bối cảnh văn hóa và phương thức sinh hoạt của người nơi ấy thì mới có thể thúc đẩy và lợi ích chúng sanh.**

**Lợi ích là nói theo phía chúng sanh ở nơi ấy, lúc ấy; luận theo nơi ấy, khi ấy, chẳng phải là nói tới những khu vực khác, đó gọi là “khế cơ” thì mọi người mới hoan hỷ. Hiện thời, chẳng dễ gì cổ động Phật Pháp, nguyên nhân chủ yếu là vì chẳng khế cơ, do bản thân chúng ta đã giảng Kinh chết cứng, giảng sai lầm. À! Chúng ta nghỉ ngơi mấy phút!**

## TẬP 12

Xin mở trang sáu mươi hai. Trong bản Sớ Sao này, chúng ta dùng tác phẩm do Pháp Sư Đế Nhân trích lục từ bộ Sớ Sao, gần như là nguyên văn, chính Pháp Sư Đế Nhân thêm những lời chú giải rất ít, tôi đa chỉ là giới thiệu từ ngữ mà thôi. Bản trích lục của lão nhân gia cũng là phần rất trọng yếu trong bộ Sớ Sao, chúng tôi vẫn hiềm thời gian quá ngắn, chẳng có cách nào giới thiệu tường tận cùng quý vị được! Chỉ là trong các phần trọng yếu, chọn lựa những điểm trọng yếu nhất đối với sự tu học bình thường của chúng ta, đặc biệt có quan hệ với sự niệm Phật, để giới thiệu đơn giản, ngắn gọn cùng mọi người.

Từ Sớ Sao, chúng ta hiểu rõ Phật Pháp đích xác là sống động, hoạt bát. Trong Viên Giáo, tư tưởng, kiến giải và hành trì của người căn cơ viên đốn rất gần với Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Trong vô ngại pháp giới, điều cần phải chú ý nhất là sự khác biệt giữa tà và chánh. Một niệm chánh thì là Phật Pháp, một niệm tà bèn biến thành ma sự. Tạng, Thông,

Biệt, Viên đều chẳng lìa khỏi nguyên tắc này, trong pháp Tiểu Thừa cũng là như thế. Chọn lấy điều thiện để cố chấp là tốt, nhưng nếu chẳng hiểu rõ lý luận, chẳng biết mục đích thì hễ có những sự cố chấp ấy sẽ là sai lầm, đạt được hiệu quả trái ngược. Đối với những chỗ này, nếu chúng ta đọc nhiều Kinh luận Đại Thừa sẽ có thể hiểu rõ. Đây là nói tới người thuộc Viên Giáo, tư tưởng tương đối cởi mở, hễ dốc công tu tập sẽ có thể dùng giáo nghĩa Viên Giáo để làm căn cứ tu học cho chính mình. Nói cách khác, họ có thể dùng phương pháp tu hành của chư Phật và chư đại Bồ Tát làm phương pháp tu hành của chính mình. Đã nhanh chóng, lại còn đơn giản hơn mấy thứ trên đây, đó là như cổ đức thường nói: “Viên nhân thuyết pháp, vô pháp bất viên” (Người căn cơ viên mãn thuyết pháp, không pháp nào chẳng viên). Nói, nghe, và học tập đều chẳng ra ngoài lẽ ấy. Mấy câu kệ đó (như “thật tánh, thật thể, nãi chí thật bản mặt cứu cánh đẳng”) xuất phát từ Thập Như Thị của Kinh Pháp Hoa. Thập Như Thị là nói về Thật Tướng của các pháp từ bản thể cho đến hiện tượng, cho đến tác dụng đều được bao gồm trong mười món Như Thị ấy. Thập Như Thị cũng có các cách giảng sâu, cạn, rộng, hẹp khác nhau, do căn tánh của mỗi người mỗi khác. Nhưng trong Kinh Pháp Hoa, chánh thuyết (điều được giảng chủ yếu) đương nhiên là giáo nghĩa Viên Giáo, Pháp Hoa thuần viên mà! Hoa Nghiêm là toàn viên, Pháp Hoa là thuần viên, Kinh Diệu Đại Thừa Viên Giáo chỉ có hai bộ ấy. Nói theo giáo nghĩa Viên Giáo, hết thảy các pháp đều là Phật Pháp, chẳng có một pháp nào không phải là Phật Pháp.

Chúng ta lại đọc phần tiếp theo. “Ký nhất thiết giai thật, thật ngoại vô du” (Hết thấy đã đều là thật; nên ngoài thật ra, chẳng có gì khác), ngoài chân thật ra, chẳng có thứ gì khác nữa. “Phục vân dư giai ma sự giả hà dã?” (Lại nói “những thứ khác đều là ma sự”, là vì có nào?). Vì sao lại nói những thứ khác đều là ma sự? Hết thấy đều là chân thật, há có ma sự gì? Đây là chỗ đáng nghi vấn. Tiếp theo đó là lời giải thích. “Ứng tri thử thuyết, thị dĩ lý giản tình” (Hãy nên biết: Nói như vậy là dùng lý để phân biệt tình), hoàn toàn nói theo lý trí thì phải là chân thật, trong hết thấy các pháp, chẳng có một pháp nào chẳng phải là Phật Pháp. “Nhược ly tâm duyên năng sở đẳng tướng, danh vi Thật Tướng” (Nếu li các tướng như tâm duyên, năng, sở v.v... thì gọi là Thật Tướng), đó là lý tánh thuần túy, trí huệ thuần túy, dùng trí huệ để quán chiếu. “Giới nhĩ hữu tướng, tức vi ma sự” (Hễ có một tướng nhỏ nhoi thì chính là ma sự). “Những điều khác” vừa nói trên đây chính là chỉ điều này! “Giới nhĩ” là một mảy tơ tóc. Hễ có mảy may chấp trước, bèn gọi là “ma sự”. Vì thế, một mảy may cũng đừng nên chấp trước. Ở chỗ này, quý vị nhất định phải hiểu rõ ràng: Ly tướng hoặc chấp trước đều từ trong nội tâm của chính chúng ta. Trong tâm chớ nên chấp trước, tâm địa phải thanh tịnh; nhưng xử sự, đãi người, tiếp vật, điều gì đáng nên chấp trước thì vẫn phải chấp trước, chỗ đừng nên chấp trước sẽ chẳng chấp trước, đó là ứng dụng. Nội tâm thanh tịnh, ứng dụng tự như. Ứng dụng là đối với người khác, họ có chấp trước thì chúng ta tùy thuận sự chấp trước của họ mà chấp trước. Họ chẳng chấp trước,



**chúng ta cũng có thể tùy thuận sự chẳng chấp trước của họ mà cũng không chấp trước. Như vậy thì mới có thể dung hòa, tương tức với pháp thế gian, mới có thể chung sống hòa thuận, chẳng đến nỗi đối lập pháp thế gian. Nếu đối lập thì sai mất rồi. Phật Pháp thường gọi điều này là: “Phật Pháp tại thế gian, bất hoại thế gian pháp” (Phật Pháp trong thế gian, chẳng hoại pháp thế gian).**

Pháp thế gian là gì? Pháp thế gian là phân biệt, chấp trước, chúng ta trọn chẳng phá hoại nó. Vì người thế gian có phân biệt, chấp trước, từ phân biệt và chấp trước mà kiến lập trật tự xã hội, giống như pháp luật, quan niệm đạo đức, phong tục và tập quán trong thế gian đều sanh từ phân biệt và chấp trước. Chúng đã có, chúng ta là người thật sự giác ngộ, tâm địa thanh tịnh, nhưng vào trong cảnh giới của họ thì cũng phải thuận theo thói tục, chẳng thể không thuận theo thói tục. Chẳng thuận theo thói tục, sẽ phá hoại hình tượng xã hội, họ sẽ chẳng thể tiếp nhận, chẳng cho phép! Vì lẽ đó, phải tùy thuận thế gian, trong mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát có “hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức”. Tùy hỷ, nhưng trong nội tâm của chính mình vẫn chẳng phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm, không động niệm, đó là công đức. Bên ngoài vẫn phân biệt, chấp trước giống như mọi người, nhưng bên trong xác thực là chẳng có phân biệt, chấp trước. Bên ngoài là tùy hỷ, bên trong là công đức; đó là phương pháp tu học của Bồ Tát.

Vì lẽ đó, phải chú ý “giới nhĩ hữu tướng, tức vi ma sự” (hễ có mảy may tướng thì chính là ma sự) đang được nói ở đây, “giới” là mảy may.



Nói nghiêm ngặt, “mây may” chính là Đẳng Giác Bồ Tát hãy còn có đôi chút chưa thể buông xuống, đó là ma sự của Ngài. Ma sự ấy chính là sanh tướng vô minh, tức là một phẩm sanh tướng vô minh cuối cùng, hưởng hồ những kẻ khác? Vì lẽ đó, Phật Pháp chẳng có gì khác, chỉ là phá sạch hết thảy phân biệt, chấp trước mà thôi. Phá sạch hết thảy phân biệt, chấp trước, chẳng phải là phá người khác! Nếu quý vị phá người khác thì trật mất rồi. Phá chính mình, chẳng dính dấp gì đến người khác! Phá phân biệt và chấp trước của chính mình, khiến cho chính mình được thật sự giải thoát, đạt được trí huệ Bát Nhã chân chánh và Pháp Thân thanh tịnh. Đích thực là khỏi hết thảy phân biệt, chấp trước thì Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát, quý vị thấy đều chứng đắc. Tuy chứng đắc, chẳng hoại pháp thế gian, cùng bất luận kẻ nào cũng đều có thể đối xử hoan hỷ, vì sao? Có thể hằng thuận chúng sanh. Hằng thuận chúng sanh là đối xử hoan hỷ với mọi người, quyết định chẳng trái nghịch hết thảy chúng sanh. Vì Bồ Tát hiểu hết thảy đều là giả, việc gì phải khắt khe? Họ muốn như thế nào liền tùy thuận họ là được rồi, chẳng cần phải riết róng so đo, như vậy thì mới có thể tùy hỷ, mới có thể hằng thuận.

Chúng ta cũng phải ghi nhớ hai câu kệ tiếp nơi dòng thứ ba đếm từ dưới lên trong trang sáu mươi hai, xem từ chữ cuối cùng. “Dĩ tình phân biệt, nhất thiết giai tà, ly tình phân biệt, nhất thiết giai chánh” (Dùng tình để phân biệt, hết thảy đều tà. Lìa tình phân biệt, hết thảy đều chánh), nay chúng ta gọi “tình” là cảm tình. Thứ này rất phiền, người thế gian coi nó rất nặng: Con người chẳng có tình cảm thì đáng sợ quá, như vậy là không

được rồi! Chúng ta thấy vấn đề này rất nghiêm trọng, chẳng biết tất cả hết thảy phiền phức đều do tình chiêu cảm. Phiền phức to lớn là luân hồi sanh tử trong lục đạo. Nếu chẳng có thứ này, thừa cùng chư vị, tất cả phiền não đều chẳng có, sanh tử luân hồi cũng chẳng có. Nó chẳng phải là thứ tốt đẹp, có sao lại coi trọng nó dường ấy, chẳng chịu buông xuống. Có những kẻ chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật này, nghe nói Đức Phật dạy phải đoạn tình, bèn nảy sanh một quan niệm sai lầm: “Chớ nên học Phật, người học Phật vô tình, biến thành phường ‘vô tình vô nghĩa’ như thế tục thường nói, chẳng thể học Phật!” Thật ra, tôi thừa cùng chư vị, cái tình như người thế gian chấp trước là giả tình, giả ý. Chân tình của Phật, Bồ Tát là chân tình thật ý. Vì sao? Tình và trí là một thứ, đã mê bèn gọi là Tình, hễ giác ngộ thì gọi là Trí. Thay đổi tên, nhưng trên thực tế là cùng một chuyện. Trí là gì? Trí là Tình chân thật, vĩnh viễn không thay đổi. Cái Tình như quý vị vừa nói chính là Trí bị mê hoặc, nên nó chẳng phải là thứ tốt đẹp.

**Phật Pháp đặt cho nó một tên gọi, Phật Pháp nói “từ bi” thì từ bi là lý trí. Tình ái thế gian là mê hoặc, điên đảo. Nói thật ra, từ bi và ái tình là cùng một chuyện, làm sao có thể nói Phật vô tình? Phật mới có cảm tình chân thật. Trước kia, khi tôi theo học Triết với Tiên Sinh Phương Đông Mỹ, cụ đã bảo tôi: “Một triết gia là người có cảm tình phong phú nhất. Chẳng có cảm tình sẽ không thể học triết học”. Lại thừa cùng quý vị, chẳng có cảm tình chân thật sẽ không thể thành Phật, không thể thành Bồ Tát, cùng một đạo lý. Giả tình, giả ý chẳng**

thể học Phật, học Phật phải là cảm tình chân thật. Cảm tình chân thật, thay đổi tên gọi bèn thành “trí”. Vì vậy, Trí và Tình là một, chẳng hai, một đẳng giác, một đẳng mê. Ở đây nói “dùng tình để phân biệt”, đó là mê tình. Dùng tình chấp để phân biệt hết thấy các pháp thì hết thấy các pháp đều tà. Rời lìa mê tình, quý vị phân biệt hết thấy các pháp, hết thấy các pháp đều chánh, phải biết điều này.

Do vậy, kế tiếp đó bèn nói: “Kim giản tình thủ lý” (Nay loại riêng tình ra để giữ lấy lý), “giản” là phân biệt, là bỏ riêng ra. Mê tình là gì? Lý trí là gì? “Thị vi Kinh Thể” (Là Thể của Kinh), Đức Phật nói Kinh là do căn cứ trên đạo lý này để nói. “Ứng tri Thật Tướng toàn thể chiếu minh, xưng vi chân tâm, diệc danh Bản Giác. Giác thể biến cố, chư pháp giai thật” (Hãy nên biết: Toàn thể Thật Tướng chiếu sáng, được gọi là chân tâm, còn gọi là Bản Giác. Do giác thể trọn khắp, nên các pháp đều là thật), mấy câu này dễ hiểu. Chân trí là chân tâm, là Bản Giác. Giác thể là tự tánh, là chân tâm. Chân tâm trọn khắp pháp giới, hết thấy muôn tướng trong pháp giới đều do chân tâm biến hiện; do đó, các pháp đều là thật, chẳng có gì không phải là chân thật. Đã giác ngộ thì sẽ nói tương phản với Kinh Kim Cang: “Phàm những gì có tướng đều là Thật Tướng”. Khi mê, quý vị có tình chấp, “phàm những gì có tướng đều là hư vọng”. Tình chấp vừa đoạn, phàm những gì có tướng đều là Thật Tướng. Một niệm sai lệch, chân và vọng bèn hiển lộ.

“Nhược chỉ kỳ yếu, bất ly hiện tiền phân biệt chi niệm, niệm tức Bồn Giác, giác tức Kinh Thể. Vô biệt Kinh Thể dĩ vi sở thuyên, dĩ thử giác tâm, quán u y chánh, năng sở tức tuyệt, đãi đối tư vong, diệu quán chi tông, tự tư nhi lập” (Nếu chỉ ra điểm trọng yếu thì chẳng lìa cái niệm phân biệt hiện tiền. Niệm chính là Bồn Giác, giác chính là Thể của Kinh. Chẳng có cái Thể của Kinh nào khác để diễn nói. Dùng ngay cái giác tâm này để quán y báo và chánh báo, Năng và Sở liền dứt tuyệt, đối đãi do đó bị mất. Tông chỉ Diệu Quán từ đó mà thành lập). Không chỉ là cái Thể của Kinh này, mà Thể của hết thảy các Kinh Đại Thừa đều là như vậy. Hiểu đạo lý này, chúng ta mới thật sự phát khởi tín tâm thanh tịnh kiên cố đối với Kinh Đại Thừa, hiểu căn cứ lý luận của Kinh Đại Thừa là chân thật nhất. “Chỉ yếu” là chỉ ra điều khẩn yếu nhất, điều trọng yếu mấu chốt nhất, nó chính là ý niệm hiện tiền của chúng ta. Mắt chúng ta có thể thấy, tai có thể nghe, cái “có thể”, tức là cái có thể thấy, có thể nghe chính là Bồn Giác, thấy, nghe tức là chân tánh nơi tâm khởi tác dụng, chân tánh khởi tác dụng có thể thấy và có thể nghe. Nếu đối với thấy, nghe, hay, biết mà khởi phân biệt và chấp trước, bèn là sai lầm. Do tùy thuận chúng sanh, bèn dấy lên phân biệt, chấp trước, nhưng chính mình chẳng có phân biệt, chấp trước, đó là Phật, Bồ Tát. Trong nội tâm của chính mình thật sự dấy lên phân biệt, chấp trước, đó là phàm phu, là mê. Nội tâm thanh tịnh chẳng có phân biệt, chấp trước, do tùy thuận chúng sanh mà phân biệt, chấp trước, đó là đại từ đại bi phổ độ chúng sanh. Đức Phật nói Kinh đã dựa trên nguyên lý ấy để nói.

Những phần kế tiếp chúng ta có thể tỉnh lược. Trong đoạn kế đó, nơi trang sáu mươi lăm, có hai câu mà chúng ta nhất định phải ghi nhớ kỹ lưỡng, hai câu ấy nằm trong dòng thứ nhất của trang sáu mươi lăm: “Tình tưởng phả vọng, bản tánh nan hiển” (Nếu chẳng quên tình tưởng, bản tánh sẽ khó hiển lộ), có nghĩa là nếu chẳng vứt bỏ tình tưởng, quý vị sẽ chẳng có cách nào kiến tánh. Phải ghi nhớ kỹ càng hai câu ấy. Chúng ta học Phật, nói theo phía người niệm Phật, vì sao chúng ta chưa thể đắc nhất tâm bất loạn? Chương ngại lớn nhất chính là hai chữ “tình tưởng”. Tình quá nặng, suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ lung tung, làm sao có thể đắc nhất tâm cho được? Tất cả hết thảy các phương pháp tu hành, không gì chẳng nhằm đoạn hết tình tưởng mà thôi, để đạt mục đích ấy các tông, các phái, vô lượng Pháp Môn có phương pháp và cách thức khác nhau. Trong Tịnh Độ, nay chúng ta giữ lấy cách trì danh niệm Phật, dùng phương pháp này để xóa sạch tình tưởng. Người biết dụng công thì tình tưởng vừa mới dấy lên, ngay lập tức đổi nó thành Phật hiệu, chẳng cho niệm ấy tiếp tục tăng trưởng, đó gọi là “dụng công”. Một niệm khởi là mê, chế phục niệm vừa dấy lên thì là giác, giác nhằm đối trị mê. Do đó, chẳng sợ mê. Cổ nhân thường nói: “Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm”, quý vị phải giác ngộ nhanh chóng, đừng để vọng tưởng tiếp tục tăng trưởng! Vọng tưởng vừa dấy lên, liền ngay lập tức cảm nhận, dùng câu Phật hiệu để thay thế nó, biến vọng niệm thành A Di Đà Phật, phải thay đổi nhanh chóng! Phương pháp này nhằm khuất phục phiền não. Sử dụng công phu lâu ngày, tự nhiên tình tưởng ít đi; khi nó tự nhiên ít đi, công phu bèn đắc lực, tâm đã thanh tịnh, trí huệ bèn tăng trưởng. Quý vị

xử sự, đãi người, tiếp vật, chẳng mê hoặc, điên đảo giống như trước kia, nhìn sự việc cũng có thể thấy rõ ràng, làm việc cũng chẳng thường làm sai như trước kia, sai lầm ít đi. Đó là đạt được lợi ích trong hiện tiền. Tâm phải thanh tịnh, tâm thanh tịnh sẽ sanh trí huệ. Kinh Kim Cang nói rất hay: “Tín tâm thanh tịnh, tắc sanh Thật Tướng” (Tín tâm thanh tịnh bèn sanh Thật Tướng), sanh Thật Tướng là sanh trí huệ, là thấy chân tướng của hết thảy vạn pháp. Vì vậy, hai câu này rất khẩn yếu!

**Đoạn kế tiếp nêu lên ý nghĩa thứ hai của Thể. “Thư gia giải, lễ giả, huấn Thể dã. Thể hữu tôn, ty, trưởng, ấu. Quân phụ chi thể tôn, Thần tử chi thể tiệt. Đương tri Thể lễ chi thích, thị quý cực chi pháp dã” (Theo cách giải thích của các nhà chú giải Kinh sách Nho gia, Lễ nhằm giải thích Thể. Thể có tôn, ty, lớn, bé. Thể của vua và cha là tôn quý, thể của bầy tôi và con cái kém cõi hơn. Hãy nên biết: Dùng Lễ để giải thích Thể thì Thể là pháp tôn quý tốt bậc). Điểm quan trọng trong cách giải thích này nằm trong câu cuối cùng: Thể là pháp tốt bậc tôn quý. Vì sao? Vì hết thảy các pháp đều từ đây mà ra; nó là mẫu thể (cái bản thể chánh yếu, cội nguồn); tất cả hết thảy các pháp đều được biến hiện từ nó. Thể là Chân Như bản tánh; nói theo thuật ngữ hiện đại, Thể là bản thể của vạn hữu trong vũ trụ. Vì thế, dùng Lễ để giải thích Thể, “huấn” là giải thích. Lễ là tôn quý nhất, vì nó nhấn mạnh tôn, ty, trên, dưới. Trong chú giải, chúng ta xem từ hai chữ cuối trong trang ấy: “Thể chỉ Pháp Thân, chư Phật sở sư, vạn pháp triều hội. Thể phi tu chứng, Lý tuyệt ngôn tư, dục sử tiêu**

tâm, cưỡng xưng ‘quý cực’. Tư thị Bôn Giác, phi tịch, phi chiếu, hựu thị Pháp Tánh, phi quảng, phi thâm. Đệ Nhất Nghĩa danh vi bản tánh, Pháp Thân đức dã” (Thể chỉ Pháp Thân, Pháp Thân là khuôn mẫu để chư Phật noi theo, là chỗ để muôn pháp hướng về. Thể chẳng do tu chứng mà hòng đạt được, Lý dứt bật ngôn từ, suy nghĩ. Vì muốn nêu bày cái tâm, nên cưỡng gọi là “tôn quý tột bậc”. Đó là Bôn Giác, chẳng phải là tịch, chẳng phải là chiếu. Lại là Pháp Tánh, chẳng rộng, chẳng sâu. Đệ Nhất Nghĩa được gọi là bản tánh, là phẩm đức của Pháp Thân), mấy câu này đã giảng rất rõ ràng. Thể là gì? Là Pháp Thân. “Su” là “sư phạm” (khuôn mẫu để noi theo, học theo), là tấm gương để học tập theo. Chư Phật học theo ai? “Thuận Pháp Tánh”: Thuận theo Pháp Tánh sẽ thành Phật. Vì thế, thuận theo Pháp Tánh bèn có ý nghĩa “sư”, tức là “sư pháp” (noi theo pháp), ý nghĩa này cũng đã được nói trên đây. Vì lẽ đó, nó chính là Bôn Giác như Kinh Điển đã nói, hoặc còn gọi là bản tánh, hay Pháp Tánh, rất nhiều danh từ, trên thực tế đều là nói cùng một chuyện. Tuy cùng nói về một chuyện, nhưng danh từ khác nhau thì ý nghĩa có khác biệt đôi chút. Vì bản tánh là vạn đức vạn năng, thường là một danh từ chẳng thể bao hàm toàn thể đức năng của nó; vì vậy, kiến lập rất nhiều danh từ nhằm tỏ rõ nó có vô lượng đức năng, có ý nghĩa này.

Cuối cùng, sách viết: “Linh tu quán giả, dĩ thử Thể đức, thể bỉ y chánh, nhất nhất quý cực, thành diệu tông hỹ” (Khiến cho người tu quán



do đức của cái Thể ấy mà thấu hiểu y báo và chánh báo của cõi kia mỗi mỗi đều tôn quý tốt bậc, nên thành diệu tông). Người học Phật nhất định phải biết căn cứ lý luận để Đức Phật Thuyết pháp là Chân Như bản tánh. Đã biết căn cứ lý luận ấy, sau đó, dựa trên nguyên lý ấy để nhìn tất cả hết thảy các pháp, hết thảy các pháp đều là Tánh Đức, chúng ta mới có thể thực hiện “lễ kính chư Phật” trong mười nguyện Phổ Hiền. Vì sao? Sự lễ kính của Phổ Hiền được kiến lập trên quan niệm thanh tịnh bình đẳng, quan niệm thanh tịnh bình đẳng ấy do đâu mà có? Do quý vị thật sự biết Thật Tướng của các pháp, nên nó tự nhiên hiện tiền. Vì nó là Tánh Đức, chẳng phải là Tu Đức, cấy vào tu tập sẽ tu chẳng được, nhất định là kiến tánh thì nó sẽ tự nhiên hiện tiền. Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo phá một phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh, nên kể từ Sơ Trụ trong Viên Giáo trở đi, những điều tu hành của bốn mươi một địa vị Pháp Thân Đại Sĩ được gọi là Phổ Hiền Hạnh. Phổ Hiền Hạnh được quy nạp thành cương lĩnh gồm mười đại nguyện vương, đó là pháp tu của bốn mươi một địa vị Pháp Thân Đại Sĩ, mà cũng là pháp tu của các vị Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc Thế Giới. Trong Thế Giới Tây Phương, từ hạ hạ phẩm Vãng Sanh cho đến thượng thượng phẩm thảy đều tu mười nguyện Phổ Hiền, từ Kinh Vô Lượng Thọ chúng ta đã thấy điều này.

Đoạn tiếp theo là giải thích Thể bằng cách dùng ý nghĩa “đề”. Chúng ta xem lời Sớ. “Phục thứ, Thể thị Đề dã, cùng nguyên cực đề, lý tận uyên phủ, cứu sớng Thật Tế, nãi danh vi Đề. Thích Luận vân, trí độ đại hải duy Phật cùng đề. Cố dĩ Đề thích Thể dã” (Lại nữa, Thể là đáy.



Tột cùng nguồn, thấu tận đáy, lý tột cùng chỗ sâu thẳm, thấu đạt rốt ráo Thật Tế, nên gọi là Đáy. Thích Luận viết: “Biển cả trí độ chỉ có Phật thấu tột tận đáy”, nên dùng chữ Đáy để giải thích Thế). Đẻ là gì? Tục ngữ Trung Hoa có câu: “Đả phá sa oa vấn đảo đẻ” (Đập vỡ cái nồi bằng đất nung để tìm tận đáy), đó là căn nguyên, xét tận nguồn, truy tận đáy. Nói cách khác, Đẻ là căn nguyên của vạn hữu trong vũ trụ. Căn nguyên vẫn là Pháp Tánh, vẫn là bản tánh, cho nên nó có ý nghĩa là “đáy”, tìm thấu tột nguồn tận đáy chính là thật sự đạt đến tận cội nguồn. Kinh nói rất hay: “Duy Phật dữ Phật cứu cánh cùng đẻ” (Chỉ có Phật và Phật là thấu đạt rốt ráo tận nguồn cội), triệt để hiểu rõ, chẳng có mảy may nghi hoặc. Nói cách khác, Đẳng Giác Bồ Tát vẫn chưa rốt ráo, vẫn thua kém một chút. Ất phải thấu đạt rốt ráo tận đáy thì mới là thật sự hiểu rõ, thông đạt vạn pháp trong vũ trụ. “Đạt” có nghĩa là thấu hiểu đến tột cùng sâu thẳm. Vì thế, Tây Phương Cực Lạc Thế Giới bất luận là xét về lý luận, phương pháp hay cảnh giới, thầy đều chưa hề được nói trong tất cả hết thầy các Kinh Đại Thừa. Đúng là rất khó khiến cho kẻ khác tin tưởng, vì lý ấy quá sâu, một mực thấu tận đáy. Đẳng Giác Bồ Tát mà còn chưa hiểu rõ rệt cho lắm, quý vị nói xem: Làm sao có thể khiến cho người ta tin tưởng? “Khó tin” thì chẳng phải là phạm nhân than “khó tin”, mà là lời cảm thán “khó tin” của mười phương chư Phật! Chư Phật nói “khó tin”, chẳng phải là nói chính các Ngài khó tin, mà là nói những kẻ ngoài các Ngài ra: Từ Đẳng Giác trở xuống đều cảm thấy Pháp Môn Tịnh Độ khó tin, thật đấy! Đẳng Giác Bồ Tát không tin Pháp Môn này rất nhiều! Nếu Ngài tin tưởng

thì đã Vãng Sanh Tịnh Độ. Còn chưa Vãng Sanh Tịnh Độ, tức là hoàn toàn chẳng tin. Vì thế, đây là pháp khó tin!

Nhưng Pháp Môn này tu hành rất dễ dàng, khó tin, dễ hành, kẻ thấy khó tin là vì chưa thể thấu hiểu tột cùng cội nguồn. Vì lẽ đó, người bình phàm tiếp xúc Pháp Môn này mà có thể tin tưởng sâu đậm, chẳng nghi ngờ, chúng ta cũng chẳng biết do duyên cớ nào! Nếu Đức Phật không dạy trong Kinh Vô Lượng Thọ, làm sao chúng ta có thể hiểu được? Đức Phật nói: Người ấy trong vô lượng kiếp thời quá khứ đã từng cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Như Lai, thiện căn sâu dày dường ấy, tiếp xúc Pháp Môn này bèn có thể tin tưởng, có thể phát nguyện. Đó là do thiện căn, phước đức, và nhân duyên trong quá khứ của người ấy chín muồi, nay lại được mười phương chư Phật, Bồ Tát âm thầm gia trì, thành tựu Tín, Nguyện, Hạnh trong đời này cho người ấy, nên đời này, người ấy Vãng Sanh thành Phật, khó lắm! Kinh có nhắc tới vương tử A Xà (tức A Xà Thế). Vương tử A Xà trong đời quá khứ từng cúng dường bốn trăm ức Phật, thế mà gặp Pháp Môn này chỉ phát một nguyện, hy vọng trong tương lai, “tôi thành Phật giống như A Di Đà Phật”, vẫn chẳng phát nguyện niệm Phật Vãng Sanh. Phát một nguyện như thế, trong đời này có thể Vãng Sanh hay không? Vẫn là chẳng nhất định, vì ông ta chẳng phát nguyện tu hành, mới biết cúng dường bốn trăm ức Phật là “ít thiện căn”, cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Như Lai mới là nhiều thiện căn, nhiều phước đức. Nay chúng ta gặp Pháp Môn này mà không tin, chẳng có gì đáng ngạc nhiên! Gặp Pháp Môn này mà tin tưởng thì mới đúng là

đáng ngạc nhiên! Người ấy (người vừa nghe Pháp Môn bèn tin tưởng, phát nguyện, tu trì) trong đời quá khứ giống như Đức Phật đã nói: Từng cúng dường vô lượng vô biên Như Lai.

**Chúng ta đọc mấy câu tiếp theo. Nơi trang sáu mươi bảy, dòng thứ hai, xem từ cuối trang: “Kim viên nhân” (Nay người căn cơ viên đốn); nói thật ra, “viên nhân” là người nhiều thiện căn, nhiều phước đức. Nếu chẳng phải là người nhiều thiện căn, lắm phước đức, chẳng thể nào là căn tánh viên đốn! Vì Tịnh Độ Tông là “viên nhất trong các pháp viên, đốn nhất trong các pháp đốn, chuyên nhất trong các pháp chuyên”, cổ Đại Đức tán thán như vậy. Chẳng phải là người căn tánh viên đốn, đích xác là rất khó thọ trì! “Tùng Danh Tự Tức, dĩ tín giải tâm cùng Trí Độ để, nãi chí duy Phật dữ Phật, cứu cánh cùng để, dĩ thử Để nghĩa, thích ư Kinh thể” (Từ địa vị Danh Tự Tức, dùng tâm tín giải thấu đạt tận đáy Trí Độ, cho đến chỉ có Phật và Phật thấu đạt rốt ráo tận đáy. Dùng cái nghĩa “đáy” ấy để giải thích cái Thể của Kinh). Đây là nói thiện căn, phước đức, và nhân duyên trong Viên Giáo vô cùng sâu dày, đúng như Kinh Di Đà đã nói: “Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc” (Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để sanh về cõi ấy), phải là nhiều thiện căn, nhiều phước đức, nhiều nhân duyên! Vì vậy, người ấy vừa tiếp xúc Pháp Môn này, vừa tiếp xúc là Danh Tự Phật. Gọi là Danh Tự vì nghe nói Pháp Môn này bèn nghe hiểu, đã nghe hiểu bèn tin tưởng, phát nguyện, chịu nghiêm túc niệm Phật**

cầu sanh Tịnh Độ, đó là một loại. Loại người này tuy trí chưa thể rất ráo thấu đạt đến tận đáy giống như chư Phật, nhưng cũng chẳng sai biệt cho mấy, vì người ấy chẳng hoài nghi mà! Chư Phật do thấu hiểu rất ráo tận đáy, nên chẳng hoài nghi bất cứ chuyện gì, còn những người ấy tuy chẳng thấu đạt tận cùng, nhưng vẫn chẳng hoài nghi, nên cũng chẳng sai biệt cho mấy, trong một đời này, người ấy quyết định có thể thành tựu. Đây là dạy người tu hành biết độ sâu của Pháp Môn này; chỉ cần chúng ta tin sâu, nguyện thiết, tuy chưa đạt đến độ sâu ấy, nhưng đã tương ứng với độ sâu ấy, công đức lợi ích liền tự đạt được từng phần.

Tiếp đó là ý nghĩa của chữ Đạt. “Đạt” là thông đạt, hiểu rõ, đó là đoạn thứ ba. “Phục thứ, Thể thị đạt nghĩa” (Lại nữa, Thể có nghĩa là đạt). Đạt là thông đạt, “đắc thử Thể ý, thông đạt vô ửng” (hiểu ý nghĩa này của Thể, nên thông đạt, không có chướng ngại). “Ửng” là chướng ngại, là trở ngại. “Vô ửng” là chẳng có chướng ngại, thông đạt vô ngại. “Nhu phong hành không trung, tự tại vô chướng ngại, nhất thiết dị danh biệt thuyết, giai dĩ Thật Tướng bất tương vi bội. Thích Luận vân: “Bát Nhã thị nhất pháp, Phật Thuyết chủng chủng danh, cố dĩ thể đạt thích Kinh thể dã” (Nhu gió lùa trong hư không, tự tại, chẳng chướng ngại. Hết thấy các tên gọi khác hay cách nói khác đều chẳng mâu thuẫn Thật Tướng. Thích Luận giảng: “Bát Nhã là một pháp, nhưng Phật nói ra các thứ tên gọi khác nhau”, nên dùng việc thông đạt Thể để giải thích Thể của Kinh). Nói thật ra,

**chẳng có trí huệ thì làm sao có thể thông đạt hết thấy các pháp? Chỉ có chân trí hiện tiền thì mới thông đạt hết thấy vô ngại. Do lẽ đó, “đạt” cũng là Tánh Đức, đặc biệt phơi bày trí huệ trong Tánh Đức. Đó là giải thích ba ý nghĩa của Thể.**

Cuối đoạn này có một câu, chúng ta phải ghi nhớ. Xem từ chữ thứ ba trong dòng thứ nhất của trang sáu mươi tám. “Nhược thức thử Thể, tác u chư pháp thông đạt tự tại, phục u thể gian cập xuất thể gian nhất thiết dị danh, nhất trung giải đa, đa trung giải nhất” (Nếu biết Thể này, sẽ thông đạt tự tại nơi các pháp. Lại còn đối với hết thấy các tên gọi khác nhau của pháp thế gian và xuất thế gian, sẽ từ một mà hiểu nhiều, từ nhiều mà hiểu một). Chúng ta đọc đến chỗ này là được rồi, đây là một câu vô cùng quan trọng. Then chốt ở ngay chữ “Nhất”, Thên Tông cũng nói “nhất”. Nếu đạt được “nhất”, sẽ đạt được hết thấy. “Nhất” là nhất tâm. Nhất chẳng phải là một con số, bất đắc dĩ cưỡng gọi là Nhất. Phương pháp của Tịnh Độ Tông trực tiếp, tu gì? Tu nhất tâm bất loạn, “nhất” ở đây là nhất tâm. Chỉ cần đạt đến nhất tâm, tự nhiên thông đạt hết thấy các pháp, pháp thế gian và xuất thế gian thấy đều thông đạt. Nay nói với kẻ sơ học, họ sẽ chẳng tin tưởng. Vì thế, bảo họ học một bộ Kinh, họ chẳng cam lòng, chẳng bằng lòng, vừa bắt đầu bèn Kinh luận gì cũng đều muốn học, học đạt được hiệu quả gì? Thứ gì cũng chẳng thông, thứ gì cũng chẳng đạt! Vì sao? Kẻ ấy chẳng thể tu nhất tâm, tâm tán loạn, học tạp loạn, vĩnh viễn chẳng thể thông đạt. Dạy học vào thời cổ kỳ nhất chuyện này. Người hiện thời có quan niệm chẳng giống tiền nhân, đó là nỗi bất hạnh của chúng ta.

Hiện thời, người Hoa chịu khổ nạn to lớn dường ấy, vẫn phải tiếp tục hứng chịu nỗi khổ nạn ấy, vẫn chưa hứng chịu xong! Khi nào người Hoa mới chẳng hứng chịu khổ nạn? Đến khi nào người Hoa thật sự giác ngộ, lại đọc sách của Khổng lão phu tử, lại sử dụng phương pháp học tập của cổ nhân, người Hoa sẽ không mắc nạn. Chúng ta vứt bỏ những cái của chính mình, học theo ngoại quốc, ngoại quốc hoàn toàn chẳng hay! Nếu quý vị thường sang các nước trên Thế Giới, tôi đến rất nhiều nơi, thấy họ chẳng hay bằng Trung Quốc, thua kém chúng ta rất xa! Vì thế, nay tôi sang ngoại quốc, dạy người ngoại quốc đọc sách Khổng Tử, học theo phương pháp cổ xưa của Trung Quốc thì bọn họ mới có thể đạt được hạnh phúc thật sự. Không đọc sách cổ sẽ không được!

**Trong phương pháp xa xưa, Nho và Phật dạy chúng ta dốc sức nơi nhất tâm. Trẻ nhỏ học tập, chưa hề nghe nói có chuyện học hai thứ cùng một lúc. Chẳng có! Muốn học đồng thời đôi ba thứ, thầy sẽ chẳng dạy, không nhận quý vị làm học trò. Học trò hiện thời thì sao? Ông không cho tôi học tám thứ, mười thứ, tôi không theo ông học nữa! Còn có cách nào nữa? Vì thế, hiện thời thầy chẳng tìm ra trò, mà trò cũng chẳng tìm thấy thầy! Trong quá khứ, tôi ở chỗ thầy Lý, thầy Lý theo đúng quy củ, học Kinh chỉ có thể học một bộ. Học hai bộ chắc chắn là chuyện không thể được, thầy nhất định chẳng dạy quý vị! Tôi ở Đài Trung mười năm, chỉ học năm bộ Kinh. Hiện thời, quý vị học trong Phật Học Viện, một năm không chỉ học năm bộ, tôi mười năm mới học năm bộ. Tiêu chuẩn của thầy Lý còn khoan dung**

hơn cổ nhân rất nhiều, chẳng nghiêm ngặt như cổ nhân, nên chúng tôi đạt được lợi ích cũng thua kém Tổ Sư Đại Đức xưa kia, do nghiêm khắc chẳng đủ mức mà! Nhưng nếu thầy nghiêm ngặt, chúng tôi sẽ bỏ đi hết, chẳng thể theo học với thầy. Cũng là vì thầy nhìn thấy căn tánh của chúng tôi, chẳng có cách nào, nếu thầy nghiêm ngặt, chắc chắn chúng tôi sẽ bỏ đi hết. Theo học với thầy mà có lúc trong tâm chẳng phục, cảm thấy thầy ngang bướng, chuyên chế, không đếm xỉa lý lẽ! Thật ra, thầy đúng là hợp lý, lời thầy nói là chánh lý, nhưng chúng tôi ngỡ là ngụy biện, vẫn là do chúng tôi suy nghĩ sai quấy, chứ thầy chẳng sai trái! Mãi tới sau này, chúng tôi mới tự mình giác ngộ: Thầy dạy bảo theo kiểu ấy là chánh xác, lại còn cảm thấy thầy chưa nghiêm khắc đủ mức.

Vì vậy, học gì thì cũng nhất định là “thâm nhập một môn”, quyết định chẳng thể học hai môn, học đồng thời hai môn là điều kỳ hựu rất lớn. Quý vị thấy trong chú sớ của Tổ Sư, trong Kinh luận của chư Phật, đều nói giống như nhau: “Nhất trung giải đa, đa trung giải nhất” (Trong một hiểu nhiều, trong nhiều hiểu một), nhất định phải huấn luyện từ phương pháp cơ bản. Nhất định là trước hết cầu Căn Bản Trí, Căn Bản Trí là vô tri, Bát Nhã vô tri. Trước hết tu vô tri rồi sau đó mới lại tu “không gì chẳng biết”, nên vừa bắt đầu học tập, chớ nên đọc hết thấy các Kinh luận. Người hiện thời hoàn toàn tương phản với cổ nhân, hiện thời là vừa dụng công bèn đọc rất nhiều Kinh luận, học gì vậy? Học “không gì chẳng biết”. Kết quả là



**học suốt đời, đúng là cái gì cũng chẳng biết! Nói thật ra, chuyện này hoàn toàn trái nghịch giáo huấn của Đức Phật. Đức Phật dạy chúng ta: Theo thứ tự, trước hết là đoạn phiền não, sau đây sẽ học Pháp Môn. Tứ Hoàng Thệ Nguyên đã chỉ dạy trình tự ấy. Thứ nhất là quý vị phải phát nguyện, “chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”. Quý vị phải phát đại nguyện ấy, bỏ mình vì người khác, vì Phật Giáo, vì chúng sanh. Thực hiện từ chỗ nào? Trước hết là đoạn phiền não, “phiền não vô tận thệ nguyện đoạn”. Sau khi đoạn hết phiền não, sẽ lại là “Pháp Môn vô lượng thệ nguyện học”.**

Chẳng hề nói chưa đoạn phiền não mà đã học Pháp Môn. Chưa đoạn phiền não mà học Pháp Môn, sẽ giống như trong phần trước đã nói: Đều là tà tri tà kiến, đều là ma sự. Vì sao? Trong tâm quý vị còn có một tí chưa buông xuống được, còn có tình chấp. Chỉ cần có tình chấp, những gì quý vị đã học đều là ma sự. Trong phần giảng về tựa đề Kinh của tác phẩm chú giải Kinh Hoa Nghiêm, Thanh Lương Đại Sư đã nói: Chẳng đoạn phiền não mà muốn học Pháp Môn thì đều là tà tri tà kiến, tăng trưởng tà kiến. Chẳng đoạn phiền não và cũng chẳng học Pháp Môn, Thanh Lương Đại Sư bảo là tăng trưởng vô minh. Chẳng đoạn phiền não mà học hết thầy các Pháp Môn là tăng trưởng tà kiến, quý vị liền biết: Đoạn phiền não rất trọng yếu. Phiền não là chướng ngại, trước hết, phải xóa bỏ chướng ngại. Sau khi đã xóa trừ chướng ngại, sẽ học Pháp Môn rất nhanh. Vừa thấy, vừa nghe, liền lập tức thông đạt. Giống như Lục Tổ Đại Sư tâm địa thanh tịnh, Ngài chưa hề nghe, chưa hề đọc Kinh Pháp



Hoa. Thiên sư Pháp Đạt niệm ba ngàn bộ Kinh Pháp Hoa, nhưng chẳng hiểu nghĩa Kinh Pháp Hoa. Lục Tổ bảo: “Ông hãy niệm Kinh Pháp Hoa cho ta nghe xem nào!” Sư chỉ niệm đến phẩm thứ hai. Kinh Pháp Hoa có hai mươi tám phẩm, Sư chỉ niệm đến phẩm thứ hai là phẩm Phương Tiện, Lục Tổ Đại Sư bảo: “Được rồi! Chẳng cần niệm nữa, ta đều biết trọn vẹn”, giảng giải cho Sư. Quý vị hãy nghĩ xem, đó là đã đạt nhất tâm liền thông đạt hết thầy các pháp, há cần phải xem hết cả bộ Kinh! Vừa xem một chút, liền hiểu rõ toàn bộ, thông đạt toàn bộ.

**Vì vậy, hiện thời mọi người chẳng tu từ căn bản, mà tu nơi cành lá, vĩnh viễn chẳng tu thành tựu. Chúng tôi nói lời thật với họ, họ trách tôi lừa gạt họ, còn vặn hỏi ngược lại: “Chẳng phải là trước kia thầy cũng học rất nhiều đó sao?” Lại còn nói tôi lừa họ, nói tôi đổ kỹ, sợ trong tương lai, họ học thành công vượt trội tôi! Quý vị nói có oan uổng hay không! Những điều tôi học trước kia, thừa cùng chư vị, là tu mù luyện đui. Tu luyện nhiều năm ngàn ấy, đến nay mới tìm được đường. Tôi nói lời thật cùng quý vị, quý vị muốn học theo kiểu của tôi xưa kia, học ba mươi năm chưa chắc đã được như tôi, tôi dám nói như thế. Nay nếu quý vị nghe lời tôi, chẳng cần ba mươi năm, mà sau mười năm, nhất định quý vị vượt trội tôi. Tôi mong quý vị vượt trội tôi, vì sao? Vượt trội tôi thì Phật Pháp mới có tiền đồ, chúng sanh mới có hy vọng, chứ đều giống như tôi thì thôi rồi! Tôi hy vọng sau này các vị đều có thể vượt trội tôi, nhưng quý vị chẳng nghe tôi khuyên cáo, chẳng có cách nào! Chúng tôi thường nói: Người thế**

gian hiện thời nhận giả, chẳng nhận thật, nghe lừa, chẳng nghe khuyên. Nếu tôi lừa quý vị, sẽ bảo: “Quý vị Kinh luận gì cũng đều phải nghiên cứu. Chẳng nghiên cứu sẽ không thể thành tựu!” Họ sẽ tin tưởng. Tôi bảo: “Quý vị thứ gì cũng đừng nghiên cứu, mỗi ngày niệm một quyển sách, cũng chẳng đòi hỏi phải hiểu nghĩa”, họ chẳng tin tưởng! Vậy là chẳng có cách nào, nói thật thì họ chẳng tin. Được rồi, chúng tôi giới thiệu phần Biện Thê đến đây!

## TẬP 13

Xin mở Kinh bốn, trang sáu mươi tám, dòng thứ hai đếm từ dưới lên:

“Tam, Minh Tông”: Đây là phần Huyền Nghĩa, cũng là đoạn lớn thứ ba trong phần Khái Yếu. “Tông vị yếu, thủ Kinh chi yếu, tại tu tâm diệu quán, cảm ư Tịnh Độ” (Tông nghĩa là chánh yếu. Điều chánh yếu trong Kinh này là tu tâm diệu quán cảm Tịnh Độ). Phần Biện Thê được nói trong phần trước là căn cứ lý luận, đoạn này nói đến tông chỉ, tức là phương pháp tu hành, cũng là tổng cương lĩnh tu học của toàn bộ Kinh này, hết sức quan trọng. Nếu hiểu rõ lý luận, nhưng chẳng biết phương pháp tu học, thì vẫn chẳng thể thụ dụng. Phương pháp tu hành trong Kinh này là Quán, tức là mười sáu phép Diệu Quán. Chúng ta đọc phần tiếp theo: “Tâm quán, tức thị Nhất Tâm Tam Quán, Thích Danh chi trung, kỳ tướng dĩ uy” (Tâm quán chính là Nhất Tâm Tam Quán. Trong phần giải

thích tên Kinh, đã giải thích tướng ấy). “Ủy” là đã được giải thích. Trong phần trước đã nói qua, nên lời Sao viết tiếp: “Cảm độ chi tướng, thử văn bị luận” (Trong phần Kinh Văn nói về tướng trạng của các cõi nước được cảm, đã luận định đầy đủ). Tu Nhất Tâm Tam Quán, cảm được bốn thứ Tịnh Độ, bốn thứ Tịnh Độ đã được nói rõ trong đoạn ấy. “Kim Kinh diệu tông, tại thử nhân quả” (Tông chỉ mầu nhiệm của Kinh này ở trong nhân quả ấy): Nhất Tâm Tam Quán là nhân, cảm bốn cõi Tịnh Độ là quả, tu nhân chứng quả. Chúng ta xem đoạn Kinh Văn tiếp theo.

“Thứ minh Kinh Tông” nghĩa là tiếp theo đây, trong đoạn thứ ba, sẽ nói rõ tông chỉ của Kinh này. “Sơ giản Tông Thễ, thứ chánh minh Tông” (Trước hết là biện định Tông và Thễ; sau đó, sẽ chánh thức nói về Tông), chia thành hai đoạn. Chúng ta xem Kinh Văn: “Hữu nhân ngôn, Tông tức thị Thễ, Thễ tức thị Tông” (Có người nói: Tông chính là Thễ, Thễ chính là Tông). Có kẻ nói như vậy, coi Tông và Thễ là một chuyện, thật ra, chẳng đúng, Tông và Thễ có sai biệt. “Kim sở bất dụng” (Nay chẳng dùng thuyết ấy), nghĩa là không chủ trương tuân theo cách nói như vậy. “Hà giả? Tông ký thị nhị, Thễ tức bất nhị. Thễ nhược thị nhị, Thễ tức phi Thễ” (Vì lẽ nào? Tông đã là hai, Thễ chính là chẳng hai. Nếu Thễ là hai, thì Thễ chẳng phải là Thễ). Xác thực là bản thể chỉ có một, chẳng thể có hai; hễ có hai, sẽ chẳng thể gọi là Thễ được! “Tông nhược bất nhị, Tông tức phi Tông” (Nếu Tông chẳng hai, Tông sẽ chẳng phải là Tông). Tông là phương pháp tu hành. Xác thực là đối với phương pháp tu hành, mỗi bộ Kinh có phương pháp riêng của bộ Kinh ấy, tuyệt đối chẳng phải là

một. “Nhu lương trụ, thị ốc chi cương duy” (Nhu kèo cột, là cái khung của căn nhà): Nêu tỷ dụ về việc dựng nhà, cột và kèo trong khi dựng nhà hết sức quan trọng. Trước hết, phải gác dựng kèo cột rồi mới có thể lợp nhà. “Ốc không, thị lương trụ sở thủ” (Khoảng trống trong căn nhà là do kèo cột tạo thành), sử dụng căn nhà là sử dụng khoảng không gian trong căn nhà ấy. Nếu nhà chẳng có khoảng trống bên trong, căn nhà ấy sẽ chẳng thể sử dụng được! Vì thế, nói là “dùng Không”. “Bất ung dĩ lương trụ thị ốc không, ốc không thị lương trụ” (Chớ nên nghĩ kèo cột là khoảng trống trong nhà, coi khoảng trống trong nhà là kèo cột). Nêu tỷ dụ này dễ hiểu, đó là tỷ dụ về Tông. Xét theo bản chất của Tông, thì quả thật chẳng phải là một, mà là hai; nhưng mối quan hệ giữa Tông và Thể hết sức mật thiết! Tông ắt phải nương vào Thể để kiến lập, tách rời khỏi Thể thì lấy đâu ra Tông?

**Trong phần Sao tiếp đó, tức là trong phần chú giải, có hai câu nói rất khẩn yếu: “Tông thị nhân, quả thuộc Sự” (Tông là nhân, quả thuộc về Sự). Trong đây, đã nêu lên mối quan hệ nhân quả, tu nhân sẽ chứng quả. Vì vậy, Tông là cương lãnh tu hành, quả báo là bốn thứ Tịnh Độ ở Tây Phương. “Thể thị nhất tánh, thuộc Lý” (Thể là một tánh, thuộc về Lý), nhân cũng căn cứ trên Lý ấy, mà quả vẫn căn cứ trên Lý ấy, Lý là một. “Tuy bất tương xả, nhị nghĩa tu phân” (Tuy chẳng lìa bỏ nhau, nhưng hai nghĩa vẫn cần phải tách biệt). Xác thực là nhân quả đều có nền tảng là nguyên lý ấy, nhưng chúng ta vẫn phải phân biệt rõ ràng, chẳng thể nói hàm hồ, lẫn lộn được. Vì**

**thể, cần phải tách hai nghĩa ra. “Chấp định thị nhất, ư nghĩa quai vi” (Chấp chặt chúng là một, sẽ trái nghịch giáo nghĩa). Nếu cứ chấp trước nói chúng là một, sẽ mâu thuẫn giáo nghĩa. Kiên quyết chấp trước Tông và Thể là một thì vẫn có thể nói cho suông, nhưng tu hành như thế nào, chứng quả như thế nào, sẽ rất khó! Vì thế, ắt phải phân biệt chúng.**

Đoạn kế tiếp, quý vị tự xem lời chú giải. Chúng ta đọc đoạn sau đó: “Giản Tông Thể dị” (Biện định về sự khác biệt giữa Tông và Thể), nói rõ vì sao chẳng thể nói gộp chung Tông và Thể thành một được, mà cứ nhất định phải phân biệt rõ ràng. Điều này được trình bày trong hàng thứ hai từ dưới đếm lên nơi trang bảy mươi.

“Tông Thể dị giả, tác nhị vật cô điều. Tông phi hiển Thể chi Tông, Thể phi Tông gia chi Thể” (Nếu hiểu là Tông và Thể khác nhau, chúng sẽ trở thành hai thứ cách biệt cô lập. Tông sẽ chẳng là cái Tông nhằm hiển Thể, Thể chẳng phải là cội nguồn của cái Tông nữa). Nói thật ra, Tông và Thể có mối quan hệ mật thiết, chính là mối quan hệ “Lý và Sự là cùng một Thể”. Rời khỏi Lý, lấy đâu ra Sự? Chẳng có Sự, Lý cũng chẳng thể hiển thị được. Tông và Thể có mối quan hệ như vậy, mật thiết dường ấy. Do đó, ở đây lời Sớ giảng: Nếu nói Tông và Thể khác nhau, sẽ thật sự biến thành hai vật lẻ loi, Tông sẽ chẳng thể hiển Thể. Thể là Chân Như bản tánh. Hết thấy chúng sanh thật sự vốn sẵn có Chân Như bản tánh; tuy sẵn có, nó chẳng hiển lộ, do đã bị mê. Ắt cần phải cậy vào Tu Đức thì mới có thể hiển lộ Tánh Đức. Tánh Đức là Thể, Tu Đức là Sự, không tu

sẽ chẳng thể thành Phật. Nói thật ra, hết thầy chư Phật cũng đều là tu thành, các Ngài tu thành như thế nào? Bản tánh vốn sẵn trọn đủ, vì các Ngài có Phật Tánh, nên chỉ cần chịu tu, nhất định là có thể thành Phật. Đây là nêu bày công dụng của mối quan hệ giữa Tông và Thể. Do đó, chớ nên chấp trước Tông và Thể là một, mà cũng chẳng thể chấp trước là hai. Hễ chấp trước thì sai mất rồi, chúng ta hiểu mối quan hệ của chúng như vậy là được rồi!

Tiếp đó là phần Chánh Thuyết, tức là chỉ bày Tông là gì, điều này được nêu ra trong hàng thứ tư đếm từ dưới lên nơi trang bảy mươi một. “Kim ngôn bất dị nhi dị, cố hữu Tông; bất nhất nhi nhất, cố hữu Thể dã” (Nay nói “chẳng khác mà khác” nên có Tông. “Chẳng một mà là một” nên có Thể). Nói rất hay, đây mới là nêu bày chân tướng sự thật. Chúng ta xem chú giải: “Phổ Hiền Quán Kinh vân, Đại Thừa nhân giả, chư pháp Thật Tướng thị, Đại Thừa quả giả, chư pháp Thật Tướng thị. Thật Tướng nhân quả, bất dị nhi dị, phi đảo Hữu ấn, thử vi diệu tông. Nhân quả Thật Tướng, bất nhất nhi nhất, phi sự ngoại lý, thử vi diệu thể” (Kinh Phổ Hiền Quán nói: “Cái nhân của Đại Thừa là Thật Tướng của các pháp, quả của Đại Thừa là Thật Tướng của các pháp”. Thật Tướng nhân quả, chẳng khác mà khác, chẳng xóa bỏ Hữu ấn, đây là diệu tông. Thật Tướng nhân quả, chẳng phải một mà là một, chẳng phải là Lý ở ngoài Sự, đây chính là diệu thể). Đoạn giải thích này rất hay, lời lẽ đơn giản, nhưng ý nghĩa trọn vẹn. Lìa khỏi Thật Tướng sẽ chẳng có một pháp nào để được! Nói đơn giản, Thật Tướng là chân tướng của nhân sinh và vũ trụ,

đó là Lý Thể. Chúng ta tu hành ắt phải thuận theo nó, nương vào nó, mà chứng quả cũng chính là nó. Từ chỗ này, chúng ta hiểu hết thấy các pháp xác thực là quy nhất (trở về một), giống như Thần Tông đã nói “vạn pháp quy nhất”, nhất là gì vậy? Nhất Thật Tướng.

Mục đích tu học chung cực trong Phật Pháp là khiến cho chúng ta nhận thức chân tướng của vũ trụ và nhân sinh; hể nhận thức chân tướng của vũ trụ, sự tu hành chúng quả trong Phật Pháp bèn viên mãn. Do vậy, nếu chư vị hỏi Phật Pháp là gì? Một câu đơn giản này đã nói trọn hết toàn bộ Phật Pháp. Vấn đề vướng mắc trong hiện tại của chúng ta là chẳng biết chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Không chỉ chẳng biết vũ trụ và nhân sinh, mà ngay cả chính mình cũng chưa hiểu rõ ràng, đó là mê, là điên đảo. Vì lẽ đó, mọi cách nhìn, cách thấy, cách làm đều phát sanh sai lầm, những sai lầm ấy đã đem lại cho chúng ta rất nhiều nỗi thống khổ! Chúng ta học Phật thì phải nhận thức chính mình, nhận thức vũ trụ, nhận thức nhân sinh. Đã hiểu thật rõ chân tướng thì tư tưởng, kiến giải và cách làm của chúng ta sẽ chẳng phạm sai lầm nữa. Chẳng phạm sai lầm, sẽ chẳng có đau khổ, chẳng còn khổ nạn nữa. Đó là mục đích giáo học và tu học trong Phật Pháp. Phương pháp trong Kinh này hết sức xảo diệu. Tông là tông chỉ tu hành, tông chỉ tu hành của Quán Kinh là một tông chỉ tu hành xảo diệu, quả đức của diệu tông là diệu thể.

**Tiếp đó, nói thẳng thừng tông chỉ của bản Kinh này. Trong hàng thứ hai, nơi trang bảy mươi hai: “Kim thử Kinh Tông” (Nay Tông của Kinh này), “thử Kinh” là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh,**



tông chỉ của bộ Kinh này là gì? Cương lĩnh quan trọng trong tu hành là gì? “Dĩ tâm quán tịnh, tác Phật độ tịnh, vi Kinh Tông Trí” (Do tâm quán tịnh thì cõi Phật tịnh, đó là Tông Trí của Kinh). “Trí” là đạt tới mức tột bậc. Câu này hết sức quan trọng, đúng như Kinh Tịnh Danh đã nói: “Tâm tịnh thì cõi Phật tịnh”. Chư vị đồng tu tu học Tịnh Độ, bất luận quý vị dùng Quán Tưởng, Quán Tượng, hay Trì Danh để niệm Phật, điều khẩn yếu nhất là phải đạt đến cái tâm thanh tịnh. Nếu tâm chẳng thanh tịnh, quý vị quán tưởng, quán tượng, hay trì danh đều chẳng đạt được kết quả. Giống như học hành trong trường, tuy học tập rất siêng năng, đi thi chẳng đậu, vì sao? Quý vị chẳng nắm được trọng điểm, trọng điểm chính là tâm thanh tịnh. Nói thật thà, hiện thời chúng ta tu hành công phu chẳng đắc lực, là do nguyên nhân nào? Chúng ta chịu niệm Kinh, mỗi ngày niệm khá nhiều lượt, chịu niệm Phật, một ngày niệm mấy vạn tiếng, nhưng tâm chẳng thanh tịnh! Vừa niệm vừa còn suy nghĩ loạn xạ, lại còn có thị phi, nhân ngã, lại còn thấy khuyết điểm của kẻ khác, bươi móc tật xấu của người ta, vậy thì làm sao được nữa đây? Kẻ như vậy chẳng biết niệm Phật tu hành chính là tu cho hết những phiền não, tập khí, khuyết điểm. Hễ xóa bỏ chúng, tâm sẽ thanh tịnh. Khôi phục tâm địa thanh tịnh, chúng ta liền đạt được mục đích tu học, hiện tiền là đạt được thân tâm thanh tịnh, tự tại an lạc, trong tương lai Vãng Sanh Tịnh Độ. Quý vị nói xem: Có quan trọng lắm hay không?

Chúng ta xem chú giải. Đoạn chú giải này hết sức khẩn yếu, có mối quan hệ mật thiết với niềm kỳ vọng trong sự tu học của chúng ta trong hiện thời: “Đại Thừa chi pháp, kỳ yếu tại tâm” (Điều quan trọng trong pháp Đại Thừa là tâm). Khác với pháp Tiểu Thừa, pháp Tiểu Thừa chú trọng sự tướng, chú trọng những chuyện vụn vặt trong cuộc sống. Pháp Đại Thừa coi trọng tâm thanh tịnh, khác hẳn! “Tâm cụ dị tri, sắc cụ nan giải” (Tâm trọn đủ dễ biết, sắc trọn đủ khó hiểu), “cụ” là trọn đủ. Kinh nói trong tâm trọn đủ vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, chúng ta nghe xong, dường như có thể hiểu tình hình ấy. Sắc là sắc tướng, nhưng nghe nói sắc tướng cũng trọn đủ thì chẳng dễ hiểu, khó hiểu lắm. “Cổ Chỉ Quán vân, nhân thông dị thức, quả cách nan tri” (Vì vậy, sách Chỉ Quán nói: “Nhân do tương thông nên dễ biết, quả do sai khác nên khó hiểu”). “Quả” là quả báo, quả báo có tới mười pháp giới; còn nói tới nhân thì mười pháp giới có nền tảng là một cái nhân, tức là tâm. Mười pháp giới chỉ do tâm hiện, chỉ do thức biến. Thức là Dụng (tác dụng) của tâm, chẳng phải là bản thể của tâm, mà là tác dụng của tâm. Tác dụng của tâm còn có thuận, nghịch, có tác dụng thuận tánh, có tác dụng trái nghịch tự tánh. Thuận theo tự tánh, liền biến thành quả báo trong tứ Thánh pháp giới; trái nghịch tự tánh, liền biến thành quả báo trong lục phàm. Thuận, nghịch là gì? Chúng ta khởi tâm động niệm, thuận theo tâm thanh tịnh bèn gọi là “thuận tánh”. Khởi tâm động niệm mà tâm chẳng thanh tịnh bèn là “trái nghịch tự tánh”. Tôi nói theo cách này, chư vị tương đối dễ hiểu hơn!

Chân tánh là gì? Tôi dùng tâm thanh tịnh để nói. Thật ra, nói theo cách này cũng chẳng sai, vì tựa đề Kinh Vô Lượng Thọ là thanh tịnh, bình đẳng, giác. Do vậy, nói thật ra, tông chỉ tu hành trong Kinh Vô Lượng Thọ là thanh tịnh, bình đẳng, giác. Nói ba thứ, nhưng nói thật ra, ba thứ ấy chính là Tam Bảo. Tôi nghe nói hiện thời có chẳng ít đồng tu muốn phát tâm quy y, quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Thanh tịnh là Tăng Bảo, bình đẳng là Pháp Bảo, giác là Phật Bảo; do đó, Tam Bảo đều ở trong tựa đề Kinh Vô Lượng Thọ. Đây là tổng cương lĩnh trong sự tu học Đại Thừa. Vì vậy, Kinh Vô Lượng Thọ hay lắm, nói thật ra là toàn bộ Thể, Tướng, Dụng đều ở trong tựa đề Kinh. Vô Lượng Thọ là Chân Như bản tánh, là Thể. Trang Nghiêm là Tướng. Trang Nghiêm là gì? Tây Phương có tên là Thế Giới Cực Lạc, Cực Lạc là trang nghiêm, trang nghiêm hoàn mỹ chẳng thiếu khuyết. Trang nghiêm nói đơn giản là “hình tượng”. Thuận tánh thì hình tượng thiện, chẳng thuận tánh là hình tượng bất thiện. Tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác, sẽ biến hiện các ác tướng địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh trang nghiêm, chẳng thể nói không phải là trang nghiêm, vẫn là trang nghiêm! Do vậy, danh từ “trang nghiêm” có phạm vi hết sức rộng rãi. Y báo và chánh báo trong mười pháp giới đều có thể gọi là “trang nghiêm”. Trong trang nghiêm, có sự tốt xấu khác nhau, thiện ác khác nhau, gọi chung là “trang nghiêm”. Vì vậy, Trang Nghiêm là tướng, Vô Lượng Thọ là Thể, “thanh tịnh, bình đẳng, giác” là tu nhân. Chúng ta phải nên biết tu như thế nào thì mới

có thể chứng đắc sự trang nghiêm trong Cực Lạc, đó là trang nghiêm viên mãn rốt ráo.

“Cổ quán Tự, quán Tha, giai tu tâm quán” (Vì thế, quán Tự hay quán Tha đều là tu tâm quán). Chúng ta không chỉ phải ghi nhớ hai câu này, mà còn phải biết dùng. Nhà Thiền thường gọi “quán Tự” là “quán tâm”. Quán Tự là quán khởi tâm động niệm của chính mình, có thể biết khởi tâm động niệm của chính mình là thiện hay ác. Đó là giác, chứ không mê. Quán Tha là quán khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác của kẻ khác. Thật ra, quán Tha là quán Tự, vì quán sát khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác của người khác có ảnh hưởng đến ta hay không? Ví như người khác tán thán ta, ta rất khoái chí, rất hoan hỷ, ta đã bị kẻ khác lay động mất rồi! Người khác chửi ta mấy câu, ta giận dữ, mấy ngày chẳng nguôi giận, đó là chẳng thể làm chủ chính mình, bị cảnh giới bên ngoài lay chuyển. Bị cảnh giới bên ngoài lay chuyển thì người Hoa nói là Phong Thủy. Phong là gì? Bên ngoài. Thủy ví như cái tâm của chính mình. Gió vừa thổi, tâm ta bèn chuyển động, ngay lập tức cuộn cuộn nổi sóng. Phong Thủy có ý nghĩa như thế đó. Khi nào gió cảnh giới bên ngoài thổi như thế nào đi nữa, tâm ta như như bất động. Thừa cùng quý vị, chẳng bị ngoại cảnh chuyển, từ rày trở đi, chẳng cần xem Phong Thủy chi hết, vì Phong Thủy chẳng còn dính dáng với quý vị nữa! Quán Tha chính là quán điều này: Chúng ta có còn bị ngoại cảnh ảnh hưởng hay không? Có thể nói quán Tự hay quán Tha đều nhằm

**tu cái tâm thanh tịnh của chính mình, đều là tu thanh tịnh, bình đẳng, giác cho chính mình. Đó gọi là “biết tu hành”.**

“Kim quán Tịnh Độ, tu cầu u tâm, tâm năng cụ cố, tâm năng tạo cố, tâm cầu, độ cầu, tâm tịnh, độ tịnh” (Nay quán Tịnh Độ, cần phải cầu nơi tâm. Do tâm có thể trọn đủ, do tâm có thể tạo, nên tâm như, cõi nước như, tâm sạch, cõi nước sạch). Những câu này hết sức quan trọng. Nếu thật sự hiểu phương pháp và đạo lý này để tu hành, không có gì chẳng thành tựu. Chẳng biết đạo lý và phương pháp tu hành này, dầu dụng công như thế nào, công phu cũng chẳng đắc lực. Đây chính là thật sự dạy cho chúng ta biết cương lĩnh tu hành. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều vốn sẵn có trong tự tâm. Thế Giới Cực Lạc do tự tâm tạo, Thế Giới Sa Bà cũng do tự tâm tạo. Tâm tạo vạn vật. Tâm chẳng thanh tịnh, cõi nước là hoàn cảnh, hoàn cảnh sẽ chẳng thanh tịnh. Tâm thanh tịnh, hoàn cảnh liền thanh tịnh. Thật vậy! Trong Kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật đã nói bao nhiêu lượt, nói rất thấu triệt: “Nhược năng chuyển cảnh, tắc đồng Như Lai” (Nếu có thể chuyển cảnh, ắt giống như Như Lai). Vấn đề hiện tại là cái tâm của chúng ta có thể chuyển cảnh, hay là bị hoàn cảnh chuyển? Nói “tâm chúng ta bị hoàn cảnh chuyển”, thưa cùng quý vị, đó là giả, là sai lầm, là mê, quyết định chẳng phải là giác. Tâm chuyển cảnh là thật, chẳng giả tí nào, vì sao? Hết thấy chỉ do tâm tạo. “Ứng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo” (Hãy nên quán tánh pháp giới, hết thấy chỉ là tâm tạo): Tánh là tánh thể. Bản thể của hết thấy vạn pháp là tâm tạo, tâm biến, tâm hiện. Trong hai câu ấy,

“tâm trọn đủ, tâm tạo, tâm cấu, tâm tịnh” chính là nguyên lý của y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, là Thật Tướng và chân tướng của y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới.

Nay chúng ta nói hoàn cảnh không tốt, chuyển hoàn cảnh như thế nào? Chuyển từ tâm địa. Người thế gian hiện thời nghĩ đủ mọi phương pháp để làm đẹp hoàn cảnh, chẳng biết chuyển hoàn cảnh từ tâm địa. Hoàn cảnh bên ngoài dẫu chung dọn đẹp đẽ cách mấy đi nữa, nhưng trong lòng ưu sầu, vướng mắc, phiền não quá nặng, dẫu có hoàn cảnh đẹp đẽ, chẳng thể nào thưởng thức! Nếu tâm địa thật sự thanh tịnh, chẳng cần cố ý làm đẹp hoàn cảnh, nó có vẻ đẹp tự nhiên. Thơ cổ nhân có câu: “Lục mãn song tiền, thảo bất trừ” (Trước song chẳng nhỏ, cỏ xanh um), quý vị thấy rất đẹp. Đó là gì? Bên ngoài đủ thứ cây cỏ mọc lung tung, chẳng cắt xén, cứ để mặc nó, nó có một vẻ đẹp tự nhiên. Nay chúng ta cố ý dùng sức người tạo tác, chẳng phải là vẻ đẹp tự nhiên, nói thật thà thì sinh thái tự nhiên đã bị phá hoại. mấy câu này dạy chúng ta tu hành phải coi trọng tu tâm, tu tâm bèn coi trọng tâm địa thanh tịnh. Để đạt được tâm địa thanh tịnh, phải buông hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống. Quý vị chẳng buông những thứ ấy xuống, tâm quý vị làm sao có thể thanh tịnh cho được? Do đó, nói thật thà, cái tâm của chúng ta khởi tâm động niệm đều là thị phi, nhân ngã, chẳng phải là toan tính tự tư tự lợi cho chính mình, thì cũng là người khác trở ngại chúng ta. Hằng ngày khởi ý niệm ấy, đó là chướng ngại trọng đại trong sự tu hành.

Vì thế, bộ Kinh này dạy chúng ta phương pháp: Hễ khởi tâm động niệm bèn tưởng Phật, niệm Phật. Chúng ta là phàm phu, tập khí nghiệp chướng từ vô lượng kiếp đến nay rất nặng, chẳng thể không tưởng, suy tưởng chẳng ngừng, suy nghĩ loạn xạ, căn bệnh ấy cũng rất nặng. Nay Kinh dạy chúng ta hãy gom những suy tưởng loạn xạ thành một tưởng, tức là tưởng A Di Đà Phật, tưởng y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, chẳng dấy lên một niệm tưởng gì khác. Nếu tưởng khác, ngay lập tức buông xuống loạn tưởng ấy, ta tưởng Thế Giới Cực Lạc, tưởng A Di Đà Phật, niệm A Di Đà Phật, dùng phương pháp này để khôi phục tâm địa thanh tịnh. Nếu không, niệm Phật hiệu, niệm Kinh này, há có ý nghĩa gì? Chỉ dùng phương pháp này để khôi phục cái tâm thanh tịnh, chế phục hết thảy vọng tưởng mà thôi!

**“Thử do thông thị, vị thị đích luận” (Điều này vẫn còn là nói chung chung, chưa phải là luận định đích xác). Đúng thế! Đây là nói tới nguyên lý, tất cả hết thảy các pháp Đại Thừa thảy đều căn cứ trên nguyên lý này. Có thể nói bộ Kinh này là tinh yếu nhất trong các điều tinh yếu, bộ Kinh này “đích tại nhất tâm, đốn tu Tam Quán” (Đích thực là chú trọng nhất tâm, tu Tam Quán mau chóng), đây là nói đến Tịnh Độ Tông. Cổ nhân gọi phương pháp tu hành trong Tịnh Độ Tông là Đại Thừa của Đại Thừa, viên nhất trong các pháp viên, nhanh chóng nhất trong các pháp đốn, xác thực đã nắm được điều tinh yếu này, đó chính là Nhất Tâm Tam Quán. Tam Quán chẳng tu theo thứ tự, mà là đốn tu, tu một là tu hết thảy. “Thử Quán quán u**



**An Dưỡng y chánh” (Phép Quán này quán y báo và chánh báo của cõi An Dưỡng), An Dưỡng là Thế Giới Cực Lạc. “Y chánh”: Y báo là hoàn cảnh, chánh báo là người và vật. Chúng ta quán hoàn cảnh của Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, thấy Phật và các vị Bồ Tát bên ấy thì Phật và Bồ Tát là chánh báo. “Tất cánh thanh tịnh” (Rất ráo thanh tịnh), nói theo cách hiện thời, Phật, Bồ Tát là hoàn cảnh nhân sự, cây cối, hoa, cỏ, cung điện, vườn, rừng là hoàn cảnh vật chất để cư trụ. Hoàn cảnh nhân sự thanh tịnh, hoàn cảnh vật chất thanh tịnh. Dạy chúng ta hãy quán những hoàn cảnh ấy, thấy chúng thanh tịnh, dùng phương pháp ấy để dẫn khởi cái tâm thanh tịnh của chúng ta. “Danh tâm quán tịnh, thử Quán năng linh tứ Phật độ tịnh” (Gọi là tâm quán tịnh, phép Quán này có thể khiến cho bốn cõi Phật thanh tịnh). Cõi Phật có bốn loại: Cõi Thường Tịch Quang, cõi Thật Báo Trang Nghiêm, cõi Phương Tiện Hữu Dư, và cõi Phàm Thánh Đồng Cư, bốn cõi đều là Tịnh Độ. “Nur thị phương vi thử Kinh Tông Trí” (Nur thế mới là Tông Trí của Kinh này), đây mới là tông chỉ và nguyên lý tu hành của bản Kinh này.**

Trong Thế Giới này, bất luận hoàn cảnh nhân sự hay vật chất đều chẳng thanh tịnh. Không chỉ chẳng thanh tịnh, mà trong thời đại của chúng ta, có thể nói là ô nhiễm nghiêm trọng tới cùng cực. Điều này có ảnh hưởng hết sức to lớn đối với tâm lý chúng ta, vì chúng ta chẳng phải là Thánh nhân, sẽ bị hoàn cảnh bên ngoài ảnh hưởng. Là phàm phu, tâm bị cảnh chuyển. Tu hành bất luận theo phương pháp nào đều hết sức khó

khăn, chẳng dễ gì thành tựu. Dùng phương pháp Tịnh Độ, thật sự là có chỗ thù thắng so với hết thảy các phương pháp khác, nhưng phải biết dụng công. Chẳng biết dụng công thì vẫn không được. Có chẳng ít người biết lý luận và phương pháp, biết phải nên làm theo cách như vậy, nhưng cứ khăng khăng chẳng chịu làm như vậy, vì sao? Chẳng thể buông xuống. Vì sao chẳng thể buông xuống? Nói thật ra là do chưa hiểu lý luận triệt để, có hoài nghi, muốn làm, nhưng chẳng dám làm, đó là chướng ngại, Phật môn gọi chuyện này là “nghiệp chướng”. Trừ chẳng sạch nghiệp chướng, muốn làm mà không dám làm, sợ sệt, sợ sệt điều gì? Chẳng giữ nổi thân mạng, sợ ngày mai đói lạnh, sợ ngày mai chết đói! Ta hết thảy đều buông xuống thì ngày mai sẽ sống như thế nào đây? Ai sẽ chăm sóc ta? Vì thế, tuy biết là phải nên làm như thế nào, kết quả là vẫn chẳng dám làm, vẫn luân hồi trong lục đạo, vẫn làm phàm phu sanh tử!

Có mảy may chẳng thể buông xuống, tâm sẽ không thanh tịnh. Điều này còn được diễn tả là “tri dị, hành nan”, tức là biết dễ dàng, làm rất khó. Biết dễ, làm khó! Chúng ta nghe nói như vậy cũng thấy rất có lý; thật ra, đạo lý ấy chẳng phải là chân lý, chân lý là gì? Chân lý hoàn toàn đảo ngược, tức là “biết khó, làm dễ”, đó là chân lý. Quý vị biết dễ, làm khó, tức là quý vị biết chưa đủ triệt để. Nếu thật sự biết triệt để, sẽ buông xuống dễ dàng, thành Phật chẳng khó! Quý vị thấy là chiếu theo phương pháp trong Kinh này, Kinh Di Đà và Kinh Vô Lượng Thọ giảng rõ ràng hơn: “Hoặc một ngày” cho đến “hoặc bảy ngày” bèn thành Phật, thành Phật có khó khăn chi? Chẳng khó! Khó ở chỗ quý vị chẳng chịu buông

xuống. Khó ở chỗ quý vị chẳng biết triệt để, lại chẳng thật thà! Người thật sự thật thà chuyện gì cũng chẳng biết, nhưng thầy dạy như thế nào, người ấy bèn chịu làm, chẳng hoài nghi, thật sự chịu làm theo. Dạy người ấy buông xuống, liền triệt để buông xuống, người ấy có thể làm được. Tuy người ấy chẳng hiểu lý luận, nhưng chịu làm, đó gọi là thật thà, là thiện căn sâu dày. Chúng ta lại thua kém những người ấy, nên tu hành đúng là khó khăn!

Tiếp theo đó, sách nói bốn loại Tịnh Độ là quả báo, chỉ cần quý vị chịu tu cái nhân, nhất định có thể chứng quả báo thù thắng: “Tứ chủng Tịnh Độ, vị Phàm Thánh Đồng Cư độ, Phương Tiện Hữu Dư độ, Thật Báo Vô Chướng Ngại độ, Thường Tịch Quang độ dã” (Bốn loại Tịnh Độ là Phàm Thánh Đồng Cư độ, Phương Tiện Hữu Dư độ, Thật Báo Vô Chướng Ngại độ, Thường Tịch Quang độ). Trước hết, kể tên bốn loại Tịnh Độ rồi mới nói “tịnh uest chi tướng” (tướng như sạch). “Các hữu tịnh uest” (Mỗi cõi đều có tịnh và uest): Đối với bốn loại Tịnh Độ này, nói thật ra, Ngài nói tịnh và uest là nói so sánh, chứ như chúng ta thấy, các cõi ấy đúng là thanh tịnh tốt bậc. “Ngũ Trược khinh trọng, Đồng Cư tịnh uest” (Ngũ Trược nặng hay nhẹ là sự tịnh uest trong cõi Đồng Cư). Đây là nói tới cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, nhất định sẽ có Ngũ Trược, Kinh Di Đà đã nói rất rõ ràng. Trong Ngũ Trược, thật sự quan trọng là Kiến Trược và Phiền Não Trược, vì sao? Hai loại này là nhân, ba thứ khác đều thuộc loại quả báo. Chỉ cần đoạn trừ hai thứ này, ba thứ kia đều chẳng có. Kiến là gì? Kiến giải, tư tưởng. Tư tưởng

và kiến giải sai lầm, sẽ sanh ra phiền não. Nói theo cách hiện thời, chữ Trước nghĩa là ô nhiễm. Cái tâm thanh tịnh của chúng ta bị ô nhiễm bởi các thứ tư tưởng, bị ô nhiễm bởi các thứ kiến giải, bị ô nhiễm bởi tham, sân, si mạn. Tham, sân, si, mạn là phiền não.

**Nếu chư vị đồng tu có thể nghe hiểu ý nghĩa của lời này, trong sự học Phật sẽ bài trừ rất nhiều chướng ngại. Chúng ta bị ô nhiễm bởi các thứ tư tưởng, bị ô nhiễm bởi các thứ kiến giải. Nếu quý vị hiểu lời này, tốt nhất là hết tẩy tạp chí, báo chí đều chẳng xem, vì sao? Tránh bị ô nhiễm. Không chỉ chớ nên xem những thứ ấy, mà Kinh Phật cũng chớ nên xem, vì sao? Sẽ bị Phật Pháp ô nhiễm. Vì lẽ đó, Đức Phật nói những pháp ấy cũng hại chết người, chẳng phải là chuyện tốt đẹp. Quý vị thấy trong Thần Tông, đừng nói là bị ô nhiễm bởi Phật Pháp hay bởi Kinh Điển, mà ngay cả một câu A Di Đà Phật cũng là ô nhiễm. Họ nói niệm Phật một tiếng, còn phải súc miệng ba ngày, sợ bị danh hiệu A Di Đà Phật ô nhiễm! Trong tâm thanh tịnh, chẳng lập một pháp, há có A Di Đà Phật? Vốn chẳng có một vật, hễ có A Di Đà Phật tức là còn có một vật. Vậy thì làm sao có thể trừ sạch ô nhiễm nơi tư tưởng và kiến giải? Thần Tông dùng phương pháp rất triệt để, ngay cả căn cội cũng trừ sạch. Phật Pháp mà còn chẳng thể xem, pháp thế gian càng chẳng cần phải nhắc tới! Ô nhiễm bởi Phật Pháp nhẹ hơn một chút, ô nhiễm bởi pháp thế gian nặng hơn.**

Vì thế, hễ nói đến tâm địa thanh tịnh thì chẳng thể tiếp nhận loại ô nhiễm này. Người sống trong một khu vực chưa được khai hóa, đối với hết thảy các học thuyết và tư tưởng trong thế gian, họ đều không biết. Mặt Trời mọc bèn làm lụng, mặt Trời lặn liền nghỉ ngơi, chưa từng bị ô nhiễm, cuộc sống cũng rất tự tại, cũng rất hạnh phúc, sống cuộc đời nguyên thủy. Họ có thể thành Phật hay không? Chẳng thể thành Phật! Nguyên nhân ở chỗ nào? Họ còn có một đại chương ngại mà chẳng có cách đột phá, chương ngại gì vậy? Vô minh. Chúng ta gọi sự ô nhiễm ấy là tà kiến, đọc nhiều Phật Pháp cũng sanh ra tà tri tà kiến, nguyên nhân ở chỗ nào? Nguyên nhân là vì quý vị không hiểu Phật Pháp, hiểu lầm Phật Pháp. Học Phật Pháp theo kiểu chúng ta, ba đời chư Phật trông thấy đều ứa lệ, than oan uổng. Vì sao? Quý vị hiểu Phật Pháp sai be bét! Hiểu sai như thế nào? Quý vị ngỡ là trong Phật Pháp thật sự có ý nghĩa, tức là hiểu sai bét mất rồi. Tất cả hết thảy các pháp do Đức Phật đã giảng đều chẳng có ý nghĩa; do đó, bài kệ Khai Kinh có câu: “Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa”, có mấy ai có thể hiểu nghĩa chân thật? Nghĩa chân thật là tâm thanh tịnh. Nghĩa chân thật là “hoàn toàn không có ý nghĩa!”

Vì lẽ đó, Phật, Bồ Tát dạy chúng ta, dạy quý vị hãy lia tướng ngôn thuyết, lia tướng danh tự, lia tướng tâm duyên, đó là đúng, chẳng sai tí nào! Phật trông thấy liền sanh hoan hỷ, quý vị thật sự hiểu nghĩa chân thật của Như Lai, chẳng hiểu sai ý nghĩa, đó là dạy quý vị thứ gì cũng đừng nên chấp trước. Đức Phật nói hết thảy các pháp nhằm phá sự chấp trước của chúng ta, kết quả là chúng ta không chỉ chẳng phá chấp trước,

mà lại còn chấp trước Phật Pháp, đó chẳng phải là hỏng bét ư? Do vậy, chư vị phải biết nguyên lý và nguyên tắc này: “Tâm tịnh, cõi nước tịnh. Tâm như, cõi nước như”. Nếu chúng ta niễm trước một đồng lớn Phật Pháp, tâm cũng chẳng thanh tịnh, đương nhiên cõi nước chẳng tịnh. Vì vậy, Ngũ Trược nhẹ sẽ là Đồng Cư Tịnh Độ, Ngũ Trược nặng là Đồng Cư uế độ. Nay chúng ta cầu sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật, đối với A Di Đà Phật, nếu quý vị thật sự hiểu Lý, biết niệm, tuy niệm câu A Di Đà Phật, sẽ là “niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm”. Trong tâm thanh tịnh, một chữ A Di Đà Phật cũng chẳng niễm trước, đó là thuần Tịnh Độ, thuần tịnh.

**Chấp trước thật sự có A Di Đà Phật, thật sự có Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, như vậy thì có thể Vãng Sanh hay không? Có thể Vãng Sanh. Tâm địa quý vị niễm trước “có A Di Đà Phật”, niễm trước “có y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương”, sẽ là uế độ trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Uế độ cũng được, vẫn là vô lượng thọ, chẳng giống như Thế Giới này của chúng ta. Vì thế, tịnh rất khó, nhưng so với uế độ của hết thầy chư Phật, cõi ấy (Phàm Thánh Đồng Cư độ của Tây Phương Cực Lạc) vẫn được coi là Tịnh Độ, chúng ta cũng nên cầu sanh về đó, hãy nên tu học. Chẳng thể thành tựu cái cực cao thì nhất định cũng phải hiểu rõ, ngàn vạn phần chớ nên hiểu lầm! Điều chấp trước này (chấp có A Di Đà Phật) tốt lắm, chọn lấy điều tốt lành để cố chấp, đó chính là chí thiện, chỉ ư chí thiện. Chúng ta nói theo tầng cấp này, tức là chí thiện, chưa nói đến**

**tối thiện. Chúng ta chấp trì danh hiệu, chấp trước Tây Phương có Tịnh Độ, quyết định mong cầu Vãng Sanh, mỗi người chúng ta đều có thể làm được chuyện này. Càng tiến lên, cảnh giới càng cao hơn, chưa chắc chúng ta đã có thể làm được, nhưng chúng ta nhất định có thể làm được chuyện này. Được rồi! Chúng ta nghỉ ngơi mấy phút.**

## **TẬP 14**

Xin mở Kinh bốn, xem hàng thứ hai trong trang bảy mươi ba.

Đoạn văn này có bốn câu, nói rõ tiêu chuẩn tịnh uế trong bốn cõi Tịnh Độ. Câu đầu tiên là phân định theo sự nặng nhẹ của Ngũ Trược, đó là cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Câu thứ hai nói về cõi Phương Tiện Hữu Dư, chính là “Tích Thể xảo chuyết”, luận định sự tịnh uế trong cõi Phương Tiện Hữu Dư từ chỗ này. Tích là phân tích, Thể là thấu hiểu. Từ phân tích, bèn nhận thức vạn pháp đều là Không (đó là Tích Không Quán), phương pháp này hơi vụng về. Có thể lập tức lãnh hội vạn pháp đều là Không, đó là Thể Không Quán. Căn tánh này tương đối nhạy bén hơn. Do đó, Thể Không Quán là cõi Phương Tiện tịnh, Tích Không Quán là cõi Phương Tiện uế. Phân chia theo cách như vậy.

Câu thứ ba là nói về cõi Thật Báo, nói tới Tam Quán. Thứ Đệ Tam Quán là cõi Thật Báo uế, Nhất Tâm Tam Quán là cõi Thật Báo tịnh.

**Cõi Thường Tịch Quang được phân định tịnh hay uế dựa trên Phần Chứng và Cứu Cánh. Phần Chứng: Từ Viên Giáo Sơ Trụ đến**



**Đẳng Giác Bồ Tát đều là Tịch Quang uế độ. Cứu Cánh Giác là đã thành Phật, đoạn sạch một phẩm sanh tướng vô minh cuối cùng, đó là Tịch Quang Tịnh Độ. Do đó trong Kinh Đại Thừa có nói: “Duy Phật nhất nhân cư Tịnh Độ” (Chỉ có một mình Phật ngự trong cõi Tịnh Độ). Cõi Tịnh Độ ấy phải là Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Chúng ta phải nên biết những điều này là nói đại lược.**

**Đoạn văn tiếp đó nhằm giảng rõ ràng, tỉ mỉ bốn cõi Tịnh Độ. Trong hàng thứ nhất và thứ hai nơi trang bảy mươi bốn, thuyết minh cõi Đồng Cư. Đoạn kể từ hàng thứ ba trong trang bảy mươi lăm nói về cõi Phương Tiện Hữu Dư. Nơi hàng thứ nhất trong trang bảy mươi bảy, có bốn dòng nói về cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Trong trang bảy mươi tám, xem từ hàng thứ ba, hai hàng và một câu giảng về cõi Thường Tịch Quang. Kinh Văn và chú giải trong các đoạn ấy nói khá cặn kẽ. Đối với bốn loại Tịnh Độ này, trong khi giảng Kinh Di Đà và Kinh Vô Lượng Thọ, do đã từng nói, nên chúng tôi tỉnh lược đoạn văn này, vì cũng chẳng quan trọng cho lắm. Bởi lẽ, thời gian dành cho khóa giảng này khá ngắn, chúng ta phải chọn lựa những điểm quan trọng có liên quan đến sự tu hành của chúng ta để nói nhiều hơn một chút.**

Sau đó là tổng kết, trong trang bảy mươi chín, hàng thứ tư đếm từ dưới lên: “Cố dĩ tu tâm diệu quán, năng cảm Tịnh Độ, vi Kinh Tông dã” (Nên lấy “tu tâm diệu quán có thể cảm Tịnh Độ” làm Tông của Kinh). Chúng ta lật sang trang tám mươi, xem chú giải. Hàng thứ nhất trong

trang tám mươi, xem từ chữ thứ tư: “Thích đề Tam Quán, vi bị hà nhân, vi hà xứ dụng, tu tri chánh vị sanh Đồng Cư tịnh, cố thuyết Tam Quán” (Dùng Tam Quán để giải thích tựa đề Kinh là nhằm thích ứng với hạng người nào, dùng vào chỗ nào? Hãy nên biết: Chính vì người sẽ sanh vào Đồng Cư Tịnh Độ mà nói Tam Quán). Đây là mục đích của việc Đức Phật nói Kinh và các Tổ Sư Đại Đức giảng giải bộ Kinh này, dụng ý hoàn toàn nhắm vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Vì sao? Vì nói thật ra, chúng ta thật sự có phần nơi cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Ba cõi Tịnh Độ trên, chúng ta chưa chắc đã có phần, nhưng xác thực là có phần trong cõi Đồng Cư Tịnh Độ này. Tuy thế, chúng ta đã đọc từ Kinh Vô Lượng Thọ, Tây Phương Cực Lạc Thế Giới là một Thế Giới bình đẳng. Dầu là hạ hạ phẩm Vãng Sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, vẫn cũng có thể đạt được sự thụ dụng của thượng thượng phẩm trong cõi Thật Báo. Điều này hết sức chẳng thể nghĩ bàn! Trong hết thảy các Kinh, chẳng có cách nói này. Trong hết thảy các cõi Phật, cũng chưa nghe Đức Phật nói kiểu này. Đó là sự thù thắng trong Thế Giới Tây Phương. Vì thế, hết thảy chư Phật đều khuyên chúng sanh cầu sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới. Nói cách khác, Tịnh Độ của mười phương Thế Giới chư Phật là bất bình đẳng. Thích Ca Mâu Ni Phật có Tịnh Độ, cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Thích Ca Mâu Ni Phật tuyệt đối chẳng kém Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, nhưng chúng không ở cùng một chỗ. Bốn cõi trong Thế Giới Tây Phương ở cùng một chỗ, sanh về một là sanh về hết thảy. Đó là chỗ khiến cho Tịnh Độ của đức Bổn Sư chẳng bằng Tịnh Độ của A Di Đà Phật, chứ không phải là đức Bổn Sư chẳng có Tịnh Độ. Chúng ta phải

biết chân tướng sự thật này, mới hiểu vì sao đức Thế Tôn chẳng khuyên chúng ta sanh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chính Ngài, mà khuyên sanh về cõi Phàm Thánh Đồng Cư của A Di Đà Phật, lý do ở ngay chỗ này.

Vì vậy, chúng ta nhất định phải hiểu người nào có đủ tư cách để tu tập phương pháp tu hành được giảng trong bộ Kinh này? “Vi bị hà nhân?” nghĩa là người nào có đủ điều kiện và tư cách để tu. “Vi hà dụng xứ?” nghĩa là tu học Pháp Môn này có lợi ích gì? Có ưu điểm gì? Kế đó là nói rõ ràng. Đó là điều cần phải biết, ắt cần phải biết: Chính vì những kẻ sẽ sanh về cõi Đồng Cư Tịnh Độ mà nói Tam Quán. Nay chúng ta nương theo phương pháp này để tu hành, nói thẳng thừng, xác thực là “vì cõi Phàm Thánh Đồng Cư Tịnh Độ”. “Tùy kỳ Hoặc đoạn thiện thâm chi xứ, tự nhiên cảm đắc hữu dư đẳng tam, phi cần vi cảm Thật Báo, Tịch Quang, thuyết Tam Quán dã” (Tùy theo mức độ đoạn Hoặc cạn hay sâu mà tự nhiên cảm được ba cõi còn lại, chẳng phải chỉ vì cảm cõi Thật Báo hay cõi Tịch Quang mà nói Tam Quán). Chính vì ý Phật như vậy, nên mới có thể phổ độ chúng sanh trong chín giới, ngay cả ác đạo, Ngũ Nghịch, Thập Ác, tướng địa ngục hiện tiền, đều có thể đắc độ. Đây là bi tâm triệt để của Như Lai, hiển thị sự rộng lớn vô biên của Pháp Môn này. Còn như tiến lên ba thứ Tịnh Độ cao hơn, sẽ tùy thuộc sự tu hành đoạn Hoặc của chúng ta là sâu hay cạn. Nếu mức độ đoạn Hoặc của chúng ta sâu, sẽ tự nhiên tiến cao hơn; mức độ đoạn Hoặc nông cạn, cũng có thể sanh trong cõi Phương Tiện. Nói tóm lại, đều có thể Vãng Sanh! Đây mới

là dụng ý thật sự khi Đức Phật nói Pháp Môn này, Tổ Sư Đại Đức giảng Kinh nhắm đến mục đích này.

**Đoạn kế tiếp nói về Dụng, tức Luận Dụng. Phần trước nói về sự tu nhân, chỗ này nói về kết quả. Chúng ta nương theo phương pháp này để tu hành, sau khi đã tu sẽ có tác dụng gì? Có lợi ích gì? Ở đây, sẽ nêu ra lợi ích. “Tứ, luận Dụng. Tông thị tự hành sở tu chi pháp” (Bốn là luận về tác dụng. Tông là pháp để tự hành, tu tập), tức là phương pháp để chúng ta tự tu, “Dụng thị lợi tha sở thi chi pháp” (Dụng là pháp được lập ra nhằm lợi ích người khác). Dụng chủ yếu là nói đến lợi ích. Đã có thể lợi tha, đương nhiên tự lợi. Chính mình chẳng đạt được lợi ích, làm sao có thể lợi lạc người khác? Vì thế, nói đơn giản thì có thể nói Dụng là sự lợi ích do tu hành. Lợi ích bao gồm Tự Thụ Dụng và Tha Thụ Dụng. “Tự hành thú Lý” (Tự hành nhằm hướng đến Lý), chính mình hiểu Lý, chứng quả, “cố minh diệu quán, lợi tha nhiếp cơ” (vì thế, nói ra diệu quán nhằm lợi ích người khác, nhiếp thọ căn cơ). “Lợi tha” là có thể giúp đỡ người khác. Bản thân chúng ta đạt được lợi ích, nhất định phải đem lợi ích ấy giới thiệu với người khác, chớ nên tự tư tự lợi. Vì tự tư tự lợi chẳng phải là tâm Đại Thừa, chẳng giống tâm của A Di Đà Phật, tâm chư Phật, và tâm Bồ Tát. Tâm khác nhau; nói cách khác, chẳng cùng chí hướng với các Ngài. Chẳng cùng chí hướng, dẫu có Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, cũng chẳng có cách nào ở chung, vì sao? Tâm khác nhau, chẳng thể ở chung. Cách nghĩ, cách nhìn, các làm khác**

**nhau, làm sao có thể ở chung với nhau cho được? Vì thế, muốn đến Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, ắt phải là đại khái có cách nghĩ, cách nhìn, cách làm giống như A Di Đà Phật và đại chúng, chí đồng đạo hợp thì mới có thể hoan hỷ cùng ở chung với nhau.**

Đức Phật dạy chúng ta tu Lục Hòa Kính, Tây Phương Cực Lạc là một tăng đoàn Lục Hòa Kính viên mãn nhất. Nếu chúng ta chẳng tu Lục Hòa Kính, sẽ không thể đến Tây Phương Cực Lạc Thế Giới được. Dẫu niệm Phật tốt đẹp cách mấy, mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, vẫn chẳng thể Vãng Sanh! Tu Lục Hòa Kính từ chỗ nào? Phải tu ngay trong hiện tại, ngàn vạn phần đừng nghĩ hiện thời ta chẳng tu không sao, đến Tây Phương Cực Lạc rồi mới tu. Hiện thời chẳng có cơ sở này, người trong Thế Giới Tây Phương sẽ chẳng muốn quý vị. Vì vậy, Lục Hòa vô cùng quan trọng. A Di Đà Phật kiến lập Thế Giới Tây Phương nhằm dụng ý mong phổ độ hữu tình chúng sanh trong mười pháp giới, chúng ta phải đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh với A Di Đà Phật. Chúng ta thọ trì Kinh Vô Lượng Thọ, thọ trì năm Kinh một luận của Tịnh Tông cũng nhằm mục đích ấy.

“Hợp thông chúng thiện, tha nghi diệu quán, diệt tu giáo tu, tự hành trợ đạo, khởi phé chúng thiện. Thị cố Tông Dụng, pháp tất tề đẳng, đản hữu tự hành hóa tha chi dị nhĩ” (Bao gồm trọn các điều thiện thì cũng cần phải dạy tu các pháp diệu quán đáng nên tu tập khác. Tự hành trợ đạo, há nên bỏ các điều thiện? Vì thế, đối với các pháp thuộc Tông và Dụng thấy đều hành trọn, chỉ là có tự hành và hóa tha sai khác đó thôi). Tự hành là

hóa tha (hóa độ người khác), hóa tha là tự hành; tự hành và hóa tha là một chuyện. Hóa tha phải có cơ duyên. Cơ duyên chưa chín muồi thì chính mình nhất định phải tu tập sao cho bản thân trọn đủ các năng lực hóa tha. Cơ duyên đã chín muồi, nhất định phải tận tâm tận lực giúp đỡ người khác. Có thể thấy: Tự hành nhằm chuẩn bị cho hóa tha, hóa tha chính là tác dụng to lớn của tự hành được hiện tiền. Thật sự là cùng một chuyện! Tuy là một chuyện, nhưng xét theo hình tượng, bèn có sai biệt, nhất định phải biết điều này. Sau khi đã biết, mới biết tự hành chẳng phải vì tự tư tự lợi, chẳng phải là Tiểu Thừa, mà do duyên còn chưa chín muồi. Bản thân ta đức hạnh vẫn chưa đầy đủ, nay đang nỗ lực tu học. Trong buổi đầu của quá trình tu học, có nguyện hóa tha, nhưng chưa có hạnh hóa tha, vì chưa đủ sức để hành. Do đó, trước hết phải làm sao chính mình trọn đủ. Chẳng phải là không cho phép quý vị học rộng, nghe nhiều, nhưng trong giai đoạn thứ nhất là mong quý vị trước hết hãy đoạn phiền não, cho nên phải buông học rộng nghe nhiều xuống! Khi đoạn phiền não, nhất định là chẳng thể học rộng nghe nhiều. Hễ học rộng nghe nhiều, sẽ chẳng thể đoạn phiền não, mà chỉ là tăng trưởng tà kiến. Nói cách khác, tăng trưởng tà kiến là tăng trưởng phiền não. Ta muốn đoạn phiền não, mà lại tăng trưởng phiền não, làm sao có thể đoạn phiền não cho được?

Vì thế, giai đoạn tu hành thứ nhất là tu tâm thanh tịnh, buông xuống vạn duyên, khiến cho cái tâm định, chớ nên phan duyên. Khi ấy, chuyện tốt chẳng bằng vô sự, phải tu điều này. Đến khi chính mình đã thật sự

trọn đủ, có năng lực, hễ có duyên, nhất định phải giúp đỡ người khác. Chẳng giúp đỡ người khác tức là thiếu lòng từ bi. Khi ấy, bèn học rộng nghe nhiều, lợi ích chúng sanh. Vì lẽ đó, tự hành hóa tha là có giai đoạn, có thứ tự, nhất định phải biết điều này. Nếu rối loạn thứ tự, rất đáng tiếc, lãng phí thời gian và tinh lực, đến cuối cùng, chẳng thành một chuyện gì, rất đáng tiếc!

Tiếp theo đó là chánh thức giải thích phần Luận Dụng. “Thứ biện Kinh dụng. Dụng giả, lực dụng dã. Sanh thiện diệt ác, vi Kinh lực dụng” (Kể đến là biện định Dụng của Kinh. Dụng là lực dụng. Sanh thiện, diệt ác là lực dụng của Kinh). “Sao vân, hành giả ung tri Thể, Tông, Dụng tam, biệt minh tam pháp” (Lời Sao giảng: “Hành giả nên biết ba thứ Thể, Tông, Dụng, nói thành ba pháp riêng biệt”). Nhìn từ hình tướng, nói theo tác dụng sẽ là ba chuyện, nhưng nói theo Thể bèn là một chuyện. “Nãi tòng nhất tánh” (Nhưng đều xuất phát từ một tánh), ba chuyện ấy đều chẳng tách lìa tự tánh. “Khởi u nhị tu. Thể thị Pháp Thân, sở hiển tánh dã, Tông thị Bát Nhã, năng hiển Trí dã. Dụng thị Giải Thoát, sở khởi lực dã” (Khởi lên hai thứ tu tập là Bát Nhã và Giải Thoát. Thể là Pháp Thân, là cái tánh sẽ được hiển lộ qua hai thứ tu tập. Tông là Bát Nhã, chính là cái Trí có thể hiển cái tánh ấy. Dụng là Giải Thoát, là lực được đẩy lên từ cái tánh ấy). Thể là một, “nhị tu” là Bát Nhã và Giải Thoát. “Nhị tuy tu thành, tu tri bốn cụ” (Hai thứ ấy (Bát Nhã và Giải Thoát) tuy do tu thành, nhưng cần biết là chúng vốn sẵn có). Thật ra, những cái được



**gọi là “tu thành” vốn sẵn trọn đủ trong bản tánh. Nếu tánh chẳng vốn sẵn có, dẫu tu, cũng chẳng thể thành tựu. Vô lượng trí huệ vốn sẵn có trong tự tánh. Chính vì vốn sẵn có, nên trong các bộ Kinh Đại Thừa, Đức Phật đã nói “viên mãn Bồ Đề, quy vô sở đắc”. Ý nói: Quý vị tu thành Phật, bèn đạt được gì? Thứ gì cũng chẳng đạt được! Thứ gì cũng chẳng đạt được, chính là chẳng thiếu khuyết thứ gì. Thứ gì cũng chẳng thiếu khuyết vì tự tánh vốn sẵn trọn đủ, chẳng phải là từ bên ngoài mà có. Bên ngoài chẳng có một pháp nào để đạt được. Thật sự hiểu rõ bên ngoài chẳng có một pháp nào để có thể đạt được, nên chúng ta mới thật sự quay về tu nơi tánh, tu nơi tự tánh. Phải ghi nhớ: Bên ngoài chẳng có một pháp nào để có thể đạt được!**

Nay mọi người đều quên khuấy chuyện này, đều cầu pháp ngoài tâm. Cầu pháp ngoài tâm sẽ cầu được gì? Những gì cầu được toàn là của người khác. Ví như học giảng Kinh, chẳng tu tự tánh, chẳng tu sao cho cái tâm của chính mình thanh tịnh, cứ đi tìm chú giải của người khác. Xem Kinh Điển của Thích Ca Mâu Ni Phật để nghiên cứu, vậy thì giảng cả đời vẫn là giảng những chuyện của Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng phải là của chính mình. Nương theo chú giải của cổ nhân thì toàn bộ đều là những thứ thuộc về cổ nhân, chẳng có mảy may gì liên quan đến tự tánh, đó là sai lầm. Người thật sự biết tu, tuy triển khai các Kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng, nhưng Kinh Điển hề triển khai bèn tương ứng với tự tánh của chính mình. Nhờ vào Kinh bản của Phật để triển khai Quán Vô Lượng Thọ Kinh trong tự tánh của ta, dẫn khởi Kinh trong tự tánh

của ta. Ta giảng là giảng Quán Vô Lượng Thọ Kinh trong tự tánh của ta, chẳng phải là Quán Vô Lượng Thọ Kinh của Thích Ca Mâu Ni Phật. Tự tánh vốn sẵn có Kinh Điển ấy, giống hệt như Kinh Điển do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng, chẳng hai, chẳng khác. Phải tu theo cách như vậy! Đó là Đức Phật dạy chúng ta ý nghĩa chân chánh của Phật!

Giống như nến, nến thắp sáng. Bản thân ta là một ngọn nến, ta nhờ vào ánh sáng của nó để thắp sáng chính mình, đó là đúng. Nhờ vào ánh sáng của nó để thắp sáng, bản thân ta tỏa sáng, quang minh tỏa ra chẳng khác quang minh của nến. Tuyệt đối chẳng phải là ta đi theo ánh sáng của nó, vĩnh viễn được nó chiếu sáng, chính mình chẳng thể tỏa ánh sáng. Nếu chấp nhận bị chiếu sáng vĩnh viễn như vậy thì sai mất rồi! Chư vị phải luôn hiểu rõ ý nghĩa này. Sanh thiện, diệt ác, ác là vọng tưởng, chấp trước, thiện là vô lượng trí huệ và đức năng vốn sẵn trọn đủ trong bản tánh. Cũng có thể nói ác là các thứ chướng ngại trong bản tánh, xóa trừ những chướng ngại ấy, khiến cho trí huệ và đức năng trong bản tánh của chúng ta hiện tiền, đó là đúng. Đó là thật sự sanh thiện, diệt ác, là tác dụng của Kinh này.

Chúng ta lại xem đoạn kê tiếp, phần Sớ trong trang tám mươi một, hàng thứ năm từ dưới đếm lên: “Diệt ác, cố ngôn Lực” (Do diệt ác, nên nói là Lực), vì Kinh có tác dụng giúp chúng ta đoạn hết thảy ác. Dựa theo ý nghĩa này, chúng ta nói Kinh có sức mạnh, có sức tác dụng. “Sanh thiện, cố ngôn Dụng” (Do sanh điều thiện, nên nói là Dụng), nó có thể hiển phát Tánh Đức trong bản tánh, đó là chỗ hữu dụng. “Diệt ác, cố

ngôn Công” (Do diệt ác, nên nói là Công), ở đây cũng nêu ra định nghĩa của hai chữ Công Đức rất rõ ràng. Công là gì? Công là diệt ác. Đức là gì? Đức là sanh thiện. Hiện thời có rất nhiều người hiểu lầm hai chữ Công Đức, ngỡ Công Đức là gì? Đến Chùa miếu, quyên tặng một chút tiền, tức là chúng ta đã làm rất nhiều công đức! Dầu quý vị quyên tặng tiền bạc nhiều đến mấy, làm chuyện tốt nhiều đến mấy, ác niệm của quý vị có đoạn sạch hay không? Tánh Đức có hiện tiền hay không? Nếu làm rất nhiều chuyện tốt, mà ác niệm chẳng đoạn hết, Tánh Đức chẳng hiện tiền, một tí công đức cũng chẳng có!

Khi Đạt Ma Tổ Sư vừa đến Trung Quốc, nhằm đúng lúc Lương Vũ Đế đang cầm quyền. Lương Vũ Đế là đại hộ pháp lừng danh của Phật môn trong lịch sử Trung Quốc. Ông ta dựa vào sự tôn quý của ngôi đế vương, dùng tài lực của quốc gia để kiến tạo bốn trăm tám mươi ngôi Chùa, độ mấy chục vạn người xuất gia, ông ta cúng dường. Sau khi Đạt Ma Tổ Sư đến Trung Quốc, Lương Vũ Đế đến yết kiến, hướng về Đạt Ma Tổ Sư thỉnh giáo: “Công đức của trẫm có lớn hay chẳng?” Đạt Ma Tổ Sư nói lời thật thà: “Trợn chẳng có công đức”. Nói theo định nghĩa công đức ở đây, nhà vua chẳng có công đức. Lương Vũ Đế bực bội, chẳng hộ trì Tổ, nên Tổ phải đến Chùa Thiếu Lâm ngồi nhìn vách chín năm, chờ đợi Huệ Khả. Nói thật ra, những gì Lương Vũ Đế đã làm là gì? Là phước đức. Nếu vua nói “phước đức của ta có lớn hay không?” Tổ sẽ trả lời: Phước đức ấy rất lớn, chứ công đức không có. Công đức là đoạn phiền não, hiển lộ bản tánh, đó là công đức.

Do vậy, chư vị phải hiểu, trì giới có công đức hay không? Nếu trì giới đắc Định, giới ấy là công đức. Nếu trì giới chẳng thể đắc Định, trì giới sẽ là phước đức. Nói thật ra, tôi nói lời này còn phạm khuyết điểm, nhất định là phải khai Huệ thì Định mới là công đức. Nếu có Định mà chẳng khai Huệ, thì Định ấy vẫn là phước đức. Nếu Định đã là phước đức, đương nhiên Giới là phước đức. Bởi lẽ, do Giới sanh Định, do Định khai Huệ, nhất định phải khai Huệ thì Giới và Định ở phía trước mới là công đức. Nếu Huệ chẳng khai, Giới và Định đều là phước đức. Đắc Định bèn sanh trong Sắc Giới Thiên hoặc Vô Sắc Giới Thiên, chẳng thể thoát khỏi tam giới. Chẳng thoát khỏi tam giới, chẳng thể coi là có công đức. Chúng ta phải hiểu rõ ý nghĩa được bao hàm trong danh từ này. Vì thế, trì giới như thế nào thì mới có thể đắc Định? Trì giới nếu chẳng quản người khác có trì giới hay không liền đắc Định. Chính mình trì giới rất thanh tịnh, nhưng thấy kẻ này phá giới, kẻ nọ phạm giới, trong tâm bực bội. Quý vị nghĩ xem, làm sao người ấy đắc Định cho được? Tuy giới luật của chính người ấy rất thanh tịnh, nhưng thường sanh phiền não. Thấy người khác phá giới, trong tâm chẳng thoải mái, muốn chửi kẻ khác, muốn phê bình kẻ khác, trong tâm nảy sanh kiêu căng, ngã mạn: “Ta giới luật tinh nghiêm, các người chẳng bằng ta”. Kẻ ấy noi theo khuôn mẫu ấy!

Căn bệnh này từ xưa tới nay đều có, Tổ Sư Đại Đức còn chưa tránh được! Chúng ta xem truyện ký, quý vị thấy Thi Tổ của Luật Tông Trung

Quốc là Chung Nam Sơn Đạo Tuyên luật sư sống vào đời Đường, Ngài còn phạm phải bệnh ấy, Thi Tổ Luật Tông đây nhé! Khi Khuy Cơ Đại Sư đến bái phỏng, Khuy Cơ là Pháp Sư Đại Thừa, chẳng coi trọng tiểu tiết, rất tùy tiện, rất qua loa, thoát nhìn sẽ tưởng Ngài giới luật chẳng trang nghiêm. Ngài Đạo Tuyên giới luật tinh nghiêm, cảm động thiên Thần đến cúng dường. Giới luật tinh nghiêm khiến thiên Thần bội phục, giữa trưa mỗi ngày, Ngài ăn một bữa, cơm do vị Trời ấy đến cúng dường, mỗi ngày cúng dường cho Ngài. Khi Pháp Sư Khuy Cơ đến thăm, Ngài Đạo Tuyên coi thường Pháp Sư Khuy Cơ, nghĩ Pháp Sư Khuy Cơ học vấn rất khá, giảng Kinh cũng hay lắm, nhưng chẳng tuân thủ giới luật, nên xem thường! Khi Pháp Sư Khuy Cơ đến núi, Ngài Đạo Tuyên cảm thấy có thể khiến cho Pháp Sư Khuy Cơ thấy rõ: “Thiên Thần cúng dường ta, còn ông chẳng có. Giới luật của ta cao hơn ông”. Kết quả là hôm đó, vị Trời ấy chẳng đến dâng cúng, Sư phải nhịn đói suốt một ngày. Đến ngày hôm sau, Khuy Cơ Đại Sư đã rời đi, ngày hôm ấy vị Trời đó mới đến cúng dường. Sư liền hỏi vị ấy: “Vì sao hôm qua, ông chẳng đến cúng dường?” Vị Trời ấy liền nói: “Hôm qua có bậc Đại Thừa Bồ Tát ở trên núi, Thần hộ pháp bảo vệ khắp núi, tôi chẳng vào được!” Pháp Sư Đạo Tuyên nghe nói, khắp người tươm mồ hôi lạnh, hổ thẹn! Mới biết chính mình kiêu căng, ngã mạn, thật sự cầu sám hối.

Do vậy, Đại Thừa và Tiểu Thừa khác nhau. Tiểu Thừa chú trọng sự tướng, Đại Thừa coi trọng tâm thanh tịnh. Tuy bề ngoài dường như chẳng tuân thủ giới luật, nhưng tâm địa thanh tịnh hơn quý vị. Quý vị giới luật

rất đoan nghiêm, nhưng tâm địa chẳng thanh tịnh như người ta! Vì thế, trong pháp Đại Thừa, giới luật Đại Thừa luận tâm, chẳng luận sự. Giới Đại Thừa là giới nơi tâm, chẳng nhấn mạnh sự tướng. Giới luật Tiểu Thừa luận sự, chẳng luận tâm. Giới luật Tiểu Thừa chú trọng bề ngoài, tâm địa thanh tịnh hay chẳng thanh tịnh, không bàn đến! Vì thế, kết tội cũng giống như thế. Ví như nói đến sát sanh, trong giới Tiểu Thừa, sát hại thân mạng chúng sanh là phá giới; trong tâm nghĩ giết, nhưng trọn chẳng giết thì chẳng phá giới. Họ luận sự, chẳng luận tâm, giống như pháp luật hiện thời xử án, hoàn toàn phải có chứng cứ sự thật, cách nghĩ trong tâm như thế nào chẳng quan trọng, chẳng coi đó là chuyện phạm pháp. Giới luật Đại Thừa khác hẳn. Giới luật Đại Thừa luận tâm, chẳng luận sự. Trong tâm dấy lên ý niệm, ta muốn giết kẻ khác, tức là phá giới! Trên sự thật, có giết hay không? Chưa giết, tuy chưa giết, đã là phá giới. Nếu nói Đại Thừa Bồ Tát giết một người, nhưng trong tâm chẳng động một niệm, trọn chẳng nghĩ đến chuyện giết người đó, tức là chẳng phạm pháp, chẳng phá giới. Họ luận tâm, chẳng luận sự. Giới Tiểu Thừa luận sự, chẳng luận tâm, khác nhau! Vì thế, đoạn ác sanh thiện trong Đại Thừa hoàn toàn nói theo tâm tánh, chẳng giống Tiểu Thừa. Tiểu Thừa nói theo sự tướng.

Vì thế, chúng ta cũng phải phân biệt rõ ràng công đức và phước đức. Có cần phải tu phước đức hay không? Phải tu, chẳng thể nào không có phước! Không có phước thì làm chuyện gì cũng đều gặp khó khăn, có phước sẽ làm làm việc thuận tiện. Như chúng tôi, tôi chẳng có phước,

trong đời quá khứ tu huệ, chẳng tu phước, nên đời này rất khổ, sống cuộc đời rất khổ sở, duyên giúp đỡ chúng sanh cũng chẳng trọn đủ. Xác thực là phải phước huệ song tu.

**Chúng ta xem đoạn văn kế tiếp: “Thử giai thiên cử, cụ luận tất bị” (Những điều này đều là nêu riêng một điều, phải nói trọn hết thì mới là đầy đủ). Ở đây nói tới lực, dụng, công, đức, mỗi chữ đều là nói tách rời, đó gọi là “thiên cử”, nhưng xét theo tác dụng thì lực, dụng, công, đức đều viên mãn. “Khổ thị ác quả, tham, khuể, si thị ác nhân, ác nhân bất trừ, quả bất đắc tạ” (Khổ là ác quả, tham, giận, si là ác nhân. Chẳng trừ ác nhân thì quả chẳng thể tàn diệt được). Khổ là lực đạo luân hồi, đó là chân khổ. Cái nhân của khổ là gì? Là tham, sân, si, “khuể” là sân khuể. Tham, sân, si là khổ nhân. Khổ nhân rất nhiều, nhưng ba điều này quan trọng nhất. Nếu nói chi tiết, sau tham, sân, si, còn có ngạo mạn và hoài nghi Thánh giáo, chẳng thể tin nhận giáo huấn của chư Phật, Bồ Tát, Tổ Sư, Đại Đức, đó là Nghi. Lại còn có cách nghĩ sai lầm, cách nhìn sai lầm, đó là ác kiến, càng nhiều hơn nữa! Những thứ ấy đều là khổ nhân. Nếu chẳng dẹp trừ khổ nhân, quý vị mong lìa khổ, được vui, chắc chắn sẽ không đạt được. “Thị cố thử Kinh năng linh Ngũ Nghịch tội diệt, Vãng Sanh Tịnh Độ, tức thị thử Kinh chi đại lực dụng dã” (Vì vậy, Kinh này có thể diệt tội Ngũ Nghịch, Vãng Sanh Tịnh Độ. Đây chính là lực dụng to lớn của Kinh này). Bộ Kinh này có thể khiến cho kẻ phạm tội Ngũ Nghịch, Ngũ Nghịch khổ nhất, khổ đến tội bậc, đều có thể lìa khổ,**



được vui; có thể thấy lực dụng và công đức của Kinh này thật sự là thù thắng khôn sánh. Sự thù thắng ấy rốt ráo là gì? Chính là lý luận và phương pháp được nói trong Kinh này. Nếu chúng ta chẳng hiểu rõ lý luận, sẽ chẳng thể đoạn hoài nghi. Nếu chúng ta chẳng hiểu rõ phương pháp, sẽ chẳng biết cách tu như thế nào! Kinh này bày ra trước mặt, tuy là thù thắng bậc nhất, đối với chúng ta vẫn chẳng khởi lên tác dụng gì! Vì vậy, phải thật sự hiểu đạo lý và phương pháp tu hành trong Kinh này!

Vì thời gian của khóa giảng đúng là ngắn ngủi, phải nói thật sự: Bản này là bản đại lược, chẳng phải là bản hoàn bị. Bản hoàn bị tặng cho quý vị được đóng bìa cứng dày cộp như vậy, cả một bộ sách to. Bộ sách to ấy mới là bản hoàn toàn, bản này là tiết lược từ bản ấy; nhưng quý vị thấy bản ấy dày như vậy, nếu chúng tôi giảng cặn kẽ một lượt, mỗi ngày giảng một lần, giống như thông thường chúng tôi giảng Kinh một tiếng rưỡi, tối thiểu phải giảng một năm, không mất một năm sẽ chẳng giảng được. Nay chúng tôi giảng Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa, quý vị thấy bộ sách ấy, giảng từ đầu đến cuối một lượt phải giảng hơn bốn trăm lần, mỗi lần giảng một tiếng rưỡi, giảng hơn một năm, giảng mỗi ngày đấy nhé! Tôi không có đủ duyên như vậy, phải thường đi ra ngoài, một năm chỉ có thể ở tại Đài Loan bốn tháng, nên bộ Kinh này phải giảng rất nhiều năm mới có thể giảng viên mãn. Hy vọng mọi người thật sự có thể phát tâm, học kỹ càng, học đôi ba năm thành công, quý vị có thể thay tôi đi giảng ở

**ngoại quốc. Tôi chẳng cần đi ra ngoài, ngồi ở nơi đây, một năm giảng xong một bộ Kinh lớn như vậy, lại còn có thể giảng mấy bộ, sẽ thật sự hữu ích cho các vị đồng tu, có lợi ích chân thật.**

Nói thật ra, học giảng Kinh không cần lập Phật Học Viện. Từ xưa tới nay, tại Trung Quốc chưa hề nghe nói lập Phật Học Viện. Từ lịch sử Trung Quốc, chúng ta chẳng tra cứu thấy chuyện ấy, trong ngữ lục và sơn chí của các tông cũng chẳng thấy. Huấn luyện nhân tài như thế nào? Huấn luyện bằng giảng tiểu tòa, bằng lối phức giảng. Ví như buổi tối tôi giảng Kinh thì người thật sự học giảng Kinh lúc tôi giảng vào buổi tối, sẽ lắng nghe chăm chú. Tối sáng hôm sau, quý vị giảng lặp lại một lượt, học như vậy sẽ thành công. Trong quá khứ, tôi theo học với thầy Lý ở Đài Trung, cũng là giảng tiểu tòa, phức giảng. Khi đó, thầy Lý giảng Kinh Lăng Nghiêm, thầy giảng một lần, tôi cũng giảng từ đầu đến cuối một lần. Khi thầy giảng là giảng trong giảng đường cho mọi người nghe, lúc tôi giảng là giảng cho sáu bạn học nghe. Lớp học của tôi chỉ có bảy người, kể cả tôi trong số đó, tôi giảng, sáu người kia nghe, nhưng cả sáu người đều học giảng Kinh, đều là người trong nghề, nên sau khi tôi giảng xong, sáu người bọn họ sẽ phê bình, chỉ dạy tôi. Cắt gọt, mài giũa lẫn nhau như vậy thì mới có thể học thành công. Vì thế, chẳng phải là xuất thân từ Phật Học Viện.

Thật sự học giảng Kinh, nhất định phải học tiểu tòa, học tiểu tòa là học giảng. Các Pháp Sư thuộc thế hệ trước đều theo phương pháp này. Pháp Sư Diễn Bồi xuất thân từ lối học tiểu tòa Chùa Quán Tông, chính

lão nhân gia kể với tôi. Ngài cũng xuất gia từ lúc rất bé, theo học với lão Pháp Sư Đế Nhân, được cụ Đế Nhân đặt vững cơ sở, cũng là giảng tiểu tòa, bắt Ngài phức giảng. Sau này, khi Pháp Sư Đế Nhân Viên Tịch, Ngài theo học với Pháp Sư Thái Hư. Theo học với Pháp Sư Thái Hư thì quý vị thấy Pháp Sư Thái Hư giảng rất nhiều thứ. Trong Thái Hư Pháp Sư Toàn Thư, có chẳng ít bài giảng do Pháp Sư Diễn Bồi ghi chép, thay Đại Sư chỉnh lý bút ký. Xuất thân như vậy thì mới là thiết thực, kiên cố. Trong đoạn chú giải này, cũng chú thích không ít, chúng ta đọc một lần là được rồi. Quý vị xem trang tám mươi hai, đọc từ câu cuối cùng trong hàng thứ nhất.

“Tu tri diệt ác, cực ư A Tỳ” (Cần biết diệt ác thì tốt bậc là A Tỳ). A Tỳ là A Tỳ địa ngục. Đây nói tới phương diện ác, ác tới tốt bậc. Tội nghiệp như thế nào sẽ đọa trong A Tỳ địa ngục? Tạo tội nghiệp Ngũ Nghịch! Ngũ Nghịch là sát cha, giết mẹ. Cha mẹ sanh thành ta, ân nuôi dưỡng quá to, suốt đời báo đáp chẳng hết. Tội giết cha mẹ vô cùng to lớn, phải đọa A Tỳ địa ngục. A Tỳ (Avīci) là tiếng Phạn phiên âm, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Vô Gian địa ngục, tức là tội nhân chịu khổ chẳng gián đoạn, là cõi địa ngục như vậy. “Sanh thiện, chí ư Diệu Giác” (Sanh thiện thì đạt đến Diệu Giác). Trong sanh thiện thì tối thiện là thành Phật, Diệu Giác là thành Phật, còn cao hơn Đẳng Giác. Đẳng Giác Bồ Tát còn có một phẩm sanh tướng vô minh chưa đoạn. Nói cách khác, điều thiện của Ngài còn chưa đạt đến tốt đỉnh. Thành Phật thì vô minh phiền não thấy đều đoạn sạch sành sanh, sanh thiện đạt tới tốt bậc. “Phương thị Viên

Kinh lực dụng công đức” (Mới là lực dụng và công đức của Kinh Viên Giáo), lực dụng và công đức của Kinh Diển Đại Thừa Viên Giáo mới đạt đến viên mãn rốt ráo. Đây là nói các Kinh Đại Thừa, như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Viên Giác, Lăng Nghiêm, đều thuộc loại này. Tịnh Độ Tam Kinh cũng là Đại Thừa Viên Giáo, đều có đại lực dụng như vậy.

Đoạn kế tiếp dạy chúng ta: Diệt ác thì diệt ác nhân, chứ diệt ác quả thì diệt từ quả sẽ chẳng có tác dụng, chẳng trừ quả được, phải thực hiện từ nhân. Nhân là gì? Nhân nói theo tổng cương lĩnh sẽ là vọng tưởng, chấp trước. Nếu nói thô thiển một chút, sẽ là tư tưởng và kiến giải sai lầm, cùng với các phiền não tham, sân, si, mạn. Nếu chư vị thật sự hiểu đạo lý này, chúng ta đọc sách sẽ chẳng thể tùy tiện đọc. Nghe người khác giảng này nọ, cũng chẳng thể tùy tiện nghe, do nguyên nhân nào? Sách ấy có phải là một quyển sách tốt hay không? Sách ấy giúp chúng ta đoạn phiền não, hay là vẫn tăng trưởng phiền não của chúng ta? Phải biết điều này! Nếu sách ấy có thể giúp cho tâm địa chúng ta thanh tịnh; đó là sách tốt. Sách ấy khiến cho chúng ta dấy lên vọng tưởng, sách ấy chẳng phải là sách tốt. Trước đây, trong thời đại đế vương, hiện thời có rất nhiều người phản đối đế chế, nói thời đại đế vương chẳng tốt như thế này, như thế nọ. Nói thật ra, tôi nghĩ thời đại đế vương là tốt đẹp. Tôi giảng Kinh ở Tân Gia Ba, có một hôm Pháp Sư Diển Bồi và tôi tán gẫu. Sư nói: “Này Pháp Sư! Ông tán thành hoàng đế, hay tán thành dân chủ?” Tôi nói: “Tôi tán thành hoàng đế. Cố nhiên dân chủ có chỗ rất tốt, nhưng so sánh giữa

đôi bên, dân chủ có nhiều chỗ không tốt, chỗ tốt đẹp ít ỏi. Chế độ đế vương có nhiều điều tốt đẹp, chỗ không tốt đẹp ít”.

**Ví dụ như nói đến chuyện ô nhiễm về phương diện tư tưởng. Trước đây, trong thời đại đế vương chuyên chế, chẳng có tự do ngôn luận và tự do xuất bản, đó là sự thật. Quý vị xuất bản một quyển sách, phải được quốc gia thẩm tra, xét thấy ngôn luận và tư tưởng của quý vị trong ấy chẳng có hại đối với quốc dân, không đến nỗi dẫn dắt họ theo tà tư tà kiến thì mới cho phép quý vị lưu thông, cho quý vị xuất bản. Hiện thời dễ lắm, hết thấy đều tự do cởi mở. Hễ tự do cởi mở thì bất cứ tà tri tà kiến, những thứ kỳ quái cỡ nào cũng đều xỏ lồng! Chúng ta không có công phu định lực, chẳng có trí huệ, hễ tiếp xúc đều tưởng đó là thật. Vì thế, tư tưởng và kiến giải trong thế gian này bị ô nhiễm, còn nghiêm trọng hơn sự ô nhiễm trên địa cầu. Thời đại đế vương chẳng tự do, nhưng chúng ta còn có thể sống đời thái bình. Hiện thời tự do, chẳng sống được một ngày thái bình nào! Các vị nghĩ xem, thời đại nào tốt đẹp hơn? Vì lẽ đó, tôi vẫn tán thành hoàng đế tốt đẹp hơn. A! Thời gian đã hết rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này!**

## TẬP 15

Xin mở Kinh bốn, chúng ta xem trang tám mươi hai, hàng thứ tư từ dưới đếm lên, xem từ câu cuối cùng.

“Vị ác chi trọng giả, vô quá Ngũ Nghịch, Ngũ Nghịch thị nghiệp, tùng ư thượng phẩm phiền não nhi khởi” (Y nói: Điều ác không gì nặng hơn Ngũ Nghịch, Ngũ Nghịch là nghiệp khởi từ phiền não thượng phẩm). “Thượng phẩm” là phiền não rất nặng, là phiền não hết sức thô nặng, “chiêu Vô Gian khổ” (chước lấy nỗi khổ Vô Gian). “Vô Gian” là Vô Gian địa ngục, trong phần trước gọi nó là A Tỳ địa ngục.

“Thử Kinh đại lực, năng diệt thử đẳng cực trọng tam chương, tức sanh Tịnh Độ. Nhược chương tánh phi Tam Đức, hà năng Vô Gian chuyển vi Cực Lạc? Tùng cực độn căn, thả luận thập niệm sanh tối hạ phẩm. Nhược tùng lợi căn, phi bất năng sanh thượng chi bát phẩm. Dĩ kỳ Ngũ Nghịch, Thể thị Tịch Quang, cố khả ư thử tịnh tứ Phật độ” (Kinh này có sức to lớn, có thể diệt ba thứ chương cực nặng này, liền sanh về Tịnh Độ. Nếu tánh của các chương ấy chẳng phải là Tam Đức, làm sao có thể chuyển Vô Gian thành Cực Lạc? Xét theo căn cơ cực độn, lại còn nói mười niệm sẽ sanh trong phẩm thấp nhất. Nếu xét theo hàng lợi căn, không ai chẳng thể sanh trong tám phẩm thượng. Ấy là vì Thể của Ngũ Nghịch là Tịch Quang, nên có thể sanh trong bốn cõi Phật thanh tịnh ấy). Đoạn này rất khẩn yếu! Trong khi giảng Đại Kinh, chúng tôi đã từng nói: Phẩm vị Vãng Sanh cao hay thấp do gặp duyên khác nhau, đoạn này có

thể chứng minh cho chúng tôi! Nếu chúng ta gặp duyên thù thắng, không chỉ có thể tiêu trừ tội cực nặng, mà còn có thể tăng cao phẩm vị.

Duyên có hai loại:

1. Một loại là thiện hữu. Kinh gọi thiện hữu là “thiện tri thức”, chúng ta thường gọi là “thầy”. Vị thầy ấy có phải là thật sự hữu tu, hữu chứng hay không? Nói cách khác, vị ấy có thật sự hiểu rõ triệt để Tịnh Độ hay không, giúp chúng ta đoạn nghi sanh tín. Đây là một duyên rất quan trọng.

2. Một duyên khác là hoàn cảnh tu học. Trong hoàn cảnh, quan trọng nhất là đồng tham đạo hữu. Một người thành tựu thì một là nhờ thầy, hai là bạn. Có thầy tốt, mà chẳng có đồng tham đạo hữu tốt, chẳng thành tựu dễ dàng. Vì thầy chẳng thể bầu bạn cộng tu cùng quý vị, người sẽ bầu bạn cộng tu với chúng ta chính là bạn học. Vì thế, phải có đồng học thật sự tốt đẹp, có thể thường cùng ta trau giồi, rèn giũa.

Hai điều này hễ thiếu một sẽ chẳng dễ dàng! Vì thế, gặp được thầy tốt, lại còn phải có bạn học tốt. Tiếp đó là hoàn cảnh tu hành, điều này cũng rất quan trọng, nhưng quan trọng nhất là hai điều kiện trên đây. Vì thế, có thầy tốt, lại có đồng tham đạo hữu tốt, lại còn có hoàn cảnh tu học tốt, đạo nghiệp tất nhiên tăng trưởng.

Người học Phật, thời cổ nói là “tham học”. Thật ra, tham học là đi tìm ba điều kiện ấy. Đến khắp nơi xem xét, nghe nhiều, đương nhiên vẫn phải là tìm tòi một nơi phù hợp với căn tánh của chính mình, phù hợp với chí thú của chính mình. Có điều kiện tốt đẹp như thế, đặc biệt là trọn đủ



điều kiện, người ấy sẽ ở lại nơi đó, suốt đời cũng chẳng rời khỏi. Trong Cao Tăng Truyện, chúng ta thường thấy chuyện này, cả ba điều kiện ấy thấy đều trọn đủ, người tham học sẽ trụ mãi ở nơi đó. Trong xã hội hiện tiền, thường được gọi là xã hội công lợi. Nói thật thà, xã hội xưa kia thuộc loại xã hội đạo nghĩa. Làm cường đạo thô phỉ cũng có đạo nghĩa, trộm cướp cũng có đạo nghĩa! Hiện thời là xã hội công lợi, xã hội công lợi quá đáng sợ! Chẳng có đạo nghĩa! Nói cách khác, rất khó tìm được cả ba điều kiện ấy. Gặp được thầy tốt, chưa chắc đã có đồng học tốt. Có đồng tham đạo hữu tốt đẹp, chẳng có thầy tốt chỉ dẫn, hoàn cảnh tu học càng khó hơn nữa!

**Trong tình hình ấy, nói thật thà, học các Pháp Môn khác hết sức khó khăn, chỉ có mỗi cách thật thà niệm Phật là còn được, chúng ta còn có thể đạt được mục tiêu này, thật sự thật thà niệm Phật. Niệm Phật là sám hối nghiệp chướng, chúng ta biết chính mình tội nghiệp rất nặng. Nay kể như đã hiểu tội nghiệp là gì? Là khởi tâm động niệm, tà tri tà kiến, tham, sân, si, mạn, đó là nghiệp chướng. “Nghiệp” là tạo tác, là động tác. “Chướng” là chướng ngại bản tánh, chướng ngại tâm thanh tịnh, khiến cho công phu niệm Phật của chúng ta chẳng thể thành phiền, chẳng đạt được nhất tâm bất loạn, Chướng chính là ngăn chướng điều ấy! Có thể thật thà niệm Phật, hễ ý niệm vừa dấy lên, bèn dùng một câu Phật hiệu để thay thế. Niệm Phật hiệu rất siêng năng, chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp, chẳng hoài nghi, xác thực là phương pháp tiêu nghiệp chướng thù thắng nhất.**

**Kinh luận có dạy chúng ta: Nghiệp cực nặng, tất cả hết thấy phương pháp đều chẳng tiêu thì phương pháp niệm Phật có thể tiêu. Từ đoạn này, chúng ta lại thấy, tội nghiệp cực nặng vẫn có thể Vãng Sanh Thế Giới Tây Phương.**

Tội nghiệp cực nặng, lại là cực độn căn, mà vẫn còn có thể sanh trong hạ phẩm, khó có thay! Tội nghiệp cực nặng, nếu là lợi căn, còn có thể sanh trong tám phẩm trên. Trong tám phẩm trên, cao nhất là thượng phẩm thượng sanh. Nghe điều này chúng ta thấy quái lạ, tạo tội nghiệp cực nặng mà còn có thể thượng phẩm thượng sanh ư? Có thể chứ! Trong Kinh này có nói vua A Xà Thế tạo trọng tội Ngũ Nghịch, giết cha, hại mẹ, phá hòa hợp Tăng, phá hoại Tăng đoàn, đó là tội nghiệp đọa địa ngục A Tỳ. Trong Đại Tạng Kinh có bộ A Xà Thế Vương Kinh, Đức Phật đặc biệt nói về vị vua này. Nhà vua đến khi lâm chung mới giác ngộ, mới sám hối. Vua vốn phải đọa vào địa ngục, nhưng vì căn cơ rất bén nhạy, sức mạnh sám hối rất lớn, nên Vãng Sanh Thế Giới Tây Phương trong phẩm vị thượng phẩm trung sanh, đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Vì thế, chúng ta thường thấy có những kẻ tội nghiệp rất nặng, cũng chớ nên coi rẻ họ! Nói không chừng, họ một niệm sám hối, phẩm vị Vãng Sanh còn cao hơn chúng ta. Chúng ta niệm Phật suốt đời, thậm chí phẩm vị còn chẳng cao như họ! Như vậy thì chúng ta mới biết người Vãng Sanh có hai loại:

1) Một loại là bình thường niệm Phật, tích công lũy đức, loại này là Vãng Sanh thông thường.

2) Loại kia là sám tội Vãng Sanh, tức là sám hồi Vãng Sanh, khi lâm chung mới hồi hận, mới triệt để ăn năn hồi lỗi, có sức mạnh rất lớn.

Có hai loại như vậy, hai loại Vãng Sanh lớn như vậy.

Căn cứ lý luận là bất luận thiện, ác, tội, phước, hễ nói theo thể tánh, sẽ đều là Chân Như bản tánh. Vì vậy, công đức lễ sám lại chẳng thể nghĩ bàn. Chư vị phải hiểu lễ sám chẳng phải là chúng ta chiếu theo nghi thức sám hối, đối trước Phật, Bồ Tát tụng niệm, vái lạy là được! Lạy Lương Hoàng Sám, lạy Thủy Sám, lạy Đại Bi Sám, tội nghiệp có tiêu trừ hay không? Có lạy sạch tội được không? Có tiêu sạch tội nghiệp hay không, chẳng cần phải hỏi ai khác, chính mình hiểu quá rõ ràng. Tức là sau khi quý vị lạy xong, tâm quý vị có phải là thật sự thanh tịnh, có phải là thật sự hối cải, sửa lỗi đổi mới hay không? Trong khi lễ sám, trong tâm chính mình có thể hối cải, sửa lỗi đổi mới thì nghiệp chướng có thể tiêu trừ. Đến tột cùng, tiêu nhiều hay ít cũng chẳng nhất định! Có người tiêu nhiều, có kẻ tiêu ít, có người như tôi đã thấy, không chỉ chẳng tiêu mà còn tăng thêm. Càng lạy, tội nghiệp càng nhiều, vì sao? Bái sám mà vẫn sanh phiền não, đó là bái sám tăng thêm tội nghiệp. Sanh phiền não như thế nào? Khi mọi người cùng nhau bái sám, chẳng hạn như người đánh pháp khí gõ trật, người ấy bèn nổi nóng khôn cùng: “Cớ sao lại đánh sai ở chỗ ấy?” Luôn luôn cảm ràm: “Chỗ này âm thanh to, chỗ kia âm thanh quá nhỏ”. Quý vị thấy đó: Vừa bái sám, vừa kèn cựa, làm sao được? Như thế thì sẽ chẳng có tác dụng gì. Đó là chuyện thường thấy trong Đạo Tràng!

Chúng tôi giới thiệu phần Luận Dụng đến đây. Tiếp theo là giáo tướng, tức phần Phán Giáo Tướng. Hàng thứ hai trong trang tám mươi ba, đoạn thứ năm là Phán Giáo Tướng. “Thượng chi tứ chương” (Trong bốn chương trước), những phần Thích Danh, Biện Thể, Minh Tông, Luận Dụng, bốn chương trên đây, “giai thị ngôn giáo” (đều là dạy bằng lời nói), đều là Giáo. “Vị thuyên danh giáo, thuyên Thể, thuyên Tông, thuyên Dụng chi giáo dã” (Đều là những lời dạy giảng về danh giáo, tức là giảng về Thể, giảng về Tông, giảng về Dụng), đây là nói đại lược nội dung của bốn chương trước. “Nhuộc dĩ kỳ tướng nhi phân biệt chi, biệt linh lãm giả, quán chi hiển liễu. Cố ước ngũ thời, nhị tạng, Đốn, Tiệm, dĩ thị kỳ tướng” (Nếu dùng tướng để phân biệt, hòng khiến cho người xem dễ nhìn vào sẽ hiểu rõ. Vì thế, ước theo năm thời, hai tạng, Đốn, Tiệm, để trình bày tướng của Kinh này). Ngài giảng giải như vậy, kẻ sơ học như chúng ta chẳng dễ gì hiểu rõ. Nếu chúng ta nói theo cách hiện thời: Giáo giống như sách giáo khoa được sử dụng trong nhà trường hiện thời, mọi người sẽ dễ hiểu. Kinh Điển là sách giáo khoa. Trong phần trước đã giảng về danh giáo, tức là nói tới Danh, Thể, Tông, Dụng, đó là nội dung của sách giáo khoa.

**Giáo Tướng là chuyện như thế nào? Chúng ta quan sát cận kề bộ Kinh Điển này, Đức Phật nói vào thời nào? Theo cách phân loại Kinh Phật, Kinh này thuộc loại nào? Kinh Phật được phân loại rất sớm, cách phân loại sách vở hiện thời rất tinh tế, quả thật rất thuận tiện cho người đọc sách. Sớm nhất ở Trung Quốc, có thể nói cách**

phân loại sách vở là do Phật Giáo khởi xướng, chia hết thấy các Kinh thành ba loại lớn, tức là Tam Tạng, gồm Kinh Tạng, Luật Tạng, và Luận Tạng, phân loại như vậy. Vì cách phân loại trong Phật Giáo có ảnh hưởng rất lớn đến pháp thế gian, như cách phân loại trong Tứ Khố Toàn Thư là bắt chước cách chia Kinh Điển thành Tam Tạng trong Kinh Phật, sách vở thế gian được chia thành Kinh, Sử, Tử, Tập. Trong phần Kinh, lấy mười ba Kinh của Nho gia làm cương lĩnh, lại chia thành các mục nhỏ, càng chia nhỏ, càng chi tiết. Kinh Phật được phân loại sớm nhất, trong cách phân loại Kinh Điển, Kinh này thuộc loại nào. Điều này tạo thành một thứ tài liệu tham khảo để người đời sau dạy học thuận tiện, mà cũng nhằm xét xem bộ sách này rốt cuộc thích hợp cho kẻ mới học, hay thích hợp cho người tu hành đã lâu? Giống như sách giáo khoa, sắp xếp chương trình học trong nhà trường, phải biết là xếp vào loại Trung Học? Hay là xếp vào sách Đại Học? Xếp vào lớp mấy? Dùng phương pháp gì để dạy học? Việc phán giáo chủ yếu nhằm cung cấp những ý nghĩa này; nhưng kể từ xa xưa, người phán giáo rất nhiều, có các cách nhìn khác nhau. Có người cho rằng Kinh Điển này thích hợp với hàng sơ học, có người cho rằng Kinh Điển này chẳng thích hợp với hàng sơ học. Vì thế, phán giáo chẳng do Đức Phật phán định. Đức Phật chẳng nói những điều ấy, mà do người đời sau phán định. Do đó, phán giáo giúp cho chúng ta tham khảo cách nhìn của cổ Đại Đức, để cho chính mình tham khảo, đừng chấp chết cứng vào cách nói của cổ

**nhân, đó mới là tốt. Dấu sao, các Ngài đều là bậc hữu tu hữu học, những nhận định của các Ngài đáng cho chúng ta tham khảo!**

“Giáo tướng giả, thử thị Đại Thừa Phương Đẳng giáo nhiếp” (Xét theo giáo tướng, Kinh này thuộc về Đại Thừa Phương Đẳng giáo). Phật Giáo phân chia tổng quát thành Đại Thừa và Tiểu Thừa. Tiểu Thừa tựa tựa như Tiểu Học, Đại Thừa gần như là Đại Học. Miễn cưỡng thì cũng có thể thêm vào Trung Thừa, nói thông thường, Trung Thừa là gì? Chính là từ Tiểu Thừa tách ra. Vì trong Tiểu Thừa có hai loại, một loại là Thanh Văn, loại kia là Duyên Giác. Cảnh giới chứng ngộ của Duyên Giác cao hơn Thanh Văn. Nếu nói ba thừa, sẽ là Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, và Bồ Tát Thừa. Nếu nói hai thừa, thì là Tiểu Thừa và Đại Thừa. Tiểu Thừa tức là quy nạp Thanh Văn và Duyên Giác lại, gọi chung là Tiểu Thừa. Kinh này thuộc loại Đại Thừa, tức là trong hai thừa, Kinh này thuộc loại Đại Thừa. Nếu xét theo ba thừa, sẽ thuộc loại Bồ Tát Thừa.

Trong mười hai phần giáo, Kinh này thuộc loại Phương Đẳng Giáo. “Mười hai phần giáo” là nói tới hết thấy các Kinh do Đức Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, Ngài chọn phương thức nào. Các phương thức ấy giống như thể tài (genre) được sử dụng khi chúng ta viết văn trong hiện thời, có tất cả mười hai phương thức. Trong mười hai phương thức ấy, Kinh này thuộc loại Phương Đẳng. Nếu nói theo hình thức, Kinh này thuộc loại đề tài văn xuôi, thuộc loại Trường Hàng. Phương Đẳng là nói theo Ngũ Giáo, tức là nói đến thời gian, Đức Phật Thuyết Kinh này khi nào? Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong thế gian này, giảng bộ Kinh

đầu tiên là Kinh Hoa Nghiêm trong hai thất nhật, cũng có người nói là ba thất nhật. Hai thất là mười bốn ngày, ba thất là hai mươi một ngày. Đức Phật vì bốn mươi một địa vị Pháp Thân Đại Sĩ mà giảng bộ Kinh ấy, chẳng phải giảng cho nhân gian chúng ta. Nhân gian chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật tĩnh tọa dưới cội Bồ Đề, đâu biết Đức Phật giảng Kinh Hoa Nghiêm trong Định! Vì thế, có tư cách nghe Kinh thì đều phải vào trong Định của Phật thì mới có đủ tư cách đến nghe Kinh. Do vậy, người Tiểu Thừa chẳng tin Đại Thừa, cho là Đại Thừa chẳng phải do Đức Phật nói, mà do người đời sau biên soạn, chẳng phải là Phật Giáo chân thật. Họ phản đối Đại Thừa, vì sao? Đối với họ, phải là nhục nhãn trông thấy thì mới chấp nhận, chứ trong Định sẽ không tính. Ta không thấy thì không tính. Vì lẽ đó, người Tiểu Thừa chấp nhận Thích Ca Mâu Ni Phật giảng pháp Tứ Đế độ năm vị Tỳ Kheo tại Lộc Dã Uyển, họ nói Đức Phật bắt đầu thuyết pháp từ lúc đó, chẳng thừa nhận thời Hoa Nghiêm.

Kinh Hoa Nghiêm xuất hiện cũng trễ. Kinh cho biết, sau khi Đức Phật nói Kinh Hoa Nghiêm xong, Đại Long Bồ Tát đem Kinh này cất giữ trong cung rồng. Mãi cho đến sáu trăm năm sau, Long Thọ Bồ Tát xuất hiện trong cõi đời, đến chơi, thăm viếng cung rồng, thấy bộ Kinh này, mới đem Kinh về thế gian, thế gian mới có Kinh Hoa Nghiêm, mới biết có chuyện như thế. Long Thọ Bồ Tát mang Hạ Bản Hoa Nghiêm về, Ngài thấy Kinh Hoa Nghiêm có ba bản Thượng, Trung, Hạ. Bản thượng vốn có mười tam thiên đại thiên Thế Giới vi trần kệ, một tứ thiên hạ vi trần phẩm. Ngài nói phân lượng quá lớn, chúng sanh trong Diêm Phù Đề



chẳng có năng lực tiếp nhận. Xem đến bản trung, bản trung đã ít hơn rất nhiều, nhưng nhân gian chúng ta cũng chẳng thể tiếp nhận được. Lại xem đến bản hạ, bản hạ có mười vạn kệ, có bốn mươi phẩm, được rồi, người thế gian chúng ta có thể tiếp nhận, Ngài liền đem bản hạ về nhân gian. Nhưng bản dịch Kinh Hoa Nghiêm hiện thời ở Trung Quốc chẳng hoàn chỉnh, chỉ có một nửa bộ Kinh, chúng ta gọi là Lục Bản Hoa Nghiêm, gồm tám mươi cuốn. Vì thế, Kinh này chẳng hoàn chỉnh, truyền đến Trung Quốc bị thất lạc rất nhiều. Tuy Kinh bản chẳng hoàn toàn, nhưng xét theo ý nghĩa, đại khái chẳng sai biệt nhiều lắm, có thể thấy được điều này. Hiện thời, trên khắp Thế Giới, Kinh Hoa Nghiêm lưu truyền trên thế gian, có thể nói là chỉ có bản tiếng Hán nhiều nhất, Kinh Điển bằng tiếng Phạn đã bị mất.

**Thời thứ hai là A Hàm. Sau A Hàm, Đức Phật bèn giảng Phương Đẳng. Phương Đẳng là thời kỳ thứ ba. Phương Đẳng được nói ở đây chính là thời kỳ thứ ba. Thời kỳ thứ tư là giảng Bát Nhã, thời kỳ cuối cùng giảng Pháp Hoa và Niết Bàn. Đây là nói tới thứ tự Kinh giáo do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm. Bộ Kinh này được nói trong thời thứ ba, tức thời Phương Đẳng. “Phó cơ nhiếp hóa, quảng lược bất đồng, đại bản nhị quyển” (Ứng theo căn cơ mà nhiếp thủ, hóa độ, rộng, lược khác nhau, đại bản có hai cuốn). Đại Bản là Kinh Vô Lượng Thọ, “Tán Vĩnh Gia niên trung, Trúc Pháp Hộ dịch” (do Ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào năm Vĩnh Gia đời Tấn); khi chúng tôi giảng Kinh Vô Lượng Thọ có**

nhắc tới bản này, tức bản dịch của Ngài Trúc Pháp Hộ, nhưng bản dịch gồm hai cuốn này hiện thời chẳng còn, đã bị mất. Văn tự còn thấy ở chỗ này là do Trí Giả Đại Sư nói. Thuở Trí Giả Đại Sư tại thế hãy còn thấy bản này, nhưng bản này hiện nay đã thất truyền. Kinh Vô Lượng Thọ có tổng cộng mười hai loại bản dịch, thất truyền bảy bản, đây là một trong bảy bản bị thất truyền. Từ văn tự này, chúng ta có thể chứng tỏ, bản dịch của Ngài Trúc Pháp Hộ bị mất sau đời Đường. Đại Tạng Kinh hiện thời không có bản dịch này. Chữ “thử bản” chỉ Kinh này. “Thị Tổng Nguyên Gia thời, Cương Lương Da Xá ư Dương Châu dịch” (do Ngài Cương Lương Da Xá dịch ở Dương Châu vào niên hiệu Nguyên Gia đời Tống). Giới thiệu cho chúng ta biết bản Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Kinh này là bản dịch trong thời đại Lưu Tống. Tống ở đây chẳng phải là Triệu Tống, mà là thời đại Lưu Tống. Trong niên hiệu Nguyên Gia, Pháp Sư Cương Lương Da Xá là một vị cao tăng Ấn Độ đến Trung Quốc hoằng pháp, phiên dịch ở Dương Châu. “Lưỡng Kinh giai tại Vương Xá thành thuyết”, nghĩa là bộ Kinh này và Kinh Vô Lượng Thọ đều do Thích Ca Mâu Ni Phật giảng tại thành Vương Xá. “Phục hữu tiểu bản, danh A Di Đà, tại Xá Vệ quốc thuyết” (Lại có tiểu bản tên là A Di Đà, nói tại nước Xá Vệ), đây là Phật Thuyết A Di Đà Kinh do Cưu Ma La Thập Đại Sư phiên dịch, Kinh ấy được giảng tại nước Xá Vệ. Đó là ba Kinh Tịnh Độ. “A Di Đà, Vô Lượng Thọ, bỉ thử phương ngôn” (A Di Đà và Vô Lượng Thọ lần lượt là tiếng địa phương của cõi kia và xứ này), trong phần trước chúng ta đã đọc thấy A Di Đà và

**Vô Lượng Thọ có cùng một ý nghĩa, tiếng Hán là Vô Lượng Thọ, tiếng Phạn là A Di Đà.**

Kể đó, lại giới thiệu trong Tam Tạng và Nhị Tạng, Kinh này thuộc loại nào. Chúng ta xem hàng thứ tư trong trang tám mươi tư: “Nhị Tạng danh nghĩa, Bồ Tát Tạng thân” (Xét theo danh nghĩa của Nhị Tạng, Kinh này thuộc về Bồ Tát Tạng). Nhị Tạng là A Hàm Tạng và Bồ Tát Tạng, cũng là pháp Đại Thừa và pháp Tiểu Thừa. Kinh này thuộc loại Đại Thừa, thuộc loại Bồ Tát Tạng. “Tiệm, Đôn ngộ nhập, thử tức Đôn Giáo” (Xét theo sự ngộ nhập là Tiệm hay Đôn thì Kinh này chính là Đôn Giáo), nếu xét theo sự ngộ nhập, Pháp Môn này là Tiệm Giáo hay Đôn Giáo? Pháp Môn Tịnh Độ, theo cách nhìn của Tổ Sư Đại Đức từ xưa tới nay, có thể nói khẳng định là các Ngài đều nhất trí công nhận là Đôn Giáo. Vì sao? Thành tựu trong một đời, chẳng cần đợi đến đời thứ hai. Không chỉ là thành tựu trong một đời, nếu xem Kinh Di Đà, hoặc Kinh Vô Lượng Thọ, sẽ thấy bảy ngày thành tựu, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, cho đến bảy ngày, bảy ngày thành tựu, không có gì đôn hơn được! “Đôn” là đôn siêu, chẳng có thứ tự, xác thực là đôn siêu.

Nói đến chuyện thành tựu rất nhanh chóng thì chẳng có Pháp Môn nào có thể sánh bằng Tịnh Tông. Mật Tông nói “tức thân thành Phật” (thành Phật ngay trong thân này) vẫn là một đời, Pháp Môn này bảy ngày thành tựu, thật đấy, chẳng giả! Rất nhiều đồng tu tu suốt bao nhiêu năm vẫn chưa thành tựu, bèn hoài nghi chuyện “bảy ngày thành tựu”. Thật ra, Kinh chẳng sai, chính chúng ta đã phạm lỗi. Chính mình đã làm lỗi ở chỗ

nào? Chính mình chẳng mong thành tựu, thậm chí là chính mình sợ hãi thành tựu. Nếu chúng ta đả Phật Thất ở đây, phía trên treo tấm biển ghi “bảy ngày Vãng Sanh”, xem thử có ai đến hay không? Chẳng có ai đến cả! Ghê quá! Bảy ngày sẽ chết, còn ai dám đến nữa? Không có ai dám đến! Có thể thấy chúng ta nói đến thành tựu, miệng có, tâm không, chẳng phải là chân tâm. Người thật sự mong thành tựu, nhìn vào thời cổ, chẳng giả tí nào, thật sự mong Vãng Sanh. Quý vị thấy ngay như năm trước, Cư sĩ Châu Quảng Đại tại Washington DC nước Mỹ niệm Phật ba ngày ba đêm liền Vãng Sanh, có thể thấy đây là Đốn Giáo. Châu Tiên Sinh suốt một đời chưa từng nghe Phật Pháp, bị bệnh nặng, chẳng có cách nào chữa lành, gặp thiện tri thức khuyên ông ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Kể ra, ông ta rất có thiện căn, nghe xong liền tin tưởng, bảo vợ con đều niệm Phật, giúp ông ta cầu sanh Tây Phương. Ông ta chẳng cần cầu lành bệnh, niệm suốt ba ngày ba đêm, Tây Phương Tam Thánh từ trên mây giáng xuống, tiếp dẫn ông ta Vãng Sanh. Có thể thấy là “hoặc một ngày” cho đến “hoặc bảy ngày” chẳng giả. Nay chúng ta niệm mà chưa thấy Phật, Phật cũng chẳng đến tiếp dẫn, bèn biết là quý vị không chịu đi. Khi Phật hiện đến bèn sợ chết khiếp. Phật biết tâm chúng ta, chúng ta khởi tâm động niệm Ngài đều biết, quý vị là giả, Ngài sẽ chẳng đến. Nếu quý vị là thật, Ngài nhất định đến. Kinh này thuộc loại Đốn Giáo.

**“Chánh vị Vi Đề Hy cập chư thị nữ, tịnh thị phạm phu, vị chúng tiểu quả, cố tri thị Đốn, bất tùng Tiệm nhập” (Chính vì bà Vi Đề Hy và các thị nữ đều là phạm phu, chưa chứng tiểu quả, nên biết**

Kinh này là Đốn, chẳng từ Tiệm Giáo mà nhập), nói rất rõ ràng. Đôi tượng nghe Đức Phật Thuyết pháp trong Kinh này đứng đầu là phu nhân Vi Đề Hy, trong phần sau chúng ta sẽ đọc thấy. Năm trăm cung nữ trong cung đình đồng thời nghe Đức Phật Thuyết pháp. Khi ấy, nghe xong họ liền chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn, Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới. Họ chưa chứng tiểu quả, chẳng thuộc địa vị Bồ Tát tiến cao hơn từng cấp một, không có! Vì chẳng theo thứ tự, nên Kinh này thuộc loại Đốn. Chúng ta đọc chú giải một lượt: “Thử phi hóa nghi luận Tiệm, Đốn dã” (Đây chẳng phải là luận định là Tiệm hay Đốn dựa trên hóa nghi), “hóa” là giáo hóa, nói theo cách hiện thời là giáo học. “Nghi” là nghi thức, hóa nghi là nghi thức giáo học. Giống như nay chúng ta nói là sắp xếp khóa trình, tiêu chuẩn để phân định khóa trình, điều đó được gọi là “hóa nghi”. Ở đây, chẳng phải là nói tới hóa nghi là Đốn hay Tiệm. Xét theo hóa nghi là Đốn hay Tiệm thì Pháp Hoa là Đốn, Hoa Nghiêm là Đốn, những thời khác như A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã đều thuộc loại Tiệm Giáo, đều là tu học theo thứ tự.

“Kim Kinh phán tại Phương Đẳng, phi hóa nghi Đốn” (Nay Kinh này được phán định thuộc thời Phương Đẳng, nên không phải là Đốn xét theo hóa nghi), do đó, chẳng thể xét theo thứ tự thuận trong sự giáo học thông thường. “Kim chi Đốn giả, nãi ư hóa pháp” (Nay nói là Đốn, chính là xét theo hóa pháp). “Pháp” là phương pháp giáo học. “Dĩ Viên vi Đốn, nãi Đốn Giáo Tướng, phi Đốn Giáo Bộ dã” (Do là Viên nên coi là Đốn,

chính là tướng Đốn Giáo, chứ không thuộc về loại Đốn Giáo Bộ). Nếu là Đốn Giáo Bộ thì nếu chẳng thuộc vào Hoa Nghiêm Bộ, sẽ thuộc về Pháp Hoa Bộ, đó là Đốn Giáo Bộ. Kinh này thuộc Phương Đẳng Bộ, nhưng phương pháp trong Kinh lại thuộc loại Viên Đốn; nếu theo cách thức xếp đặt thông thường, Kinh này chẳng thuộc vào Đốn Giáo Bộ. “Cổ tỳ Vi Đề, tức thân đặc Nhẫn” (Tức là xét theo chuyện bà Vi Đề Hy đặc Nhẫn ngay trong thân hiện tại), phu nhân Vi Đề Hy tiếp nhận sự chỉ dạy của Thích Ca Mâu Ni Phật, sau khi nghe Kinh xong, bèn có thể chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn, đó là “đốn siêu”. Nói theo cảnh giới thấp nhất của Vô Sanh Pháp Nhẫn thì cũng là Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát. Nói nghiêm ngặt, từ Thất Địa trở lên mới chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn! Có thể thấy địa vị của bà ta chẳng tuân theo thứ tự, ngay lập tức đạt tới địa vị cao dường ấy. Tiếp đó, lời Sớ viết: “Thả Vô Sanh Nhẫn vị, tại Biệt Địa Viên Trụ” (Hơn nữa, địa vị Vô Sanh Nhẫn thuộc về Sơ Địa trong Biệt Giáo, hay Sơ Trụ trong Viên Giáo), trong Biệt Giáo là Sơ Địa, trong Viên Giáo là Sơ Trụ. “Biệt Giáo phàm phu, Kinh vô số kiếp, phương chí thử vị” (Phàm phu trong Biệt Giáo phải trải qua vô số kiếp mới đạt đến địa vị này). Nếu muốn chứng đắc địa vị này, thông thường chúng ta hay nói là phải trải qua hai A Tăng Kỳ kiếp thì mới có thể chứng đắc, đó là nói phàm phu muốn chứng quả vị này. Bà ta cũng là phàm phu, đột nhiên chứng đắc quả vị này, đó là chuyện như thế nào? Tiếp đó, sách nói: “Duy hữu viên nhân, tức sanh khả nhập” (Chỉ có người thuộc căn cơ Viên Giáo mới có thể nhập ngay trong một đời này). Có thể thấy chủng tánh của người nghe

giáo là Viên Đôn, thuộc về căn tánh ấy, nên vừa nghe liền khai ngộ, vừa khai ngộ liền khế nhập, liền nhập cảnh giới này, nhập là chúng.

**Ngộ là gì? Nhập là gì? Ngộ là hiểu rõ, hoàn toàn hiểu rõ, minh bạch, đó là khai ngộ. “Nhập” là biến các đạo lý và phương pháp ấy thành sự hành trì trong cuộc sống của chính mình, tức là thật sự đạt được thụ dụng, đó là Nhập. Có người tuy đã ngộ, nhưng chính mình chẳng thể thụ dụng, chính mình vẫn là phàm phu, vẫn khổ não, tức là tuy ngộ nhưng chẳng nhập! Phật Pháp quý ở chỗ khế nhập. Nay chúng tôi cũng đặc biệt nhấn mạnh điểm này, do đó, khuyên mọi người niệm Kinh Vô Lượng Thọ. Niệm Kinh Vô Lượng Thọ thì phải nhập cảnh giới của A Di Đà Phật, cách nhập ra sao? Tức là biến đạo lý trong Kinh Vô Lượng Thọ thành tư tưởng và kiến giải của chính chúng ta, biến các giáo huấn trong Kinh Vô Lượng Thọ thành hành vi trong cuộc sống của chúng ta, đó là Nhập. Nếu lý luận và phương pháp đều đã hiểu, nhưng chúng ta làm không được, đó là “chỉ ngộ, chẳng nhập”, vậy thì chẳng có tác dụng lớn lao gì! Chẳng thật sự được thụ dụng! Thật sự ngộ nhập thì nhất định là lìa khổ được vui trong hiện tại, ngay lập tức cuộc sống của chính mình thay đổi, xác thực là biến đổi, mạng đã chuyển, lập tức chuyển, trong tương lai quyết định sanh về Tịnh Độ. Đó mới là thật sự học Phật. Nhất định phải biến lý luận thành tư tưởng và kiến giải của chính mình, biến giáo huấn thành hành vi trong cuộc sống của chính mình, đó là điều quan trọng.**



Trong hết thảy các Kinh, chúng ta chọn lựa Kinh Vô Lượng Thọ cũng là rất có lý. Kinh Vô Lượng Thọ được hết thảy chư Phật đề xướng, đó là lý do thứ nhất. Lý do thứ hai là Kinh Vô Lượng Thọ phân lượng không nhiều lắm, nhưng những điều được giảng trong ấy, phương diện nào cũng chu đáo, rất khó có! Ví như Kinh Kim Cang, Kinh Kim Cang hoàn toàn là Lý, hiểu rõ Lý thì được, nhưng ứng dụng trong cuộc sống như thế nào? Kinh chẳng giảng! Chúng ta xử sự, đãi người tiếp vật nếu dùng Kinh ấy làm căn cứ sẽ rất khó. Kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta hiếu thuận cha mẹ ra sao? Tôn kính Sư Trưởng như thế nào? Đối xử với đại chúng trong xã hội ra sao? Thầy đều giảng rất rõ ràng, đây là điều hết sức khó có! Đương nhiên là Kinh giảng rất nhiều, gần như quá nửa bản Kinh nói về chuyện này. Phần chuyên môn tập trung các giáo huấn về cách xử sự, đãi người, tiếp vật là từ chương ba mươi ba đến chương ba mươi bảy, năm chương ấy toàn giảng về chuyện này. Vì thế, trong công khóa sớm tối của chúng ta trong hiện thời, khóa sáng chúng ta niệm bốn mươi tám nguyện, khóa tối chúng ta niệm năm chương ấy. Niệm năm chương ấy với hy vọng có thể ứng dụng trong cuộc sống. Cuộc sống, cách xử sự, đãi người, tiếp vật của chúng ta đã có căn cứ ấy, tuân theo giáo huấn của A Di Đà Phật và Thích Ca Mâu Ni Phật để làm. Đọc bốn mươi tám nguyện, hy vọng cách nghĩ, cách nhìn của chúng ta giống như A Di Đà Phật. Tâm, nguyện của chúng ta giống như Phật, giải và hạnh giống như Phật, đó gọi là “khế nhập”.

Kinh Văn không dài, thọ trì dễ dàng! Giảng một lần cũng dễ dàng, đọc một lần cũng dễ dàng, thực hiện cũng chẳng khó. Nếu là những bộ đại Kinh khác, như Hoa Nghiêm chẳng hạn, nói rất nhiều phương pháp, còn nhiều hơn Kinh Vô Lượng Thọ, lý luận được giảng còn tỉ mỉ hơn, nhưng Kinh quá lớn. Quá lớn sẽ chẳng tiện thọ trì, chẳng thuận tiện như quyển Kinh này. Vì thế, đặc biệt chọn lựa bộ Kinh này. Nhất là chúng ta nhằm vào mục đích mong sanh về Tây Phương Tịnh Độ, đây chính là bộ Kinh Điển chánh yếu nhất của Tây Phương Tịnh Độ. Vì vậy, có khá nhiều lý do để chọn lựa bộ Kinh này, mà chẳng chọn lựa Kinh Điển khác.

**“Nhược tương kết ích phán giáo” (Nếu dựa theo các kết luận về sự lợi ích để phán giáo), “kết” là tổng kết, “ích” là lợi ích, tức là nói tổng kết, dựa theo lợi ích để nói, để phán giáo. “Thiên Viên, tối vi minh hiển” (sẽ thấy Kinh này là Thiên Viên rõ rệt nhất). Kinh này là Viên Giáo, nhưng chẳng phải là Toàn Viên, mà là Thiên Viên. Nó chẳng phải là Thuần Viên. Thuần Viên là Pháp Hoa, Toàn Viên là Hoa Nghiêm. Thừa cùng quý vị, Kinh Vô Lượng Thọ là Thuần Viên, là Toàn Viên, còn ở đây vì sao là Thiên? Vì những điều được giảng thiên về lý luận, phương pháp và nhân quả, trọn chẳng phải là giới thiệu toàn thể y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, giới thiệu toàn thể những điều đó là Kinh Vô Lượng Thọ. Chẳng hạn như Kinh này chẳng nói đến bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, nên chẳng viên mãn. Trong Kinh Vô Lượng Thọ có giảng lý luận, giảng về ba bậc Vãng Sanh, có nói tới**

chánh nhân Vãng Sanh. Ở đây giảng ba bậc chín phẩm giống như Kinh Vô Lượng Thọ, nhưng Kinh Vô Lượng Thọ giảng giản lược, còn Kinh này giảng chi tiết. Tuy giảng chi tiết, vẫn chẳng hoàn toàn viên mãn! Viên mãn là Kinh Vô Lượng Thọ. Kinh này có thể bổ sung cho Kinh Vô Lượng Thọ, dùng làm tài liệu để đọc bổ sung cho Kinh Vô Lượng Thọ. “Thị cố kim văn tỳ ích định chi, thị Đôn, phi Tiệm” (Vì thế, nay dựa theo lợi ích để phán định Kinh Văn này là Đôn, chẳng phải là Tiệm), nói theo mặt lợi ích, Kinh này là Đôn Giáo.

“Đề xung Phật Thuyết, giản dị tứ nhân” (Đề Kinh ghi là Phật Thuyết, nhằm phân biệt khác với bốn hạng người). Phật Pháp hết sức cởi mở, có tánh chất bao dung rất lớn, chẳng ích kỷ. Chẳng phải là nói Kinh Phật thì chỉ có Kinh nào do Đức Phật đã nói thì mới gọi là Kinh Phật, Kinh do người khác nói chẳng thể gọi là Kinh Phật! Đức Phật nói “có thể”, chỉ cần những điều quý vị nói có tông chỉ, lý luận và y cứ giống như những gì Đức Phật đã nói, Đức Phật đều chấp nhận: Quý vị nói giống như ta nói, đó là Kinh Phật! Vì vậy, Kinh Phật do năm hạng người nói: Có Kinh do Đức Phật nói, tức là Đức Phật tự mình nói. Có Kinh do đệ tử nói, tức là học trò của Phật nói. Có Kinh do chư thiên nói. Có Kinh do tiên nhân nói. Lại còn có Kinh do người biến hóa nói. Nhiều người đều có thể nói như vậy, nhưng Kinh do những người đó nói phải được Đức Phật hứa khả thì mới được coi như do chính Đức Phật nói. Nhưng hiện thời, Đức Phật chẳng tại thế, đối với những gì do những người ấy nói, ai có thể chứng minh đó là Kinh Phật? Đức Phật chẳng còn trụ thế, nhưng

còn có cái gọi là Pháp Ấn. Pháp Ấn là nói tới nguyên lý, nguyên tắc. Nguyên lý và nguyên tắc giống như Đức Phật đã nói thì đều có thể gọi là “Kinh Phật”. Tiểu Thừa có ba nguyên tắc là Vô Ngã, Vô Thường, Niết Bàn. Nếu chẳng trái nghịch những nguyên tắc ấy, những điều do những người ấy nói đều có thể gọi là Kinh, vì có tông chỉ chẳng khác những gì do Đức Phật đã nói. Pháp ấn của Kinh Diễm Đại Thừa là Thật Tướng, hễ phù hợp Thật Tướng thì chúng ta đều có thể thừa nhận đây là Kinh Phật, không nhất định phải là do Đức Phật nói. Quý vị thấy tại Trung Quốc, Lục Tổ Đàn Kinh chẳng do Đức Phật nói, mà do Huệ Năng Đại Sư nói. Huệ Năng là người Hoa, chưa từng đến Ấn Độ. Sự thừa truyền của Ngài là do Hòa Thượng Ngũ Tổ Nhân truyền trao. Hòa Thượng Ngũ Tổ Nhân cũng là người Hoa, cũng chẳng phải là cao tăng Ấn Độ truyền cho. Các vị Tổ Sư Đại Đức của các tông phái Đại Thừa tại Trung Quốc đều thừa nhận những điều Ngài Huệ Năng đã nói có thể gọi là Kinh, vì sao? Tông chỉ của những điều do lão nhân gia đã nói quyết định chẳng mâu thuẫn với tông chỉ do Đức Phật đã nói trong các Kinh Đại Thừa. Đó là một thí dụ.

Tựa đề Kinh này được khởi đầu bằng chữ “Phật Thuyết”. Thêm vào chữ này, vì Kinh do chính miệng Đức Phật Thuyết, chẳng do bốn hạng người kia nói. Nếu do bốn hạng người kia nói thì tựa đề Kinh chẳng thể ghi là Phật Thuyết. Hễ thêm vào chữ Phật Thuyết, nhất định là do chính Đức Phật nói. Trong đề mục của Kinh có thêm vào hai chữ mở đầu là Phật Thuyết thì có một nguyên tắc: Nhất định phải do chính miệng Đức

Phật nói ra. Ngoài ra, trong phần Chánh Tông, câu đầu tiên trong phần Chánh Tông do Đức Phật nói, thông thường, Kinh Điển giống như vậy sẽ được thêm hai chữ Phật Thuyết vào đầu tựa đề. Nếu tuy là Phật Thuyết, nhưng câu đầu tiên trong phần Chánh Tông chẳng phải do Đức Phật nói, tựa đề Kinh sẽ không mở đầu bằng chữ này. Giống như tựa đề các Kinh Kim Cang, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa chẳng bắt đầu bằng chữ Phật Thuyết. Những Kinh ấy đều là Đức Phật và đệ tử một hỏi, một đáp, nhưng câu đầu tiên chẳng do Đức Phật nói. Nếu câu đầu tiên do Đức Phật nói, thông thường trong tựa đề của Kinh ấy phải ghi thêm chữ Phật Thuyết, khiến cho chúng ta vừa thấy liền biết bản Kinh ấy do chính miệng Đức Phật nói ra.

Kế tiếp, chúng tôi sẽ giảng vào Kinh Văn. Được rồi, chúng ta nghỉ mấy phút.

## TẬP 16

Giảng đường của chúng ta là Đạo Tràng giảng Kinh quanh năm, nên có nhiều chỗ có thể tinh lược. Chẳng hạn như Kinh chia thành ba phần là Tự, Chánh, Lưu Thông, mỗi bộ Kinh đều là như thế, ở đây, cũng có thể chẳng cần nói tới. Chúng ta xem Kinh Văn, trang tám mươi sáu, hàng thứ hai từ dưới đếm lên:

**Như thị.**

Hàng thứ hai đếm từ dưới lên nơi trang tám mươi bảy là:

**Ngã văn.**

Đôi với phần mở đầu Kinh này là “như thị ngã văn”, trong phần chú giải ở chỗ này có mấy câu rất hay, chúng ta đọc chú giải: “Như Thị giả, chư pháp Thật Tướng, cổ kim bất dị, danh Như. Như lý nhi thuyết, vi Thị. Quyết định khả tín, cổ vân Như Thị” (Như Thị: Thật Tướng của các pháp xưa nay chẳng khác, nên gọi là Như. Nói đúng như Lý là Thị. Quyết định đáng tin, nên nói là Như Thị). Trong Tự Phần của một bộ Kinh, có thể chia thành hai phần, phần trước gọi là Chứng Tín Tự, phần sau là Phát Khởi Tự. Có thể nói là Chứng Tín Tự thì mỗi bộ Kinh đều giống nhau, Phát Khởi Tự chẳng vậy. Phát Khởi Tự là mỗi bộ Kinh đều có nhân duyên đặc biệt, nhân duyên đặc biệt nhằm nói rõ sự xuất hiện của bộ Kinh này, mỗi bộ đều khác nhau. Hai chữ Như Thị bao hàm ý nghĩa hết sức sâu rộng, ở đây chỉ dùng hai câu để giải thích hết sức tinh vi, thỏa đáng, rất khó có. Thật Tướng của các pháp là chân tướng của hết thảy các pháp, chân tướng vĩnh viễn chẳng biến đổi, đó là Như. Đức Phật giảng hết thảy các Kinh nhằm giảng rõ cho chúng ta biết chân tướng của hết thảy các pháp. Vì thế, Đức Phật nói gì? Phật nói về Như. Nói sâu, nói rộng, chẳng có một pháp nào không Như. Nói dài, nói ngắn, luôn luôn chẳng ra ngoài phạm vi này. Do vậy, Đức Phật giảng Kinh bèn đúng như Lý mà nói, đó gọi là Thị.

Thật Tướng mà được nói đúng như Lý thì chúng ta chắc chắn có thể tin tưởng, nên trong phần Chứng Tín, đặt hai chữ ấy đầu tiên, gọi là Tín

Thành Tựu. Đối với Phật Pháp, nếu chúng ta không tin tưởng, sẽ chẳng có cách nào tiếp nhận. Không chỉ là Tịnh Độ Tông nhấn mạnh ba điều kiện Tín, Nguyện, Hạnh, mà đối với tất cả hết thảy các Kinh luận Đại Tiểu Thừa, nếu quý vị chẳng tin, chắc chắn là sẽ chẳng đạt được thụ dụng. Vì thế, một phần tin tưởng chân thành, sẽ được một phần lợi ích; mười phần tin tưởng chân thành, sẽ được mười phần lợi ích. Phải biết những điều do Phật, Bồ Tát nói chính là Thật Tướng của các pháp, là tướng chân thật của hết thảy các pháp, có mấy ai biết? Nay chúng ta mở Kinh Điển ra, vẫn cứ phê phán, phê bình, vận dụng cách nghĩ, cách nhìn của ta, còn làm gì được nữa? Chẳng có cách nào! Cách nhìn và cách nghĩ của ta đều chẳng phải là chân tướng của các pháp, nhưng lại sử dụng chúng để phê bình chân tướng của các pháp, hết cách! Kinh Phật thường gọi hạng người ấy là Nhất Xiển Đề (Icchantika). Nhất Xiển Đề dịch sang nghĩa tiếng Hán là “chẳng có thiện căn”, do chẳng thể tiếp nhận giáo huấn của Thánh nhân, nên chẳng có thiện căn. Vì thế, phần này là Tín Thành Tựu.

Trong hàng thứ tư nơi trang tám mươi bảy cũng có mấy câu rất hay, chúng ta xem từ câu thứ hai: “Duy Viên sơ tâm, tức liễu chư pháp nhất nhất trung thật, đương xứ giai Như. Xứng thử nhi đàm, vô phi viết Thị” (Chỉ có bậc sơ tâm trong Viên Giáo hiểu rõ sự chân thật trong mỗi một pháp, ngay nơi đó đều là Như. Nói tương xứng với điều đó, không sai, nên gọi là Thị). Trong Đại Thừa Phật Pháp, khó có nhất là căn tánh viên đốn. Căn tánh viên đốn từ đâu mà có? Đương nhiên là phải nói tới căn



bản, tức là nhiều đời nhiều kiếp trong đời quá khứ đã luôn tu học Pháp Môn này, đời này gặp được Kinh luận viên đốn, vừa tiếp xúc liền tâm khai ý giải, tự nhiên sanh tâm hoan hỷ. Đó là thiện căn sâu dày trong đời quá khứ. Đó là nhân tố cơ bản, nhân tố quan trọng nhất. Kế đó, gặp được duyên phận viên đốn, gặp giáo học viên đốn, trải qua một thời gian huân tập khá dài, căn cơ viên đốn hiện tiền; do vậy, có thể tiếp nhận Pháp Môn này. Tình hình như vậy cũng chẳng ít, mà cũng là khá nhiều. Trong lịch sử Trung Quốc, khá nhiều vị Tổ Sư Đại Đức, nói thật ra, sau khi đã nghiên cứu Kinh giáo bao nhiêu năm, bèn hoát nhiên khai ngộ, nhập Pháp Môn này, đó là căn tánh đã chín muồi. Nếu không phải do nguyên nhân này, sẽ khá khó khăn.

**Có ai chẳng hy vọng chính mình là căn tánh viên đốn? Có thể có niệm ấy, hễ có ý niệm ấy thì đều là đã có thiện căn trong đời quá khứ. Hiện tại, chúng ta chẳng thể Viên, mà cũng chẳng thể Đốn, thì phải đổ nhiều công sức nơi Kinh Điển, tăng cường trợ duyên. Có người sau bao nhiêu năm dốc sức nơi Kinh Điển, cũng biến thành căn tánh viên đốn thật sự, kiến giải và tư tưởng viên dung, chẳng còn chấp trước nữa, chẳng lo mài chuốt đầu sừng trâu nữa, tư tưởng đã mở rộng. Tâm khai ý giải, viên dung xuyên suốt, đều phải cạy vào sự huân tập bằng Kinh giáo Đại Thừa viên đốn. Ở Trung Quốc, những Kinh Điển phổ biến nhất là Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Viên Giác, cũng như Kinh Vô Lượng Thọ của Tịnh Tông chúng ta đều thuộc loại đại pháp viên đốn. Bạc sơ tâm trong Viên Giác đáng**

quý, vừa tiếp xúc liền hiểu rõ, chẳng còn hoài nghi, có thể tiếp nhận, dần dần thông hiểu: Hết thấy các pháp, không pháp nào chẳng Như. Pháp nào cũng đều Như, pháp nào cũng đều Thị; tư tưởng và kiến giải hết sức đáng quý. Tuy cách Phật còn rất xa, nhưng đã tương ứng với Phật, đã tiếp cận Phật. Sợ là quý vị chẳng chịu học, chứ càng học sẽ càng tiếp cận, tốc độ tiếp cận lại còn tăng nhanh hơn. Vì thế, hết sức đáng quý. Khó nhất là kẻ nghi ngờ, lo lắng trùng trùng, nghe nói như vậy, bèn: “Ta chẳng cho là đúng, kẻ này thuyết pháp kiểu này, kẻ kia thuyết pháp kiểu nọ”, khó khăn lắm! Người ấy có quá nhiều chướng ngại! Tôi giới thiệu đơn giản chữ Như Thị đến đây!

Câu kệ tiếp là Ngã Văn. Ngã Văn chính là Văn Thành Tụ, không chỉ là Văn Thành Tụ mà còn biểu thị sư thừa. Giáo học của Phật Pháp và Trung Quốc thời cổ đều coi trọng sư thừa. Không chỉ là Nho Gia, Đạo Gia, mà những người có nghề khéo trong xã hội, làm thợ nề, làm thợ mộc trước nay đều có sư thừa. Quý vị theo học với ai? Đều là xuất thân từ thân phận học trò, đều có thầy, thật sự tiếp nhận sự chỉ dạy của thầy. Ý nghĩa này cũng được biểu thị ở đây, câu “thân thừa hữu tại” (đích thân hiện diện tiếp nhận) trong lời chú giải chính là nói về sư thừa. Chữ Ta (Ngã) trong Kinh là Tôn Giả A Nan tự xưng. Thuở ấy, Đức Phật chỉ có nói Kinh; Đức Phật nói, chứ chẳng trước tác. Đức Phật chẳng viết một bộ Kinh nào để lại cho đời sau, chẳng có, Kinh là do Đức Phật nói. Ai đã biên tập, ghi chép thành văn tự để truyền lại cho đời sau? Đó chính là chuyện của Tôn Giả A Nan. Vì lẽ đó, Ta là Tôn Giả A Nan tự xưng.

“Văn” là đích thân nghe Đức Phật nói, chẳng phải là nghe nói lại, mà là chính mình tự nghe Đức Phật giảng. Những lời này đều nhằm làm chứng cho chúng ta, khiến cho chúng ta có thể quyết định tin tưởng!

Câu thứ ba là:

### **Nhất thời.**

Kinh Văn mở đầu bằng “như thị ngã văn, nhất thời Phật tại... (nơi nào)”, đây là một trong sáu thứ Thành Tựu, nhằm chứng tín với chúng ta. Hai chữ Nhất Thời ở trong trang tám mươi chín, nói đến lúc thuyết Kinh. Chúng ta biết: Theo Kinh Điển ghi chép, Tôn Giả A Nan đa văn bậc nhất. Những Kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật giảng trong bốn mươi chín năm, Ngài được nghe toàn bộ, chẳng sót một bộ nào! Theo như Kinh nói, Tôn Giả trẻ tuổi nhất trong các anh em họ của Đức Phật. Anh em họ của Phật có tất cả tám người, xếp theo vai vế, Thích Ca Mâu Ni Phật lớn nhất, A Nan nhỏ nhất. Ngài A Nan hạ sanh nhằm ngày Đức Phật thành đạo, đến hai mươi tuổi mới theo Phật xuất gia, làm thị giả của Đức Phật. Đức Phật giảng Kinh đã hai mươi năm, những Kinh đã giảng trước đó, Ngài chẳng nghe, vì sao có thể nói “những Kinh đã nói trong bốn mươi chín năm Ngài đều nghe”? Ngài xuất gia, đặt điều kiện cùng Thích Ca Mâu Ni Phật: “Những Kinh Ngài đã giảng trong hai mươi năm trước, xin giảng một lần cho con nghe, con mới theo Ngài xuất gia. Nếu Ngài chẳng giảng cho con nghe, con chẳng theo Ngài xuất gia”. Đức Phật đáp ứng, những Kinh đã giảng trước kia đều nói lại một lượt. Đồng thời, những Kinh nào Đức Phật chưa nói, còn có các học trưởng, tức là trong số các bạn học có

những người thuộc lớp đàn anh, đã nghe, nên cũng nói lại cho Ngài A Nan nghe. Vì thế, đối với các Kinh đã giảng trong một đời Đức Phật, Ngài A Nan nghe viên mãn nhất. Ngài A Nan trí nhớ tốt nhất, gần giống như máy thu âm, sau khi nghe xong một lần, vĩnh viễn chẳng quên. Đó là nghe rộng, nhớ dai, là bậc vô cùng hy hữu trong các đệ tử Đức Phật.

**Do vậy, sau khi Đức Phật diệt độ, các đồng học lo lắng, cả một đời Đức Phật giảng Kinh Điển nhiều như thế, nếu không lưu truyền hậu thế sẽ rất đáng tiếc. Vì thế, thỉnh Ngài A Nan thăng tòa, trùng tuyên các Kinh do Đức Phật đã giảng. Vừa giảng, các đồng học ngồi dưới bèn ghi chép, biên tập, chỉnh lý thành sách. Lần kết tập đầu tiên gồm năm trăm vị A La Hán, năm trăm vị ấy đều là những người đích thân nghe Đức Phật Thuyết Kinh. Nay Ngài A Nan thăng tòa trùng tuyên, lặp lại, năm trăm vị A La Hán ai nấy đều gật đầu: “A Nan nói không sai, Đức Phật dạy như thế” thì mới có thể ghi lại. Nếu có một vị chẳng đồng ý, câu ấy sẽ không được ghi chép lại. Không như hiện tại, đa số thông qua là được rồi. Khi kết tập Kinh Phật, nếu một người cảm thấy có vấn đề, câu ấy sẽ không được ghi chép lại. Nhằm giữ chữ Tín với người đời sau, khiến cho người đời sau nhận thấy Kinh Điển có tánh chất đáng tin cậy. Nói cách khác, có tánh chất đáng tin cậy một trăm phần trăm, chẳng có chút hoài nghi nào. Vì thế, trong số những vị tham dự kết tập, hề có một vị phản đối là không được. Điều này cho thấy Kinh Phật được kết tập nghiêm túc, nghiêm ngặt.**

Đức Phật giảng ở chỗ nào? Giảng vào khi nào? Đương nhiên A Nan cũng biết rất rõ ràng. Vì sao không ghi chép Đức Phật vào năm nọ, tháng nọ, ngày nọ? Xứ sở được nói rất rõ ràng, chỉ riêng thời gian là mơ hồ, mông lung, chỉ nói là “một thời”? Thuở ban đầu tôi đọc Kinh Phật, đối với câu này chẳng phục cho lắm, vì sao chẳng ghi chép rõ ràng? Tuy thấy trong chú giải của cổ nhân cũng có rất nhiều cách giải thích về hai chữ này, nói thuở Phật tại thế, Ấn Độ chưa thống nhất. Chưa thống nhất, họ là dân tộc sống theo bộ lạc, giống như Trung Quốc vào đời Châu, thời nhà Châu chưa thống nhất. Thời Châu, có tám trăm chư hầu, tức là hơn tám trăm quốc gia. Chúng ta đọc Luận Ngữ hoặc đọc Mạnh Tử, sẽ thấy nói một đại quốc có kích thước là một trăm dặm. Tức là kích thước một trăm dặm thì là đại quốc, tiểu quốc rộng hai, ba mươi dặm, tức là một thôn làng nhỏ, tù trưởng trong ấy chính là quốc vương, bèn gọi là một nước. Do vậy, ngôn ngữ không thống nhất, văn tự không thống nhất, đo lường cũng không thống nhất, lịch pháp cũng không thống nhất. Còn tại Trung Quốc, đến các đời Hạ, Thương, Châu, lịch pháp đã thống nhất, tuy chư hầu địa vị bình đẳng, nhưng trong số các chư hầu, đề cử một vị đức cao vọng trọng làm lãnh tụ, mọi người dùng lịch pháp của vị ấy, nên việc này được gọi là “ban chánh sóc”. Trước kia, do điều gì mà coi là quy phụ ta? Quý vị dùng lịch pháp của ta, tức là thuộc quốc của ta. Tại Ấn Độ chẳng giống như vậy! Lịch pháp tại Ấn Độ rất loạn; vì vậy, ghi chép năm, tháng, ngày, giờ đích xác là rất bất tiện. Mỗi tiểu quốc gia đều có lịch pháp khác biệt. Đó là một nguyên nhân. Nguyên nhân này, nói thật ra là nói theo mặt Sự, vẫn y như cũ rất khó khiến cho người khác từng phục.

Cuối cùng, chúng ta xét theo Lý để nói thì sẽ là chánh xác. Nói theo Lý chính là mấy câu cuối trong đoạn chú giải này, trang tám mươi chín, hàng thứ hai đếm từ dưới lên, chúng ta xem từ chỗ đó: “Đản thị chúng sanh cơ thực, Phật ứng thuyết Kinh, cơ ứng hợp nhất chi thời, diệt thị Đế Trí hợp nhất thời dã, cố vân nhất thời” (Chỉ vì căn cơ của chúng sanh chín muôi, Phật phải nên nói Kinh. Lúc cơ ứng (cảm và ứng) hợp nhất, cũng chính là lúc Đế và Trí hợp nhất, nên nói là “nhất thời”). Chúng ta thấy cách nói này chẳng có vấn đề, cách nói này hết sức chánh xác. Cơ duyên của chúng sanh chín muôi, Đức Phật Thuyết pháp lúc đó là vừa khéo. Cơ duyên chín muôi, người ấy có thể tiếp nhận, nghe rồi sẽ khai ngộ, sẽ chứng quả. Duyên chẳng chín muôi, quý vị nói cho người ấy nghe vô ích, dẫu người ấy có thể tin tưởng, lý giải, nhưng chẳng chịu tu hành, cảm thấy chuyện này vẫn chẳng cần thiết, duyên chưa chín muôi mà! Vì thế, đây là lúc “thầy trò đạo hợp, cảm ứng đạo giao”, chúng sanh có cảm, Phật bèn ứng, cách nói này rất viên mãn. Đồng thời, quan niệm thời gian là giả, chẳng thật, nó là một khái niệm trừu tượng, tuyệt đối chẳng phải là thật thể. Chúng ta ở trên địa cầu nầy sanh quan niệm thời gian vì địa cầu tự xoay quanh nó một vòng, một mặt hướng về mặt Trời, mặt kia ngược hướng mặt Trời, một ngày một đêm là như vậy đó. Từ quan niệm ấy mà nầy sanh quan niệm thời gian. Nếu chúng ta rời khỏi địa cầu, hiện tượng ấy chẳng còn, quan niệm thời gian cũng chẳng còn. Vì thế, người hiện thời bay lên vũ trụ, thì trong vũ trụ chẳng có quan niệm thời gian.

Đồng thời, trong mỗi tinh cầu, nếu nảy sinh quan niệm giống như quan niệm thời gian của chúng ta trên địa cầu thì thời gian sẽ dài ngắn khác nhau. Như mặt trăng tự xoay chuyển quanh nó một vòng thì thời gian ấy bằng với thời gian mặt trăng xoay quanh địa cầu một vòng. Vì thế, một ngày trên mặt trăng trên thực tế là một tháng, tức là một ngày đêm trên mặt trăng có độ dài bằng một tháng trên trái đất. Tốc độ tự xoay của mỗi tinh cầu cũng khác nhau. Ngay trên địa cầu, trong quan niệm thời gian, chúng ta nói cứ một ban ngày và một ban đêm là một ngày đêm thì thời gian một ngày đêm cũng chẳng giống nhau, vì sao? Quý vị đến Nam Cực hoặc Bắc Cực, nửa năm có mặt Trời, nửa năm tối đen, như vậy thì tại Nam Cực và Bắc Cực, một ngày đêm là một năm! Đó là chúng ta ở ngay trên địa cầu, chẳng rời khỏi địa cầu, mà quan niệm thời gian đã khác nhau, chẳng giống nhau. Nếu nhận định ban ngày và ban đêm như vậy thì chênh lệch quá lớn. Hiện thời, do giao thông phát triển, chẳng giống như trước đây. Do giao thông phát triển, trong một thời gian rất ngắn, chúng ta có thể đi khắp địa cầu một vòng. Hiện thời, mọi người đều biết tại mỗi địa phương có thời gian khác nhau, còn có quan niệm thời sai (Jet lag, desynchronosis). Trước đây, chẳng ai biết thời sai là gì, làm sao có chuyện lệch giờ cho được? Hiện thời biết có chuyện lệch giờ, xác thực là có. Nhưng chuyện này cũng chẳng thật, đều nảy sinh từ quan niệm trừu tượng, có chuyện này, nhưng chẳng phải là sự thật, chẳng chân thật.

Vì vậy, nếu nói thật sự, “nhất thời” chính là chúng ta và chư Phật, Bồ Tát cảm ứng đạo giao, nhất tâm. Nhất là thật, nhất tâm là năng cảm,



Nhất Chân là năng ứng, cảm ứng đạo giao. Vì thế, khi Trí Giả Đại Sư đọc Kinh Pháp Hoa đến phẩm Dược Vương Bồ Tát, lão nhân gia liền nhập Định. Trong Định, Ngài đến núi Linh Thứu, Thích Ca Mâu Ni Phật vẫn đang giảng Kinh Pháp Hoa tại đó, Ngài còn nghe một buổi. Trở về, xuất Định, bảo mọi người, hội Linh Sơn nay vẫn chưa tan, vẫn chưa giải tán. Chuyện này đã được các khoa học gia hiện thời chứng thực. Nếu có thể ngược dòng thời gian, quá khứ thấy đều tồn tại. Vì lẽ đó, người thật sự đắc Định có thể đến đời quá khứ, cũng có thể tiến nhập đời tương lai. Quá khứ, vị lai người ấy đều biết, có sao biết? Xác thực chẳng giả! Sở dĩ, chúng ta không thấy quá khứ, càng chẳng thấy được tương lai, giống như chúng ta xem phim là nhìn vào màn bạc. Hình ảnh được chiếu trên màn bạc là từng cảnh một qua đi, hễ cảnh vừa được chiếu rất gần thì còn có chút ấn tượng, hễ xa thì ấn tượng bèn mơ hồ, còn vị lai thì hoàn toàn chưa biết. Người có công phu định lực chẳng cần nhìn vào màn bạc, họ nhìn vào phim, vừa nhìn vào phim ảnh thì trước sau đều trông thấy, thấy toàn bộ. Tình hình tựa tựa như vậy đó!

**Do đó, trong Kinh dùng chữ “nhất thời” là sống động, hoạt bát. Công phu của chúng ta nếu đạt đến mức độ kha khá thì bất luận pháp hội nào của chư Phật, Bồ Tát, chúng ta đều có cơ duyên tham gia. Nếu nói nhất định là năm, tháng, ngày nào đó, đã qua rồi thì làm sao chúng ta có thể tham gia? Như Trí Giả Đại Sư tham gia một hội Pháp Hoa tại núi Linh Thứu, Trí Giả Đại Sư cách Thích Ca Mâu Ni Phật gần như một ngàn năm trăm năm, pháp hội vào một ngàn năm**

trăm năm trước thì làm sao quý vị có thể tham gia? Có thể tham gia là nhờ vào công phu định lực. Giống như bốn mươi một địa vị Pháp Thân Đại Sĩ ở trong Thiên Định rất sâu, có thể tham dự pháp hội Hoa Nghiêm của Thích Ca Mâu Ni Phật. Vì thế, đắc Định thì giới hạn không gian và thời gian bị phá vỡ. Nay chúng ta nói là “không gian bốn chiều”. Không gian bốn chiều là do kẻ thêm thời gian. Dùng điều này bèn có thể giải thích Phật Pháp, rốt cuộc Phật Pháp là không gian mấy chiều? Vô hạn chiều! Chúng ta thấy điều này chẳng thể nghĩ bàn!

Chữ kế tiếp là:

**Phật.**

Phật là người thuyết pháp, nên đề mục của phần này là Minh Hóa Chủ (nói về người giáo hóa) trong trang chín mươi. Minh là nói rõ vị chủ trì việc giáo hóa, tức là thầy. Ở đây, chữ Phật chỉ Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Trong phần trước, đã thưa rõ cùng chư vị: Đức hiệu của Phật chính là mục tiêu và tông chỉ giáo học. Chư Phật, Bồ Tát đều chẳng có danh hiệu. Danh hiệu vì căn cơ của chúng sanh mà kiến lập, chẳng phải do chính mình nghĩ nên đặt tên là gì, mà vì căn cơ của chúng sanh. Từ chỗ này, chúng ta khẳng định, nhận thức: Phật Giáo tuyệt đối chẳng phải là Tôn Giáo. Phật Giáo là nền giáo dục của Thích Ca Mâu Ni Phật. Chúng ta gọi Thích Ca Mâu Ni Phật là Bốn Sư. Bốn Sư là vị thầy căn bản, là vị thầy sáng lập giáo, là vị thầy khởi xướng giáo dục. Giống như người đọc sách thuở xưa tại Trung Quốc tôn xưng Không lão phu tử là

Đại Thành Chí Thánh Tiên Sư. Nói tới Tiên Sư tức là nói tới Không lão phu tử. Tiếp nhận sự giáo dục của Đức Phật, chúng ta gọi Thích Ca Mâu Ni Phật là Bôn Sư, chúng ta xưng là đệ tử, đệ tử là học trò. Vì thế, mối quan hệ giữa chúng ta và Thích Ca Mâu Ni Phật là quan hệ thầy trò, phải hiểu rõ điều này. Tất cả các vị Bồ Tát là lớp đàn anh của chúng ta, Bồ Tát đều là học trò của Phật, là học trò khóa đầu. Chúng ta là học trò lớp sau. Chúng ta và các vị Bồ Tát là bạn học khóa trước khóa sau, cùng một thầy, phải hiểu rõ mối quan hệ này!

**Nay chúng ta thấy người xuất gia bèn gọi họ là Hòa Thượng, nói thật ra, xưng hô như thế rất cung kính, nhưng là cung kính quá lớn, đã gọi sai rồi! Danh xưng Hòa Thượng chớ nên gọi tùy tiện, thông thường gọi là Pháp Sư thì được. Hòa Thượng (Upādhyāya) là gì? Vị thầy trực tiếp chỉ dạy chúng ta bèn gọi là Hòa Thượng. Hòa Thượng là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán, sẽ giống như vị “chỉ đạo giáo thụ” (giáo sư hướng dẫn) trong trường Đại Học hiện thời. Ngài có quan hệ hết sức chặt chẽ với ta, thật sự phụ trách nhiệm vụ dạy bảo chúng ta thì ta mới gọi Ngài là Hòa Thượng. Giống như trong một ngôi trường, trong trường học có rất nhiều thầy, mấy trăm vị thầy, nhưng người mà ta thật sự theo học chỉ có mấy vị. Nhưng những vị khác đều là thầy trong nhà trường, chúng ta đều phải tôn trọng họ, còn vị thầy trực tiếp dạy bảo thì khác. Vì thế, xưng hô trong Phật môn có Hòa Thượng, có A Xà Lê. Hòa Thượng là người trực tiếp dạy bảo, chỉ dạy chúng ta, đảm nhiệm việc dạy dỗ. Trước**

kia, một ngôi Chùa là một trường học, tức ngôi trường Phật Giáo, Hòa Thượng giống như Hiệu Trưởng hiện thời, vị ấy chịu trách nhiệm toàn thể việc giáo dục trong nhà trường. A Xà Lê (Ācārya) giống như giáo viên, giáo viên là người chấp hành nhiệm vụ dạy học. Quy hoạch, thiết kế, ấn định phương châm giáo học là do vị hiệu trưởng, ai dạy quý vị? Hiệu trưởng dạy! Những người khác giúp đỡ hiệu trưởng, chấp hành kế hoạch giáo dục của vị ấy mà thôi. Vì thế, Hòa Thượng chỉ có một, không có nhiều như vậy. Nay chúng ta thấy những người cạo đầu đều kêu là Hòa Thượng, như vậy là không đúng! Đó là kiến thức Phật học thông thường chúng ta phải biết. Nhìn từ cách xưng hô này, ta thấy trong Tôn Giáo không có kiểu xưng hô ấy, chẳng có quan hệ ấy, Phật Giáo đích xác là giáo dục, là giáo học. Chúng ta phải nhận biết rõ rệt thì mới có thể thật sự đạt được lợi ích nơi Phật Pháp.

Ở đây, Phật là Chủ Thành Trụ. Trong pháp hội này, vị giảng Kinh, thuyết pháp, giáo học là Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, cũng chính là vị mà nay ta gọi là “người chủ giảng”.

*Tại Vương Xá thành Kỳ Xà Quật sơn trung.*

*(Tại thành Vương Xá, trong núi Kỳ Xà Quật).*

Đây là xứ sở. Kinh thường dùng chữ Tại, chẳng dùng chữ Trụ. Trụ và Tại có sai biệt. Ở đây, phân chú giải giảng: “Tạm thời viết Tại, cửu đình viết Trụ” (Tạm thời thì là Tại, dừng lại lâu ở nơi nào thì gọi là Trụ). Kinh Phật luôn nói Đức Phật ở tại một nơi nào đó, chẳng nói Đức Phật

trụ tại chỗ nào đó. Nếu nói Đức Phật trụ thì chẳng thể nói là xuất gia. Vì sao? Trụ thì nhất định có nhà. Nhà quý vị trụ ở chỗ nào? Ngài xuất gia, chẳng có nhà, không có chỗ nào là nhà để trụ. Không có chỗ trụ, nay quý vị ở chỗ nào? Tại và Trụ sai khác, chẳng giống nhau. Hễ xuất gia thì tận hư không khắp pháp giới đều là nhà của chúng ta, ngôi nhà ấy quá lớn. Vì thế, khi ấy, chẳng thể nói là Trụ, quý vị ở tại chỗ nào? Xưa kia, hoàng đế lấy cả nước làm một nhà, quốc gia: Quốc là nhà của vua. Hoàng đế ở chỗ nào đó, không nói là Trụ, mà gọi là “hành tại”, ngụ ý nay vua đang đi đến nơi nào; vì sao? Vua chẳng rời khỏi nhà. Ví như nói quý vị đang ở trong nhà, từ phòng này sang phòng khác, quý vị trụ ở chỗ nào? Chẳng thể nói là Trụ, mà phải nói là quý vị đang ở tại nơi đâu? Tôi ở trong phòng, tôi ở tại phòng khách, tôi ở trong bếp, dùng chữ Tại, chẳng thể nói tôi trụ phòng khách, tôi trụ trong bếp, chẳng thể nói theo kiểu đó. Hoàng đế lấy cả nước làm nhà, sẽ chẳng thể nói trụ trong địa phương nào, mà nói là ở tại địa phương nào. Phật coi tận hư không khắp pháp giới là nhà, đương nhiên càng chẳng thể nói “trụ ở nơi đâu”. Chúng ta phải biết ý nghĩa được bao hàm trong các văn tự này. Phải biết Đức Phật giảng Kinh này tại núi Linh Thứu, chỗ này chúng tôi cũng không cần phải nói nhiều, phần chú giải cũng giảng rất rõ ràng.

Cuối phần chú giải có mấy câu, chúng ta đọc một lượt, những câu ấy rất đáng cho chúng ta tham khảo. Xem trang chín mươi hai, xem từ câu thứ hai nơi dòng thứ năm đếm từ dưới lên: “Phàm Thánh các các hữu năng trụ chi pháp” (Phàm Thánh mỗi vị đều có pháp để có thể trụ). Đây

là nói tới Tại và Trụ. Đối với phàm phu và Thánh nhân, Trụ là tâm quý vị an trụ ở nơi đâu? Tâm quý vị trụ ở chỗ nào? “Thả như Tỳ Kheo tu Giới, Định, Huệ, nãi dĩ Thiên, Phạm, Thánh Trụ, trụ ở phòng xá. Nhược phá giới, tắc dĩ địa ngục, súc sanh, trụ ở phòng xá” (Lại như Tỳ Kheo tu Giới, Định, Huệ, bèn dùng Thiên Trụ, Phạm Trụ, Thánh Trụ để làm phòng nhà mà trụ. Nếu phá giới, bèn dùng địa ngục, súc sanh để làm phòng nhà mà trụ). “Phòng xá” ở đây là nói tỷ dụ, chẳng phải là thật. Ở đây, chúng ta phải lưu ý, phải kiểm điểm, phải phản tỉnh, rốt cuộc tâm chúng ta đang trụ ở nơi đâu? Nói “trụ ở nơi đâu”, tức là tâm quý vị thường ghi nhớ, vương vấn điều gì thì tâm quý vị trụ ở nơi đó. Nếu tâm quý vị niệm niệm đều là Giới, Định, Huệ, tốt lắm! Quý vị trụ trong Phật Pháp. Siêng tu Giới, Định, Huệ, đoạn diệt tham, sân, si, tốt lắm! Nếu tâm quý vị niệm niệm đều là tham, sân, si, vậy là quý vị trụ nơi tham, sân, si. Trụ trong Giới, Định, Huệ, quả báo là người, Trời. Nếu trong tâm suốt ngày từ sáng đến tối đều nghĩ đến tham, sân, si, quả báo là trong tam đồ, tức là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Tâm quý vị tưởng gì, liền biến thành thứ đó. Sức tưởng càng mạnh thì chuyển biến càng mau! “Nhu năng tu Nhất Tâm Tam Quán, tắc sở trụ xứ tức Không, Giả, Trung, khởi phi Lăng Nghiêm vi năng trụ pháp” (Nếu có thể tu Nhất Tâm Tam Quán thì nơi để trụ chính là Không, Giả, Trung, há chẳng phải là pháp để trụ trong Lăng Nghiêm ư). Đây là nói tới Đại Thừa Bồ Tát trụ, trụ trong Tam Chỉ Tam Quán, còn Trời, người, Tiểu Thừa trụ trong Giới, Định, Huệ. “Sơ tâm thượng nhĩ, như hà Quả Phật? Duy luận thân trụ, suy chi, nhược ngã sài năng tinh trì Phật hiệu, chuyên tu tịnh nghiệp, đương xứ vô phi Cực Lạc

Tịnh Độ hỷ” (Sơ tâm mà còn như thế, hưởng hồ vị Phật đã chứng quả giác? Chỉ luận về thân trụ, suy ra, nếu bọn ta có thể trì Phật hiệu chuyên ròng, chuyên tu tịnh nghiệp, ở ngay nơi đây thì không đâu chẳng phải là Cực Lạc Tịnh Độ vậy). Câu cuối cùng quan trọng. Hiểu đạo lý ấy, trong tâm chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối nhớ Phật, niệm Phật, chúng ta trụ ở nơi đâu? Chúng ta trụ trong Thế Giới Cực Lạc. Một người tuy chưa đến Thế Giới Cực Lạc, nhưng tâm đã trụ trong Thế Giới Cực Lạc; do tâm đã trụ trong Thế Giới Cực Lạc, lẽ nào chẳng sanh về Thế Giới Cực Lạc? Điều này rất quan trọng! Vì lẽ đó, ngàn vạn phần đừng vương mắc hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian.

**Chính tôi trong mười năm gần đây, nói thật ra, thường rong ruổi bên ngoài, đối với sự tu học của chính mình có lợi ích rất lớn, lợi ích ở chỗ nào? Không có trụ xứ! Ở chỗ này hai tháng, lại vội vàng thu thập hành lý để ra đi. Ở Đài Loan lâu nhất là hai tháng, ở lâu nhất hai tháng lại ra đi, chẳng có trụ xứ. Ở Mỹ, chúng tôi thường đi mười mấy nơi để giảng Kinh, đi khắp Đông, Nam, Tây, Bắc nước Mỹ. Ở Mỹ, chúng ta có mười một Tịnh Tông Học Hội, tại mỗi hội, tôi đều phải đến đó, giảng Pháp Môn Tịnh Độ cho họ. Hiện thời, có quá nhiều chỗ, nếu nói mỗi chỗ đều phải đến giảng một lần mỗi năm, bình quân mỗi chỗ ở lại mười ngày thì một năm ba trăm sáu mươi ngày chẳng đủ! Vì thế, hiện thời có rất nhiều nơi, ba năm mới đến phiên giảng một lần, đến ở đó một tháng, mỗi chỗ ở một tháng, cứ ba năm đến lượt tới đó một lần. Trong mười mấy năm ấy, quan niệm về**



Trụ chẳng có, quan niệm Nhà cũng không có, nhà ở chỗ nào? Chẳng có! Sau hai hôm lại phải đi rồi, đều là đang du hành. Vì thế, đến Thế Giới Sa Bà để du hành. Quê nhà ở nơi đâu? Quê nhà bên Thế Giới Cực Lạc. Thế Giới Cực Lạc vẫn chưa phải là quê nhà. Vì sao? Đã tới Thế Giới Cực Lạc, lại du hành đến mười phương Thế Giới, vĩnh viễn chẳng trụ, vĩnh viễn chẳng có trụ xứ. Đã tới Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, xác thực là trong tận hư không khắp pháp giới du hành không ngừng, xóa sạch quan niệm về Trụ. Quan niệm ấy là phiền não, chấp trước một nơi: Nơi này là nhà của ta, nầy sanh cảm tình đối với nó, nầy sanh tham luyến, đều gây trở ngại rất lớn đối với sự giải thoát của quý vị. Mỗi ngày đều du hành bên ngoài, quả thật có lợi ích rất to. Điều quan trọng nhất là tâm địa an trụ, trong mười hai thời, chẳng lìa khỏi danh hiệu, thời thời khắc khắc nghĩ tới y báo và chánh báo trang nghiêm trong Thế Giới Tây Phương. Đó là điều tốt đẹp.

Lại xem câu kệ tiếp là Chúng Thành Tựu trong trang chín mươi lăm.

***Dữ đại Tỳ Kheo chúng.***

*(Cùng với các vị đại Tỳ Kheo).*

Tôi chẳng cần giải thích núi Linh Thứu. Thành Vương Xá lẫn núi Linh Thứu đều chẳng cần giải thích. Trong trang chín mươi lăm, đối với câu “dữ đại Tỳ Kheo chúng”, chúng ta xem phần giải thích. Chúng ta phải đặc biệt lưu ý đoạn này, nghiêm túc học tập. “Dữ giả, cộng nghĩa”

(Dữ có nghĩa là cùng), cùng ở chung với mọi người. “Nhất xứ”, đây là xứ sở, cùng một nơi chốn. “Nhất thời” là cùng một thời gian, chẳng phải là trước sau sai biệt, mà là cùng một thời gian. “Nhất tâm, nhất giới”, nhất tâm là kiến hòa đồng giải, mọi người trong Đạo Tràng này cùng nhau tu tập một Pháp Môn. Ví như Đạo Tràng này tu Pháp Môn Niệm Phật, chúng ta căn cứ vào Kinh Vô Lượng Thọ. Tuy Tịnh Độ là năm Kinh một luận, nếu ở chỗ này, chúng tôi căn cứ trên Kinh Vô Lượng Thọ, kẻ khác y cứ Kinh Quán Vô Lượng Thọ, sẽ thành tranh cãi, cùng là Pháp Môn Tịnh Độ mà cũng không xong! Tịnh Độ năm Kinh một luận, do có sáu bộ Kinh luận, sẽ mở thành sáu Đạo Tràng, sáu Đạo Tràng ấy chẳng thể cùng gộp lại. Hễ gộp chung lại sẽ tranh cãi, vì sao? Kiến giải khác nhau, sẽ có tranh luận. Quyết định là nương theo một bộ, kiến giải mới giống nhau, mọi người chẳng bàn ra tán vào, cùng nhau đều phải tuân thủ. Cho nên, cùng là tu Tịnh Độ Đạo Tràng, Đạo Tràng này của tôi nương vào Kinh Vô Lượng Thọ, Đạo Tràng của người khác nương vào Kinh A Di Đà, Đạo Tràng nọ nương theo Kinh Quán Vô Lượng Thọ, có thể được, đều có thể thành tựu. Thành tựu chẳng có cao thấp, quyết định là bình đẳng, nhưng chẳng thể hợp lại cùng một chỗ. Hễ hợp lại, chắc chắn có rắc rối! Nếu người này niệm Phật, người kia tham Thiền, người nọ niệm chú, phiền phức còn lớn hơn nữa, chắc chắn là chẳng thể thành tựu. Chư vị đồng tu phải biết điều này!

Trung Quốc từ xưa tới nay, mỗi Đạo Tràng đều có học phong và đạo phong của Đạo Tràng ấy, nên họ đều có thành tựu. Học phong là

Kinh luận đề căn cứ, đạo phong là phương pháp tu hành, ắt phải là hoàn toàn giống nhau thì mới thật sự là chí đồng đạo hợp, mới là “hảo đồng tham”, tức là đồng tham đạo hữu tốt đẹp. Nay đối với hoàn cảnh tu học, khó nhất là tìm không ra một nơi chốn như vậy, chính mình mong tìm được một Đạo Tràng tu học chẳng dễ dàng tìm được. Tuy có nhiều Đạo Tràng, nhưng nếu nói đến đạo phong và học phong thì đều không có. Hiện tại có nhiều Đạo Tràng, chúng ta thấy rất nhiều người trụ, nhưng mạnh ai nấy tu, mọi người cùng tu là khi nào? Là hai thời công khóa sớm tối. Hai thời công khóa qua quít, không quan tâm, nói thật ra, hầu như chẳng có mảy may gì liên quan đến sự tu học! Vì thế, trong Đạo Tràng có lắm ý kiến, thậm chí rất nhiều phe phái! Mấy người một phái, lôi kéo mấy tín đồ theo phe của họ, đôi bên tranh chấp với nhau, kèn cựa lẫn nhau, đấu tranh kiên cố! Chỗ như vậy chẳng gọi là Đạo Tràng! Nếu gọi là Đạo Tràng, đấu qua đấu lại đều là ba ác đạo, nơi đó là Đạo Tràng tu ba ác đạo, chẳng phải là Đạo Tràng của Phật, Bồ Tát. Tu gì ở nơi đó? Tu tham, sân, si, quả báo trong tương lai là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, làm lẫn đặc biệt to tát!

**Nhất tâm, nhất giới, giới là quy luật sinh hoạt, thủy đều phải tuân thủ quy phạm sinh hoạt. “Nhất đạo, nhất kiến, nhất giải thoát” (Cùng một đạo, một kiến giải, một vị giải thoát), đó là nói đến phương pháp. Kiến là lý luận; lý luận, kiến giải, giải thoát là tự tại. Chữ “đẳng” có nghĩa là còn nhiều nữa, chỉ nêu đại lược mấy thứ. “Giai nhất” (Đều là một), thủy đều phải tuân thủ. “Cố danh Cộng**

dã” (Nên gọi là Cùng), như vậy thì mới gọi là Cộng. Đức Phật chế định giới điều cơ bản cho chúng ta, giới điều cơ bản để đại chúng cùng ở chung với nhau là Lục Hòa Kính. Ngũ Giới, Thập Giới, Sa Di Giới, Tỳ Kheo Giới do chính mình tuân thủ, chẳng phải là đòi hỏi mọi người phải tuân thủ, mà là bản thân mỗi cá nhân phải dùng những giới điều ấy để ràng buộc (kiềm chế) chính mình. Giới điều cơ bản để đại chúng ở chung với nhau là Lục Hòa Kính. Bốn người cùng tu với nhau, từ bốn người trở lên, có thể tu Lục Hòa Kính, bèn gọi là Tăng Đoàn. Vì thế, Tăng đoàn là đoàn thể cộng trụ của đệ tử Phật. Đoàn thể như vậy, mười phương chư Phật hộ niệm, hết thầy long thiên hộ pháp quý Thần đều ủng hộ. Vì sao? Đó là Đạo Tràng danh phù hợp thật, là Đạo Tràng của Phật, Bồ Tát, chí tôn, chí quý, tốt bậc tôn quý trong hết thầy các pháp thế gian và xuất thế gian. Vì thế, tội lỗi phá hoại Tăng đoàn ấy là A Tỳ địa ngục.

Nhưng trong hiện tại, hai người ở chung, ý kiến cũng khác nhau. Bốn người ở chung với nhau, ý kiến, kiến giải giống nhau, tôi học Phật nhiều năm như vậy mà chưa hề thấy. Trung Quốc, ngoại quốc cho mãi tới bây giờ chưa hề thấy. Chẳng có Tăng đoàn Lục Hòa Kính, đáng chán quá! Nói thật thà, nếu Đài Loan xuất hiện một Tăng đoàn Lục Hòa Kính, đảo báu này có phước, vì sao? Chư Phật, Bồ Tát hộ niệm, long thiên hộ trì, cuộc đất này chắc chắn chẳng gặp nạn. Vì sao chẳng thể tu Lục Hòa Kính? Do không chịu buông lợi ích của chính mình xuống, vì tự tư tự lợi, chẳng có cách nào nữa! Tìm được bốn người thật sự có thể buông tự tư tự

lợi xuống, chúng ta vì hai ngàn vạn đồng bào cầu phước, chẳng có ai phát tâm như vậy, thế mà vẫn nói “phát Bồ Đề tâm, chúng sanh vô biên thế nguyện độ”. Độ ngoài miệng, trong tâm chẳng độ! Khó lắm! Thật sự là khó, mấy ai chịu phát tâm? Do đó, Lục Hòa Kính là giới điều cơ bản. Đệ tử thật sự của Phật mà chẳng thể giữ Lục Hòa Kính, nói thật thà, sẽ chẳng phải là đệ tử Phật. Tự xưng là đệ tử Phật, quý vị tự xưng, Phật, Bồ Tát chẳng thừa nhận, long thiên quý Thần cũng chẳng thừa nhận. Chúng ta phải đặc biệt chú ý chuyện này.

Trong Lục Hòa Kính, quan trọng nhất là hai điều đầu tiên. Điều thứ nhất là kiến giải, tư tưởng phải giống nhau, thật sự là chí đồng đạo hợp. Thứ hai là Giới Hòa Đồng Tu, tức là cuộc sống có trật tự, có khuôn khổ. Mọi người ở chung với nhau phải có quy củ. Quy củ ấy có thể do chính mình ước định, Phật môn gọi quy củ ấy là Thanh Quy. Thanh Quy là giới luật hiện đại hóa, là giới luật được bản địa hóa, trong lúc này, tại cơ sở, nơi chốn của chúng ta, sống trong hoàn cảnh này, chúng ta hãy nên thực hiện như thế nào? Bản địa hóa tinh thần và nguyên tắc do Đức Phật đã dạy, chính là đối với chi tiết thực hiện như thế nào thì chúng ta có thể tu chỉnh, ước định, sau khi đã tu chỉnh xong, mọi người phải tuân thủ. Vì vậy, mỗi tự miếu có quy củ của riêng tự miếu ấy. “Thường trụ công ước” thì phải là bản địa hóa, hiện đại hóa Thanh Quy, nhưng đều tuân thủ tinh thần giới luật.

“Thân đồng trụ”: Đồng trụ thì mỗi người một lieu phòng chẳng gọi là đồng trụ. Mỗi người một căn phòng chẳng gọi là đồng trụ. Đồng trụ là

gì? Giống như phòng ngủ tập thể trong quân đội, đó là đồng trụ. Mỗi người ngủ một phòng, tu hành rất khó thành tựu, vì sao? Phiền não tập khí của chúng ta hết sức nặng, lúc đông người, sẽ thấy chúng ta rất quy củ, ngon lành lắm! Nhưng khi chẳng ai nhìn tới, sẽ buông lung, tật xấu lộ ra hết, đâu có ai thấy! Tôi ngủ chung một phòng tập thể, vẫn là thấy rõ môn một, quý vị ngủ nghề cũng giữ đúng quy củ, thật thà, chẳng thể loạn động, nên có thể thu được hiệu quả. Vì thế, quân đội nhất định phải ngủ trong phòng ngủ tập thể. Chẳng ngủ trong phòng tập thể, sẽ tạo phản. Trong quân đội, cứ một ban là một đơn vị, mười mấy người ngủ chung một phòng tập thể, do ban trưởng cầm đầu, họ sẽ chẳng thể tạo phản. Học trò, giống như chúng tôi đi học trước đây, trong thời Kháng Chiến chúng tôi đều ngủ trong phòng tập thể, do một thầy cai quản, dễ cai quản. Mỗi người một phòng thì có thể quậy phá. Người xuất gia cũng là như thế, mỗi người một phòng tuyệt đối sẽ chẳng thể tu đạo thành tựu, trước mặt người khác là một kiểu, sau lưng lại là một kiểu khác! Vì thế, Đạo Tràn tại Đại Lục xưa kia đều là phòng ngủ tập thể, chẳng ngăn thành phòng riêng. Ngăn thành phòng riêng dành cho người tu hành đã lâu, từ sáu mươi tuổi trở lên, hành động chậm chạp, động tác khá chậm, không theo kịp đại chúng, người như vậy có thể ngủ một phòng riêng. Còn có các chấp sự về hưu, đã phục vụ thường trụ rất nhiều năm, như các vị Phương Trượng, Trụ Trì, Đương Gia Sư, Trì Khách Sư, do phải có trách nhiệm nên họ có phòng riêng. Thanh chúng (đại chúng thanh tu) đều phải ngủ trong phòng tập thể. Thanh chúng là người tu hành chân chánh. Đồng Trụ có ý nghĩa này. Nếu chẳng hiểu rõ ràng, sẽ thường làm sai. Hiện thời,

Chùa miếu có tiền, xây thật lớn, trong đó có rất nhiều liêu phòng, mỗi phòng đều có phòng vệ sinh riêng, có phòng phụ, mỗi người ở một căn, mong Vãng Sanh rất khó, rất không dễ dàng! Nếu muốn đắc Định, khó lắm! Thành tựu Tam Muội rất khó khăn, tôi nói thật đấy! Cuộc sống như vậy mà có thể thành tựu thì chính là Phật, Bồ Tát tái lai, chẳng phải là lũ phàm phu chúng ta mà hồng tu thành, phải là Phật, Bồ Tát tái lai.

**“Khẩu vô tránh”, mọi người ở chung với nhau quyết định chẳng tranh cãi. “Ý đồng duyệt”, pháp hỷ sung mãn. “Lợi đồng quân”, tứ sự cúng dường mọi người đều bình đẳng, rất khó thực hiện. A! Chúng ta tan học!**

## TẬP 17

Xin mở Kinh bốn, trang chín mươi tám, hàng thứ hai đếm từ dưới lên.

*Thiên nhị bách ngũ thập nhân câu.*

*(Một ngàn hai trăm năm mươi người nhóm họp).*

Đây là Chúng Thành Tựu. Trong phần trước đã giới thiệu thời gian, xứ sở, và vị chủ giảng của pháp hội này; ở đây, giới thiệu tính chúng. Một ngàn hai trăm năm mươi người ở đây là các vị đệ tử thường theo hầu đức Thế Tôn, gần như suốt đời chẳng rời khỏi Thích Ca Mâu Ni Phật, nên trong phần đầu mỗi bộ Kinh đều nêu tên các Ngài. Do đâu mà có một ngàn hai trăm năm mươi người này, trong chú giải đã nói rõ, chẳng cần



giới thiệu nhiều . Những vị này là Thanh Văn Chúng, cũng được gọi là Tiểu Thừa đệ tử. Dưới đây là Bồ Tát Chúng:

***Bồ Tát tam vạn nhị thiên nhân. Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử  
nhĩ vi thượng thủ.***

*(Bồ Tát ba vạn hai ngàn người, Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử làm  
Thượng Thủ).*

Ở đây, có chữ bị in sai. Chữ Vương trong từ ngữ “pháp vương tử” bị viết thành Ngũ, tức là Pháp Ngũ Tử. Chữ Ngũ ấy phải là chữ Vương, Pháp Vương Tử!

Thanh Văn Chúng nhất định là người xuất gia, một ngàn hai trăm năm mươi người ấy là hàng xuất gia. Bồ Tát Chúng không nhất định xuất gia, chúng tại gia cũng rất nhiều. Như bốn vị đại Bồ Tát thị hiện tại Trung Hoa, chỉ có Địa Tạng Bồ Tát thị hiện tướng xuất gia, những vị khác như Quán Âm, Văn Thù, Phổ Hiền đều hiện tướng tại gia. Do vậy, trong chúng Bồ Tát, hàng tại gia đông đảo. Thượng Thủ trong chúng Bồ Tát là Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, tượng trưng trí huệ bậc nhất. Trong Kinh này, không liệt kê Thượng Thủ của hàng Thanh Văn, chỉ có trong hàng Bồ Tát là liệt kê một vị Thượng Thủ; đó là vì nhân duyên phát khởi của bộ Kinh này vô cùng đặc thù.

Phần Thông Tự được giới thiệu tới đây, kế tiếp là Biệt Tự, tức là Phát Khởi Tự. Chúng ta xem trang một trăm, hàng thứ nhất. Trong Phát Khởi Tự có hai đoạn, đoạn thứ nhất là Đối Biện Bất Đồng (biện định về sự khác biệt). Trong phần Đối Biện Bất Đồng, lại chia thành hai đoạn

ngắn. Đoạn thứ nhất là Phiếm Cử Sai Biệt (nêu chung sự sai biệt), đoạn thứ hai là Chánh Hiển Kim Kinh (nêu rõ điều sai biệt trong Kinh này). Phát Khởi là nói tới nhân duyên của bộ Kinh này. Gần như Thông Tụ của tất cả hết thảy các Kinh đại khái giống nhau, nhưng Phát Khởi Tụ thì mỗi hội mỗi khác, đều có nhân duyên đặc thù.

Chúng ta xem nhân duyên của bản Kinh này trong đoạn thứ hai của trang này, tức đoạn Chánh Hiển Kim Kinh. “Kim Kinh chánh dĩ sát phụ, dĩ vi Phát Khởi” (Kinh này chánh yếu dùng chuyện vua A Xà Thế giết cha để làm nhân duyên phát khởi); do đó, sự phát khởi này hết sức đặc thù: Vua A Xà Thế giết cha, hại mẹ, nhân duyên phát khởi từ chỗ này. “Hà cố cử thử nghịch sự vi phát khởi da? Vị chương thử giới cực ác, linh nhân yếm khí. Thân sở sanh tử, do thượng nguy hại, tức dục linh nhân đồng hân Tịnh Độ” (Vì có sao nêu lên chuyện ác nghịch này để làm nhân duyên phát khởi? Nhằm tỏ rõ Thế Giới này ác độc đến mức cùng cực, khiến cho người ta chán bỏ. Con ruột do chính mình sanh ra mà còn hãm hại ta, nhằm muốn làm cho mọi người cùng ưa thích Tịnh Độ). Đây là ý nghĩa được bao hàm trong việc phát khởi. Nói thật ra, vào thời cổ đã có chuyện ác nghịch kiểu này, từ xưa đến nay đều có, nhưng luôn là số ít. Trong xã hội cận đại, chúng ta thấy chuyện bất hiếu, ngỗ nghịch quá nhiều, nhiều đến nỗi không đáng coi là tin tức để đăng tải, chỗ nào cũng đều có.

**Vào thời cổ, trong quá khứ, thầy Lý có kể cho chúng tôi nghe một câu chuyện, chẳng biết vào triều đại nào, tôi cũng chẳng nhớ.**

Khi ấy, thầy nói rất rõ ràng, nhưng do thời gian đã quá lâu nên ký ức rất mơ hồ. Thầy nói: Vào thời cổ, có một nơi, đứa con bất hiếu, giết cha. Đây là một chuyện lớn, nên quan lại địa phương trình tâu lên triều đình, vua hạ lệnh ghi lỗi to cho tỉnh trưởng tỉnh ấy, quan đứng đầu tỉnh ấy tương đương tỉnh trưởng hiện thời, huyện trưởng bị xử phạt cách chức, có sao huyện của người nầy sanh một gã bất hiếu dường ấy? Không chỉ huyện trưởng bị phạt cách chức, mà huyện lỵ xưa kia đều có tường thành, thành tường bị vạt mất một góc, tức là hoàng đế hạ lệnh phá bỏ một góc tường thành. Điều này biểu thị ý nghĩa: Nơi các người nầy sanh một kẻ xấu xa dường ấy, tức là toàn thể nơi ấy bị mang nhục! Trước kia, coi chuyện trái nghịch luân thường nghiêm trọng ngàn ấy! Chẳng như hiện tại, nay thì thậm chí phát sanh chuyện như vậy, báo chí chẳng muốn đăng tải, quá nhiều! Báo đăng chẳng xiết! Trước kia ít, hiện tại nhiều. Vào thời xưa, nếu con cái bất hiếu, cha mẹ thỉnh cầu quan phủ trị tội, chỉ cần cáo trạng, chánh quyền chẳng tra xét mà trị tội ngay. Cha mẹ yêu thương con cái, chẳng bỏ sót một điều nhỏ nhặt nào, thế mà cha mẹ chẳng cần đến đứa con ấy nữa, nó sẽ chẳng thể sống yên ổn trong xã hội. Vào thời đầu Dân Quốc, pháp luật còn có điều lệ xử trí về thân quyền. “Thân quyền” là quyền cha mẹ; cha mẹ nói con cái bất hiếu, bẩm báo lên quan huyện vùng đó, xin quan huyện hành quyết đứa con. Chẳng cần thẩm vấn, lập tức lôi đi hành hình. Vì thế, thuở đó, con cái chẳng dám bất hiếu với cha mẹ. Hình như là điều luật này

**bị phê trừ vào năm Dân Quốc hai mươi mấy. Trong quá khứ, xã hội và chánh quyền coi chuyện này rất nặng!**

Con ruột do chính mình đẻ ra mà phạm tội đại nghịch bất đạo ấy, có thể thấy Thế Giới này xác thực là “ngũ trược ác thế” như Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói. Chuyện A Xà Thế khiến cho chúng ta chẳng có tâm lý lưu luyến Thế Giới này, vì nó khiến cho người ta ghét bỏ, chẳng mong trụ trong Thế Giới này, sẽ hướng về Tây Phương Cực Lạc Thế Giới. Tây Phương Cực Lạc Thế Giới tuyệt đối không có những chuyện ác ấy. Không chỉ là chẳng có ác sự, mà tên gọi của những chuyện ác đều chẳng nghe thấy, há còn có chuyện ác? Cõi ấy là một xứ sở thù thắng tốt đẹp dường ấy, vì sao chúng ta không đến đó? Có gì phải lưu lại nơi này để chịu tội? Đây chính là đại ý của việc dùng nghịch hạnh (hành vi ngỗ nghịch) của vua A Xà Thế để phát khởi. Nhân duyên phát khởi này cũng thật sự chẳng thể nghĩ bàn.

Chúng ta xem đoạn văn tiếp theo: “Hạ Vi Đề Hy, nguyện vị ngã thuyết vô ưu não xứ, bất nhạo Diêm Phù Đề trược ác thế” (Kế đó, bà Vi Đề Hy nói: “Xin hãy vì con nói chỗ chẳng có ưu não, con chẳng ưa thích đời trược ác trong cõi Diêm Phù Đề”). Chữ Hạ (下) là nói tới phần Kinh Văn tiếp theo. Phu nhân Vi Đề Hy là mẹ vua A Xà Thế (Ajātasātru); ngay cả mẹ mà còn ghét bỏ con cái, ghét bỏ Thế Giới này, cầu Đức Phật dạy cho bà ta một cõi chẳng có ưu não, mong được Vãng Sanh nơi ấy. “Phát khởi nhân duyên, đại phả tư nghị, nghịch tội bồn thị Vô Gián ngục nhân” (Nhân duyên phát khởi rất chẳng thể nghĩ bàn, tội Ngũ Nghịch vốn

là cái nhân của địa ngục Vô Gián). Đây là tội Vô Gián, quả báo trong địa ngục Vô Gián. “Tùy nhân thú quả, trầm A Tỳ ngục trung, thọ cực trọng khổ, chí khinh tu nhất đại kiếp” (Theo nhân hưởng đến quả, chìm đắm trong địa ngục A Tỳ, chịu nổi khổ cực nặng, nhẹ nhất thì phải trải qua một đại kiếp). Chúng ta cũng phải ghi nhớ mấy câu này: Sau khi tạo tác tội Ngũ Nghịch, nhất định đọa địa ngục. Mọi người niệm Kinh Địa Tạng sẽ biết chuyện tội khổ trong địa ngục, có thể nói Kinh Địa Tạng đã nói rộng rãi tình hình và trạng huống trong địa ngục. Phải chịu tội trong địa ngục bao lâu? Tội nhẹ nhất là một đại kiếp, thời gian quá dài, hết sức đáng sợ! Trong Kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật đã giảng về lục đạo luân hồi, đoạn Kinh Văn giảng về địa ngục đặc biệt tường tận, gần như chiếm một nửa phần văn tự nói về lục đạo. Vì sao nói tỉ mỉ ngàn ấy? Nhằm làm cho quý vị thật sự thông hiểu, ngàn muôn phần chớ nên tạo tội nghiệp địa ngục! Địa ngục dễ vào, chẳng dễ thoát ra! Nổi khổ ấy nặng nề cùng cực, chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng, thời gian quá dài, hết sức đáng sợ!

“Kim vi Tịnh Độ tác phát khởi duyên, phỉ duy Vi Đề Hy phả tư nghị, tức A Xà Thế diệc phả tư nghị dã” (Nay đem chuyện ác nghịch ấy làm duyên phát khởi Tịnh Độ, chẳng phải chỉ riêng bà Vi Đề Hy là chẳng thể nghĩ bàn, mà A Xà Thế cũng là chẳng thể nghĩ bàn). Do dùng nhân duyên ấy để phát khởi Kinh này, do vậy, Kinh Tịnh Độ cũng được gọi là Kinh chẳng thể nghĩ bàn, trong tên gọi của Kinh Tiểu Bản Di Đà đã nói rất rõ ràng. Chẳng khác gì Kinh Hoa Nghiêm! Hoa Nghiêm được gọi là

Kinh bất tư nghị. Người Hoa thường gọi Hoa Nghiêm là đại bất tư nghị Kinh. “Cụ kiến nghịch sự năng dụng, tức thị tánh ác Pháp Môn, tánh ác dung thông, nhậm vận nhiếp đặc tánh thiện. Do tánh ác nhi khởi tu ác, thậm chi vị địa ngục nhân. Năng dụng chi vi Pháp Môn, chuyển nhi vi Tịnh Độ chủng, khởi phi tự tánh trung bản cụ chi đức da?” (Trợn thấy là có thể sử dụng chuyện ác nghịch, tức là đối với Pháp Môn tánh ác thì tánh ác dung thông, tùy ý dụng nhiếp tánh thiện. Thông thường thì do tánh ác mà dấy khởi chuyện làm ác, đến nỗi trở thành cái nhân của địa ngục, nhưng có thể dùng chuyện ác ấy để làm Pháp Môn, hòng chuyển thành hạt giống của Tịnh Độ, há chẳng phải là trong tự tánh vốn có trọn đủ các đức ư?). Nói thật ra, nếu vua A Xà Thế chẳng giết cha hại mẹ, Đức Phật sẽ chẳng nói bộ Kinh này, nhận thức của chúng ta về Tây Phương Cực Lạc Thế Giới cũng chẳng thể viên mãn. Lại nói thật thà, mẹ nhà vua cũng chẳng thể Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, có lẽ vẫn phải luân hồi bao nhiêu kiếp chẳng nhất định. Con vừa giết cha hại mẹ, đâm ra mẹ liền đến Tây Phương Cực Lạc Thế Giới thành Phật, đây là nhân duyên chẳng thể nghĩ bàn. Là một chuyện ác, mà kết quả lại biến thành việc tốt cùng cực, kết quả hết sức viên mãn!

Có thể thấy là thiện và ác quả thật rất khó nói, ắt phải xét theo kết quả. Nếu do nhân lành mà đắc quả ác thì điều thiện ấy chẳng phải là chân thiện. Do ác nhân mà đắc quả cực thiện, vua A Xà Thế có công đức rất lớn. Quý vị thấy nhà vua khiến cho mẹ mình thành Phật trong một đời, năm trăm cung nữ hầu hạ mẹ nhà vua cũng đều có thể Vãng Sanh Tây

Phương Cực Lạc Thế Giới, độ lắm người ngàn ấy! Kinh Điển lưu truyền đến đời sau, chẳng biết đã độ được bao nhiêu người! Do một niệm ác ấy, đâm ra, nhà vua lại khiến cho nhiều người thành tựu ngàn ấy, chẳng thể nghĩ bàn! Vì thế, đến khi lâm chung, nhà vua hồi hận, sám hối Vãng Sanh, sanh trong thượng phẩm trung sanh, hết sức có lý. Do đó, thiện hay ác phải xét theo hậu quả, phải dùng tâm mắt trí huệ để quan sát. Tại Trung Hoa, gần như ai nấy đều biết Nhạc Phi là một vị anh hùng dân tộc, bất hạnh bị Tần Cối hại chết. Từ xưa tới nay, người Hoa hận Tần Cối thấu xương, hẳn là một gã xấu xa như thế! Trên thực tế, hai người ấy có công đức bằng nhau, có sao nói là bằng nhau? Nhạc Phi dạy chúng ta phải nên học theo ông ta tận trung báo quốc, phải học giống như ông ta. Tần Cối nêu gương, nhằm dạy chúng ta chớ nên học theo, học theo gương ông ta sẽ để tiếng xấu vạn năm! Một người dạy theo lối chánh diện, một người dạy theo kiểu phản diện, nhưng cả hai đều là thầy tốt, đều là công đức vô lượng. Đó là xét theo hậu quả, hậu quả có sức giáo hóa sâu xa, có sức ảnh hưởng chánh đáng đối với xã hội thì là công lao, là công đức. Chúng ta xét theo quan điểm Phật Pháp, sẽ có cách nhìn khác với người thế gian, biết việc làm ấy quả thật sẽ sanh ra sức ảnh hưởng chánh đáng đối với sự giáo hóa người đời sau. Vua A Xà Thế cũng thuộc về tình hình như vậy đó.

**Bởi lẽ, thiện và ác đều khởi từ Chân Như bản tánh, tùy thuộc chúng ta sử dụng theo cách nào! Dùng theo kiểu ác, sẽ là quả báo trong địa ngục A Tỳ; dùng theo lẽ thiện, sẽ thành Phật, làm Tổ! Do**



**vậy có thể biết: Trong cuộc sống hiện tại của chúng ta có thuận cảnh và nghịch cảnh, những kẻ chúng ta gặp gỡ, có người tốt, có kẻ ác. Người thiện cố nhiên là tốt, nhưng kẻ ác cũng chẳng tệ! Thuận cảnh cố nhiên là tốt đẹp, nhưng nghịch cảnh cũng thế, tùy thuộc quý vị vận dụng như thế nào! Nếu quý vị biết dùng, thuận hay nghịch đều là Tăng Thượng Duyên. Giống như năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử trong Kinh Hoa Nghiêm, năm mươi ba vị thiện tri thức có người thiện, kẻ ác, nhưng đều là các vị đại thiện tri thức thật sự, đều có thể giúp quý vị thành tựu Vô Thượng Bồ Đề. Điều này cũng chứng tỏ lời Ngẫu Ích Đại Sư đã nói: “Cảnh duyên chẳng tốt xấu, tốt xấu do tâm mình”, chẳng do ngoại cảnh chi phối! Tâm chính mình thuần thiện, thiện lương, tất cả hết thảy cảnh giới đều thiện, điều này đáng cho chúng ta phản tỉnh thật sâu. Chỉ có thật sự giác ngộ từ chỗ này, tâm chúng ta mới có thể thanh tịnh, bình đẳng, bất luận đối xử với ai, sống trong hoàn cảnh nào, đều có thể đạt được thanh tịnh tự tại, công phu tu hành đều có thể đắc lực. Người ấy đã chuyển biến những điều ấy thành Pháp Môn, chuyển thành hạt giống Tịnh Độ, há chẳng phải là trong tự tánh vốn trọn đủ các đức ư?**

“Kim chi nghịch sự, kỳ chủng tử tức thị tánh cụ chi duyên nhân Phật Tánh” (Nay đối với chuyện ác nghịch, chủng tử của nó chính là duyên nhân Phật Tánh vốn sẵn có trong tánh). Đây là nói về phu nhân Vi Đề Hy, bà gặp chuyện này, khiến cho chính mình thật sự giác ngộ thế gian này vô thường, hiểm ác, bà ta ngộ chuyện này. Đó là trí huệ, là giác

ngộ. Không gặp phải chuyện này, bà chẳng giác ngộ. Gặp chuyện này, bà giác ngộ, đó là duyên nhân Phật Tánh. Duyên là gì? Tu hành trong đời quá khứ, thiện căn trong đời quá khứ, đã kết duyên với Phật. Nay bị cảnh giới ảnh hưởng, khiến cho chúng tử Phật Pháp từ vô thi được kích phát. “Tạo nghịch tâm tức thị tánh cụ chi liễu nhân Phật Tánh” (Tâm tạo nghịch chính là liễu nhân Phật Tánh có sẵn trong tánh). Liễu nhân là hiểu rõ, vừa thấy chuyện này bèn hoàn toàn hiểu rõ, chân tướng của pháp thế gian và xuất thế gian vừa tiếp xúc bèn hiểu rõ, hiểu rõ là trí huệ. Duyên nhân là chúng tử trong đời quá khứ, chúng ta thường nói là thiện căn. “Nhi chánh nhân Phật Tánh, chung nhật bất biến, chung nhật tùy duyên; chung nhật tùy duyên, chung nhật bất biến” (Nhưng chánh nhân Phật Tánh suốt ngày bất biến, suốt ngày tùy duyên; suốt ngày tùy duyên, nhưng suốt ngày bất biến). Chánh nhân là bản tánh, là Phật Tánh. Trong Phật Pháp, duyên nhân, liễu nhân, và chánh nhân được gọi “tam nhân Phật Tánh”. Nếu chúng ta có thể lắng lòng quan sát thế gian này, nói thật ra, lúc nào, chỗ nào cũng đều có thể khai phát giác tánh của chúng ta.

**Tuần trước, tôi đến thăm viện Nghiên Cứu Trung Ương, xem giáp cốt thuộc phòng trưng bày của Tiên Sinh Đồng Tác Tân. Đồng Tiên Sinh trước kia có một người bạn thân là Tiên Sinh Nghiêm Nhất Bình, cùng nghiên cứu giáp cốt văn với Đồng Tiên Sinh, ông ta là giáo sư trường đại học Đài Loan. Tôi liền hỏi người phụ trách quản lý hiện thời, ông ta cho biết Nghiêm Tiên Sinh đã mất từ năm năm trước, thế mà tôi không biết. Nghiêm Nhất Bình và tôi rất thân**

thuộc. Về sau, ông ta mở một thư điểm, tức xưởng in các tác phẩm văn nghệ. Cổ thư Trung Hoa tại Đài Loan do thư điểm của ông ta in đầu tiên. Các bộ Thập Tam Kinh, Nhị Thập Ngũ Sử tôi được đọc lần đầu là do tiệm của ông ta in. Tôi đến chỗ ông ta mua sách, nên rất thân quen với ông ta. Mở thư điểm kiếm tiền rất nhiều, đại khái là trong mười năm đầu kiếm được rất nhiều tiền. Đã kiếm được tiền, bèn thôi không dạy học nữa, từ nhiệm chức giáo sư, chuyên môn Kinh doanh. Đại khái là trong vòng mười năm, ông ta mua năm mươi căn nhà, cho người khác thuê. Những căn nhà giá rẻ thời đó, bây giờ đắt lắm. Về sau, ông ta chuyên kinh doanh địa ốc. Tôi chẳng gặp mặt ông ta đã hai mươi năm, tôi nghĩ nhất định là ông ta có một, hai trăm căn nhà. Đáng tiếc là chẳng thọ, đã chết rồi! Sống chẳng mang theo gì đến, chết chẳng mang theo được gì. Chẳng biết tài sản là bao nhiêu ỨC, mở thư điểm hề kiếm được tiền bèn mua nhà. Đã nhiều năm ngàn ấy, tôi chẳng gặp ông ta, nào ngờ ông ta đã chết từ năm năm trước, đời người vô thường! Có tiền, nhưng chẳng biết làm chuyện tốt, lắm tài sản ngàn ấy, chết đi, cũng chẳng mang theo được một đồng nào, cũng chẳng mang theo được một căn nhà nào! Vẫn phải lưu chuyển theo nghiệp, rất đáng thương!

Thuở ấy, tôi vừa mới học Phật. Có một hôm, ông ta cùng tôi trò chuyện. Ông ta nói: “Kinh Phật thì Kinh Kim Cang tôi đã xem qua”. Tôi nói: Ông nghĩ như thế nào? Ông ta đáp: “Chẳng có ý nghĩa gì! Giống như hai thùng nước đổ qua, đổ lại, lộp đi lộp lại!” Một vị giáo sư đại học nổi

tiếng đầy nhé! Tôi nghe cảm thấy thật nực cười, ngu si, điên đảo! Những chuyện giống như vậy rất thường thấy, hãy nên giác ngộ, phải thường cảnh tỉnh chính mình: Pháp thế gian vô thường. Có thể giác ngộ thì tín tâm và nguyện tâm tu hành của chúng ta sẽ kiên cố, nghiêm túc!

Mấy câu tiếp theo đó rất trọng yếu: “Cầu năng toàn tánh khởi u thuận tu, tắc duyên liễu nhị nhân, thành vi phước trí trang nghiêm. Thị cố hành nhân thành Phật, nhi hữu tướng hảo vô biên, trí huệ vô biên” (Nếu có thể toàn tánh khởi nơi thuận tu, thì duyên nhân và liễu nhân trở thành phước trí trang nghiêm. Vì thế, hành nhân thành Phật bèn có tướng hảo vô biên, trí huệ vô biên). Những câu này rất quan trọng. Phải thuận tánh khởi tu, tánh là gì? Tánh là thanh tịnh, bình đẳng, đại từ, đại bi, chúng ta phải ghi nhớ và tu học những điều này. Trong tâm thanh tịnh, chẳng có mảy may ô nhiễm, điều này quan trọng hơn bất cứ điều gì khác. Vì vậy, thuận tánh tu tập duyên nhân và liễu nhân. Duyên nhân là thiện căn nhiều đời nhiều kiếp; liễu nhân chính là trí huệ hiểu rõ trong hiện tiền, cũng có thể nói là giác tánh. Nay chúng ta nói người nào đó có ngộ tánh rất cao, tâm cảnh giác rất cao. Đối với giác tánh, người hiện thời nói là “tánh cảnh giác cao”, người ấy chẳng mê. Đó là liễu nhân. Sau khi đã tu thành công, bèn biến thành tướng hảo vô biên. Tướng hảo vô biên do duyên nhân biến thành. Trí huệ vô biên do liễu nhân biến thành, toàn là Tánh Đức tự tại hiện tiền. “Tùng toàn tánh khởi u nghịch tu, tắc duyên liễu nhị nhân, thành vi tội xuẩn trang nghiêm. Thị cố chúng sanh đọa ngục, vô luận ngục chi đại tiểu, nhất nhân diệc mãn, đa nhân diệc mãn, sở hữu khổ

cụ, tự nhiên nhi chí, thử giai phả tư nghị chi ác trang nghiêm, bất tùng ngoại lai, diệc tự tánh chi bản cụ dã, cố viết vô pháp bất cụ, vô pháp bất tạo” (Từ toàn tánh mà khởi lên nghịch tu thì duyên nhân và liễu nhân sẽ trở thành sự trang nghiêm trong cảnh giới tội lỗi, ngu xuẩn. Vì thế, chúng sanh đọa địa ngục, bất luận là địa ngục lớn hay nhỏ, một người cũng đầy ắp trong ngục, mà nhiều người cũng đầy ắp. Tất cả những dụng cụ hành hình tự nhiên xuất hiện, những điều này đều là những thứ trang nghiêm xấu ác chẳng thể nghĩ bàn, chẳng đến từ bên ngoài, mà cũng là có sẵn trong tự tánh. Do đó nói “không pháp gì chẳng trọn đủ, không pháp nào chẳng tạo”). Có thể thấy y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới thấy đều vốn sẵn có trong tự tánh, đều do tự tánh biến hiện. “Tạo” là biến hiện, đều chẳng phải đến từ bên ngoài, mà do quý vị một niệm thuận tánh hay một niệm trái nghịch, sai biệt ở ngay chỗ này! Thuận thì là toàn bộ thuận, hay là bộ phận thuận? Do điều này mà có tứ Thánh pháp giới sai biệt. Hoàn toàn thuận bèn thành Phật, bộ phận thuận bèn thành Bồ Tát, ít phần thuận sẽ là Thanh Văn, Duyên Giác. Trái nghịch cũng giống như vậy. Hoàn toàn trái nghịch bèn là A Tỳ địa ngục; nhiều phần trái nghịch là ba ác đạo; ít phần trái nghịch là hai đường nhân thiên. Tùy thuộc thuận hay nghịch tự tánh! Vì sao mười pháp giới hình thành, đạo lý ở ngay nơi đây. Đoạn này nói rất hay!

**Chúng ta lại xem đoạn văn kế tiếp, hãy xem dòng thứ ba trong trang một trăm lẻ hai. Đây là khoa văn (lời nhận định về khoa phán), không phải là sớ văn (lời sớ giải). Đáng lẽ phải in chữ thứ nhất thấp**

hơn, họ lại nâng cao lên, sai mất rồi! Trong phần nhận định về khoa phán đã viết: “Tụ trung vi nhị”, có nghĩa là trong vấn đề lớn này, sẽ chia thành hai đề mục nhỏ. “Sơ nhĩ thời hạ, chánh minh sát phụ, thứ vấn thủ môn nhân hạ, minh dục hại mẫu” (Thứ nhất là từ chữ “lúc ấy” trở đi, là nói vua A Xà Thế giết cha, kế đó là từ chữ “hỏi kẻ giữ cửa” trở đi, nói rõ nhà vua muốn hại mẹ). Đây là trình bày nhân duyên hưng khởi giáo pháp của bản Kinh này: Do vua A Xà Thế giết cha, hại mẹ. Chúng ta hãy xem Kinh Văn. Dưới đoạn Kinh Văn này có lời chú giải, quý vị hãy tự xem, do chẳng khó hiểu, nên chẳng cần giới thiệu. Kinh Văn thuộc trang một trăm lẻ ba, kể từ hàng thứ ba đếm từ dưới lên.

*Nhĩ thời Vương Xá đại thành, hữu nhất thái tử, danh A Xà Thế, tùy thuận Điều Đạt ác hữu chi giáo, thâm chấp phụ vương Tần Bà Sa La, u bế trí u thất trùng thất nội, chế chư quần Thần, nhất bất đắc vãng.*

*(Khi ấy, trong đại thành Vương Xá có một thái tử tên là A Xà Thế, nghe theo lời dạy của bạn ác là Điều Đạt, bắt giữ phụ vương Tần Bà Sa La (Bimbisara), nhốt kín trong một căn nhà có bảy lớp cửa, cấm ngặt các quần Thần không ai được đến đó).*

Nay ta gọi chuyện này là “chánh biến” (đảo chánh, coup d'état), chánh biến trong cung đình. Cuộc chánh biến này là con đoạt quyền cha, chẳng phải là người ngoài, mà là con cái đoạt quyền. Nói thật ra, ngôi vua của cha trong tương lai nhất định truyền cho ông ta, nhưng

ông ta chẳng chờ nổi, còn chưa truyền, ông ta đã muốn làm vua ngay! Vì sao ông ta chẳng chờ nổi? Có kẻ xúi giục, người ấy là ai? Đề Bà Đạt Đa! Gặp phải một người như vậy. Đề Bà Đạt Đa (Devadatta) là anh của Tôn Giả A Nan (Ānanda), là anh ruột, là em họ của Thích Ca Mâu Ni Phật. Người này hết sức thông minh, Đức Phật có ba mươi hai tướng, ông ta có ba mươi tướng, nên nhìn cũng hết sức đẹp đẽ. Tuy hết sức thông minh, nhưng tâm thuật bất chánh, nói theo kiểu hiện thời là thích chơi trội, là một người như thế đó, chẳng thật thà cho lắm. Vì lẽ đó, ông ta khá ganh ghét Thích Ca Mâu Ni Phật, hy vọng trong tương lai chính mình thành Phật, thay thế Đức Phật. Ông ta muốn học Thần thông, nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng dạy. Ông ta tìm đến đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật, những vị như Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất cũng đều chẳng dạy. Cuối cùng tìm tới A Nan. Ngài A Nan do thấy ông ta là anh mình, vì A Nan chỉ chứng đắc Sơ Quả Tu Đà Hoàn, chẳng có năng lực quan sát căn tánh của anh mình, nên đem phương pháp tu Thần thông dạy ông ta. Chẳng bao lâu, ông ta tu thành Ngũ Thông, lợi dụng Thần thông để dụ dỗ, mê hoặc thái tử A Xà Thế. Thương lượng với thái tử, ông ta nói: “Ngài hãy giết cha để làm quốc vương, tôi hại chết Thích Ca Mâu Ni Phật, tôi thành Phật. Ngài là tân vương, tôi là tân Phật, hai người chúng ta cùng nhau giáo hóa người đời trên thế gian, há chẳng phải là chuyện tốt đẹp ư?” Vua A Xà Thế nghe lời ấy, mắc bẫy của ông ta, thật sự đem cha nhốt lại, nhốt trong “thất trùng thất nội”, tức là qua bảy tầng canh giữ. Ra lệnh bắt luận kẻ nào cũng chẳng được gặp



**mặt, chẳng cho ai đến thăm, nhằm mục đích khiến cho vua cha chết đói, dùng phương pháp này. Nhắc tới một đoạn nhân duyên như vậy, nhân duyên trong đoạn này cũng được nói rất cặn kẽ trong phần chú giải .**

Trong chú giải có mấy câu tôi phải trao đổi cùng với các đồng tu đôi chút. Trang một trăm lẻ năm, hàng thứ năm, xem từ hai câu tiếp theo đó: “Nhu thử đặng sự, giai thị Đại Sĩ thiện quyền hiện hóa, hành u phi đạo, thông đạt Phật đạo. Chúng sanh căn tánh bất đồng, nhập đạo hữu dị, nhất nghịch, nhất thuận, hoằng đạo ích vật, thị hạnh vô gián, nhi vô não khuê, Xà vương hiện nghịch, vi tức ác nhân, linh bất khởi nghịch” (Những chuyện như thế đều do bậc Đại Sĩ quyền biến, thiện xảo hóa hiện, làm chuyện trái nghịch đạo lý, hồng khiến cho chúng sanh thông đạt Phật đạo. Chúng sanh căn tánh bất đồng, nhập đạo sai khác, một đặng nghịch, một đặng thuận. Do hoằng dương đạo, lợi lạc chúng sanh, nên thị hiện hạnh Vô Gián, nhưng chẳng có ưu não, sân khuê. Vua A Xà Thế thị hiện hạnh ác nghịch, nhằm ngăn dứt những kẻ ác, khiến cho họ chẳng dấy lên những hạnh ác nghịch). Đoạn văn này có ý nghĩa giống như cách nhìn chuyện Tần Cối hại Nhạc Phi mà tôi vừa mới nói. Vì thế, những chuyện trong cảnh giới đúng là chẳng có thiện, ác, đúng, sai. Thiện, ác, đúng, sai, đích xác là do phân biệt, chấp trước trong tự tâm chúng ta. Là khỏi hết thấy phân biệt, chấp trước thì mới có thể thấy chân tướng của thế gian và xuất thế gian. Hết thấy chúng sanh có căn tánh khác nhau. Có những chúng sanh phải dùng thiện pháp nhu hòa để tiếp dẫn thì họ có thể

nhập Phật môn. Có những chúng sanh phải dùng ác pháp thì mới có thể tiếp dẫn họ nhập Phật môn. Quý vị thấy tướng thị hiện của các vị Bồ Tát trong Phật môn, lấy ngay Quán Âm Bồ Tát để nói. Quán Âm Bồ Tát thị hiện tại Trung Hoa, tướng mạo vô cùng nhu hòa, quá nửa là tướng người nữ, do từ bi thương xót, nên hiện tướng ấy. Quý vị đến Tây Tạng hoặc Ấn Độ để xem tượng đắp của Quán Âm Bồ Tát, đôi khi mặt xanh, nanh nhọn, đáng sợ hãi cùng cực, nhưng đó cũng là hình tướng của Quán Âm Bồ Tát. Thật vậy, nên dùng phương pháp gì để độ được, liền thị hiện phương pháp ấy, có thiện độ, có ác độ, nhưng đạt đến mục tiêu cuối cùng thì là một.

Trong hội này, nói thật ra, có phải vua A Xà Thế thật sự là như vậy hay không? Chưa hề! Bồ Tát tái lai, diễn tuồng, một người đóng vai mặt trắng (vai chánh diện, vai thiện), một người khác đóng vai mặt đen (vai phản diện, vai ác). Các Ngài đang diễn tuồng, diễn cho chúng ta xem, khiến cho chúng ta giác ngộ. Các Ngài diễn tướng thế gian, khiến cho chúng ta từ sự biểu diễn ấy mà thấu hiểu tướng thế gian sâu đậm hơn, nhận thức rõ ràng hơn. Do đó, mới có thể thật sự tỉnh ngộ, đoạn tuyệt nỗi tham luyến đối với pháp thế gian, nhất tâm tu đạo. Vì vậy, những người ấy đều là bậc Đại Quyền thị hiện, nhưng những gì các Ngài biểu diễn đều là thật, chẳng giả. Chẳng hạn như các Ngài thị hiện ác hạnh xác thực là đáng đọa trong địa ngục Vô Gián, về sau, do sám hối bèn có thể thượng phẩm trung sanh, tuyệt đối chớ nên nói “đó là Bồ Tát tái lai biểu diễn, chưa chắc đã là thật!”. Nếu chúng ta hiểu như vậy thì sai mất rồi, sự biểu

diễn của Ngài là thật. Dầu chúng ta tạo trọng tội Ngũ Nghịch, mà chí tâm sám hối, thì cũng có thể Vãng Sanh, điều này tương ứng với ý nghĩa trong Kinh này, chẳng trái nghịch. Pháp Môn này quả thật có thể độ chúng sanh khổ sở cùng cực trong địa ngục viên thành Phật đạo. Chúng sanh ác cùng cực, khổ cùng cực, do chí tâm sám hối niệm Phật Vãng Sanh, sanh về Tây Phương Cực Lạc Thế Giới sẽ thuộc phẩm vị nào? Không nhất định! Không thể đoán định chắc chắn họ thuộc loại hạ phẩm hạ sanh, chưa chắc! Tùy thuộc sức sám hối của người ấy. Nếu sức mạnh sám hối của người ấy đặc biệt to lớn, phẩm vị bèn lập tức tăng cao. Chuyện này cũng rất chẳng thể nghĩ bàn, đúng là pháp khó tin. Có người nói: Người này tu hành suốt cả một đời, tu hành rất khá, phẩm vị cao, mọi người đều công nhận đúng là chẳng có vấn đề gì; nhưng người làm nhiều điều xấu dường ấy, một niệm sám hối mà phẩm vị cũng cao, không công bằng! Chúng ta nhìn cách nào cũng đều thấy không công bằng. Nói chung, chẳng nghĩ ra đạo lý ở chỗ nào!

**Thật ra, lý ấy rất sâu, xác thực là có căn cứ lý luận viên mãn, nhưng chúng ta không hiểu. Vì chúng ta là nhục nhãn phàm phu, chỉ thấy sự thị hiện bên ngoài, chẳng hiểu rõ Lý, nhân quả trong quá khứ cũng chẳng hiểu rõ. Kẻ ấy suốt đời này là người ác, nhưng trong nhiều đời nhiều kiếp là người tốt, trong nhiều đời nhiều kiếp đã tu không ít công đức, chẳng thể một nét bút sỗ toẹt được! Chúng ta chẳng có Thần thông, chẳng biết sự tu học của những chúng sanh ấy trong đời quá khứ. Do đó, cuối lời chú giải, câu cuối cùng nơi hàng**

thứ ba trong trang một trăm lẻ sáu đã nhắc nhở chúng ta. “Điều Đạt”, tức là Đề Bà Đạt Đa, “A Xà, Tần Bà, Vi Đề, giai thị đại quyền, hiện nghịch, hiện thuận, lợi ích chúng sanh” (Đề Bà Đạt Đa, A Xà Thế, Tần Bà Sa La, Vi Đề Hy đều là bậc đại quyền, thị hiện hạnh thuận nghịch đều nhằm lợi ích chúng sanh). Đại Quyền là bậc Bồ Tát thị hiện, là Đại Thừa Bồ Tát quyền xảo phương tiện thị hiện cho chúng ta thấy. Giống như diễn tuồng, trên sân khấu các Ngài sắm vai diễn nào, thật ra, thấy đều là đại Bồ Tát. Vì lẽ đó, thuở ấy, Đức Phật xuất hiện trên thế gian là đóng một vở tuồng cho chúng ta là những kẻ đang mê hoặc, điên đảo xem. Nhắc nhở chúng ta điều này, khiến cho chúng ta đối với những nhân vật này, tâm địa có thể sanh khởi tâm bình đẳng, cung kính, mục đích ở chỗ này. Chớ nên phân biệt, chấp trước, người này là người tốt, kẻ kia là người xấu. Quý vị chớ khởi lên ý niệm ấy. Hễ khởi lên ý niệm ấy tức là đã sai lầm, vì sao? Đã rơi vào phân biệt, chấp trước, sai mất rồi, tâm chúng ta chẳng thanh tịnh.

Chúng ta lại xem phần Kinh Văn tiếp theo:

*Quốc thái phu nhân danh Vi Đề Hy.*

*(Quốc thái phu nhân tên là Vi Đề Hy).*

Đây là vương hậu.

*Cung kính đại vương, tháo dục thanh tịnh, dĩ tô mật hòa sao, dụng đồ kỳ thân. Chư anh lạc trung thịnh bồ đào tương, mật dĩ thượng vương.*

*(Do cung kính đại vương, nên tắm gội thanh tịnh, dùng tô mật trộn với bột rang để bôi lên thân, trong các chuỗi đeo đựng nước nho, ngâm dâm lên vua).*

Quốc vương đã bị giam kín, bất cứ ai đều chẳng thể gặp, đoạn tuyệt thực phẩm, sanh mạng lâm nguy. Hoàng hậu rất thông minh, khi ấy, trừ bà ta ra, chẳng ai có thể cứu nhà vua. Nhưng thức ăn lẫn đồ uống đều chẳng được đem vào, canh cửa rất nghiêm, chẳng cho đem vào. Dùng phương pháp gì? Dùng mật và “sao” (bột rang), người Đài Loan gọi Sao là “miến trà”, dùng mật trộn thành chất dính để trét lên người, bước vào trong ngục, lính canh sẽ chẳng kiểm tra được. Vào tới bên trong, lại gỡ ra cho vua Tần Bà ăn. “Anh lạc” là đồ trang sức để đeo, bên trong đồ trang sức trống rỗng, giống như đồ đựng sữa, chứa thức uống trong ấy, mang vào như vậy đó. Vì thế, vua Tần Bà do có thức ăn, nên có thể giữ được tánh mạng.

***Nhĩ thời đại vương thực sao, ẩm tương, cầu thủy thấu khẩu. Thấu khẩu tất dĩ, hiệp chưởng cung kính, hướng Kỳ Xà Quật sơn, dao lễ Thế Tôn, nhi tác thị ngôn: “Đại Mục Kiền Liên thị ngô thân hữu, nguyện hưng từ bi, thọ ngã Bát Giới”. Thời Mục Kiền Liên như ưng chuẩn phi, tạt chí vương sở, nhật nhật như thị, thọ vương Bát Giới. Thế Tôn diệc khiển Tôn Giả Phú Lô Na, vị vương thuyết pháp.***

*(Lúc bấy giờ, đại vương ăn bột rang, uống nước ép, xin nước súc miệng. Súc miệng xong xuôi, chấp tay cung kính, hướng về núi Kỳ Xà Quật, bái vọng đức Thế Tôn, bạch như thế này: “Ngài Đại Mục Kiền*

*Liên là thân hữu của con, nguyện hãy dấy lòng từ bi, truyền cho con Bát Quan Trai Giới”. Khi ấy, Ngài Mục Kiền Liên như chim ưng, chim ó bay liệng, nhanh chóng đến chỗ nhà vua, mỗi ngày đều như thế, truyền Bát Quan Trai Giới cho nhà vua. Đức Thế Tôn cũng sai Tôn Giả Phú Lô Na thuyết pháp cho nhà vua).*

Quốc vương gặp đại nạn này cũng đau khổ chẳng thể chịu nổi. Tuy được bí mật chuyển đạt đồ ăn, thức uống, nên có cái để ăn uống, nhưng trong cung đình cũng sám hối, cầu Phật giúp đỡ. Nhưng nhà vua cầu Phật, vẫn chẳng cầu sanh Tịnh Độ, chẳng khởi ý niệm ấy, chỉ mong cầu Phật truyền giới, truyền Bát Quan Trai Giới là hành pháp để người tại gia tu hạnh xuất gia. Thời hạn của Bát Quan Trai Giới là một ngày một đêm, hết một ngày đêm liền viên mãn, ngày hôm sau lại phải thọ lần nữa, có thể thọ mỗi ngày. Nếu chẳng có thầy, không có người xuất gia, chính mình có thể đối trước Phật, Bồ Tát tự thọ. Vì thế, hành pháp này có khai duyên, nghĩa là hễ có người xuất gia truyền cho quý vị thì rất tốt, chẳng có người xuất gia thì chính mình có thể đối trước Phật, Bồ Tát phát nguyện thọ trì. Tám giới ấy gồm tám điều giới và một điều về Trai, nên gọi là Bát Quan Trai Giới. Trai là ăn một bữa trưa, chẳng ăn sau giữa trưa. Bát Quan Trai Giới thật sự thì sáng sớm ăn thứ gì cũng không được. Sáng sớm cũng chớ nên ăn, mỗi ngày ăn một bữa. Sau giữa Ngọ, tức là sau giữa trưa, có thể uống nước, nhưng trong nước chẳng thể có chất trầm lắng. Như sữa thì chẳng thể uống, vì sữa có chất trầm lắng. Sữa đậu nành cũng chẳng thể uống, vì sữa đậu nành cũng có chất trầm lắng. Có

thể uống gì? Có thể uống mật, mật và nước chẳng có chất trầm lắng. Uống nước đường cũng được! Vì vậy, đối với Bát Quan Trai Giới, Trai hết sức nghiêm ngặt, trai lẫn giới đều nghiêm ngặt. Đó là cuộc sống của người xuất gia thọ Phật tại thế, chúng ta sống một ngày theo cách sống ấy.

**“Trung” ở đây là giữa trưa, chẳng phải là Ngọ. Người hiện thời nói “trì ngọ”, đó là sai lầm. Ngọ là giờ Ngọ, từ mười một giờ đến một giờ đều thuộc về giờ Ngọ. Một giờ chiều thì mặt Trời đã qua khỏi giữa trưa từ lâu. Vì vậy, người ấy (người trì Bát Quan Trai Giới) là sau giữa trưa chẳng ăn, chẳng phải là ăn vào giờ Ngọ. Thời gian giữa trưa mỗi ngày khác nhau. Xưa kia, dùng đồng hồ mặt Trời (nhật quỹ) để tính toán thời gian giữa trưa. Hiện thời, thuận tiện hơn xưa kia, hiện thời dùng gì? Nếu là người trì ngọ, sẽ dùng nhật lịch thiên văn (Astronomical Almanac), đài thiên văn mỗi năm đều phát hành. Trong nhật lịch thiên văn có ghi chép mỗi ngày, nhằm tháng mấy, ngày mấy, thời gian đúng giữa trưa vào đúng mấy giờ, mấy phút, mấy giây, viết rất rõ ràng. Nhất định phải thọ trai trước khi ấy, hễ quá một giây tức là đã phá trai, đã phá Bát Quan Trai. Vì thế, đây là một chuyện rất phiền phức. Hiện thời có rất nhiều người trì ngọ, đó là làm cho có tiếng mà thôi, chứ thật ra cả trai lẫn giới đều bị phá sạch cả rồi. Buổi tối ăn hoa quả, đã phá giới, vì hoa quả có chất bã. Buổi tối uống cốc sữa thì cũng đã phá giới. Người ấy trọn chẳng hiểu những thứ ấy đều chẳng được dùng. Phạm là những gì có chất trầm**



**lẳng đều chẳng được uống. Đó là sống cuộc đời của người xuất gia trong một ngày.**

Quốc vương bị người ta giam kín nơi đó, đau khổ chẳng chịu đựng nổi, nghĩ ta phải tu phước, trong đời quá khứ đã tạo tội nghiệp quá nhiều, chẳng tu phước, bèn cầu Tôn Giả Mục Kiền Liên, chẳng dám cầu Phật, mong mỗi học trò của Đức Phật đến giúp nhà vua thọ giới. Ngài Mục Kiền Liên và nhà vua có quan hệ thân thích. Vua vừa động một niệm, Đức Phật liền biết, liền ngay lập tức sai Mục Kiền Liên truyền giới cho vua, hồng mẫn nguyện cho ông ta. Lại sai Phú Lô Na đến thuyết pháp, chỉ dạy, cho nhà vua khỏi đau khổ vì tịch mịch mà suy nghĩ lung tung. Đức Phật nghĩ rất chu đáo, phái hai vị ấy đến chiếu cố, giúp đỡ nhà vua. À! Chúng ta nghỉ ngơi mấy phút.

## TẬP 18

Xin mở Kinh bốn, trang một trăm lẻ tám. Chúng ta xem Kinh Văn, dòng thứ ba từ dưới đếm lên.

***Như thị thời gian, Kinh tam thất nhật, vương thực sao mật, đắc văn pháp cố, nhan sắc hòa duyệt.***

*(Thời gian như thế trải qua hai mươi một ngày, vua do ăn bột rang và mật, được nghe pháp, nên vẻ mặt ôn hòa, vui sướng).*

Nhìn từ chuyện này, bất luận là vua Tần Bà hay phu nhân Vi Đề Hy, có thể nói là đều gặp phải nghịch duyên hay nghịch cảnh thì mới phát tâm học Phật, giác ngộ từ chỗ này. Duyên tuy là nghịch ác, nhưng hậu quả đạt được lại là chánh diện, là chí thiện. Nhất là phu nhân Vi Đề Hy mong cầu sanh Tịnh Độ, đây là cơ duyên hiếm có, khó gặp, chẳng ngờ sẽ được chín muồi ở chỗ này, rất khó có! Nếu chúng ta có thể thường ghi nhớ những chỗ này, quan sát thế gian, nhắc nhở chính mình: Đối với những cảnh ngộ gặp gỡ trong thế gian, hãy nên giống như họ, có thể dấy lên giác tánh, nghiêm túc nỗ lực tu học. Tất cả các nghịch duyên đều là Tăng Thượng Duyên tốt nhất. Người đang gặp khổ nạn, nói thật ra, tâm cầu đạo càng ân cần, tha thiết hơn. Hết thấy đều là thuận cảnh, dầu gặp gỡ Phật Pháp cũng rất khó tu trì, thiện căn sâu dày, sanh khởi tâm hoan hỷ mà thôi, chứ nghiêm túc tu học hết sức khó khăn. Vì thế, nói thật ra, nghịch cảnh trọn chẳng phải là chuyện xấu. Trong Kinh, Đức Phật thường dạy chúng ta: “Lấy khổ làm thầy”. Xác thực là dễ thành tựu trong khổ nạn.

Quốc vương tuy bị giam cầm, giam cầm đã hai mươi một ngày, thời gian rất dài. Nhà vua được ăn uống, lại gặp Ngài Mục Kiền Liên và Phú Lô Na thuyết pháp, vua đạt được pháp hỷ, cho nên “nhan sắc hòa duyệt”, do đạt được pháp hỷ đó mà! Lại xem đoạn Kinh Văn tiếp theo:

***Thời A Xà Thế vẫn thủ môn giả.***

*(Khi ấy, A Xà Thế hỏi người canh cửa).*

Đã qua hai mươi một ngày, ông ta đến tra hỏi đôi chút, nói:

***Phụ vương kim giả do tôn tại da?***

*(Nay phụ vương vẫn còn sống ư?)*

Ông ta hỏi cha mình có còn sống hay chẳng? Hỏi kẻ giữ cửa, có còn sống hay chẳng? Đã chết hay chưa?

***Thời thủ môn nhân bạch ngôn. Đại vương.***

*(Khi ấy, kẻ giữ cửa tâu rằng: “Tâu đại vương”).*

Chữ “đại vương” dành để gọi A Xà Thế, vì A Xà Thế là vua trong hiện thời.

***Quốc thái phu nhân, thân đồ sao mật, anh lạc tịnh tương, trì dụng thượng vương. Sa Môn Mục Liên cập Phú Lô Na, tòng không nhi lai, vị vương thuyết pháp, bất khả cấm chế.***

*(Quốc thái phu nhân, thân bôi bột rang và mật, chuỗi đeo đựng nước trái cây ép, đem dâng lên vua. Sa Môn Mục Liên và Phú Lô Na từ trên hư không hiện tới, thuyết pháp cho nhà vua, chẳng thể ngăn cấm).*

**Người giữ cửa biết tình hình sự thật, cũng chẳng giấu giếm. Anh ta nói hoàng thái hậu mỗi ngày đem đồ ăn, thức uống cho vua, tâu trình tình hình này. Khi ấy, quốc vương cấm những kẻ khác không được gặp vua cha, chẳng nói cấm vương hậu không thể ra vào, chẳng nói tới lời ấy. Do đó, vương hậu vào ra rất tự do, chẳng có ai ngăn trở bà ta. Mục Liên và Phú Lô Na do Thần thông, từ không trung bay đến, bay đi, anh ta cũng chẳng biết làm sao, ngăn chặn không được! Chẳng có cách nào! Những chuyện ấy không có cách**

**nào cấm chỉ, quyền lực của họ đều chẳng làm gì được. Chỉ đành thật thà tâu chuyện này lên A Xà Thế: Cha Ngài nay chưa chết, vẫn còn sống!**

*Thời A Xà Thế vẫn thử ngữ dĩ, nộ kỳ mẫu viết: “Ngã mẫu thị tặc, dĩ tặc vi bạn. Sa Môn ác nhân, huyễn hoặc chú thuật, linh thử ác vương, đa nhật bất tử”. Tức chấp lợi kiếm, dục hại kỳ mẫu.*

*(Khi ấy, A Xà Thế nghe lời ấy, giận mẹ nói: “Mẹ ta là giặc, kết bè đảng với giặc. Sa Môn là kẻ ác, chú thuật huyễn hoặc, khiến cho ác vương đã nhiều ngày chẳng chết”. Liền cầm gươm bén, toan hại mẹ mình).*

Người Hoa gọi chuyện này là “thấy lợi tối mắt”, vì thỏa tư lợi của chính mình, hoàn toàn chôn vùi lý trí. Không chỉ muốn hại cha, mà nay còn muốn sát hại mẹ. Đúng là ác nghịch đến cùng cực. Chúng ta xem phần Kinh Văn kế tiếp, trang một trăm mười một, xem phần Kinh Văn được in cao hơn một chữ.

***Thời hữu nhất Thân, danh viết Nguyệt Quang.***

*(Khi ấy, có một người bày tôi tên là Nguyệt Quang (Candraprabhā)).*

Vua có một đại Thân.

***Thông minh đa trí, cập dĩ Kỳ Bà.***

*(Thông minh, lắm trí huệ, cùng với Kỳ Bà).*

Kỳ Bà (Jīvaka) cũng là một đại Thần . Trong đám bầy tôi có hai người này. Hai người này hết sức hiền năng, là hiền nhân trong nước, được mọi người trong nước hết sức ngưỡng vọng.

***Vị vương tác lễ, bạch ngôn: “Đại vương! Thần văn Tỳ Đà Luận Kinh thuyết”.***

*(Hương về vua làm lễ, tâu rằng: “Tâu đại vương! Thần nghe Kinh luận Tỳ Đà có nói).*

Đây không phải là Kinh Phật, Tỳ Đà (Vedas) là Kinh Điển Bà La Môn.

***Kiếp sơ dĩ lai, hữu chư ác vương, tham quốc vị cố, sát hại kỳ phụ nhất vạn bát thiên.***

*(Từ kiếp ban sơ đến nay, có các vua ác vì tham ngôi vua, giết hại cha mình có đến một vạn tám ngàn kẻ).*

Ý nói con đoạt quyền vị của cha từ xưa tới nay đều có, có nghe nói chuyện này.

***Vị tăng văn hữu vô đạo hại mẫu.***

*(Chưa từng nghe nói có kẻ nào vô đạo hại mẹ).*

Còn như giết hại mẹ, vẫn chưa hề nghe nói đến.

***Vương kim vi thử sát nghịch chi sự, ô Sát Lợi chủng.***

*(Nay bệ hạ làm chuyện giết chóc ngỗ nghịch này, khiến dòng Sát Lợi bị ô ứ).*

Ở đây chẳng phải là chữ Hãn, đây lại là một chữ bị in sai, đúng ra phải là chữ Ô. Ô nhiệm Sát Đế Lợi, Sát Đế Lợi (Kṣatriya) là vương tộc. Chuyện này khiến cho vương tộc bị ô danh, vương tộc nhục nhã.

***Thần bất nhân văn, thị Chiên Đà La.***

*(Thần chẳng nở nghe. Đó là hành vi của Chiên Đà La).*

Chiên Đà La (Caṇḍāla) thấp nhất trong bốn chủng tánh (Varṇa) của Ấn Độ, làm nghề mổ heo, giết trâu, là nghề nghiệp bất hảo nhất.

***Ngô đẳng bất nghi phục trụ w thử.***

*(Bọn Thần không nên ở chỗ này nữa).*

Hôm nay quốc vương làm chuyện này, chúng tôi thật sự chẳng nở lòng. Chuyện này ác nghịch đến tột cùng, chúng tôi chẳng thể lưu lại nơi này nữa, cũng chẳng thể phò tá nhà vua, phải rời đi.

***Thời nhị đại Thần thuyết thử ngữ cánh, dĩ thử án kiếm, khước hành nhi thoái.***

*(Khi ấy, hai vị đại Thần nói lời ấy xong, dùng tay đè kiếm, lui chân rời đi).*

Hai người ấy chuẩn bị rời bỏ nhà vua, muốn bỏ trốn đến quốc gia khác. A Xà Thế kể ra cũng còn khá lăm...

***Thời A Xà Thế Kinh bố hoảng cụ, cáo Kỳ Bà ngôn: “Nhữ bất vị ngã da?”***

(Khi đó, A Xà Thế Kinh hãi, hoảng sợ, bảo Kỳ Bà rằng: “Ông chẳng vì ta ư?”).

Các ông chẳng thể phụ trợ, giúp đỡ ta ư?

**Kỳ Bà bạch ngôn: - Đại vương! Thận mật hại mẫu.**

(Kỳ Bà tâu rằng: “Tâu đại vương! Hãy thận trọng, đừng hại mẹ”).

Ông ta nói: Bệ hạ hãy suy nghĩ, xét tương cho nhiều, quyết định chớ nên hại mẹ.

**Vương văn thử ngữ, sám hối cầu cứu, tức tiện xả kiếm, chỉ bắt hại mẫu.**

(Vua nghe lời ấy, ăn năn, hối lỗi, liền buông bỏ gươm, thôi không hại mẹ).

Có thể nói là hai người này hết sức thông minh. Khi A Xà Thế đảo chánh, bắt giam cha, sao họ chẳng đến khuyên cáo? Theo như chúng tôi nghĩ, nhất định là có nguyên nhân. A Xà Thế hết sức thông minh, cũng hết sức có năng lực, lại còn đã đạt đến giai đoạn chín chắn. Vua già tuổi đã quá cao, chắc là giải quyết chánh sự cũng có những lúc hồ đồ. Vì thế, tuy A Xà Thế bắt giam lão vương để kế thừa ngôi vua, chắc là cũng chẳng đến nỗi có hại cho dân chúng, mà còn có lợi, chẳng có hại. Vì thế, họ chẳng ra mặt khuyên can, ngăn trở, vẫn giúp nhà vua cai trị đất nước. Nay vua muốn hại mẹ, đây là chuyện đại nghịch bất đạo, ắt cần phải ra mặt khuyên can, ngăn cản. Khuyên can, ngăn cản mà vua chẳng nghe, nhất định sẽ bỏ nước này,



trôn sang nước khác. Chuyện này ở Ấn Độ có, mà ở Trung Hoa vào thời cổ cũng có. Vào thời Xuân Thu Chiến Quốc, quốc vương vô đạo, hiền nhân trôn đi là chuyện thường thấy, trong lịch sử Trung Hoa cũng thường thấy. Hai vị hiền Thần trong lúc ấy đến khuyên nhủ vua, kể ra quốc vương cũng khá lắm, tiếp nhận lời khuyên cáo, chẳng sát hại mẹ.

Chúng ta xem đoạn Kinh Văn tiếp theo, dòng thứ hai từ dưới đếm lên trong trang một trăm mười bốn.

***Sắc ngữ nội quan, bế trí thâm cung, bất linh phục xuất.***

*(Sắc truyền nội quan nhốt chặt mẹ trong cung cấm, chẳng cho ra ngoài nữa).*

“Sắc” là sắc lệnh, người Hoa gọi là “Thánh chỉ”, tức là mệnh lệnh do hoàng đế ban ra. Tuy chẳng giết mẹ, nhưng cũng giam cầm mẹ, chẳng cho bà được tự do hành động. Giam chặt bà trong thâm cung, khiến bà chẳng thể lui tới chỗ quốc vương. Lần này, không chỉ mẹ nhà vua mắc nạn, mà cha nhà vua còn bị nạn nặng hơn, đồ ăn thức uống bị đoạn tuyệt, mẹ chẳng được tự do hành động.

***Thời Vi Đề Hy bị u bế dĩ, sâu ưu tiều tụy.***

*(Lúc đó, bà Vi Đề Hy bị nhốt kín, sâu lo, tiều tụy).*

Nói thật ra, bà ta ưu lự không phải vì chính mình, mà vì quốc vương. Quốc vương không có ai lo ăn uống, sẽ nguy lắm! Đúng là mạng trong sớm tối, nên hết sức lo sầu.

***Dao hướng Kỳ Xà Quật sơn, vị Phật tác lễ.***

*(Bèn hướng vọng về núi Kỳ Xà Quật, kính lễ Đức Phật).*

Ở trong thâm cung chẳng thể ra ngoài, bèn hướng về Đạo Tràng giảng Kinh, thuyết pháp của Đức Phật, hướng về phương hướng ấy mà lễ bái.

***Nhi tác thị ngôn: “Như Lai Thế Tôn, tại tích chi thời, hằng khiến A Nan lai ủy vấn ngã”.***

*(Mà nói như thế này: “Bạch đức Như Lai Thế Tôn, xưa kia, Ngài luôn sai A Nan đến an ủi, thăm hỏi con”).*

Quốc vương và vương hậu khi ấy đều là hộ pháp của đức Thế Tôn, mà cũng là đệ tử tại gia của đức Thế Tôn, nên Đức Phật thường sai A Nan đến giảng Kinh, thuyết pháp cho họ.

***Ngã kim sầu ưu, Thế Tôn oai trọng, vô do đắc kiến, nguyện khiến Mục Liên Tôn Giả A Nan, dữ ngã tương kiến.***

*(Con nay sầu lo, Thế Tôn oai đức cao trọng, không cách nào được gặp, xin hãy sai Tôn Giả Mục Liên và A Nan đến gặp mặt con).*

Đức Phật là thầy, chẳng dám làm phiền lão nhân gia, mong mỗi Đức Phật có thể sai Tôn Giả Mục Liên và A Nan đến gặp mặt bà ta.

***Tác thị ngữ dĩ, bi khắp vũ lệ, dao hướng Phật lễ.***

*(Thưa lời ấy xong, buồn khóc, tuôn nước mắt như mưa, hướng vọng về phía Phật lễ bái).*

Chúc nguyện như vậy xong, lại lễ bái. Chúng ta lại xem phần Kinh Văn kể tiếp nơi trang một trăm mười bảy.

***Vị cử đầu khoảnh.***

*(Trong khoảng chưa ngẩng đầu lên).*

Bà ta lạy xuống, còn chưa ngẩng đầu lên, ý nói thời gian rất nhanh chóng.

***Nhĩ thời Thế Tôn tại Kỳ Xà Quật sơn, tri Vi Đề Hy tâm chi sở niệm.***

*(Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn ở núi Kỳ Xà Quật, biết tâm niệm của Vi Đề Hy).*

Đức Thế Tôn tâm địa thanh tịnh có thể thấy thấu suốt khắp pháp giới, hết thấy chúng sanh khởi tâm động niệm, chẳng có gì Đức Phật không biết. Như trong đại Kinh đã nói: Hàng Bồ Tát trong Thế Giới Tây Phương, ngay cả hạ hạ phẩm Vãng Sanh đều có năng lực này, chúng sanh trong mười phương Thế Giới khởi tâm động niệm không gì chẳng biết. Do đó, chúng sanh có cảm, Phật bèn có ứng. Vừa động niệm, Đức Phật biết ngay.

***Tức sắc Đại Mục Kiền Liên cập dĩ A Nan, tùng không nhi lai.***

*(Liên truyền Đại Mục Kiền Liên và A Nan, từ hư không mà đến).*

Ứng với điều bà ta mong cầu. Bà ta cầu được gặp mặt Mục Kiền Liên và A Nan, Đức Phật liền sai hai vị ấy đến. Không chỉ là Đức Phật sai hai vị ấy đến, mà Ngài cũng tự đến.

***Phật tòng Kỳ Xà Quật sơn một, ư vương cung xuất.***

*(Đức Phật biến mất tại núi Kỳ Xà Quật, xuất hiện tại vương cung).*

Đức Phật cũng đến, dẫn theo hai người ấy.

***Thời Vi Đề Hy lễ dĩ, cử đầu, kiến Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Phật, thân tử kim sắc tọa bách bảo liên hoa, Mục Liên thị tả, A Nan thị hữu, Thích, Phạm hộ thể chư thiên, tại hư không trung.***

*(Khi ấy, Vi Đề Hy lễ xong, ngẩng đầu lên, thấy đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Phật, thân màu vàng tía, ngồi trên hoa sen bằng trăm thứ báu, Mục Liên hầu bên trái, A Nan hầu bên phải. Thích Phạm hộ thể chư thiên đều ở trên hư không).*

“Thích Phạm hộ thể chư thiên” chỉ hết thấy các vị Thần hộ pháp. Thần hộ pháp ở trên hư không.

***Phổ vũ thiên hoa, trì dụng cúng dường.***

*(Mưa khắp các hoa Trời, dùng đó để cúng dường).*

Thần hộ pháp ở trên hư không rải hoa cúng dường. Đây là nói phu nhân vừa đầy một niệm, Phật, Bồ Tát bèn xuất hiện tại vương cung. Đức Phật đến vì biết nhân duyên đã chín muồi. Quốc vương cầu Phật, Đức Phật chỉ phái đệ tử đến truyền giới và thuyết pháp cho vua, Đức Phật chẳng tự đến. Phu nhân vừa động niệm, Đức Phật đích thân đến. Điều này cho thấy vua và phu nhân, nguyện vọng mỗi người khác nhau, sở cầu chẳng giống nhau. Một đằng chỉ cầu truyền giới, Đức Phật sai đệ tử đến là được rồi. Một đằng mong cầu lìa khổ được vui, trừ Đức Phật tự đến

dạy bảo ra, sai người nào khác đến giảng giải đều chẳng thể. Vì thế, do tâm niệm, nguyện cầu của họ khác nhau, mà cảm ứng cũng chẳng giống nhau.

Trong lời chú giải phía sau đoạn này, Đệ Nhàn Đại Sư nêu ý kiến về cách chúng ta thờ tượng Phật trong hiện thời, do đoạn Kinh Văn này mà Ngài có ý kiến ấy. Chúng tôi đọc đoạn này một lượt, để các đồng tu thấy đoạn này trong tâm chẳng khởi hoài nghi. Nơi hàng thứ ba trang một trăm mười chín, xem từ câu thứ hai. “Ngã quốc các xứ đại diện”, ý nói trong Đại Hùng Bảo Điện của các tự viện nhà Phật tại Trung Hoa. “Cúng nhất Phật nhị thị giả tượng, tương truyền đô đạo Ca Diếp, A Nan” (Thờ tượng một vị Phật và hai vị thị giả, tương truyền đều nói hai vị thị giả chính là Ca Diếp và A Nan), thông thường truyền tụng, hai tượng ấy, một bên là Tôn Giả Ca Diếp, bên kia là Tôn Giả A Nan. Quả thật rất nhiều nơi thờ tượng theo cách thức ấy, một bên là tượng một vị trẻ tuổi, tượng bên kia tuổi tác rất cao, thờ hai vị ấy. “Ngã tác tổ ngôn bất dĩ vi nhiên” (Tôi trọn chẳng cho như vậy là đúng), “tôi” là Pháp Sư Đệ Nhàn tự xưng, “tuy bất kiến hữu nhân công nhiên phủ nhận, dẫn tâm trung do vị thành khảng nhĩ” (tuy chẳng thấy có ai công khai phủ nhận, nhưng trong tâm vẫn chưa thật sự khảng định như thế), có những người thấy cách thờ như vậy không nghĩ là đúng, nhưng cũng không tiện nói. “Phù cổ nhân kiến điện, cúng tượng, tất hữu sở bản” (Phàm cổ nhân dựng điện, thờ tượng, ắt có căn cứ), phải có căn cứ vì sao thờ

phụng theo cách thức ấy! “Thí vấn Ca Diếp, A Nan, xuất ư hà điển” (Thử hỏi thờ hai vị thị giả là Ca Diếp và A Nan xuất phát từ Kinh Điển nào), chẳng tìm thấy căn cứ trong Kinh Điển. “Ngã viết phi giả, nãi bốn ư kim Kinh dã” (Tôi nói chẳng phải vậy, do căn cứ theo Kinh này). Pháp Sư Đế Nhàn nói thờ tượng như vậy có thể là không đúng. Nói là không đúng vì căn cứ theo Kinh này, căn cứ trên đoạn Kinh Văn này. “Kinh trung phân minh thuyết Phật thân tử kim sắc, tọa bách bảo liên hoa, Mục Liên thị tả, A Nan thị hữu, tả diện tương truyền ngôn Ca Diếp giả, dĩ manh tùng manh dã” (Trong Kinh nói rõ ràng thân Phật màu vàng tía, ngồi trên hoa sen trăm báu, Mục Liên hầu bên trái, A Nan hầu bên phải. Lời truyền tụng vị đứng bên trái là Ca Diếp như trên đây chính là lời tương truyền do gã đui dạy kẻ mù vậy). Trong cách nhìn của lão Hòa Thượng, Ngài nói người bên trái chẳng phải là Tôn Giả Ca Diếp, phải nên là Ngài Mục Liên, do căn cứ theo những điều được nói trong Kinh này.

Cách nhìn này của lão Hòa Thượng cố nhiên là có lý, nhưng chúng tôi cảm thấy người ta thờ một bên là Ca Diếp, thờ bên kia là A Nan, theo như chúng tôi nghĩ, cũng chẳng có gì là thờ sai! Tuy trong Kinh Điển không có, nhưng những chuyện trong Kinh Điển không có rất nhiều! Chỉ cần nói theo phương diện ý nghĩa biểu pháp mà thông suốt thì cũng chẳng phải là không được. Ngài Ca Diếp truyền Tông Môn, tức Thên Tông, Ngài A Nan truyền Giáo Hạ. Dùng hai Ngài để biểu thị Tông Môn và Giáo Hạ thì cũng xuôi tai, cũng trọn chẳng phải là hoàn toàn không có

lý do! Đây là cách thờ tượng thông thường, cụ Đế Nhân nói có lý, nhưng thờ A Nan và Ca Diếp cũng có lý, đều chẳng thể coi là sai, chúng ta chớ nên chấp trước, chớ nên thiên chấp là được rồi. Trong Pháp Môn Đại Thừa, lúc thờ thì thường không thờ A Nan và Ca Diếp, mà là thờ Thích Ca Mâu Ni Phật chính giữa, thông thường là thờ Văn Thù và Phổ Hiền, thờ hai vị đại Bồ Tát ấy, giống như thờ Tây Phương Tam Thánh là thờ A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, thờ theo cách như vậy.

Lại xem đoạn Kinh Văn tiếp theo. Khoa đề của phần Kinh Văn này ở trong dòng thứ hai đếm từ dưới lên trong trang một trăm mười chín. Trong khoa đề, có một chữ có vấn đề! Đây là đoạn thứ ba: “Thương thán thỉnh pháp nhị, sơ vấn Vãng Sanh nhân” (Cảm thương than thở, gồm có hai phần. Phần thứ nhất là hỏi về cái nhân Vãng Sanh). Chữ “Vãng Sanh” này có vấn đề, vì bà Vi Đề Hy hỏi về cái nhân trong “túc sanh”, tức là hỏi về nhân duyên trong đời quá khứ. Kinh Văn phải là “vấn túc sanh”, chẳng phải là hỏi về Vãng Sanh. Do đó, chữ Vãng là sai!

***Thời Vi Đề Hy kiến Phật Thế Tôn.***

*(Khi đó, bà Vi Đề Hy trông thấy Đức Phật Thế Tôn).*

Chẳng ngờ Đức Phật đích thân đến.

***Tự tuyệt anh lạc, cử thân đầu địa hào khắp hướng Phật.***

*(Tự giật đứt chuỗi anh lạc, gieo mình xuống đất, gào khóc hướng về Phật).*



Đức Phật hiện đến, cảm động sâu xa nhất, giật bỏ những thứ chuỗi ngọc đeo trên thân, hướng về Phật đánh lễ, đau đớn khóc ròng.

***Bạch ngôn: “Thế Tôn! Ngã túc hà tội, sanh thử ác tử?”***

*(Bạch rằng: “Bạch Thế Tôn! Con xưa có tội gì mà sanh ra đứa con tàn ác này?”)*

Trong đời quá khứ, tôi đã tạo tội nghịch đến nỗi nào mà sanh ra đứa con bất hiếu giết cha, hại mẹ. Đây là hỏi về nhân duyên trong quá khứ.

***Thế Tôn phục hữu hà đẳng nhân duyên, dữ Đề Bà Đạt Đa, cộng vi quyền thuộc?***

*(Đức Thế Tôn lại do có nhân duyên như thế nào mà cùng với Đề Bà Đạt Đa là quyền thuộc).*

Nói Đức Phật Thế Tôn trong quá khứ có nhân duyên gì mà có sao Đề Bà Đạt Đa và Ngài là anh em, tức anh em họ. Đó là nhân duyên gì? Con tôi và tôi là nhân duyên gì? Hai kẻ ấy cấu kết muốn hại Phật, muốn hại cha mẹ, làm chuyện đại nghịch bất đạo này!

Tiếp đó là hỏi đến nơi sẽ Vãng Sanh, trong đoạn Kinh Văn tiếp theo, tức là dòng thứ tư trong trang một trăm hai mươi mốt:

***Duy nguyện Thế Tôn, vị ngã quảng thuyết vô ưu não xứ, ngã đương Vãng Sanh, bất nhạo Diêm Phù Đề trước ác thế dã.***

*(Kính xin đức Thế Tôn, hãy vì con nói rộng rãi về chỗ chẳng có ưu não, con sẽ sanh về đó, chẳng thích cõi đời trước ác trong chốn Diêm Phù Đề).*

Ở đây bà ta mới nêu ra ý niệm ấy. Trước đó, bà trọn chẳng nói ra, chẳng nêu ra ý niệm ấy, chẳng nói ra ý nghĩ này, nhưng Đức Phật đã biết. Chẳng cần chờ quý vị nói ra, Đức Phật đã đến, muốn giúp quý vị giải quyết vấn đề ấy. Nay Đức Phật đã đến, bà ta nói ra. Chuyện này ngoại trừ Đức Phật đích thân đến thì không thể, vì sao? Đây là đại sự nhân duyên, Kinh Pháp Hoa nói “một đại sự nhân duyên”, liễu sanh tử, thoát tam giới, thành Phật trong một đời, chẳng có chuyện gì lớn hơn chuyện này! Vua Tần Bà Sa La chẳng có ý niệm này, chẳng mong liễu sanh tử, thoát tam giới, thành Phật, làm Tổ, vua chẳng có nguyện vọng ấy. Nguyện vọng của nhà vua là chỉ cầu được truyền giới, chỉ cầu nghe pháp hòng giải trừ khổ nạn trong hiện tiền. Phu nhân có nguyện vọng vĩnh viễn thoát khỏi khổ nạn, giải quyết một chuyện thì trăm chuyện được giải quyết, hai người có nguyện vọng khác nhau. Vì thế, đối với quốc vương, Đức Phật chỉ sai đệ tử đi là được rồi, đã có thể thỏa mãn nguyện vọng của ông ta. Đối với phu nhân, không thể nào chẳng tự đi thì nguyện vọng ấy mới có thể viên mãn; do đó, đức Thế Tôn đích thân đến hoàng cung. Bà ta nói rõ “chẳng muốn trụ trong thế gian này nữa”.

Tiếp đó, Kinh Văn chép:

*Thử trước ác xứ, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh doanh mãn, đa bất thiện tụ. Nguyện ngã vị lai bất văn ác thanh, bất kiến ác nhân.*

*(Chón trước ác này, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh đầy dẫy, nhiều nỗi bất thiện tụ tập. Nguyên trong tương lai, con chẳng nghe tiếng ác, chẳng thấy kẻ ác).*

Mấy câu này nêu rõ phu nhân do gặp nạn này bèn triệt để giác ngộ, thật sự giác ngộ. Thế Giới này xác thực là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh đầy ắp! Quý vị nói “chúng ta chưa thấy” ư? Chưa thấy là chưa thấy quả, chứ cái nhân đã thấy rồi! Tham dục là nhân của ngạ quỷ, sân khuê là nhân của địa ngục, ngu si là nhân của súc sanh. Chúng ta thấy thế gian này ngập tràn tham, sân, si; những điều tạo tác cũng là tham, sân, si, quả báo trong tương lai là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, lẽ đâu chẳng tràn ngập? Điều này thật sự quá đáng sợ! “Đa bất thiện tụ” là nói tới hoàn cảnh nhân sự, thế gian này quá ít thiện nhân, người thật sự giác ngộ, thật sự hiểu rõ quá ít. Không chỉ là người thế gian là như vậy, mà người học Phật cũng chẳng phải là ngoại lệ. Có thấy rõ ràng hoàn cảnh thì mới biết Vãng Sanh là khẩn yếu. Rời khỏi Thế Giới này sớm hơn một ngày, tức là được phước sớm hơn một ngày, được an lạc sớm hơn một ngày. Thế gian này có gì đáng để lưu luyến? Bồ Tát trụ trong thế gian này thêm một ngày, nhằm mục đích độ thêm một người hữu duyên, tuyệt đối chẳng phải là lưu luyến thế gian này. Hết thầy việc làm, hết thầy hành động đều nhằm giúp đỡ chúng sanh hữu duyên sớm sanh về Cực Lạc. Trừ chuyện này ra, chư vị ngẫm xem, còn có lý do gì để ở thêm một ngày trong thế gian này? Hy vọng trụ trên thế gian thêm một ngày, chính là mê hoặc

điên đảo, là ngu si. Người có trí huệ, thật sự giác ngộ, chắc chắn không hy vọng ở trên thế gian này thêm một ngày nào! Ở đây, chúng ta thấy phu nhân Vi Đề Hy đã giác ngộ, đã hiểu rõ, trụ trong thế gian này chẳng thể được! Chúng ta thấy bà ta giác ngộ, lại nghĩ tới chính mình, bà ta thật sự biết thế gian này khổ sở, nay chúng ta gặp nạn vẫn chưa đủ, nên vẫn chưa giác ngộ.

Có thể nói là hiện thời, người thế gian trên cả Thế Giới đang bị hãm trong hoàn cảnh hết sức bất thường. Bình thường là gì? Theo sự giáo hóa của Nho gia, “bình thường” chính là Ngũ Luân, Ngũ Thường, luân thường xã hội bình thường, đúng mực. Vứt bỏ luân thường chính là bất bình thường. Toàn thể Thế Giới đều bất bình thường, khổ nạn càng hãm sâu hơn! Do đó, thế gian này còn có tai nạn rất lớn, ở ngay trước mắt, ngày càng gần hơn. Theo tiên đoán của Cơ Đốc giáo phương Tây, tận thế xảy ra vào ngày nào? Năm 1999. Họ nói tận thế vào năm 1999, năm nay là 1990. Nếu ngay cả đầu đuôi đều chẳng tính thì theo cách nói ấy còn có chín năm nữa sẽ tận thế, Gia Tô (Jesus) sẽ giáng phàm tra xét người đời. Đó là tiên đoán của Cơ Đốc giáo: Chín năm nữa, Thế Giới này sẽ chẳng còn. Trước đây, người ngoại quốc tin theo Cơ Đốc giáo, nay họ chẳng tin tưởng. Hiện thời, tại ngoại quốc người tin theo Cơ Đốc giáo ngày càng ít. Tuy vẫn còn rất nhiều người đến nhà thờ lễ bái, nhưng họ chẳng tin tưởng, nghi vấn rất nhiều. Tôi gặp rất nhiều tín đồ Cơ Đốc ngoại quốc đến nói với tôi: Mỗi Chủ Nhật họ vẫn đi nhà thờ, nhưng có rất nhiều vấn đề hoài nghi đối với những gì Kinh Thánh đã nói. Trong dự ngôn cổ xưa

của Trung Hoa, Thế Giới này sẽ khôi phục trật tự bình thường. Nếu tính theo Công Nguyên, đại khái là từ năm 2020 cho đến 2030, Thế Giới này mới khôi phục trật tự bình thường. Tiên đoán của phương Đông và phương Tây trọn chẳng cùng nhau nghiên cứu, thương lượng, mà nghiêm nhiên tiên đoán rất giống nhau như vậy, sai lệch khoảng chừng ba mươi năm, gần gũi như vậy đó!

**Chúng ta lại xem hoàn cảnh hiện tiền, nhìn từ chỗ nào? Nhìn từ lòng người, nhìn từ các tạo tác của hết thảy mọi người, Thế Giới đúng là sẽ có tai nạn. Đại khái là tai nạn ấy hết sức nghiêm trọng; sau tai nạn ấy, con người sẽ rất lắng lòng suy nghĩ cặn kẽ, biết phải thực hiện như thế nào! Nếu chẳng thể khôi phục luân thường, đạo đức, chẳng thể tuân thủ những lời răn dạy của Phật, Bồ Tát, hết thảy chúng sanh quyết định chẳng thể tránh khỏi tai nạn đau khổ. Khi nào mọi người mới có thể tin tưởng, tiếp nhận? Ất phải là khi còn phải hứng chịu đại khổ nạn, họ mới có thể tin tưởng, tiếp nhận. Giống như phu nhân Vi Đề Hy gặp đại kiếp nạn như thế thì mới thật sự tỉnh ngộ. Bà ta mong cầu một cõi, nhưng cũng chưa biết đến Thế Giới Cực Lạc, chỉ cầu một nơi chẳng có khổ nạn. Không chỉ là những chuyện khổ nạn tôi không trông thấy, mà ngay cả nghe nói, cũng khiến cho tôi chẳng phải nghe, hy vọng có một nơi như vậy để tôi có thể đến đó. Nêu bày nguyện vọng của chính mình, tiếp theo đó là thỉnh cầu. Phần Kinh Văn trong trang một trăm hai mươi hai là chính thức hướng về đức Thế Tôn nêu bày yêu cầu. Tiểu đoạn thứ ba**

là “**thỉnh Vãng Sanh nhân**” (thỉnh cầu Đức Phật dạy bảo cái nhân để Vãng Sanh). Chúng ta xem hàng Kinh Văn được in cao lên một chữ so với các dòng xung quanh.

***Kim hướng Thế Tôn ngũ thể đầu địa, cầu ai sám hối.***

*(Nay hướng về đức Thế Tôn, năm vóc gieo xuống đất, xót xa cầu xin sám hối).*

Sám hối, đại khái là do trong đời quá khứ tạo tội nghiệp quá nặng, sanh ra một đứa con bất hiếu như thế, sám hối chuyện này.

***Phật nguyện duy viết, giáo ngã quán u thanh tịnh nghiệp xứ.***

*(Kính xin Phật hứa khả, dạy con quán chỗ có nghiệp thanh tịnh).*

Đoạn Kinh Văn này là câu chỉ dạy cái nhân Vãng Sanh. Tuy phu nhân khái thỉnh, nhưng Đức Phật dùng phương pháp thiện xảo cùng cực, Đức Phật trọn chẳng bảo bà ta: Ở phương Tây của Thế Giới Sa Bà, có Thế Giới Cực Lạc, có A Di Đà Phật, nơi ấy tốt đẹp như thế nào, bà có thể Vãng Sanh nơi đó. Đức Phật chẳng nói như thế, mà dùng phương pháp thị hiện trọn hết Tịnh Độ của chư Phật trong mười phương trước mặt bà ta, để chính bà tự chọn lựa. Nói như hiện thời, cách làm này dân chủ, cởi mở, chính quý vị chọn lựa. Quý vị chọn lựa kỹ càng rồi, ta sẽ dạy quý vị cách tu như thế nào, cách đến đó như thế nào, đó mới là thật sự thỏa mãn nguyện vọng của bà ta. Nói thật ra, phu nhân chọn lựa là chọn lựa thay cho chúng ta, không phải là Đức Phật chủ động giới thiệu cho chúng ta, để cho chúng ta được tự do tự tại chọn lựa. Phương pháp này thiện xảo,

khiến cho chúng ta cầu sanh Tây Phương, quả thật là tâm phục, khẩu phục, xuất phát từ nguyện vọng của chính mình. Chúng ta hãy nên ghi nhớ phương thức giáo học này, vì sao? Chúng ta thường khuyên người khác niệm Phật, khuyên người khác cầu sanh Tịnh Độ, vì sao người ta chẳng bằng lòng, không thể tiếp nhận? Thấy người ấy không thể tiếp nhận, bèn chẳng khuyên kẻ ấy. Hãy nói với kẻ ấy những điều hay trong Phật Pháp, bảo người đó làm lành có thiện báo, để kẻ ấy tiếp xúc nhiều, hiểu rõ hơn, sẽ dần dần khiến cho người ấy tự mình phát hiện chỗ thù thắng của Pháp Môn Tịnh Độ. Do tìm được bèn cam tâm tình nguyện tu tập, ta đã đạt được mục đích.

Trở về Tịnh Độ là điều chắc chắn có thể xảy ra, vì sao? Tịnh Độ thuộc loại tự tánh Tịnh Độ, tự tánh Di Đà, đều chẳng tách rời tự tánh, chẳng lìa khỏi tự tâm, há có lẽ nào chẳng thể giác ngộ? Bất quá là nhất thời mê hoặc mà thôi. Do mê hoặc nhất thời, nên mới chẳng cầu sanh về Tịnh Độ. Nói thật ra, chẳng nghĩ tới cầu sanh Tịnh Độ thì trong ấy cũng có nhân tố. Nhân tố ấy chính là sự sai lầm trong quan niệm. Có những người nghĩ: “Ta tu hành, trong tương lai sẽ vượt Phật trời Tổ, cần gì phải Vãng Sanh?” Giống như A Di Đà Phật đã phát nguyện trước Thế Gian Tự Tại Vương Phật: “Trong tương lai, con thành Phật sẽ vượt trời chư Phật”. Đã vượt trời chư Phật thì cần gì phải cầu sanh Tịnh Độ? Nhưng vấn đề là người ấy có thể vượt trời được hay không? Đây là một vấn đề. Có những người phát nguyện, tâm từ bi rất nặng: “Người khổ nạn trong thế gian này rất nhiều, ta đòi đòi kiếp kiếp làm Pháp Sư trong cõi này để



giáo hóa chúng sanh là được rồi. Dầu Tịnh Độ tốt đẹp, ta nay vẫn chưa muốn đi”. Vì vậy, có khá nhiều quan niệm sai lầm. Còn có người nghĩ: “Tịnh Độ rất tốt, nhưng nay ta vẫn chưa muốn tới đó. Trong tương lai, đến lúc lâm chung, lại cầu sanh thì vẫn còn kịp”. Nào có biết là đến khi lâm chung, không chừng cũng có khi bỏ lỡ nhân duyên. Quá nhiều nhân tố khiến cho Vãng Sanh Tịnh Độ bị chướng ngại. Chúng ta cần phải biết những chuyện này! Phải trừ khử những chướng ngại ấy ngay trong hiện tại, chứ lúc lâm chung rất khó thể nói!

**Phu nhân Vi Đề Hy chẳng biết trong quá khứ đã tạo tội nghiệp gì nên “cầu ai sám hối” (xót xa cầu xin sám hối). Bản thân chúng ta làm sao biết tội nghiệp đã tạo trong quá khứ? Chúng ta sẽ chết bừa nào, chết theo kiểu nào, làm sao biết được? Tại Hương Cảng, Phật môn chúng ta có một vị đại hộ pháp, cũng rất giàu có, là bà Lô, bà đã từng đến thăm Đạo Tràng chúng ta. Kinh doanh rất thành công, năm 1997, đảng Cộng Sản thu hồi Hương Cảng, nên bà ta dùng tiền kiếm được ở Hương Cảng sang Gia Nã Đại mua đất đầu tư. Năm xưa, bà ta có nói với tôi, tại Ôn Ca Hoa (Vancouver), tôi từng ở nhà bà ta. Tôi đến đó vào khoảng năm 1985, khi hội chợ triển lãm Thế Giới khai mạc tại Ôn Ca Hoa vào năm 1985. Bà đã mua hơn bảy mươi mẫu đất, một khu đất khá lớn. Mấy năm trước, tôi có gặp bà ta, bà cho biết lại mua hơn một trăm mẫu đất, khu đất ấy đã cất vài khu phố, quá to! Năm nay, bà ta chết vì tai nạn xe cộ, chính bà ta lái xe gặp tai nạn. Đại khái là bà ta cũng bị bệnh tim, khi tai nạn xe cộ**

xảy ra, đưa tới bệnh viện thì chết. Bà cùng chồng hai người, ông chồng bị thương. Chồng bà mắt không tốt, thị lực rất kém, ban ngày có thể lái xe, nhưng buổi tối chẳng dám lái xe. Bà ta lái xe, đã chết! Lần này, tôi ở Hương Cảng, khi Hương Cảng làm lễ truy điệu, tôi có đến tham dự. Rất giàu có. Đó là gì? Đó là hoạn tử (chết ngang xương)! kinh hoảng, thất thố, còn biết niệm Phật hay chẳng? Quên sạch Phật hiệu, chết như vậy không thể Vãng Sanh, vì kinh hoảng, thất thố. Do đó, chúng ta biết chính mình có tội nghiệp gì, tương lai sẽ là tình huống ra sao? Không biết!

Vì thế, niệm Phật cầu Vãng Sanh, nhất định phải nắm chắc thời gian trong hiện tại thì mới đáng tin cậy. Quyết định chớ nên nghĩ trong tương lai ta phải như thế này, như thế nọ! Như bà Lôi luôn nghĩ tương lai phải như thế này, như thế nọ, mua đất lớn như vậy, còn mong lập Đạo Tràng. Phát tâm lập Đạo Tràng là tâm tốt lành, nhưng Đạo Tràng chưa cất xong, chính mình đã chết ngang trái. Vì thế, đối với nhân duyên quá khứ, chính mình chẳng hiểu. Phát tâm thì không chỉ người khác chẳng hiểu, mà nói thật thà, chính mình cũng chẳng hiểu. Phát tâm dựng Chùa, xây Đạo Tràng hay Chùa chiền thì bà ta đủ sức để xây, chẳng có vấn đề gì, nhưng dựng Chùa xong, có đạo hay không? Cơ sở thì có, nhưng cơ sở đó trong tương lai sẽ để làm gì? Đều có vấn đề. Nếu cơ sở ấy chẳng có đạo, không chỉ chẳng có công đức, mà phước đức cũng chẳng có! Nếu cơ sở ấy xây cất rất lớn, khiến cho người xuất gia ở trong ấy tranh quyền

đoạt lợi, không chỉ là chẳng có phước, mà còn tạo tội nghiệp. Chẳng dựng còn tốt hơn, chẳng dựng sẽ tốt đẹp!

Vì thế, chúng ta phải quan sát từ nhiều phương diện, quý vị sẽ hiểu: Niệm Phật cầu Vãng Sanh quyết chẳng thể chần chừ, chẳng thể chờ đợi đến tương lai, chẳng thể đợi đến sang năm, ngày mai sẽ chẳng đợi được đâu! Ở đây, phu nhân Vi Đề Hy đã thị hiện lia bỏ Sa Bà, cầu sanh Cực Lạc, quyết chẳng trì hoãn. Do đó, chỉ có Thích Ca Mâu Ni Phật đích thân đến thì mới có thể giúp cho bà ta đạt được nguyện vọng này. Được rồi! Chúng ta tan học.

## TẬP 19

Xin mở Kinh bốn, trang một trăm hai mươi lăm:

*Nhĩ thời Thế Tôn phóng mi gian quang, kỳ quang kim sắc, biến chiếu thập phương vô lượng Thế Giới, hoàn trụ Phật đảnh, hóa vi kim đài, như Tu Di sơn, thập phương chư Phật tịnh diệu quốc độ, giai u trung hiện.*

*(Lúc đó, đức Thế Tôn phóng quang từ giữa hai mày , quang minh ấy màu vàng chiếu khắp mười phương vô lượng Thế Giới rồi trở về trụ trên đỉnh đầu Đức Phật, hóa thành đài vàng như núi Tu Di. Các cõi thanh tịnh mẫu nhiệm của chư Phật đều hiện trong ấy).*

Đức Thế Tôn chấp nhận lời thỉnh cầu của phu nhân Vi Đề Hy, thị hiện các cõi nước Phật để phu nhân Vi Đề Hy tự mình quan sát, chính mình chọn lựa. Đây cũng là một phần phóng quang, hiện tướng lành. Cõi nước của chư Phật hoàn toàn chẳng giống nhau. Từ đoạn Kinh Văn tiếp theo đây, chúng ta sẽ thấy tướng sai biệt của các cõi ấy. Chúng ta lật qua, xem hàng thứ nhất trong trang một trăm hai mươi sáu:

*Hoặc hữu quốc độ, thất bảo hợp thành. Phục hữu quốc độ, thuần thị liên hoa. Phục hữu quốc độ, như Tự Tại thiên cung. Phục hữu quốc độ, như pha ly kính. Thập phương quốc độ, giai ư trung hiện. Hữu như thị đẳng, vô lượng chư Phật quốc độ, nghiêm hiển khả quán, linh Vi Đề Hy kiến.*

*(Hoặc có quốc độ, do bảy báu hợp thành. Lại có quốc độ, thuần là hoa sen. Lại có quốc độ, như cung Trời Tự Tại. Lại có quốc độ, như gương pha lê. Mười phương cõi nước đều hiện trong ấy. Có vô lượng các cõi nước Phật như vậy, trang nghiêm, rõ rệt, đáng ưa để cho Vi Đề Hy trông thấy).*

Đoạn này trình bày đại lược trạng huống khác nhau trong các cõi nước Phật, đều là Tịnh Độ của Phật để phu nhân Vi Đề Hy thấy rõ ràng. Ở đây, chúng ta biết: Theo như Kinh đã nói rất rõ ràng, phu nhân Vi Đề Hy cùng với năm trăm cung nữ, nên trông thấy những điều này là mọi người đều thấy. Thuở ấy, Đức Phật thị hiện tướng này, A Nan ở bên cạnh, Mục Kiền Liên cũng ở bên cạnh, Vi Đề Hy và năm trăm cung nữ đều đích thân trông thấy.

***Thời Vi Đề Hy bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Thị chư Phật độ, tuy phục thanh tịnh, giai hữu quang minh.***

*(Lúc ấy, bà Vi Đề Hy bạch Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Các cõi Phật ấy tuy là thanh tịnh, lại còn đều có quang minh”).*

Bà ta tán thán Tịnh Độ của chư Phật.

***Ngã kim nhạo sanh Cực Lạc Thế Giới A Di Đà Phật sở.***

*(Con nay thích sanh về Thế Giới Cực Lạc là chỗ của A Di Đà Phật).*

Qua sự so sánh mười phương cõi nước, bà ta mong cầu Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, đây là sự chọn lựa sau khi đã so sánh. Do điều này, có thể chứng minh, Di Đà Tịnh Độ quả thật thù thắng hơn Tịnh Độ của chư Phật. Ở đây, Đức Phật chẳng giới thiệu, mà bày ra, để cho bà ta tự do chọn lựa. Chọn chắc chắn rồi, cách sanh về đó như thế nào? Cầu xin đức Thế Tôn chỉ dạy. Khoa tiếp theo là Chánh Thịnh Tu Nhân, nghĩa là chúng ta phải tu cái nhân như thế nào thì mới có thể Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới?

***Duy nguyện Thế Tôn Giáo ngã tư duy, giáo ngã Chánh Thọ.***

*(Kính xin đức Thế Tôn dạy con tư duy, dạy con Chánh Thọ).*

**Nêu ra yêu cầu! Trong phần chú giải có viết: “Sớ vân, tư duy thị nguyện” (Sớ viết: “Tư duy là nguyện”), Sớ là do Trí Giả Đại Sư nói, tư duy là phát nguyện. “Nguyện tư thị nghiệp, chánh vấn kỳ nhân. Chánh Thọ giả, phi tà viết Chánh, lãnh nạp danh Thọ, tức đệ**

nhị vân Quán Hạnh” (Nguyên và tư duy là nghiệp, hỏi thẳng vào cái nhân để được Vãng Sanh. Chánh Thọ: Chẳng tà là Chánh, lãnh nạp là Thọ, tức là câu hỏi thứ hai về Quán Hạnh). Hai câu này nói đơn giản, sẽ là: Một là hỏi về nguyên, phát nguyên như thế nào? Hai là hỏi tu hành như thế nào? Điều này vô cùng quan trọng!

Dưới đây là lời giải thích của Tôn Giả Tứ Minh: “Sao vân, thử thỉnh Tịnh Độ chánh trợ nhị nhân. Sơ, giáo ngã tư duy. Nhược bất tư duy, bất thành nguyện nhạo. Hữu nguyện chi tư, nãi thành nghiệp nhân, thử thỉnh Sự thiện trợ đạo chi nghiệp dã. Thứ giáo ngã Chánh Thọ, ly tà đảo tưởng, lãnh nạp sở duyên, thử thỉnh tu hành Tịnh Độ quán pháp, tức Chánh Quán dã” (Sao rằng: Đây là xin chỉ dạy chánh nhân và trợ nhân của Tịnh Độ. Trước hết, hãy dạy cho con cách tư duy. Nếu chẳng tư duy, sẽ chẳng thể nào nguyện cầu, ưa thích. Đã nghĩ đến cái nguyện, bèn trở thành nghiệp nhân. Đây chính là thưa hỏi những điều thiện thuộc về mặt Sự để làm nghiệp trợ đạo. Kế đến, dạy cho con Chánh Thọ, lia bỏ những ý tưởng điên đảo, tà vạy, lãnh nhận các duyên. Đây chính là thưa hỏi quán pháp để tu hành Tịnh Độ, tức là Chánh Quán). Đây là một đoạn giải thích của sách Sớ Sao.

Đoạn tiếp theo, “thiết vị” (trộm cho rằng), đây chính là lời của Pháp Sư Đế Nhân: “Cứ Sớ ý, tư duy thị nguyện, quán hạnh thị hạnh, thị dĩ nguyện đạo hạnh dã, Sao cứ đáp vân” (Xét ra, lời Sớ mang ý nghĩa: Tư duy là nguyện, quán hạnh là hạnh. Do vậy, dùng nguyện để hướng dẫn hạnh; còn lời Sao thì dựa theo lời đáp của đức Thế

**Tôn để giảng giải). Tôn Giả Tứ Minh đã căn cứ trên lời đáp của đức Thế Tôn dành cho lời khải thỉnh của bà Vi Đề Hy. Kinh Văn ghi chép lời đáp trong phần sau. “Tiên thị tịnh nghiệp thị Trạo, thứ minh diệu quán thị Chánh, thị Chánh Trạo Song Tu dã” (Trước hết, chỉ ra Tịnh nghiệp là Trạo, kể đến giảng rõ diệu quán là Chánh, tức là Chánh Trạo Song Tu vậy). Thích Ca Mâu Ni Phật trả lời, trước hết nói về ba thứ Tịnh nghiệp, đó là Tư Duy. Trong phần sau của lời đáp, đã dạy về mười sáu phép Quán, đó là mười sáu cách tu, tức là nói về Chánh Thọ. Tôn Giả Tứ Minh đã căn cứ trên ý nghĩa trong Kinh để viết lời Sao. Hai cách giải thích ấy đều phù hợp với ý nghĩa của Kinh, dùng nguyện hướng dẫn hạnh, Chánh Trạo song tu, đúng là cương lĩnh tu học trong Tịnh Tông.**

Chúng ta xem Kinh Văn. Từ Kinh Văn, có thể thấy phương pháp giáo học của đức Thế Tôn rất hoạt bát, rất sinh động. Đức Phật biết ý nghĩ của bà Vi Đề Hy, cũng biết thiện căn nhiều đời nhiều kiếp hiện thời dấy lên hiện hành, nên Ngài đến hoàng cung, hiển thị sự hoan hỷ khôn sánh. Đây là cơ duyên thành Phật của Vi Đề Hy đã chín muồi, nên Đức Phật đến độ bà ta hoan hỷ khôn sánh. Dùng phương thức ấy để cho bà ta tự chọn lựa, nói thật ra, Đức Phật biết bà ta nhất định sẽ chọn Thế Giới Cực Lạc. Đã chọn ra, bèn nêu câu hỏi, hỏi về phương pháp tu hành. Chúng ta xem dưới đây, đức Thế Tôn trả lời ra sao, hãy xem trang một trăm hai mươi tám:

*Nhĩ thời Thế Tôn tức tiệp vi tiếu.*



*(Lúc đó, đức Thế Tôn bèn mỉm cười).*

“Mỉm cười” cũng bao hàm ý nghĩa rất sâu. Mỉm cười là hoan hỷ, tỏ rõ thiện căn của bà ta đã chín muồi, chọn lựa hết sức chánh xác. Không chỉ chính bà ta được lợi ích, mà còn có vô lượng vô biên chúng sanh trong tương lai đều có thể đạt được lợi ích này. Qua việc bà ta thưa hỏi và chọn lựa này, khá nhiều người sẽ đạt được lợi ích do Vãng Sanh Tịnh Độ.

***Hữu ngũ sắc quang, tùng Phật khẩu xuất, nhất nhất quang chiếu Tần Bà Sa La vương danh. Nhĩ thời đại vương tuy tại u bế, tâm nhãn vô chướng, dao kiến Thế Tôn, đầu diện tác lễ, tự nhiên tăng tấn, thành A Na Hàm.***

*(Có ánh sáng năm màu từ miệng Đức Phật tỏa ra, mỗi tia sáng chiếu đến đỉnh đầu vua Tần Bà Sa La. Khi đó, đại vương tuy bị nhốt kín, nhưng tâm nhãn chẳng bị chướng ngại, thấy đức Thế Tôn từ xa, bèn dập đầu sát đất làm lễ, tự nhiên tăng tấn, thành A Na Hàm).*

A Na Hàm (Anāgāmi) là Tiểu Thừa Tam Quả. Quý vị thấy quốc vương trì giới, tu hành nơi đó, chứng Tiểu Thừa Tam Quả. Kế đó là phần chú giải, trước hết, hãy xem phần khai thị của Trí Giả Đại Sư: “Tùng thử dĩ hạ, thù tiền tịnh nghiệp” (Từ đây trở đi nhằm đáp tạ câu hỏi về tịnh nghiệp). “Thù” là đền đáp. Trong phần trước, phu nhân Vi Đề Hy đã nêu ra câu hỏi, ở đây, Đức Phật sẽ giải đáp. “Cận đáp Tư Duy, Chánh Thọ, tam chủng tịnh nghiệp” (Lời đáp gần gũi là giảng về Tư Duy và Chánh Thọ, ba thứ tịnh nghiệp), đây là lời đáp trước hết. “Tán tâm tư lượng, viết

Tư Duy. Thập lục Chánh Quán, danh Chánh Thọ” (Tán tâm suy lường thì gọi là Tư Duy, mười sáu phép Chánh Quán gọi là Chánh Thọ). Tư Duy và Chánh Thọ được giải thích cách này cũng rất hay. Tư Duy là gì? Chánh Thọ là gì? Những điều này liên quan đến sự tu hành của chúng ta trong hiện thời. Tán là tâm tán loạn. Tâm tán loạn nhớ Phật, niệm Phật, đều gọi là Tư Duy. Nhất tâm chuyên xưng niệm là Chánh Thọ, sai biệt ở chỗ này. Phóng quang: Trước khi thuyết pháp, Đức Phật thường phóng quang, quang biểu thị ý nghĩa rất sâu. Không chỉ có ý nghĩa biểu thị pháp, mà còn có công đức diệt tội, đoạn Hoặc trong ấy. Như trong Kinh Điền Tịnh Tông, xét theo bản dịch Kinh Di Đà của Huyền Trang Đại Sư, tuy trong Kinh Di Đà bản tiếng Phạn không có chữ “nhất tâm bất loạn”, bản tiếng Phạn ghi là “nhất tâm hệ niệm”, La Thập Đại Sư dịch thành “nhất tâm bất loạn”, nhưng Huyền Trang Đại Sư chẳng nói là Ngài La Thập dịch sai. Bởi lẽ, người Vãng Sanh trong khi Vãng Sanh, Đức Phật đến tiếp dẫn, trước hết là phóng quang chiếu gọi. Khi được Phật phóng quang chiếu gọi, công phu niệm Phật của người ấy liền được tăng lên gấp bội. Do vậy, La Thập Đại Sư dịch thành “nhất tâm bất loạn”, xét theo ý nghĩa thì chẳng sai lầm.

Công phu nhất tâm bất loạn có cạn hay sâu sai khác. Chúng ta niệm Phật, niệm đến khi chế ngự được phiền não thì mới có phần Vãng Sanh. Chẳng thể chế ngự phiền não, sẽ chẳng thể Vãng Sanh. Có thể chế phục phiền não, sẽ cảm ứng đạo giao cùng A Di Đà Phật. Khi tín niệm trọn đủ, Phật đến tiếp dẫn. Khi Phật đến tiếp dẫn, công phu của quý vị sẽ được

nâng cao gấp bội. Do đó, Phật quang có công đức diệt tội và đoạn Hoặc. Đã tăng lên, từ công phu thành phiền tăng lên thành Sự nhất tâm bất loạn, sanh về Tây Phương Cực Lạc Thế Giới như vậy thì nói theo lý luận mới sông được. Người sanh về Cực Lạc có địa vị tương đương với các Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín trong Viên Giáo. Viên Giáo Sơ Tín Vị Bồ Tát đã đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc, nhưng Tư Hoặc còn chưa đoạn, nên Ngài vẫn trụ trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, chưa thể đến cõi Phương Tiện Hữu Dư. Khi nào đoạn sạch tám mươi một phẩm Tư Hoặc thì mới có thể sanh về cõi Phương Tiện Hữu Dư. Do đó, phàm là người Vãng Sanh, dầu là hạ hạ phẩm, được Phật quang chiếu gọi, nói thông thường, địa vị sẽ tương đương với Tiểu Thừa Sơ Quả, hoặc Sơ Tín Vị Bồ Tát trong Đại Thừa Viên Giáo. Ở đây, Đức Phật phóng quang, nói theo phía phu nhân Vi Đề Hy thì cũng có sức mạnh ấy, mà đối với vua Tần Bà Sa La, Phật lực cũng gia trì nhà vua. Nhà vua tinh tấn trong ngục, dụng công tu hành. Gặp phải đại kiếp nạn này, tâm nhà vua tu đạo đặc biệt ân cần, tha thiết, do tâm tu đạo đặc biệt chân thành, nên nhà vua tiến bộ rất nhanh. Phật quang vừa chiếu tới, nhà vua có thể chứng đắc quả A Na Hàm.

**Ở đây, Pháp Sư Đế Nhàn có nói mấy câu giải thích ý nghĩa của Kinh cũng rất hay. Lời chú giải của Ngài bắt đầu từ câu cuối cùng trong dòng thứ hai đếm từ dưới lên nơi trang một trăm hai mươi chín. Câu nói của lão nhân gia được thêm hai chữ “thiết vị” (trộm nghĩ). Câu nào có hai chữ ấy thì kể từ đó là lời của Pháp Sư Đế**

Nhàn. “Phật nhân Tần Bà, quả thực để lạc, thời chí lý chương, cố tiên phóng quang chiếu xúc, linh kỳ xuất phàn lung, nhi thành Thánh quả, huông bỉ tiểu cơ, tự thành tiểu quả” (Đức Phật nhân vì xét thấy vua Tần Bà Sa La quả đã chín, cuống rụng, thời đã đến, lý ắt tỏ rạng, nên trước hết phóng quang chiếu chạm, khiến cho vua thoát khỏi bẫy lồng, thành tự chánh quả. Huông chi nhà vua là căn cơ Tiểu Thừa, nên thành tự Tiểu Quả). Do quốc vương và phu nhân hai người có căn tánh khác nhau, nên tâm tư bọn họ cũng khác nhau. Vua Tần Bà Sa La là căn cơ Tiểu Thừa. Trong đời quá khứ, thời gian nhà vua tu học Tiểu Thừa rất dài, tập khí Tiểu Thừa rất nặng, tuy suốt một đời này thân cận Thế Tôn, vẫn chứng quả Tiểu Thừa. Duyên của nhà vua cũng đã chín muồi! “Bất tử Vi Đề, thị bản Kinh phát khởi nhân, hựu thị đương cơ chúng” (chẳng sánh bằng bà Vi Đề Hy là người phát khởi Kinh này, lại còn là đương cơ chúng). Phu nhân là căn cơ Đại Thừa. Không chỉ là căn cơ Đại Thừa, mà còn là người phát khởi Kinh này, là bậc đương cơ. “Tần Bà nhị sự câu vô, cố linh tiên thoát dã” (Hai chuyện ấy vua Tần Bà đều không có, nên Đức Phật độ cho vua được liễu thoát trước). Quốc vương chẳng phải là đương cơ của Kinh này, mà cũng chẳng phải là người phát khởi, nên vua chứng Tiểu Quả trước!

“Phật ư vị phóng quang tiên, tiên vi tiểu giả, hỷ ư trung, nhi hình ư ngoại, vị xuất thế dữ thế, lưỡng câu bất khả tư nghị dã” (Trước khi Đức Phật phóng quang, trước hết bèn mỉm cười, niềm vui trong lòng được

biểu lộ ra ngoài, có ý nghĩa: Xuất thế gian và thế gian, hai đấng đều chẳng thể nghĩ bàn), nhân duyên này vô cùng chẳng thể nghĩ bàn. “Xuất thế” là đối với chúng sanh căn cơ đã chín muồi, Ngài sắp nói Pháp Môn thành Phật trong một đời, điều này chẳng thể nghĩ bàn. Pháp thế gian là do cuộc chánh biến của vua A Xà Thế trong lần này, đã dẫn khởi nhân duyên như thế, cũng là chẳng thể nghĩ bàn. Tiếp đó, Ngài Đế Nhàn viết: “Tần Bà nhược bất sanh Xà Thế, vị tất hiện sanh, tức thành Thánh quả” (Nếu vua Tần Bà Sa La chẳng sanh ra A Xà Thế, chưa chắc đã thành Thánh quả ngay trong đời hiện tại). Thật vậy, nếu không gặp cảnh ngộ khốn khổ ấy, nhà vua chẳng dụng tâm tu đạo chuyên tâm ngàn ấy. Chẳng chuyên tâm thì chưa chắc đã có thể thành tựu ngay trong một đời. Vì sanh ra một đứa con bất hiếu như thế ấy, đâm ra lại khiến cho chính mình chứng Thánh quả, đây là chuyện chẳng thể nghĩ bàn. “Tức sử hiện sanh đắc thành, diệt vị tất hữu nhược tư chi tốc” (Dẫu cho được thành tựu trong đời này, cũng chưa chắc đã nhanh chóng dường ấy). Cho dù có thể tu thành công trong một đời này, chẳng thể nhanh chóng ngàn ấy, chẳng thể nào trong hiện tại liền chứng quả A Na Hàm. “Xà Thế nhược bất phùng ác hữu” (Nếu A Xà Thế chẳng gặp bạn ác), ý nói nếu A Xà Thế chẳng gặp Đề Bà Đạt Đa, “vị tất tiện hữu sát phụ đồ vương chi niệm” (chưa chắc đã có ý niệm giết cha, đoạt ngôi vua). Nếu Đề Bà Đạt Đa chẳng xúi giục nhà vua, ông ta cũng chẳng dấy lên ý niệm ấy. “Vô thử cực ác chi tâm, đoạn bất tác thử nghịch sự” (Không có tâm cực ác ấy, quyết chẳng làm chuyện ác nghịch này), nhà vua không có tâm ác này, sẽ chẳng làm chuyện xấu xa này. “Dĩ thế gian cực ác chi khổ nhân, trợ

thành xuất thế chứng Thánh chi thiện quả, khởi phi bất khả tư nghị giả du?” (Dùng cái nhân của nỗi khổ cực ác trong thế gian để giúp thành tựu thiện quả xuất thế chứng Thánh, há chẳng phải là không thể nghĩ bàn ư?). Đây là nói nhân nhân quả quả của vua A Xà Thế, Đề Bà Đạt Đa, và vua Tần Bà Sa La chẳng thể nghĩ bàn.

“Tần Bà nhân thân sanh tử, sát phụ đồ vương, do thị trần niệm nhược hôi” (Vua Tần Bà bị con ruột giết cha, đoạt ngôi, do vậy, ý niệm trần tục nguội lạnh như tro tàn), tâm thật sự chán ngán thế gian này tới cùng cực. “Cấp chí quan ư thất trùng thất nội, quốc chánh tiêm giới bất văn, thử thời hoàn tha bồn lai diện mục, kiêm chi dĩ phụng giới, văn pháp, Tam Học tề tu. Thị cô, đoạn Hoặc chứng Chân dã, nghi hỹ” (Cho đến khi bị nhốt trong phòng, sau bảy tầng cửa, chẳng còn nghe chuyện chánh sự mảy may, khi ấy, trở về diện mục sẵn có, lại còn giữ giới, nghe pháp, Tam Học cùng tu. Vì thế, đoạn Hoặc, chứng Chân là chuyện phải nên như vậy). Đây là nói về nhân duyên của quốc vương. Thường ngày, quốc vương bận bịu việc triều chánh, nay bị con trai giam cầm, đúng là hết thầy đều buông xuống, thân tâm thanh tịnh. Gặp phải kiếp nạn này, chẳng còn mảy may lưu luyến cuộc đời, toàn tâm toàn lực tu hành, đây là một Tăng Thượng Duyên rất khó có. Vì thế, cụ Đế Nhàn bảo là “thử thời hoàn tha bồn lai diện mục” (khi ấy, trở về diện mục sẵn có của ông ta). Bồn lai diện mục là gì? Là thân tâm vô sự, vô sự là bồn lai diện mục. Nếu đang vô sự mà tìm tòi đa sự, đó chẳng phải là bồn lai diện mục. Tâm thanh tịnh là bồn lai diện mục, phải luôn ghi nhớ điều này. “Vốn chẳng

có một vật, chỗ nào nhuốm bụi bặm”, đó là bồn lai diện mục. Khi vua Tần Bà Sa La bị giam cầm, đúng là đã khôi phục bồn lai diện mục của chính mình, chẳng bị ràng buộc bởi nhiều chuyện như lúc bình thường. Vì thế, Tam Học của vua tăng thượng, Tam Học là Giới, Định, Huệ. Do đó, vua đoạn Hoặc, chứng Chân.

**“Tần Bà chứng quả, Phật tâm thư sướng, sở dĩ, vi tiểu giả dã”** (Vua Tần Bà chứng quả, tâm Phật vui sướng, cho nên Ngài mỉm cười). Chẳng ngờ vua Tần Bà Sa La do chuyện như vậy, bèn nhanh chóng, tăng tốc độ chứng đắc Tam Quả của Tiểu Thừa. Đó là một nguyên nhân khiến cho Đức Phật mỉm cười. **“Quang hữu ngũ sắc giả, biểu tùng Phật Pháp tánh Ngũ Âm thể thượng, hiển lộ diệu quang, chiếu phá Tần Bà Ngũ Âm, chuyển biến nhi thành ngũ phần Pháp Thân quả dã. Sở dĩ, vương tuy u bế, nhi nội ngoại tâm thân vô bất thư sướng”** (Quang minh có năm màu, biểu thị từ bản thể Ngũ Âm từ trong Pháp Tánh của Đức Phật mà hiển lộ quang minh màu nhiệm, chiếu tan Ngũ Âm của vua Tần Bà, chuyển biến thành cái quả năm phần Pháp Thân, nên vua tuy bị giam kín, nhưng thân tâm trong ngoài không gì chẳng thoải mái, vui sướng). Nhà vua đặc pháp hỷ sung mãn. **“Thất trùng phòng bích, vạn bất năng giá, tuy viết đao kiến, như tại mục tiền. Tác lễ chi khoảnh, tức chứng Tam Quả. Phạm vân A Na Hàm, Hoa ngôn Bất Lai, vị dĩ đoạn Dục Giới cửu phẩm sanh nhân, khả dĩ bất lai hạ giới thọ sanh dã”** (Bảy tầng vách phòng, muôn phần chẳng thể ngăn che. Tuy nói là “nhìn từ xa”, nhưng



giống như trước mắt. Trong khoảnh khắc làm lễ, liền chứng Tam Quả. Tiếng Phạn là A Na Hàm, Hán dịch là Bất Lai, ý nói đã đoạn cái nhân của chín phẩm sanh trong Dục Giới, có thể chẳng còn phải vào thọ sanh trong hạ giới). Tam Quả được gọi là Bất Lai, Bất Lai là chẳng đến trong Dục Giới. Người ấy (người đã chứng Tam Quả) ở nơi đâu? Trụ trong Ngũ Bất Hoàn Thiên của Tứ Thiên. Người ấy đến đó tu hành, đến tu hành trong Ngũ Bất Hoàn Thiên. Chư vị phải hiểu: Đến tu hành trong Ngũ Bất Hoàn Thiên chẳng phải là thân đi, mà là Thần thức đến đó. Quốc vương bị giam cầm ở nơi đây, cũng chẳng có ai cho nhà vua ăn uống, chúng ta thấy quốc vương đã chết đói. Trên thực tế, quốc vương đã đến Ngũ Bất Hoàn Thiên. Đây là Đức Phật độ nhà vua trước. Mục đích giết phụ thân của vua A Xà Thế đã đạt được, nào ngờ cha sanh lên Ngũ Bất Hoàn Thiên, đến cõi Tứ Thiên, đã chứng Thánh quả, chẳng còn mảy may lưu luyện thế gian này.

Những chuyện giống như vậy, phàm phu nhục nhãn chẳng thấy được. Nếu ở đây, Đức Phật chẳng nói rõ, thì cũng chẳng có cách nào biện định vấn đề này: Rốt cuộc là vua đến đó khi còn sống, hay đã chết? Rốt cuộc tình huống là như thế nào? Qua lời giảng giải này, vấn đề ấy liền rành mạch. Tam Quả La Hán, Tam Quả cũng được gọi là La Hán, có đủ năm món Thần thông, nên nhà vua thấy Đức Phật Thuyết pháp cho vương hậu, bèn đánh lễ Phật từ chỗ bị giam, chứng đắc Tam Quả. Nhà vua đã trọn đủ năm món Thần thông.

***Nhĩ thời Thế Tôn cáo Vi Đề Hy.***

*(Khi ấy, đức Thế Tôn bảo Vi Đề Hy).*

Đức Phật độ hai người gần như đồng thời, trong khi phóng quang đã đồng thời gia trì hai người ấy, bảo phu nhân Vi Đề Hy:

***Nhữ kim tri phủ? A Di Đà Phật, khứ thử bất viễn.***

*(Bà có biết không? A Di Đà Phật cách đây chẳng xa).*

Nói về Tây Phương Cực Lạc Thế Giới.

***Nhữ đương hệ niệm, đế quán bỉ quốc. Tịnh nghiệp thành giả, ngã kim vị nhữ quảng thuyết chúng thí, diệt linh vị lai thế nhất thiết phàm phu dục tu Tịnh nghiệp giả, đắc sanh Tây Phương Cực Lạc quốc độ.***

*(Bà hãy nên hệ niệm, quán kỹ cõi ấy, sẽ thành tựu Tịnh nghiệp. Ta nay vì bà nói rộng các thí dụ, cũng khiến cho hết thấy phàm phu muốn tu Tịnh nghiệp trong đời vị lai, được sanh về Tây Phương Cực Lạc quốc độ).*

Đoạn này chỉ rõ công đức khái thỉnh vô lượng vô biên. Trước hết là an ủi, khuyến cáo: Bà đã chọn lựa Di Đà Tịnh Độ, cõi ấy cách nơi này chẳng xa. Phương pháp để mong đến nơi đó, quan trọng nhất là phải “hệ niệm, đế quán bỉ quốc”. “Hệ niệm” là trả lời câu hỏi của bà ta về Tư Duy, “đế quán” là trả lời câu hỏi về Chánh Thọ. Ở đây, tuy chẳng nói cặn kẽ, nhưng đã nói với bà ta thì không chỉ mình bà ta được lợi ích, “diệt linh vị lai thế nhất thiết phàm phu dục tu Tịnh nghiệp giả” (cũng khiến cho hết

thấy phàm phu muốn tu Tịnh nghiệp trong đời vị lai). Nay bà đã chọn Pháp Môn này, người khác trông thấy, nhất định là sẽ ngưỡng mộ, nhất định cũng muốn Vãng Sanh Di Đà Tịnh Độ. Lợi ích đều được dẫn khởi bởi sự chọn lựa của bà, nên công đức lợi ích này quá thù thắng.

**Ở đây, Trí Giả Đại Sư giải thích, vì sao nói “khứ thử bất viễn” (cách đây không xa): “Sớ vân, khứ thử bất viễn giả, Cực Lạc khứ thử thập vạn ức sát” (Sớ rằng: “Cách đây chẳng xa”: Cực Lạc cách Thế Giới này mười vạn ức cõi). Khoảng cách giữa Thế Giới Cực Lạc và Thế Giới Sa Bà là mười vạn ức Phật quốc độ. Một Phật quốc độ là một tam thiên đại thiên Thế Giới; có sao có thể nói khoảng cách mười vạn ức đại thiên Thế Giới giữa hai cõi chẳng xa? Trong lời đáp, có hai ý nghĩa: “Đáp hữu nhị: Nhất dĩ Phật lực cố, dục kiến tức kiến” (Đáp rằng: Có hai nghĩa; một là do Phật lực nên muốn thấy liền thấy). Nay Đức Phật dùng Thần lực, phô bày cõi nước của mười phương chư Phật trước mặt phu nhân Vi Đề Hy, nên chẳng xa, bà ta vừa mới thấy rành mạch, vừa mới trông thấy. Đó là một ý nghĩa. Ý nghĩa thứ hai: “Quang trung hiện độ, hiển ư Phật đảnh, nhất niệm năng duyên, ngôn bất viễn dã” (Trong quang minh hiện cõi nước, hiển hiện trên đỉnh đầu Phật, do một niệm bèn có thể duyên, nên nói chẳng xa). Hằng sa các cõi Phật, Đức Phật đều có thể triển hiện trong Phật quang. Vì thế, tâm chúng ta vừa động một niệm, bèn có thể đạt tới. Nếu nói theo sự tướng thế gian, xác thực là mười vạn ức cõi Phật. Mười vạn ức cõi Phật trong một niệm có thể đạt đến, vậy thì rất cuộc**

**phạm vi có thể đạt đến của một niệm to cỡ nào? Thừa cùng chư vị, có thể đạt đến tận hư không khắp pháp giới. Mười vạn ức cõi nước quá gần, giống như phát ra làn sóng điện, làn sóng điện vừa phát ra sẽ đến tận hư không khắp pháp giới, khoảng cách mười vạn ức địch xác là rất ngắn, chẳng kể như rất dài!**

Do vậy, ý niệm chẳng thể nghĩ bàn, Kinh thường nói: “Niệm kiếp viên dung” (Niệm và kiếp viên dung). Một niệm triển khai thành vô lượng kiếp, vô lượng kiếp rút gọn thành một niệm. Một niệm là vô lượng kiếp, vô lượng kiếp là một niệm. Đây cũng là nói rõ: Thời gian chẳng thật, không gian cũng là giả. Nay chúng ta nói tới thời gian và không gian, trong Phật Pháp, thời gian và không gian là Bất Tương Ứng Hành Pháp. Nói cách khác, chúng là những khái niệm trừu tượng, chẳng thật. Vì y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”, một niệm này chính là tâm thức khởi tác dụng. Vì thế, một niệm có thể biến ra khắp hư không pháp giới, dẫu xa cách mấy, một niệm vẫn đạt tới. Đừng nói Di Đà Tịnh Độ, còn xa hơn Di Đà Tịnh Độ. Vô lượng vô biên Hằng hà sa đại thiên Thế Giới, cũng là một niệm bèn đạt tới, chẳng cần tới hai niệm hay ba niệm, chỉ một niệm bèn đạt tới viên mãn. Do đó nói là “chẳng xa”.

Tiếp đó, lão Pháp Sư Đê Nhân khai thị: “Phật ngôn bất viễn giả, hiển Cực Lạc nãi duy tâm Tịnh Độ, hà viễn chi hữu? Sớ chỉ Phật đánh quang trung Di Đà, cố thị, Phật bất nhất định Di Đà thuyết tại quang trung. Như quả thị quang trung Di Đà, dữ Vi Đề địch diện tương kiến,

Phật diệc bất vấn tri chi dữ phủ? Cứ Phật ý vị, nhĩ tiên ngôn nhạo sanh A Di Đà Phật Cực Lạc Thế Giới, kim cáo Vi Đề Hy ‘nhữ kim tri phủ? A Di Đà Phật Cực Lạc Thế Giới, khứ thử bất viễn’, bất nan Vãng Sanh, chỉ yếu hệ niệm A Di Đà Phật, để quán bỉ Cực Lạc quốc độ” (Đức Phật nói “chẳng xa” nhằm hiển thị Cực Lạc là duy tâm Tịnh Độ, há có xa chi? Lời Sớ nói đến Phật Di Đà ở trong quang minh, cố nhiên là như vậy, nhưng Đức Phật chẳng nhất định nói tới Phật Di Đà ở trong quang minh. Nếu là Phật Di Đà ở trong quang minh thì bà Vi Đề Hy đã thấy ngay trước mặt rồi, Đức Phật cũng chẳng hỏi bà ta có biết hay không! Xét ra, ý Đức Phật là nói: Trước đó, do Vi Đề Hy đã nói “thích sanh về Thế Giới Cực Lạc của A Di Đà Phật”, nay Ngài bảo Vi Đề Hy: “Bà có biết chẳng? Thế Giới Cực Lạc của A Di Đà Phật cách đây chẳng xa, sanh về đó chẳng khó. Chỉ cần hệ niệm A Di Đà Phật, quán chắc thật cõi nước Cực Lạc”). Pháp Sư Đế Nhàn chú trọng hai câu này, hai câu ấy giải thích hết sức thân thiết, quả thật là rõ ràng, đúng chỗ, khẳng định hơn so với lời Sớ của Trí Giả Đại Sư. Nói hay tuyệt! Xa hay gần chẳng phải là chuyện khẩn yếu, chuyện khẩn yếu là đến đó như thế nào, quyết định đến, đó mới là chuyện khẩn yếu! Cụ Đế Nhàn đã căn cứ trên ý nghĩa của Kinh Văn để giải thích: Chỉ cần hệ niệm A Di Đà Phật! Xét theo ý nghĩa trong phần trên, “hệ niệm” là tín nguyện cầu sanh. Tâm cầu sanh hết sức khẩn thiết; đó là hệ niệm. Tâm cầu sanh khẩn thiết, tự nhiên sẽ coi nhạt thế gian này, bất luận đái người tiếp vật trong thế gian này, đối với người, đối với sự, quý vị sẽ chẳng còn so đo, mà cũng chẳng riết róng, vì sao? Nhất tâm nhất ý mong sanh về Thế Giới Cực Lạc, mong lìa bỏ Thế Giới này, há còn có gì

chẳng thể chịu đựng Thế Giới này nữa? Chẳng có! Đó gọi là buông xuống vạn duyên, thật sự buông xuống! Hệ niệm là buông xuống vạn duyên, nhất tâm nhất ý cầu sanh Thế Giới Cực Lạc.

“Đề quán” là nhớ Phật, niệm Phật. Mười sáu phép Quán đã được nói chung thành bốn chữ ấy (nhớ Phật, niệm Phật). Mười lăm phép Quán trước là nhớ Phật, phép Quán cuối cùng là niệm Phật. Đại Thế Chí Bồ Tát đã giảng về nhớ Phật, niệm Phật: “Hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật”. Ta mới hiểu đề quán bao gồm phương pháp tu hành. Phạm vi của ức niệm là y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc Thế Giới. “Hệ niệm tức tư duy, trợ đạo dã. Đề quán, tức quán tưởng, chánh hạnh dã” (Hệ niệm là tư duy, là trợ đạo. Đề quán là quán tưởng, là chánh hạnh). Trì danh niệm Phật thuộc loại Chánh Hạnh, thuộc phạm vi của quán tưởng, thuộc trong phạm vi của mười sáu phép Quán. Vì thế, chư vị phải ghi nhớ: Trì danh chẳng phải là trợ niệm, trì danh là chánh niệm, chẳng phải là trợ đạo, mà là chánh hạnh. “Nhị câu tịnh nghiệp” (Cả hai đều là tịnh nghiệp), hai điều như Đức Phật đã nói đều là tịnh nghiệp. “Chánh trợ hạnh thành, lâm chung quyết định Vãng Sanh, khả vô nghi nhị” (Chánh hạnh và trợ hạnh thành tựu, lâm chung quyết định Vãng Sanh, chẳng còn ngờ vực chi nữa). Chánh tu và trợ tu, chánh trợ song tu, lâm chung quyết định Vãng Sanh, đó là vấn đề chẳng còn có mảy may nghi ngờ chi nữa!

**Tiếp theo đây, Đức Phật dạy chúng ta cách hệ niệm, tức là hệ niệm ba thứ tịnh nghiệp. Chúng ta đọc phần Kinh Văn này một lượt,**

vô cùng quan trọng, đó là tịnh nghiệp chánh nhân của tam thể chư Phật. Vì vậy, tựa đề của khoa này được ghi là “chánh thị Vãng Sanh chánh nhân” (chỉ bày cái nhân chủ yếu để Vãng Sanh). Trong phần này có hai đoạn, đoạn thứ nhất là Chánh Nhân. Vì vậy, phần này vô cùng quan trọng.

*Dục sanh bỉ quốc giả, đương tu tam phước.*

*(Người muốn sanh về cõi ấy, nên tu ba món phước).*

Phàm là người Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, bất luận là người tu hành tích lũy công đức, hoặc là người lâm chung sám hối Vãng Sanh, nhất định trọn đủ ba phước. Sau này, vua A Xà Thế cũng Vãng Sanh Tịnh Độ. Vua giết cha, hại mẹ, có tu “hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự Sư Trưởng” hay không? Thừa cùng chư vị, có chứ! Hiện thời chẳng có, nhưng lâm chung vừa sám hối bèn có, hễ sám hối liền trọn đủ. Nghĩ lại trong quá khứ, thái độ, tâm thái, hành vi đối với cha mẹ thật sự sai lầm, bèn triệt để ăn năn hối lỗi. Vừa ăn năn hối lỗi, phước ấy liền trọn đủ, vì sao? Ông ta chẳng còn dùng tâm thái ấy, dùng hành vi ấy để đối xử với cha mẹ nữa, thật sự sửa đổi. Người Hoa có câu tục ngữ: “Lãng tử hồi đầu kim bất hoán” (Lãng tử quay đầu, vàng chẳng đổi), thật sự triệt để hối cải. Vua A Xà Thế đến khi lâm chung mới hối cải, nên vua ấy phải trọn đủ ba thứ tịnh nghiệp ấy. Chẳng có ba thứ tịnh nghiệp ấy, quyết định chẳng thể Vãng Sanh. Chư vị đồng tu phải ghi nhớ điều này.

**Nay chúng ta bắt hiếu với cha mẹ, bắt kính với Sư Trưởng. “Chẳng sao hết! Học theo vua A Xà Thế, đến khi lâm chung, chúng**



ta mới sám hối Vãng Sanh”. Nếu áp ủ tâm thái ấy, đó gọi là “lươn lẹo, mánh mung”, tâm thái như vậy chắc chắn chẳng thể Vãng Sanh! Vì sao? Khi quý vị lâm chung, chẳng có cơ hội sám hối, tất nhiên đọa lạc. Đức Phật Giáo huấn chúng ta, trước khi chúng ta nghe biết Phật Pháp thì đã tạo tác tội nghiệp, mê hoặc, điên đảo. Sau khi nghe Phật Pháp, nhất là sau khi đã thọ Tam Quy, thọ các giới, nếu lại tạo tác tội nghiệp, tức là tội càng thêm tội. Do đó, bốn giới trọng chẳng thông sám hối, chẳng có cơ hội sám hối, chư vị nhất định phải ghi nhớ điều này. Quyết định chớ nên có tâm lý cầu may, nếu có tâm lý ấy sẽ là lầm lẫn quá đỗi, kể từ hôm nay, hãy bắt đầu nghiêm túc tu học.

Trong ba câu ấy, câu đầu tiên là:

*Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự Sư Trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp.*

(*Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự Sư Trưởng, từ tâm chẳng giết, tu mười thiện nghiệp*).

Phước này gồm bốn chuyện. Điều thứ hai:

*Thọ trì Tam Quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi.*

(*Thọ trì Tam Quy, tròn đủ các giới, chẳng phạm oai nghi*).

Phước này gồm ba chuyện. Điều thứ ba.

*Phát Bồ Đề tâm, thâm tín nhân quả, độc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả.*

*(Phát tâm Bồ Đề, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến khích, sách tấn hành giả).*

Phước này gồm bốn chuyện. Tổng cộng là mười một chuyện. Thứ nhất là phước nhân thiên, trong chú giải nói phước thứ nhất là “cộng phàm phu” (chung với phàm phu), tức là phước báo nhân thiên. Phước thứ hai là “cộng Tiểu Thừa”, thứ ba là “Bồ Tát phước”. Vì thế, ba điều này, mỗi điều sau trội vượt điều trước, điều sau nhất định bao gồm điều trước, điều trước chẳng thể bao hàm điều sau. Nếu nói chi tiết thì tổng cộng mười một câu, câu sau bao quát câu trước, câu trước chẳng thể bao quát câu sau. Nói cách khác, bất hiếu với cha mẹ, chắc chắn chẳng thể “phụng sự Sư Trưởng”, chẳng có lẽ này! Chẳng thể phụng sự Sư Trưởng, nhất định là chẳng có tâm từ bi, chẳng thể có tâm từ bi. Không có tâm từ bi thì làm sao có thể tu mười thiện nghiệp cho được? Chẳng có mười thiện nghiệp, làm sao có thể thọ trì Tam Quy? Người thọ trì Tam Quy chắc chắn viên mãn Thập Thiện. Nhìn từ chỗ này, quý vị biết Tịnh Độ Tông là đạo dễ hành, nhưng thật ra cũng chẳng dễ dàng! Nếu dễ dàng, sẽ là một vạn người niệm Phật, một vạn người đều Vãng Sanh. Có sao thầy Lý thường nói: “Trong một vạn người niệm Phật, chỉ có đôi ba người Vãng Sanh?” Quý vị chú tâm quan sát đôi ba người Vãng Sanh ấy, sẽ thấy họ thật sự làm được, xác thực là làm được Tịnh nghiệp tam phước. Phàm là những kẻ chẳng thể làm được, bề ngoài tuân phục, bên trong chống đối, sẽ chẳng thể Vãng Sanh. Bất luận quý vị là tại gia hay xuất

gia, quý vị mong sanh về Tịnh Độ chẳng dễ dàng đường ấy! Đức Phật đã nói rành rẽ, nhưng bản thân chúng ta chẳng làm theo.

**Ở đây, chúng tôi đơn giản là đọc lời chú giải cho quý vị nghe, đoạn này chẳng cần nói cặn kẽ, vì chúng tôi vừa mới giảng tại giảng đường chưa lâu, tôi nhớ là giảng ba lượt, giảng xong ba điều này. Hy vọng mọi người sẽ tìm băng thâu âm để nghe kỹ càng, vô cùng quan trọng. Đây là mấu chốt để được Vãng Sanh hay không? Không có cơ sở này, làm sao có thể niệm tốt đẹp một câu Phật hiệu cho được? Làm sao có thể niệm tương ứng? Nay chúng ta niệm A Di Đà Phật chẳng tương ứng, càng niệm phiền não càng nhiều, niệm đến cuối cùng chẳng muốn niệm nữa, niệm không nổi. Đó là do thiếu phước. Đây là ba phước, niệm một câu A Di Đà Phật tương ứng, sẽ là người có đại phước báo, như vậy thì mới có thể niệm tương ứng.**

Chúng ta xem dòng thứ hai từ dưới đếm lên trong trang một trăm ba mươi bốn, xem từ câu thứ ba: “Tổng chi, dục tu tịnh nghiệp, phụ mẫu bất năng bất hiếu, Sư Trưởng hợp nghi phụng sự” (Nói chung, muốn tu Tịnh nghiệp, chẳng thể không hiếu thảo với cha mẹ, hãy nên phụng sự Sư Trưởng), “hợp nghi” là hãy nên, “thân khẩu ý nghiệp, bất đắc bất thận” (thân, khẩu, ý nghiệp, chẳng thể không cẩn thận). Từ tâm, Thập Thiện là thân ba điều, khẩu bốn điều, ý ba điều, phải cẩn thận. “Thị phạm phu phạm sở đương hành, cố viết cộng phạm phu” (Là những điều nên hành thuộc vào bốn phạm của phạm phu, nên nói là “cộng phạm phu”). Đây là đức hạnh cơ bản của nhân thiên; chẳng làm được chỗ này thì nói cách

khác, trong đời sau chẳng có tư cách được làm người hay Trời! Đời sau chẳng đến được cõi nhân thiên, sẽ đến nơi đâu? Đương nhiên là vào trong ba ác đạo. Có thể thật sự giữ gìn, làm được bốn câu này, đời sau quyết định chẳng đọa trong ba ác đạo, hưởng phước báo nhân thiên. Chẳng còn tranh cãi chi nữa, cha mẹ có ân dưỡng dục, lẽ đâu chẳng báo? Đối với Sư Trưởng thì có vấn đề, phải chọn lựa vị thầy chúng ta thân cận và bạn bè, cha mẹ chẳng thể tuyển chọn, chẳng có cách nào tuyển chọn, nhưng phải tuyển chọn thiện tri thức chân chánh, thân cận họ, bái họ làm thầy. Bái họ làm thầy thì phải nghe lời, chẳng nghe lời sẽ vô dụng. Phụng sự Sư Trưởng thì quan trọng nhất là y giáo phụng hành; do đó, chọn lựa thầy lại càng phải thận trọng hơn!

Trong Phật môn, vị Sư Phụ ta quy y, vị thầy xuống tóc, vị thầy truyền giới đều chẳng trọng yếu. Đó là “Sư Phụ dẫn vào cửa, tu hành do cá nhân”. Điều này cũng giống như nói người giới thiệu chúng ta vào Phật môn chẳng quan trọng. Quan trọng là gì? Là vị thầy chỉ dạy chúng ta tu hành, trong Phật môn gọi vị thầy ấy là “vị thầy truyền pháp”, người đệ tử ấy được gọi là “pháp tử”. Trong Phật môn, hết sức coi trọng vị thầy này, gọi là “sư thừa”. Ta chẳng quy y với vị ấy, vị ấy cũng chẳng phải là giới Hòa Thượng (Hòa Thượng truyền giới) của ta, điều này chẳng sao cả! Ta theo vị ấy học pháp, vị ấy truyền pháp cho ta, vị ấy chính là Hòa Thượng, là thân giáo sư của ta, điều này trọng yếu! Tu hành tại gia cũng là như thế, nhất định phải chọn lựa thiện tri thức. Thật ra, chọn lựa chẳng được, ai là thiện tri thức chân chánh, chúng ta cũng không nhận biết.

Càng là thiện tri thức chân chánh, quý vị đến cầu Ngài, Ngài càng khiêm hư: “Tôi chẳng có gì để dạy quý vị, chính tôi cũng chưa thể liễu sanh tử!”, càng khiêm hư, càng khách sáo. Kẻ chẳng phải là thiện tri thức sẽ lớn lối: “Ta tu hành công phu tốt đẹp lắm, có thể phóng quang, ta có Thần thông”. Hiện thời thật hay giả chẳng dễ gì phân biệt, vào lúc này thì phải làm sao? Vì thế, tôi thường khuyên đồng tu chúng ta lấy cổ nhân làm thầy, chẳng sai, dùng phương pháp này!

Vị thầy tốt nhất là A Di Đà Phật, há còn sai sao được? Trực tiếp học với A Di Đà Phật. A Di Đà Phật chẳng ở nơi đây, làm thế nào đây? Tịnh Độ Ngũ Kinh chính là giáo huấn của Ngài, nương theo Tịnh Độ Ngũ Kinh để học, quý vị bái A Di Đà Phật làm thầy, bái Thích Ca Mâu

Ni Phật làm thầy, chắc chắn các vị thầy chẳng sai lầm. Nếu nói “giáo huấn của các vị ấy quá sâu, tôi vẫn chưa hiểu”, cạn hơn một chút, gần gũi hơn một chút sẽ là Ấn Quang Đại Sư. Tuy Ấn Quang Đại Sư chẳng tại thế, Văn Sao vẫn còn. Ta mỗi ngày đọc Văn Sao, y giáo phụng hành, Ngài dạy ta làm như thế nào, ta liền làm như thế ấy. Pháp Sư Ấn Quang là thầy của chúng ta, đó là đúng, chẳng sai lầm! Phải khéo chọn thầy, chọn lựa đồng tham đạo hữu, trong một đời này, chúng ta mới có thể đạt được thành tựu.

Xin xem Kinh bốn, trang một trăm ba mươi lăm, hàng thứ nhất. Vừa mở đầu liền nói tiếp những điều đang được nói trong trang trước, tức là nói về bốn câu trong điều thứ nhất của Tam Phước. “Khẳng thận tự dị, bất khẳng tự nan” (Chịu thận trọng thực hiện thì dễ, không chịu sẽ là khó). Vấn đề là chúng ta có chịu thận trọng hay không? Có chịu nghiêm túc thực hiện hay không? Câu dưới đây nhằm giải thích phước thứ hai: “Đạo tục căn bản giới pháp, thượng thả thập nhân cử phạm, thiếu lộ đa tàng, hưởng vi tế hạnh” (Đối với giới pháp căn bản của hàng xuất gia hay kẻ thế tục, lại còn là mười người hết chín kẻ phạm, ít kẻ bộc lộ, phần nhiều giấu diếm, hưởng là các hạnh vi tế), nói về chuyện trì giới.

**Tam Quy là tổng cương lĩnh tu hành, cương lĩnh ấy ở ngay trong tựa đề Kinh Vô Lượng Thọ, chính là Phật, Pháp, Tăng, Giác, Chánh, Tịnh. Trong tựa đề Kinh, thanh tịnh là Tăng Bảo, bình đẳng là Pháp Bảo, giác là Phật Bảo, nên Tam Quy đều ở trong tựa đề Kinh, đây là nguyên lý và nguyên tắc tu hành. Thực hiện từ trì giới, tức là “cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi” (trọn đủ các giới, chẳng phạm oai nghi). Phạm vi của giới luật hết sức rộng. Trong Kinh luận nhà Phật chỉ có thể nói một nguyên tắc, tuy có các hạng mục, nhưng đó là lúc Phật tại thế, trong hoàn cảnh sinh hoạt vào thời đại ấy, đó là các quy tắc mà mọi người ắt phải tuân thủ. Thời đại thay đổi, khu vực địa lý khác nhau, nhưng tinh thần giới luật quyết định chẳng thay đổi. Giới luật là tiêu chuẩn siêu phàm nhập Thánh; nói cách khác, nó vượt trỗi giới hạn quốc gia, vượt trỗi giới hạn dân tộc, thậm**

chí vượt trội giới hạn của các chủng loại trong lục đạo, hết thấy hữu tình chúng sanh đều phải tuân thủ.

Tinh thần giới luật là gì? Nói quy nạp lại, chỉ có hai câu: “Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành”. Đó là tinh thần giới luật. Ác là gì? Thiện là gì? Trong Phật Pháp, nói thật ra, có khá nhiều tiêu chuẩn khác nhau. Hiện thời, tiêu chuẩn khác nhau càng nhiều hơn nữa! Mỗi quốc gia có quan niệm thiện ác khác nhau, nhận biết khác nhau, mỗi địa phương cũng chẳng giống nhau, mỗi thời đại cũng chẳng giống nhau, chúng ta phải hiểu những điều này. Đức Phật chỉ nói nguyên tắc, rốt cuộc, chúng ta là người hiện thời, trong hoàn cảnh sống hiện thời, chúng ta chẳng phải là cổ nhân, mà cũng chẳng phải là người trong tương lai, nên nhất định phải hiểu nguyên tắc, phải tuân thủ tập tục và trào lưu đương thời, tức là đối với những gì mọi người đã quen tôn sùng, đề cao, chúng ta phải tuân thủ. Ý nghĩa chân chánh của giới luật là phải khiến cho ta và đại chúng chung sống hòa thuận, đó là mục đích của giới luật. Hy vọng chính mình đoạn ác, tu thiện, có thể đạt được cái tâm thanh tịnh. Mục tiêu lớn nhất của giới luật là đặc Định: “Nhân Giới sanh Định, nhân Định khai Huệ”. Quý vị phải biết đạo lý này rồi mới hiểu chúng ta phải nên tuân thủ giới luật như thế nào, giúp chúng ta đặc Định, giúp chúng ta buông xuống hết thấy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.

Nhưng giới luật rất khó, khó ở chỗ nào? Từ vô thỉ kiếp tới nay, chúng ta phiền não, tập khí quá nặng, một là phiền não, hai là tà tri tà



kiến, tức là cách nghĩ sai lầm, cách nhìn sai lầm. Một mực như vậy! Dẫu quốc gia ấn định pháp luật rất hay, chúng ta vẫn nghĩ trọn hết mọi phương pháp để kiểm lỗi hồng luật pháp, đó là chẳng tuân thủ luật lệ, chẳng trì giới! Những người ấy đều là những người rất thông minh, có thể kiểm ra lỗi hồng pháp luật, Phật Pháp gọi thông minh kiểu đó là Thế Trí Biện Thông, chẳng phải là trí huệ chân thật. Người có trí huệ chân thật sẽ tuân thủ pháp luật; không chỉ là quyết định chẳng vi phạm những điều khoản được quy định bởi pháp luật, dẫu đối với những điều chẳng có trong văn bản pháp luật, nhưng xã hội, đạo đức chẳng chấp nhận, cũng nhất quyết chẳng vi phạm. Do vậy có thể biết: Trì giới thật khó! Do đó nói: “Đạo tục căn bản giới pháp”, “đạo” là người xuất gia, “tục” là kẻ tại gia. Giới pháp căn bản là gì? Ngũ Giới. Ngũ Giới là giới pháp căn bản. Có thể nói: Tinh thần của giới pháp căn bản không chỉ vĩnh viễn chẳng thay đổi, mà giới điều cũng là vĩnh viễn không thay đổi. Những giới luật khác, có thể do thời gian, do địa điểm mà tu chỉnh, sửa đổi thành Thanh Quy như người Hoa thường nói, tức là công ước thường trụ, đều thuộc loại giới luật được hiện đại hóa; nhưng năm điều trong Ngũ Giới chẳng thể sửa đổi, vì sao? Đến bất cứ nơi nào trên Thế Giới, trong bất cứ thời đại nào, cũng đều có thể nói thông suốt, nếu có khác biệt thì tối đa là phạm vi giải thích rộng hay hẹp, sâu hay cạn sai khác. Vì thế, Ngũ Giới từ Sơ Phát Tâm cho đến Đẳng Giác Bồ Tát đều bất biến, đúng là giới pháp căn bản.

“Thượng thả thập nhân cứu phạm” (Lại còn mười người hết chín kẻ phạm), thật đấy! Mấy ai có thể trì Ngũ Giới tốt đẹp? Tỳ Kheo Giới, Bồ Tát Giới đều là hình thức! Dường như chẳng thọ Bồ Tát Giới thì địa vị của ta trong Phật Giáo sẽ thấp hơn người khác một bậc, ta không phải là Bồ Tát, họ đều là Bồ Tát. Đó là chấp vào tướng danh lợi, hiệu danh, ham lợi. Người thật sự trì giới, luôn tâm niệm giữ Ngũ Giới tốt đẹp sẽ là phi phạm! Vì thế, trong Kinh Vô Lượng Thọ, từ chương ba mươi ba đến chương ba mươi bảy, quý vị chú tâm quan sát đôi chút, sẽ thấy Đức Phật giảng về Ngũ Giới, Thập Thiện. Chúng ta có thể thực hiện tốt đẹp những giáo huấn ấy, Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới quyết định chẳng có vấn đề gì. Đại giới rõ rệt như vậy mà còn làm không được, hưởng gì những giới hạnh vi tế? “Hựu hưởng tam thiên oai nghi, Tỳ Kheo ngũ thiên thất tụ, cộng nhị bách ngũ thập điều, trì phạm, giai y hành, trụ, tọa, ngọa tứ nghi, mỗi nghi cụ nhị bách ngũ thập, tứ cộng thành thiên, lịch tam thế, thành tam thiên dã” (Hưởng hồ lại còn có ba ngàn oai nghi, năm thiên, bảy tụ, tổng cộng là hai trăm năm mươi điều, giữ, phạm, đều nương theo bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi, mỗi oai nghi có đủ hai trăm năm mươi điều, do bốn oai nghi nhân với hai trăm năm mươi điều ấy, nên tổng cộng thành một ngàn điều, trải qua ba đời nên một ngàn điều trong mỗi đời nhân với ba đời thành ba ngàn oai nghi). Do quá khứ, hiện tại, tương lai, nên gọi là “ba ngàn oai nghi”, mấy ai có thể làm được? Ngẫu Ích Đại Sư nói, Ngẫu Ích Đại Sư sống vào những năm cuối triều Minh, lão nhân gia Viên Tịch vào thời đầu nhà Thanh. Vì thế, nay chúng ta thấy trong sách của Ngài có chỗ ghi là nhà Minh, có chỗ ghi là nhà

Thanh, Ngài đều có thể viết như vậy được, vì đã trải qua hai triều đại. Ngài nghiên cứu giới luật rất kỹ, gần giống như Hoằng Nhất Đại Sư trong thời cận đại cũng nghiên cứu giới luật rất kỹ. Ngài nói: “Tại Trung Hoa, từ triều đại Nam Tống trở về sau chẳng có Tỳ Kheo”. Tỳ Kheo đã chẳng có, lấy đâu ra Tỳ Kheo Giới? Thật sự trở thành một vị Tỳ Kheo, mức độ tối thiểu phải là có năm vị Tỳ Kheo thật sự truyền giới thì quý vị mới có thể đắc giới. Một Tỳ Kheo còn chẳng có! Do vậy có thể biết: Truyền giới chỉ có hình thức, chẳng có thực chất. Về thực chất là chẳng có, chỉ có hình thức, nhìn bề ngoài thì vẫn có.

Cận đại, Hoằng Nhất Đại Sư càng nói rõ rệt hơn. Ngài trụ tại Mân Nam một thời gian rất lâu, trụ tại Mân Nam Phật Học Viện thuộc Chùa Nam Phổ Đà ở Hạ Môn. Quý vị thấy trong lời khai thị tại Phật Học Viện, Ngài đã nói rất thấu triệt: Có cần phải thọ giới hay không? Phải thọ! Thọ giới, nhưng trong tâm chính mình phải hiểu rõ, quyết định là chẳng thể đắc giới, chỉ là thọ trên hình thức mà thôi! Vì sao là thọ giới trên hình thức? Để người thế tục khỏi phê bình: “Anh là loại người tăng chẳng ra tăng, tục chẳng ra tục”, người ta hủy báng! Vì thế, thọ giới trên hình thức. Đồng thời, đã thọ giới hình thức thì chính mình phải nghiên cứu giới luật kỹ càng, hiểu rõ một điều bèn giữ một điều, đó là thọ giới chân chánh. Vì lẽ đó, giới đàn là hình thức, người xuất gia và giới đàn đều là hình thức, hưởng hồ tại gia? Càng phải hiểu điều này rõ hơn. Thuở tôi học Phật, khi thân cận Chương Gia Đại Sư, Chương Gia Đại Sư hết sức coi trọng trì giới. Lão nhân gia dạy tôi: “Trì giới là anh làm được một điều, bèn gọi là

trì một điều”. Ngài chẳng khuyên tôi nơi nào có truyền giới, anh hãy đến đó thọ giới, chẳng có! Ngài dạy tôi hãy tuân thủ, làm theo. Hễ làm được một điều, tức là anh đã thật sự thọ giới điều ấy. Có thể thấy: Những bậc thiện tri thức thật sự sẽ trọng thực chất, chẳng coi trọng hình thức. Hình thức chẳng khẩn yếu, thực chất mới là khẩn yếu.

Vì lẽ đó, “ngôn bất phạm, thành phi dị dị” (Nói chẳng phạm, thật sự không dễ dàng), chẳng phạm giới thật sự không dễ dàng. Đặc biệt là giới Tiểu Thừa, giới Tiểu Thừa hoàn toàn kết tội theo sự tướng, rất khó! Thừa cùng chư vị, giới Đại Thừa lại càng chẳng dễ dàng. Giới Đại Thừa kết tội từ khởi tâm động niệm, còn rắc rối và khó khăn hơn Tiểu Thừa. Đối với Tiểu Thừa, ta chỉ cần làm trên hình thức là được, đã được coi là thật sự trì giới rồi, Đại Thừa xét theo khởi tâm động niệm. Vì thế, giới Đại Thừa nhìn bề ngoài là phóng khoáng, bất luận là xét theo tư tưởng, kiến giải, hay hành trì đều là phóng khoáng; Tiểu Thừa là câu nệ, dè dặt, bảo thủ, hết sức bảo thủ. Hai loại hình thái hoàn toàn bất đồng; nhưng Đại Thừa phóng khoáng mà tâm địa thanh tịnh vượt trội Tiểu Thừa. Nói cách khác, Đức Phật chủ trương phóng khoáng, tự do, tự tại, chẳng câu nệ, chẳng bó buộc. Đức Phật cũng đề xướng tự do, bình đẳng, hoàn toàn giống như yêu cầu dân chủ tự do trong hiện tại. Hiện thời, chúng ta chỉ nói đến dân chủ, tự do, chẳng nói đến thanh tịnh, đáng sợ quá! Do chẳng nói đến chuyện thân tâm thanh tịnh, nên trong tự do bình đẳng có khá nhiều tệ nạn. Tự do, bình đẳng, dân chủ trong

**nhà Phật được kiến lập trên cơ sở thân tâm thanh tịnh, khác hẳn! Chúng được kiến lập trên cơ sở trí huệ ở một mức độ cao. Do vậy, họ tự tại, chẳng trở ngại người khác tự tại; đó mới là tự tại thật sự. Ta bình đẳng chẳng trở ngại người khác bình đẳng, hết thấy chúng sanh đều bình đẳng.**

**Vì thế, trong tâm mục của người hiện thời, truy tìm dân chủ, tự do, bình đẳng, trong Phật môn thật sự có những thứ ấy. Những thứ ấy ở đâu ra? Ất cần phải đặt vững cơ sở Tiểu Thừa. Phật Giáo truyền đến Trung Hoa, nói thật thà thì Kinh luận Tiểu Thừa được truyền đến Trung Hoa khá hoàn chỉnh. A Hàm Bộ trong Đại Tạng Kinh tiếng Hán sai khác tạng Kinh Nikaya bằng tiếng Ba Lợi (Pāli) rất ít, gần như toàn bộ Kinh Điển Tiểu Thừa đều được phiên dịch sang tiếng Hán. Nhưng Tiểu Thừa giáo chỉ thịnh hành trong một thời gian ngắn vào thời Tùy - Đường; về sau, chẳng còn nữa, nguyên nhân là đâu? Nguyên nhân là đã bị Nho gia và Đạo gia của Trung Hoa thay thế. Quý vị đọc sách của Khổng Tử và Lão Trang đã đủ để tốt đẹp vẹn toàn như pháp Tiểu Thừa. Vì vậy, người học Phật tại Trung Hoa trước kia do đều có cơ sở Nho và Đạo đã được vun bồi rất tốt đẹp, nên chẳng cần phải tốn thời gian học giáo pháp Tiểu Thừa, mà trực tiếp tiến nhập Đại Thừa.**

Nhưng cho đến gần đây nhất, một trăm năm qua đáng thương lắm, giáo pháp Tiểu Thừa đã sớm bị bỏ mất, chẳng hưng khởi nữa. Nếu quý vị đọc Kinh Tiểu Thừa, người bình phàm đều coi thường quý vị. Sách Nho

gia cũng chẳng đọc, sách Đạo gia cũng vứt bỏ, cứ như vậy mà trực tiếp học Đại Thừa, đã không có nền tảng, tu pháp Đại Thừa bằng cách nào? Tu suốt một đời, vẫn chẳng thể thành tựu. Quý vị nói xem: Như vậy thì làm sao được? Đây là một vấn đề khó khăn nhất trong chuyện học Phật ngày nay. Nay chúng ta có cần phải đặt vững cơ sở nơi Tiểu Thừa hay không? Đối với người Hoa mà nói, thật ra chẳng cần, vì sao? Người Hoa đọc Kinh Tiểu Thừa, chẳng bằng đọc Tứ Thư, Ngũ Kinh, Thập Tam Kinh của Nho gia, chẳng bằng đọc những thứ ấy. Đó là những thứ của người Hoa, nên họ đọc các tác phẩm ấy sẽ đích xác là thuận tiện, dễ đọc, học dễ dàng! Kinh Điển Tiểu Thừa dịch từ Phạn văn ra, nhiều khi dịch không khéo, chẳng lưu loát, trôi chảy như Kinh Đại Thừa, nên Kinh Tiểu Thừa chẳng dễ đọc. Chúng ta phải biết điều này.

Sau khi đã biết, chúng ta mới biết từ nay trở đi nên đi theo con đường nào. Thật sự học Phật, nói thật thà, chẳng thể không đọc Tứ Thư, vì sao? Thay cho Tiểu Thừa. Đương nhiên có thể đọc Ngũ Kinh thì càng tốt hơn, nói đến Ngũ Kinh thì phân lượng quá nhiều, ta chẳng có cách nào thọ trì. Nếu ít hơn Ngũ Kinh thì ít tới mức chẳng thể nào ít hơn được nữa, chính là Tứ Thư. Đây là bộ sách dành cho người đọc sách tại Trung Hoa do Châu Hy đã chọn ra từ khá nhiều Kinh Điển. Ý tưởng chọn lựa của ông ta rất viên mãn. Trong Tứ Thư có lý luận, có phương pháp, lại còn kèm theo biểu diễn. Nói thật ra, chúng tôi chỉ có thể suy đoán, đoán mò mà thôi, vì chẳng tìm được chứng cứ, tôi chẳng nghiên cứu về ông Châu, chẳng hiểu rõ cuộc đời của ông ta cho lắm. Ông ta biên tập Tứ

Thư, có nhận thức rất giống với Kinh Hoa Nghiêm. Có phải là do ông ta đọc Hoa Nghiêm mà được linh cảm hay không thì tôi chẳng biết, nhưng cách thức biên tập rất giống Kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm có lý luận, có phương pháp, lại còn kèm thêm biểu diễn. Phần đầu Kinh Hoa Nghiêm giảng về lý luận, phẩm Ly Thế Gian giảng về phương pháp tu hành. Phẩm Nhập Pháp Giới là Thiện Tài đồng tử và năm mươi ba vị thiện tri thức nêu gương cho chúng ta thấy, hoàn toàn biểu hiện lý luận và phương pháp trong cuộc sống hiện tại, giống như diễn tuồng, diễn luyện cho chúng ta xem. Vì thế, sự giáo học như vậy đúng là đã đạt tới viên mãn cùng cực.

Tứ Thư giống như thế đó. Trung Dung là lý luận, Đại Học là phương pháp, sách Luận Ngữ của Khổng lão phu tử và Mạnh Tử giống như Thiện Tài đồng tử và năm mươi ba vị thiện tri thức. Quý vị thấy: Ứng dụng lý luận và phương pháp của Đại Học và Trung Dung vào cuộc sống, ứng dụng trong xử sự, đãi người, tiếp vật như thế nào? Nói cách khác, Khổng lão phu tử làm được, Mạnh Tử làm được. Hai người ấy gần giống như Thiện Tài đồng tử biểu diễn cho chúng ta thấy, làm điển hình, nêu gương cho người Hoa. Người Hoa cần phải giống như thế nào? Khổng Tử là người Hoa, Mạnh Tử là người Hoa. Người Hoa học làm một người Hoa đúng nghĩa thì phải lấy Mạnh Tử, Khổng Tử làm khuôn phép, học giống như họ. Nói thật ra, đức hạnh của họ chẳng kém Tiểu Thừa, trí huệ vượt trội Tiểu Thừa, trí huệ và tâm lượng đều vượt trội Tiểu Thừa, hết sức gần với Đại Thừa. Vì vậy, từ Nho nhập Phật, so với từ Tiểu



Thừa nhập Phật, tiến nhập Đại Thừa hay hơn quá nhiều. Do đó, chẳng thể không đọc Tứ Thư, không có cơ sở này sẽ chẳng được. Chính mình tu hành còn phải có cơ sở này, huống là hoằng pháp lợi sanh, phải giảng giải Phật Pháp cho người khác, quý vị thiếu cơ sở này thì làm sao được?

Tôi dạy học tại Mỹ, ước định bảy môn học, bảy môn học ấy mức độ thấp nhất là phải học thuộc lòng. Trong bảy môn học ấy có Tứ Thư, phải học thuộc. Chẳng thể thuộc, sẽ không có tư cách giảng Kinh. Trong bảy môn học của tôi, Kinh gồm có bốn loại là Kinh Vô Lượng Thọ, Di Đà Kinh Yếu Giải, Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm, A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung Kinh, đây là một bộ Kinh Tiểu Thừa. Kinh gồm ba bộ Đại Thừa, một bộ Tiểu Thừa. Ba loại khác là Liễu Phàm Tứ Huấn, Cảm Ứng Thiên và Tứ Thư. Tôi chọn bảy loại này, nếu chẳng thể học nhuần nhuyễn bảy thứ này, chẳng có tư cách giảng Kinh. Chính quý vị tu hành thì chẳng cần nhiều như vậy, chọn lấy một loại trong Kinh Điển, nhưng phải đọc Tứ Thư, thuộc hay không chẳng sao hết. Nếu phát tâm hoằng pháp lợi sanh, bảy loại này là cơ bản, tôi cũng đã chọn tối thiểu rồi, không thể nào ít hơn được nữa, chẳng có cách nào ít hơn, do đã hạ thấp tiêu chuẩn đến mức độ thấp nhất. Các đồng tu phải thật sự biết điều này, nếu thật sự muốn phát Bồ Đề tâm hoằng pháp lợi sanh, phải thật sự dốc hết tánh mạng để làm. Tiếp đó, sách Sớ Sao Diễn Nghĩa viết: “Phát Bồ Đề, tín nhân quả, tụng Đại Thừa, giai tự lợi, duy khuyến tấn cú, thị lợi tha. Nhị lợi cụ bị, cố thị Đại Thừa” (Phát Bồ Đề, tín nhân quả, tụng Đại Thừa đều là tự lợi, chỉ có câu “khuyến tấn hành giả” là lợi tha. Hai điều

lợi (tự lợi và lợi tha) trọn đủ, cố nhiên là Đại Thừa). Khi giới thiệu Sớ Sao, chúng tôi đã nói với các vị đồng tu ý nghĩa này. Chúng ta lại xem phần sau là phần Kết Thán, Kinh Văn ở ngay sau đó.

***Phật cáo Vi Đề Hy: “Nhữ kim tri phủ? Thử tam chủng nghiệp, nãi thị quá khứ, vị lai, hiện tại tam thế chư Phật tịnh nghiệp chánh nhân.***

*(Phật bảo Vi Đề Hy: “Nay bà có biết chăng? Ba nghiệp ấy chính là tịnh nghiệp chánh nhân của quá khứ, vị lai, hiện tại tam thế chư Phật”).*

Cần phải ghi nhớ đoạn Kinh Văn này. Chúng ta có muốn thành Phật hay không? Muốn thành Phật thì nhất định phải tu mười một câu trên đây, nhất định phải tu, phải nghiêm túc tu Tam Phước, không tu sẽ chẳng thành Phật. Quá khứ Phật, vị lai Phật, hiện tại Phật, chẳng có vị Phật nào không tuân thủ nguyên tắc này. Nói cách khác, chẳng có vị Phật nào là ngoại lệ, có vị nào không tu những điều này mà thành tựu hay không? Chẳng có! Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới là thành Phật, nên người Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, bất luận là tích đức Vãng Sanh, hay sám tội Vãng Sanh, cũng phải trọn đủ ba phước ấy. Chẳng đầy đủ ba phước, nay quý vị niệm Phật, niệm A Di Đà Phật, chỉ có thể nói là kết pháp duyên, đời này chẳng thể Vãng Sanh. Muốn Vãng Sanh trong một đời này, phải ghi nhớ điều này, phải y giáo phụng hành.

Trong phần sau của lời chú giải, Đệ Nhàn Đại Sư có dặn dò chúng ta mấy câu cũng rất quan trọng, hãy xem từ nửa đoạn nơi dòng thứ hai trong trang một trăm ba mươi sáu. “Thiệt vị” (Trộm cho rằng), hễ mở đầu

bằng chữ “thiết vị” thì chính là lời của Đế Nhân Đại Sư. “Tam chủng ký vân chư Phật chánh nhân, cụ kiến chư Phật” (Đã nói ba điều ấy là chánh nhân của chư Phật, đủ thấy chư Phật), “cụ” là cụ thể, chúng ta có thể thấy hết thấy chư Phật, “bất cần tu Đại Thừa, tức tiểu Thánh phàm phu chi hạnh, diệc sở đương hành dã” (không chỉ tu Đại Thừa, dầu là hạnh của tiểu Thánh hay phàm phu cũng đều nên hành). Mười một câu trên đây, chẳng có ai là không y giáo phụng hành, nghiêm túc tu học, như vậy thì mới có thể thành tựu. Nay chúng ta chẳng cần hai đoạn trước, ta đọc thấy “phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả”, chỉ cần điều này, có thành tựu được chăng? Giống như một tòa cao ốc, chẳng cần hai tầng dưới, ta muốn xây tầng thứ ba mà thôi, quý vị xây bằng cách nào? Cách nghĩ ấy gọi là tà tri tà kiến, chẳng biết tu từ căn bản! Phát Bồ Đề tâm kiểu đó thì Bồ Đề tâm mà quý vị đã phát là giả trá! Thật sự phát Bồ Đề tâm, phải thực hiện từ hiếu thuận cha mẹ, đó là thật sự giác ngộ, triệt để giác ngộ.

**Do vậy, Phật Pháp, đặc biệt là Đại Thừa Phật Pháp, được kiến lập trên cơ sở hiếu đạo. Giáo học của Nho gia cũng được kiến lập trên cơ sở hiếu đạo. Vì thế, có thể biết: Giáo học thế gian và xuất thế gian đều lấy hiếu đạo làm căn bản. Nay chúng ta nói giáo dục thất bại, thất bại ở chỗ nào? Thiếu căn bản! Trong nhà trường chẳng dạy hiếu đạo, đó là giáo dục triệt để thất bại. Con người chẳng hiếu thảo với cha mẹ, sẽ chẳng thể tôn trọng thầy. Chẳng hiếu thảo với cha mẹ, chẳng tôn trọng thầy, chắc chắn sẽ không trung với quốc gia, chẳng yêu thương dân chúng, chẳng thể nào! Sau khi học thành sẽ như thế**

nào? Tự tư tự lợi. Ai nấy đều cầu lợi ích cho bản thân, lẽ đâu quốc gia và xã hội chẳng loạn? Đôi bên tranh giành lợi lộc. Giáo dục xưa kia là bỏ mình vì người, cầu gì? Cầu xã hội an hòa, lợi lạc, cầu điều này, chẳng cầu vì cá nhân, nhấn mạnh “hy sinh mình vì người khác”. Gia tộc xưa kia là đại gia tộc, hiện thời là tiểu gia đình. Trong đại gia tộc, quan niệm luân lý, đạo đức vô cùng trọng yếu. Chẳng có điều ấy, sẽ không thể duy trì, gia tộc ấy sẽ rối loạn. Do hiện thời những chuyện này đều bị bỏ sạch, đã bị bỏ sạch thì làm sao? Chỉ có duy nhất tiểu gia đình. Tiểu gia đình vẫn có vấn đề, vấn đề ở chỗ nào? Quý vị thấy trong xã hội tỷ lệ ly hôn bao nhiêu? Nếu quý vị hỏi do nguyên nhân nào ư? Chẳng có giáo dục! Chẳng biết mối quan hệ giữa con người với nhau! Vợ chồng có quan hệ gì? Cha con có quan hệ gì? Anh em có quan hệ gì? Thấy đều không có. Ta có lợi, ta có tiền, chỉ thấy mối quan hệ ấy. Trừ danh lợi ra, những thứ khác đều chẳng đáng quan tâm, đáng sợ quá! Đáng ngán lắm, đáng kinh hãi quá! Chỉ mưu cầu lợi! Vì thế, đây là chỗ thất bại triệt để trong giáo dục.

Nhưng giáo dục đã phạm sai lầm ngàn ấy năm, nay mọi người đều chẳng giác ngộ, cứ tưởng sự phát triển trong hiện thời là bình thường, không biết quay đầu; cứ nghĩ quay đầu là lạc hậu, là giáo dục phong kiến. Do đó, nhất định là có đại tai nạn. Sau khi đại tai nạn đã xảy ra, người ta sẽ suy nghĩ cẩn thận, nghĩ xem nguyên nhân nào khiến cho tai nạn phát sanh? Lại đi tìm cội rễ, tìm đến cuối cùng,

vẫn thấy giáo dục của cổ nhân là đúng. Trong đại tai nạn ấy, người trên Thế Giới chết từ một nửa đến hai phần ba, con người mới giác ngộ, mới tỉnh ngộ. Không có tai nạn như vậy, sẽ mê hoặc, điên đảo, vĩnh viễn chẳng thể quay đầu. Trong những lãnh tụ trên Thế Giới hiện thời, tôi rất bội phục ông Lý Quang Diệu, Lý Quang Diệu có tầm nhìn xa. Do vậy, tại Tân Gia Ba, trong trường học, học trò phải học cổ thư Trung Hoa, học Phật học. Nhà trường có môn học về Phật học. Chúng tôi chỉ nghe nói ông ta tán thán văn hóa cổ hữu của Trung Hoa. Tôi nghe các đồng tu Tân Gia Ba kể: Ông Lý Quang Diệu từng nói trên TV và radio, ông ta rất nuối tiếc là chính mình được giáo dục theo kiểu Anh. Ông ta nói nếu mình được giáo dục theo cách giáo dục truyền thống của Trung Hoa, thành tích chánh trị của Tân Gia Ba hiện thời phải vượt xa rất nhiều lần. Đây cũng là từng hứng chịu nỗi đau thâm về mặt giáo dục, quay lại phản tỉnh, có chút nhận thức nền văn hóa Trung Hoa.

Vì thế, đoạn văn này là phần vô cùng quan trọng trong bộ Kinh; trong mười sáu phép Quán, phép Quán thứ mười sáu là Trì Danh, nắm được hai đoạn ấy, quý vị sẽ đạt được toàn bộ công đức và lợi ích. Chúng ta lại xem phần Kinh Văn tiếp theo:

*Phật cáo A Nan cập Vi Đề Hy: “Đế thính! Đế thính! Thiện tu niệm chi, Như Lai kim giả vị vị lai thế nhất thiết chúng sanh, vị phiền não tặc chi sở hại giả, thuyết thanh tịnh nghiệp. Thiện tai Vi Đề Hy, khoái vấn thử sự”.*

*(Đức Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: “Lắng nghe! Lắng nghe! Hãy khéo nghĩ nhớ, Như Lai nay sẽ vì hết thấy chúng sanh là những kẻ bị giặc phiền não làm hại trong đời vị lai mà nói nghiệp thanh tịnh. Lành thay Vi Đề Hy, khéo hỏi chuyện này).*

Khởi đầu, đương cơ phát khởi của Kinh này là Tôn Giả Vi Đề Hy. Phật lại gọi cả Ngài A Nan bảo hãy lắng nghe, Ngài A Nan có quan hệ gì với Kinh này? Ngài A Nan có quan hệ rất lớn, vì sao? Vì Kinh này được nói trong hoàng cung, Đức Phật nói Kinh này, đệ tử Phật chỉ có hai người được nghe. Các đệ tử thường tùy gồm một ngàn hai trăm năm mươi người chẳng nghe, họ ở núi Linh Thứu, chẳng theo đến, nên không được nghe. Nhưng qua phân khai Kinh, chúng ta thấy các Ngài đều được nghe, được nghe như thế nào? Ở đây, Đức Phật bảo Ngài A Nan phải nghe kỹ, quay về, sẽ đem những gì ta đã nói bảo với họ, nên các Ngài đều được nghe. Đây là nguyên nhân khiến Đức Phật gọi Ngài A Nan ở chỗ này, đó là một nguyên nhân.

Nguyên nhân thứ hai, trong tương lai, Ngài A Nan kết tập Kinh Tạng, là người truyền pháp, nên Ngài nhất định phải nghe kỹ càng. Vì thế, đối với hai người theo Ngài đến đây, Ngài chẳng gọi Ngài Mục Kiền Liên lắng nghe, mà bảo A Nan lắng nghe, “thiện tư niệm chi” (hãy khéo nghĩ nhớ). Ở đây, Đức Phật Thuyết pháp cũng là “vị vị lai thế nhất thiết chúng sanh” (vì hết thấy chúng sanh trong đời vị lai), muốn tu tịnh nghiệp, hy vọng Vãng Sanh Tịnh Độ. Pháp Môn này hữu ích rất lớn, có thể khiến cho hết thấy chúng sanh ai nấy được mãn nguyện. Cuối cùng

lại hết sức tán thán phu nhân Vi Đề Hy: Bà hỏi rất hay! Do câu hỏi này của bà, chẳng biết bao nhiêu người được lợi ích!

**Chúng ta xem lời giải thích của lão Hòa Thượng Đế Nhân, trong trang một trăm ba mươi bảy, hàng thứ nhất, xem từ câu cuối cùng: “Thiết vị, tường Như Lai ý” (Trộm cho rằng: Xét kỹ ý Như Lai), quan sát tỉ mỉ, cẩn thận ý nghĩa trong lời dạy của Thích Ca Mâu Ni Phật. “Tam chủng tịnh nghiệp, chuyên vị mạng thế chúng sanh nhi thuyết” (Ba thứ Tịnh nghiệp chuyên vì chúng sanh đời Mạt Pháp mà nói). Cụ Đế Nhân cho rằng: Ba thứ Tịnh nghiệp được đặc biệt nhấn mạnh đối với chúng sanh trong thời kỳ Mạt Pháp, vì sao? Quả thật, như trong phước thứ nhất, lúc Đức Phật chưa xuất hiện tại Trung Hoa, Nho gia đã làm được. Nay chúng ta vứt bỏ giáo dục của Nho gia, nên mới cảm thấy mấy câu này của Đức Phật quan trọng, xưa kia, mọi người đọc đến điều này đều làm được. Học giáo pháp Tiểu Thừa, “thọ trì Tam Quy, cù túc chúng giới, bất phạm oai nghi” (thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi), họ cũng đều rất thật thà làm được. Vì thế, trong thuở ấy, Đức Phật đặc biệt nhấn mạnh pháp Bồ Tát. Đức Phật đặc biệt nêu ra ba điều này, quả thật nhằm đối trị chúng sanh trong thời Mạt Pháp, Mạt Pháp rất khổ! Như chúng ta hiện đang gặp nạn này, thật sự rất khổ, chẳng hề có tiền lệ trong lịch sử. Lịch sử xưa nay, trong ngoài nước chưa hề có tình trạng này. Đừng thấy hiện thời khoa học kỹ thuật phát triển, Đài Loan giàu có dường ấy mà lầm, hãy mở sử sách ra xem, sẽ thấy**



hiện thời đau khổ và bần cùng hơn bất cứ thời đại nào. Bần là gì? Chẳng có trí huệ; Tiện là chẳng có địa vị, trong xã hội, chẳng có ai tôn trọng quý vị. Trước kia làm quan thì ghê gớm lắm, dân chúng ai chẳng kính sợ quý vị? Vừa cung kính, vừa sợ hãi. Nay thì ngay cả Tổng Thống còn có kẻ chỉ vào mặt mắng nhiếc, quý vị thấy đúng là chẳng ra thể thống chi cả! Trước kia, hành chánh viện trưởng (thủ tướng), huyện thị trưởng ghê gớm lắm, nay đi ra ngoài, ai quan tâm tới? Ngay cả những kẻ bán hàng rong trên phố trông thấy họ còn chẳng thèm ngó tới. Thiên hạ đại loạn, toàn thể xã hội mất trật tự, trật tự xã hội bị hủy mất, đáng sợ quá!

Lễ đã băng hoại, lễ là cao thấp, tôn ty có trật tự; hiện thời, lễ đã băng hoại, thiên hạ đại loạn. Thuở sinh tiền, Lão Tử dạy học đã nói: “Đạo thất nhi hậu hữu đức” (Đạo đã mất, nhưng hãy còn đức). Đạo đã mất, nhưng còn có đức để duy trì. “Đức thất nhi hậu nhân, nhân thất nhi hậu nghĩa, nghĩa thất nhi hậu lễ” (Đức đã mất hãy còn nhân, nhân đã mất hãy còn nghĩa, nghĩa đã mất thì hãy còn lễ). Lễ là cuối cùng, là tầng cấp thấp nhất. Lễ mất luôn thì thiên hạ đại loạn. Sau thời Khổng Tử, nói thật ra, mỗi triều đại đều bảo vệ lễ, mãi cho đến những năm cuối triều Mãn Thanh. Trong giáo dục, quốc gia hết sức coi trọng lễ, nên có khi giáo dục được gọi là “lễ giáo”, cũng là có đạo lý. Tới đầu thời Dân Quốc, các sinh viên sang du học ngoại quốc, cho rằng ngoại quốc tự do, bình đẳng, còn lễ giáo Trung Hoa quá sức bó buộc con người, lễ giáo là lễ giáo “ăn thịt người”, muốn đả đảo nó.

Do đã đã đảo, nên mới có kết cục như hiện thời. Đảng Cộng Sản thống trị Trung Hoa Đại Lục, xã hội hiện thời động loạn như vậy, đều là kết cục sau khi lễ giáo băng hoại. Tuy giàu, giàu mà chẳng vui, tâm chẳng thể an, thật sự chẳng được vui sướng. Nói cách khác, vật chất chẳng thiếu thốn, nhưng tinh thần hết sức trống trải. Cuộc sống thiếu tinh thần khổ lắm! Chúng ta quan sát cận kề, chú tâm phản tỉnh, phải tìm ra cái gốc bệnh. Chẳng thể cứu xã hội thì tối thiểu là phải cứu chính mình, phải khiến cho cuộc sống tinh thần của chính mình được sung mãn. Để sung mãn cuộc sống tinh thần của chính mình, không gì bằng đọc sách Khổng Mạnh, đọc Đại Thừa Phật Pháp rồi mới cảm thấy sống một đời này còn có chút ý nghĩa, cuộc đời vẫn có chút ý nghĩa, có chút giá trị. Nếu chẳng đọc sách Khổng Mạnh, không đọc Đại Thừa Phật Pháp, luống uổng đời này, đời người chẳng có ý nghĩa, không có giá trị. Có tiền, nhưng đáng bao nhiêu tiền? Chẳng đáng giá! Chúng ta phải chú ý, phải lưu ý những chỗ này. Ở đây, hiểu dụng ý thuyết pháp của Đức Phật, chính là vì người trong thời đại hiện tại này mà nói, nên ở đây đặc biệt nhấn mạnh ba thứ Tịnh nghiệp.

“Dĩ diệt hậu chúng sanh, chướng đại tặc cường, Pháp Thân huệ mạng yếu thương, bất hữu tam chủng Tịnh nghiệp, thù năng bảo nhậm, cố vân vị vị lai thế đẳng” (Do chúng sanh sau khi Đức Phật diệt độ, chướng to, giặc phiền não mạnh mẽ, Pháp Thân huệ mạng gần như đoạn tuyệt, nếu chẳng có ba thứ Tịnh nghiệp, ai có thể đảm

**bảo. Do đó, nói “vì đời vị lai” v.v...).** Nói rất hay, trình bày hết sức rõ ràng, hết sức minh bạch. Sau khi Đức Phật diệt độ, tại Trung Hoa, Khổng phu tử đã khuất, ít có kẻ chánh tri chánh kiến! “Chướng đại, tặc cường”: Chướng là nghiệp chướng, Tặc là phiền não. Phiền não ngày càng nặng, nghiệp chướng cũng ngày càng sâu. “Pháp Thân huệ mạng yếu thương”: Pháp Thân huệ mạng gần như đoạn tuyệt. Học Phật, phải mong thành Phật, phải mong Vãng Sanh, Vãng Sanh thành Phật chính là Pháp Thân huệ mạng, làm thế nào để duy trì Pháp Thân huệ mạng? Sử dụng ba thứ tịnh nghiệp này. Do đó, không chỉ là tu Tịnh Độ nhất định phải tuân thủ ba thứ Tịnh nghiệp, mà tu học Đại Thừa Phật Pháp, bất luận là tông nào, bất luận Pháp Môn nào, nếu không ra sức thực hiện từ mười một câu ấy, có thể đoán quyết người ấy chẳng thể thành công. Bản thân chúng ta tu học cũng giống như vậy, niệm Phật cũng thế, mà tham Thiền cũng thế, trì chú cũng thế, bất luận quý vị tu Pháp Môn nào, chẳng làm được mười một câu này, có thể nói là sự tu học của quý vị chỉ tu được một chút si phước nhân thiên mà thôi. Nói si phước nhân thiên là rất cung kính quý vị, chứ nói không chừng quý vị phải vào ba ác đạo để hưởng một chút si phước ấy. Ác đạo cũng có trường hợp rất có phước, súc sanh đạo có phước, chúng tôi đã thấy rất nhiều. Quý vị thấy người ngoại quốc nuôi những con vật cung, chúng thật sự có phước! Chủ nhân hầu hạ nó chẳng thiếu một điều nhỏ nhặt nào, chết đi còn được chôn ở phần mộ chung, chủ nhân còn thường đến chăm

hoa, còn đến thương tiếc chúng, đúng là có phước! Những súc sanh ấy đều là kẻ đời trước niệm Phật tu hành.

Chúng ta lại xem đoạn Kinh Văn kể tiếp:

***A Nan! Nhữ đương thọ trì.***

*(A Nan! Ông hãy nên thọ trì).*

Câu này rất quan trọng! Quý vị thấy mỗi đoạn đều đặc biệt gọi A Nan, Thích Ca Mâu Ni Phật vẫn chưa chỉ dạy, mà đã đặc biệt bảo A Nan “nhữ đương thọ trì”.

***Quảng vị đa chúng tuyên thuyết Phật ngữ.***

*(Rộng vì nhiều người tuyên nói lời Phật).*

Dặn dò Ngài A Nan phải truyền pháp.

***Như Lai kim giả, giáo Vi Đề Hy cập vị lai thế nhất thiết chúng sanh, quán w Tây Phương Cực Lạc Thế Giới. Dĩ Phật lực cố, đương đắc kiến bỉ thanh tịnh quốc độ, như chấp minh kính, tự kiến diện tượng, kiến bỉ quốc độ cực diệu lạc sự, tâm hoan hỷ cố, ứng thời tức đắc Vô Sanh Pháp Nhân.***

*(Như Lai nay sẽ dạy Vi Đề Hy và hết thầy chúng sanh trong đời vị lai quán Tây Phương Cực Lạc Thế Giới. Do Phật lực, sẽ thấy cõi nước thanh tịnh ấy, như cầm gương sáng tự thấy vẻ mặt. Thấy các sự vui tột bậc màu nhiệm trong cõi ấy, do tâm hoan hỷ, nên ngay khi đó, đắc Vô Sanh Pháp Nhân).*

Đặc biệt phó chúc Tôn Giả A Nan thọ trì, hoằng dương và tiếp nhận Pháp Môn này, tu học Pháp Môn này sẽ đạt được công đức và lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Đoạn văn này chứng tỏ bộ Kinh này là Viên Đốn đại giáo, vì hành nhân sẽ chứng Vô Sanh Pháp Nhân chẳng tuân theo thứ tự, ngay lập tức bèn chứng đắc, nên thuộc loại Đốn Giáo, có cùng một ý nghĩa với “hoặc một ngày cho đến bảy ngày nhất tâm bất loạn” trong Kinh Di Đà. Người tu hành dùng cái tâm chân thành của chính mình để cầu sanh Tịnh Độ, chứng sanh có cảm, Phật bèn có ứng. Khi Phật ứng, Phật có thể hiện thân, chứng minh cho quý vị, hiện tướng lành, đó gọi là “hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật”. Ở đây nói là “dĩ Phật lực cố, đương đắc kiến bỉ thanh tịnh quốc độ, như chấp minh kính, tự kiến diện tượng” (do Phật lực nên sẽ thấy cõi nước thanh tịnh ấy, như cầm gương sáng tự thấy vẻ mặt). Đây là thấy trước khi được Vãng Sanh. Giống như Huệ Viễn Đại Sư trong quá khứ, trong một đời, lão nhân gia đã thấy Tây Phương Cực Lạc Thế Giới ba lần, trông thấy trạng huống giống hệt như trong Kinh dạy.

Thuở Viễn Công tại thế, Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật còn chưa được dịch ra, Kinh A Di Đà cũng chưa phiên dịch, lão nhân gia căn cứ Kinh Vô Lượng Thọ, chỉ có Kinh Vô Lượng Thọ. Trong Tịnh Độ Tam Kinh, Kinh Vô Lượng Thọ được truyền đến Trung Hoa sớm nhất. Thuở ấy, Viễn Công Đại Sư nương theo một bộ Kinh để tu trì, thành lập Liên Xã ở Lư Sơn, Tịnh Độ Tông được thành lập tại đó. Những người chí đồng đạo hợp, chuyên tu Tịnh Độ cầu Vãng Sanh Thế Giới Cực Lạc. Một

trăm hai mươi ba người niệm Phật ở Lư Sơn. Lão nhân gia ba lượt thấy Tịnh Độ, Kinh Lăng Nghiêm nói là “hiện tiền thấy Phật”, Ngài thấy Phật ngay trong hiện tiền. Trong quá khứ, người niệm Phật hoặc là trong Định, hoặc trong niệm Phật đường, hoặc trong khi chính mình đang tu học, đi, đứng, nằm, ngồi, thấy Thánh tượng A Di Đà Phật, thấy ao báu trong Thế Giới Tây Phương, thấy y báo và chánh báo trang nghiêm của Thế Giới Tây Phương, những chuyện này được ghi chép rất nhiều. Thời cận đại, ít người trông thấy hơn. Thời cận đại như tôi biết, tại Cự Kim Sơn, Cư sĩ Cam Quý Huệ trong khi niệm Phật thấy hoa sen, trên hoa sen có đề tên ông ta, tương ứng với điều Kinh đã nói. Đó là Phật dùng Thần lực chứng minh cho quý vị. Quý vị tu hành đến một mức độ kha khá, bèn hiện tướng chứng minh cho quý vị hồng tăng cường tín tâm.

Chúng ta tu trì chẳng thấy tướng tốt lành; nói cách khác, Phật biết quý vị chưa đủ mức. Nếu Phật hiện tướng ấy, quý vị sẽ phát cuồng! Vừa thấy tướng lành ấy, bèn tự cảm thấy ta ghê gớm lắm, kiêu căng, ngã mạn: “Ta tu hành đã thành tựu. Các người xem đó, các người chẳng có công phu, nên đều chẳng trông thấy”. Người ấy liền phát cuồng, phát cuồng là phiền não sanh khởi, tâm thanh tịnh ngay lập tức mất đi. Khi cổ nhân trông thấy tướng lành, thấy mà như không thấy, không chỉ hoàn toàn chẳng động tâm, mà cũng chẳng kể với ai. Đến khi nào sẽ nói với người khác? Khi người ấy Vãng Sanh, mọi người đưa người ấy đi Vãng Sanh, người ấy kể cho mọi người biết kinh nghiệm khi trước. Như Viễn Công lúc sắp Vãng Sanh bèn bảo các đồng tu: “Ta lại thấy cảnh giới Tây

Phương. Trong quá khứ, từng thấy hai lần, nay lại trông thấy, ta sắp đi rồi”. Khi đó mới tuyên bố, trước nay chưa hề kể cảnh giới với người khác. Nay vừa thấy đôi chút, ngay cả khi chỉ thấy một chút phượng phát, đã vội vã đi khắp nơi tuyên dương, cứ sợ kẻ khác chẳng biết, còn phải viết thành sách. Quý vị nói xem, còn làm sao được nữa? Thậm chí còn có kẻ chẳng thấy, nhưng sợ người ta nói chính mình chẳng có công phu, vẫn muốn lừa gạt kẻ khác, bịa chuyện ta thấy này thấy nọ! Gạt người, bịa chuyện đơm đặt! Chuyện này tại Trung Hoa lẫn ngoại quốc quá phổ biến, quá nhiều!

**Hễ nghe thấy, quý vị phải chú ý, quyết định là giả, quyết định chẳng thể là thật, vì sao? Nếu là thật, lẽ nào người ấy chịu khinh dể nói với quý vị. Chẳng thể nào khinh thường, dễ dãi nói cho quý vị biết. Thật sự gặp cảnh giới ấy thì có thể nói với ai? Đại đa số là nói với thầy mình, xin thầy ấn chứng. Đối với đồng tham đạo hữu bình thường cũng chẳng nói, làm sao chịu tuyên bố với đại chúng cho được? Hễ tuyên bố cùng đại chúng, nhất định là đơm đặt, bịa chuyện, không gì chẳng nhằm cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, nay nói là “đánh bóng tên tuổi”. Dùng phương pháp ấy để đánh bóng tên tuổi, lừa gạt hết thấy chúng sanh, chắc chắn chẳng thể tin cậy được, chúng ta phải biết điều này! Vô Sanh Pháp Nhãn là gì? Lần sau chúng ta sẽ lại nghiên cứu.**